

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA CƠ SỞ

**“KHAI THÁC MỎ CÁT XÂY DỰNG
ĐOẠN SUỐI BỒ HUM”**

**ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN: XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU,
TỈNH TÂY NINH.**

TÂY NINH, NĂM 2025

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ

**“KHAI THÁC MỎ CÁT XÂY DỰNG
ĐOẠN SUỐI BÒ HUM”**

**ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN: XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU,
TỈNH TÂY NINH.**

CHỦ DỰ ÁN

**CÔNG TY TNHH KHAI THÁC
CÁT LIÊN HOÀNG**



Ngô Thanh Hưng

ĐƠN VI TƯ VẤN:

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG &
MÔI TRƯỜNG LÊ NGUYỄN**



Nguyễn Đức Phương

TÂY NINH, NĂM 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	vi
DANH MỤC CÁC BẢNG	vii
DANH MỤC CÁC HÌNH	viii
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH CƠ SỞ	9
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	19
1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ	19
1.2. TÊN CƠ SỞ	19
1.2.1. Địa chỉ cơ sở	19
1.2.1.1. Vị trí khai trường khai thác	19
1.2.1.2. Vị trí khu vực bãi tập kết cát	21
1.2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có)	23
1.2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, các loại giấy phép môi trường (nếu có)	23
1.2.4. Quy mô của cơ sở (nêu rõ quy mô của cơ sở có tiêu chí như dự án quy định tại Điều 25 Nghị định này):	23
1.2.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này	23
1.2.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:.....	24
1.2.7. Phân nhóm dự án đầu tư	24
1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ	24
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	24
1.3.1.1. Quy mô công suất	24
1.3.1.2. Diện tích đất sử dụng.....	25
1.3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở	26
1.3.2.1. Trình tự khai thác	26
1.3.2.2. Hệ thống khai thác	27
1.3.2.3. Công nghệ khai thác	27
1.3.2.4. Tuổi thọ mỏ	31
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở	31
1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ	32
1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu	32

1.4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu.....	32
1.4.3. Nhu cầu sử dụng điện.....	33
1.4.4. Nhu cầu sử dụng nước.....	33
1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	36
1.5.1. Khả năng lưu chứa cát tại khu vực bãi tập kết.....	36
1.5.2. Danh sách máy móc thiết bị	36
1.5.3. Nhu cầu sử dụng lao động.....	37
1.5.4. Tổ chức quản lý và vận hành Cơ sở.....	38
1.5.5. Tổng vốn đầu tư	38
1.5.6. Đặc điểm tự nhiên	39
1.5.7. Đặc điểm địa chất mỏ.....	39
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	42
2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG....	42
2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	43
2.2.1. Đối với nguồn tiếp nhận nước thải của Cơ sở.....	43
2.2.2. Đối với môi trường không khí	44
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	45
3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI.....	45
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	45
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	46
3.1.2.1. Lưu lượng nước thải phát sinh tại Cơ sở.....	46
3.1.2.2. Công trình thu gom, thoát nước thải	47
3.1.3. Xử lý nước thải.....	49
3.1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt.....	49
3.1.3.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất.....	50
3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI	53
3.2.1. Biện pháp xử lý bụi, khí thải tại khu vực khai thác	53
3.2.2. Biện pháp xử lý bụi, khí thải khu vực bãi tập kết cát	53
3.2.3. Biện pháp xử lý bụi, khí thải tại tuyến đường vận chuyển	54

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG.....	54
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	54
3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	55
3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI	56
3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.....	58
3.5.1. Tại khai trường khai thác.....	58
3.5.2. Tại bãi tập kết	59
3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	59
3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....	59
3.6.2. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động.....	61
3.6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở, sụt lún bờ hồ	62
3.6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu tại khu vực khai thác và bãi tập kết cát.....	64
3.6.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với kho chứa chất thải nguy hại	66
3.7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC	66
3.7.1. Biện pháp giảm thiểu tác động xói lở, bồi lắng đường bờ, sâm thực, an toàn đê điều	66
3.7.2. Biện pháp giảm thiểu đến hệ sinh thái, cảnh quan	67
3.7.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm độ đục trong khai thác.....	68
3.7.4. Biện pháp giảm thiểu tác động đến tuyến đường giao thông.....	69
3.7.5. Biện pháp giảm thiểu tác động kinh tế - xã hội.....	69
3.8. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (NẾU CÓ)	70
3.9. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC	73
3.9.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường	73
3.9.1.1. Các công tác cải tạo, phục hồi môi trường.....	73
3.9.1.2. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường	73
3.9.1.3. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường	74
3.9.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.....	75
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	76

4.1.	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	76
4.1.1.	Nội dung cấp phép đối với nước thải.....	76
4.1.2.	Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải.....	76
4.1.3.	Lưu lượng xả thải.....	76
4.1.4.	Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.....	77
4.1.5.	Kế hoạch vận hành thử nghiệm:.....	78
4.1.6.	Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:.....	78
4.2.	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI	79
4.3.	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.....	79
4.3.1.	Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	79
4.3.2.	Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:	79
4.3.3.	Giá trị, giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung.....	79
4.3.4.	Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:	80
4.4.	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI CHẤT THẢI RẮN VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI.....	80
4.4.1.	Nguồn phát sinh và khối lượng chất thải sinh hoạt đề nghị cấp phép	80
4.4.2.	Nguồn phát sinh và khối lượng chất thải rắn thông thường đề nghị cấp phép	81
4.4.3.	Nguồn phát sinh và khối lượng chất thải nguy hại đề nghị cấp phép	81
4.4.4.	Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:.....	81
4.4.5.	Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	82
	CHƯƠNG V KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	84
5.1.	THÔNG TIN CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	84
5.1.1.	Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	84
5.1.2.	Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường của Chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền.	84
5.2.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI.....	84
5.2.1.	Tình trạng và kết quả hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục của từng năm:	84
5.2.2.	Các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:	84

2.2.3. Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải:	85
2.2.4. Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải:	85
5.3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI	85
5.4. TÌNH HÌNH PHÁT SINH, XỬ LÝ CHẤT THẢI	85
5.5. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	85
CHƯƠNG VI KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	86
6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI	86
6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT	86
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	86
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	87
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.....	87
6.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM	88
CHƯƠNG VII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	89

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BNNMT	:	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
BXD	:	Bộ Xây dựng
BYT	:	Bộ Y tế
BOD	:	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	:	Bê tông cốt thép
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
CTRCNTT	:	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTRSH	:	Chất thải rắn sinh hoạt
CP	:	Cổ phần
HTTN	:	Hệ thống thoát nước
HTTNM	:	Hệ thống thoát nước mưa
HTTNT	:	Hệ thống thoát nước thải
HTXLNT	:	Hệ thống xử lý nước thải
NTSH	:	Nước thải sinh hoạt
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
TCXDVN	:	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCVSLĐ	:	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	:	Ủy ban nhân dân
WHO	:	Tổ chức y tế thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1: Tọa độ các điểm mốc ranh giới khu vực khai trường khai thác	19
Bảng 1.2: Tọa độ các điểm mốc ranh giới khu vực bãi tập kết cát.....	21
Bảng 1.3: Công suất hoạt động của Cơ sở từ khi bắt đầu khai thác cho đến ngày 31/12/2024	25
Bảng 1.4: Diện tích đất sử dụng của Cơ sở.....	25
Bảng 1.5: Các thông số cơ bản của hệ thống khai thác	27
Bảng 1.6: Thời gian khai thác còn lại của Cơ sở	31
Bảng 1.7: Sản phẩm của Cơ sở	31
Bảng 1.8: Nhu cầu sử dụng nhiên liệu của Cơ sở	32
Bảng 1.9: Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở.....	34
Bảng 1.10: Bảng cân bằng nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở.....	36
Bảng 1.11: Bảng tổng hợp thiết bị chính phục vụ khai thác tại Cơ sở	36
Bảng 1.12: Biên chế lao động tại Cơ sở.....	37
Bảng 1.13: Trữ lượng địa chất trước khi khai thác	40
Bảng 1.14: Tổng hợp các chỉ tiêu chủ yếu về biên giới khai trường mỏ.....	41
Bảng 3.1: Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở	46
Bảng 3.2: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải từ quá trình bơm hút cát lên bãi tập kết.....	52
Bảng 3.3: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở	55
Bảng 3.4: Khối lượng bùn đất nạo vét hằng năm tại 3 hồ lắng	55
Bảng 3.5: Danh mục CTRCNTT phát sinh thực tế tại Cơ sở	56
Bảng 3.6: Danh mục CTNH phát sinh thực tế tại Cơ sở.....	57
Bảng 3.7: Quy chuẩn về tiếng ồn áp dụng tại Cơ sở.....	59
Bảng 3.8: Quy chuẩn về độ rung áp dụng tại Cơ sở	59
Bảng 3.9: Các nội dung thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được cơ quan chức năng phê duyệt.....	71
Bảng 3.10: Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường của Cơ sở	73
Bảng 3.11: Số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường	74
Bảng 6.1: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	88

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1: Vị trí khu vực khai thác.....	20
Hình 1.2: Vị trí khu vực bãi tập kết cát.....	21
Hình 1.3: Vị trí khu vực khai thác và khu vực bãi tập kết cát của Cơ sở.....	22
Hình 1.4: Sơ đồ công nghệ khai thác cát xây dựng.....	28
Hình 1.5: Sơ đồ công nghệ khai khác	29
Hình 1.6: Sơ đồ tổ chức của Cơ sở.....	38
Hình 3.1: Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Cơ sở	45
Hình 3.2: Sơ đồ thu gom, thoát nước thải sinh hoạt.....	48
Hình 3.3: Sơ đồ thu gom, thoát nước thải từ quá trình bơm hút cát lên bãi tập kết.....	48
Hình 3.4: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	50
Hình 3.5: Quy trình xử lý nước thải từ quá trình bơm hút cát lên bãi tập kết.....	51
Hình 3.6: Quy trình ứng phó sự cố sạt lở, sụt lún bờ hồ	63
Hình 3.7: Quy trình ứng phó sự cố tràn dầu.....	65
Hình 3.8: Sơ đồ phương pháp xả ngầm.....	68

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH CƠ SỞ

A. TÓM TẮT VỀ XUẤT XỨ, HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA CƠ SỞ

Hiện nay với tốc độ tăng trưởng kinh tế và đô thị hóa trên cả nước nói chung, khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam nói riêng, gồm: Tp. Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Bình Dương và khu vực miền Tây Nam Bộ phát triển với tốc độ cao. Nhu cầu về phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng kéo theo nhu cầu vật liệu xây dựng tăng nhanh trong đó có cát xây dựng.

Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 3901202624, đăng ký lần đầu ngày 27/03/2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 15/06/2020 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Tháng 8/2015, Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng được Công ty TNHH thương mại dịch vụ Bình An chuyển nhượng kết quả thăm dò trữ lượng khoáng sản tại mỏ cát xây dựng suối Bò Hum thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo hợp đồng chuyển nhượng số 09/2015/HĐKT ngày 7/8/2015.

Trước khi tiến hành chuyển nhượng kết quả thăm dò trữ lượng cho Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng, Công ty TNHH thương mại dịch vụ Bình An đã được cơ quan chức năng phê duyệt các hồ sơ sau:

- Giấy phép thăm dò khoáng sản số 2510/GP-UBND ngày 02/12/2009 của UBND tỉnh Tây Ninh. Vị trí thăm dò tại đoạn suối Bò Hum thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, diện tích khu vực thăm dò là 90 ha.
- Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 07/05/2010 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kết quả thăm dò trữ lượng khoáng sản, kết quả như sau:
 - + Loại sản phẩm: cát xây dựng;
 - + Trữ lượng địa chất cát xây dựng cấp 122 (tính đến tháng 4/2010) là: 1.293.323 m³;
 - + Trữ lượng cát xây dựng có thể huy động vào khai thác cấp 122 (tính đến tháng 4/2010) là: 1.065.080 m³.
- Giấy phép khai thác khoáng sản số 680/GP-UBND ngày 29/3/2011 của UBND tỉnh Tây Ninh. Cho phép Công ty TNHH thương mại dịch vụ Bình An hoạt động khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường cát xây dựng tại suối Bò Hum, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh như sau:
 - + Diện tích khu vực khai thác: 54,2 ha;
 - + Trữ lượng khai thác: 1.065.080 m³;
 - + Công suất khai thác: 41.000 m³/năm;
 - + Thời gian khai thác: 5 năm, kể từ ngày được cấp giấy phép.
- Sau khi được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, Công ty thương mại dịch vụ Bình An gặp khó khăn về kinh tế nên không tiến hành khai thác cát tại mỏ cát xây dựng suối Bò Hum. Vì vậy, UBND tỉnh Tây Ninh đã ra Quyết

định số 1319/QĐ-UBND ngày 15/6/2015 về việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản số 680/GP-UBND ngày 29/3/2011 của UBND tỉnh Tây Ninh.

- Ngày 7/8/2015, Công ty TNHH thương mại dịch vụ Bình An đã ký hợp đồng kinh tế số 09/2015/HĐKT về việc chuyển nhượng thông tin kết quả thăm dò khoáng sản mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum, thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cho Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng (nay là Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng).

Tháng 11/2015, Công ty đã tiến hành lập thủ tục xin phép UBND tỉnh Tây Ninh để được sử dụng kết quả thăm dò trữ lượng khoáng sản cát xây dựng đoạn suối Bò Hum thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Bình An để tiếp tục thực hiện các hồ sơ khai thác khoáng sản. Và đã được UBND tỉnh Tây Ninh chấp thuận theo văn bản số 3475/UBND-KTN ngày 20/11/2015.

Sau đó, Công ty cũng tiến hành thuê đơn vị có chức năng để thực hiện lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật cho dự án khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum nộp lên Sở Công Thương để xin ý kiến. Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật của dự án đã được Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh cho ý kiến theo văn bản số 2298/YKTK-SCT ngày 08/12/2015.

Cùng thời điểm đó, Công ty đã tiến hành lập kế hoạch bảo vệ môi trường cho dự án "Khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum" với mục tiêu, quy mô khai thác cát xây dựng công suất 41.000 m³/năm nộp lên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh). Dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 5265/STNMT-CCBVMT ngày 24/11/2015.

Tháng 02/2016, Công ty được UBND tỉnh Tây Ninh cấp Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 24/02/2016 về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum, thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, công suất 41.000 m³/năm thuộc Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng thực hiện (nay là Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng).

- Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Cơ sở đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt gồm:
 - + *Giai đoạn 1*: Trồng cây xanh xung quanh khu vực lán trại, cắm cọc quan trắc đường bờ, lắp đặt biển báo, duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển.
 - + *Giai đoạn 2*: San gạt làm sạch mặt bằng, trồng cây xanh dọc 2 bờ suối, tháo dỡ các công trình phụ trợ, duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển và thực hiện các nội dung khác theo đúng trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường.
- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 304.805.316 đồng (*ba trăm lẻ bốn triệu, tám trăm lẻ năm nghìn, ba trăm mười sáu đồng*). Số lần ký quỹ 26,5 lần.
- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh.

Tháng 07/2016, Công ty được UBND tỉnh Tây Ninh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 1816/GP-UBND ngày 07/07/2016, cho phép Công ty được khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, với quy mô công suất như sau:

- Diện tích khu vực khai thác: 54,2 ha;
- Phương pháp khai thác: lộ thiên;
- Trữ lượng địa chất của mỏ: 1.293.323 m³;
- Trữ lượng khai thác của mỏ: 1.065.080 m³;
- Công suất khai thác: 41.000 m³/năm (nguyên khối);
- Thời gian khai thác: 27 năm, kể từ ngày ký giấy phép (trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 0,5 năm, thời gian khai thác là 26 năm, thời gian đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường là 0,5 năm).

Năm 2017, Công ty bắt đầu đi vào hoạt động khai thác.

Đến năm 2019, Công ty ngừng hoạt động khai thác cho đến nay.

➤ **Hiện trạng khai thác của Dự án:**

Hiện tại, Công ty vẫn chưa đi vào hoạt động khai thác trở lại.

- Căn cứ theo báo cáo thống kê, kiểm tra trữ lượng khoáng sản năm 2024 của Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng, thì tổng sản lượng đã khai thác và trữ lượng khoáng sản còn lại tính đến ngày 31/12/2024 là:
 - + Trữ lượng khoáng sản đã khai thác năm 2017 là 44.296 m³ và năm 2018 là 13.500 m³. Tổng trữ lượng khoáng sản đã khai thác là 51.374 m³ nguyên khối tương đương 57.796 m³ nguyên khai (hệ số nở rời 1,125).
 - + Tổng trữ lượng khoáng sản còn lại là 1.013.706 m³ nguyên khối tương đương 1.140.419 m³ nguyên khai (hệ số nở rời 1,125).
- Số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường (tính đến ngày 31/12/2024):
 - + Số tiền đã đóng: 53.425.000 đồng (đã bao gồm yếu tố trượt giá);
 - + Số tiền còn lại phải đóng: 259.084.519 đồng (chưa bao gồm yếu tố trượt giá).

Trong quá trình hoạt động, Công ty được cơ quan chức năng cấp các giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và bến thủy nội địa như sau:

- Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 80/GP-TCTL-PCTTr ngày 23/02/2021 do Tổng cục Thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp (nay là Cục Quản lý và Xây dựng công trình Thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường).
- Quyết định số 11/QĐ-SGTVT ngày 20/01/2022 của Sở Giao thông vận tải về việc công bố lại hoạt động bến thủy nội địa.

Tuân thủ theo Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Công ty tiến hành lập hồ sơ báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường như sau:

Mục tiêu, quy mô đề xuất cấp phép: Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng thực hiện đề xuất xin cấp phép môi trường cho Cơ sở **“Khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum”** thuộc địa phận xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh với mục tiêu, quy mô:

- Diện tích khu vực khai thác: 54,2 ha.
- Diện tích khu vực bãi tập kết: 40.957,5 m².
- Mục tiêu: khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường (cát xây dựng).
- Tổng công suất khai thác: 41.000 m³ nguyên khối/năm tương đương 46.125 m³ nguyên khai/năm (hệ số nở rời là 1,125).

Căn cứ vào loại hình sản xuất kinh doanh, mục tiêu quy mô và vốn đầu tư của Dự án, ta xét Dự án theo các cơ sở pháp lý sau:

☞ Căn cứ theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định về danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường → Dự án không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

☞ Căn cứ theo mục số 8, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường: “Dự án khai thác khoáng sản (trừ dự án đầu tư xây dựng công trình có hoạt động thu hồi khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực thực hiện dự án, dự án nạo vét có hoạt động kết hợp thu hồi khoáng sản khu vực thực hiện dự án); dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác, sử dụng tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” → Dự án được phân loại thuộc **Nhóm II** dựa trên tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư theo quy định tại Điều 28 của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

☞ Căn cứ Khoản 2, Điều 39 của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 quy định đối tượng phải có Giấy phép môi trường: “Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này”.

☞ Căn cứ điểm a, khoản 3, điều 41 của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 quy định thẩm quyền cấp giấy phép môi trường dự án **“Khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum”** thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Do đó, Công ty tiến hành lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho Cơ sở **“Khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum”** theo mẫu báo cáo đề xuất tại **Phụ lục X “Mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động”** ban hành kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

B. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

B.1. Căn cứ Luật

- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.
- Luật địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2024.
- Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 19/6/2017.
- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 15/06/2004.
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17/06/2014.
- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 27/11/2023.
- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 13/11/2008.
- Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020.
- Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 18/01/2024.
- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 55/2024/QH15 ngày 29/11/2024 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2024.
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/06/2014.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020.
- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/06/2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 15/06/2015.
- Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2024.

B2. Nghị quyết

- Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.
- Nghị quyết số 40/2023/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ về việc xử lý vướng mắc về quản lý, khai thác và bảo vệ hồ chứa thủy lợi quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.
- Nghị quyết số 10/NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng, chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Nghị quyết số 883/NQ - CP ngày 22/07/2022 của Chính phủ về việc ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng, chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Nghị quyết số 63/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về việc quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

B.2. Nghị định

- Nghị định số 08/2022NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ Quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.
- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
- Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04/09/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.
- Nghị định 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
- Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.
- Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/05/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.
- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Nghị định 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước về tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 17/05/2024 của Bộ Xây dựng nghị định về thoát nước và xử lý nước thải.
- Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học.
- Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa.
- Nghị định số 45/2022/NĐ – CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

B.3. Thông tư

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.
- Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31 tháng 03 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái.
- Thông tư số 02/2024/TT-BTNMT ngày 22 tháng 04 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp.
- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.
- Văn bản số 01/VBHN-BTNMT ngày 19 tháng 03 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trình tự thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thông tư số 41/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 05 năm 2024 của Bộ tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 05 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên.
- Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn.
- Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng, chế độ báo cáo của công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng.
- Thông tư số 39/2024/TT-BTNMT ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác khai thác công trình và lấy mẫu tại các công trình khai đào trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản.
- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.
- Thông tư số 21/2013/TTLT-BGTVT-BTNMT ngày 22/8/2013 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về quản lý và bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông đường thủy nội địa.
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Thông tư số 08/2020/TT-BGTVT ngày 17/04/2020 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam.
- Thông tư số 17/2021/TT – BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

B.4. Quyết định

- Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt khu vực cấp hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.
- Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.
- Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch và Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 745/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh hàng năm đến năm 2025.

- Quyết định số 1502/QĐ-TTg ngày 02/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa 3 công trình thủy lợi vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

- Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

B.5. Quy chuẩn, tiêu chuẩn

- QCVN 04:2009/BTC: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- QCVN 01:2020/BCT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn điện;

- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- QCVN 06:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.

- TCVN 5326-2008: Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên.

- TCVN 6705:2009: Tiêu chuẩn quốc gia về chất thải rắn thông thường – Phân loại.

- TCVN 6707:2009: Tiêu chuẩn quốc gia về chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo và phòng ngừa.

C. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 3901202624, đăng ký lần đầu ngày 27/03/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 15/06/2020 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

- Hợp đồng chuyển nhượng 09/2015/HĐKT ngày 07/08/2015 về việc chuyển nhượng thông tin kết quả thăm dò khoáng sản mỏ cát xây dựng đoạn suối Bồ Hum, thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh giữa Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại An Bình và Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng.

- Giấy phép thăm dò khoáng sản số 2510/GP-UBND ngày 02/12/2009 của UBND tỉnh Tây Ninh.
- Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 07/05/2010 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kết quả thăm dò trữ lượng khoáng sản.
- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 5265/STNMT-CCBVMT ngày 24/11/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh.
- Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 24/02/2016 về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bồ Hum, thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, công suất 41.000 m³/năm do Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng thực hiện.
- Giấy phép khai thác khoáng sản số 1816/GP-UBND ngày 07/07/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh.
- Công văn số 2298/YKTĐ-SCT ngày 08/12/2015 của Sở Công thương tỉnh Tây Ninh về việc tham gia ý kiến về báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án khai thác cát xây dựng thuộc lòng suối Bồ Hum, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 80/GP-TCTL-PCTTr ngày 23/02/2021 do Tổng cục Thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp.
- Quyết định số 11/QĐ-QĐ-SGTVT ngày 20/01/2022 của Sở Giao thông vận tải về việc công bố lại hoạt động bến thủy nội địa.
- Thông báo số 2032/TB-SXD ngày 26/7/2024 của Sở Xây dựng về việc thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy.
- Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa.
- Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản năm năm 2024.
- Báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản năm năm 2024.

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 4, ấp Cây Khế, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ Cơ sở:

+ Họ và tên: NGÔ THANH HƯNG

Giới tính: Nam

+ Chức vụ: Giám Đốc.

+ Sinh ngày: 13/09/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

+ Địa chỉ thường trú: Số 611/29 đường Điện Biên Phủ, phường 1, quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.

+ Điện thoại: 0919047047

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 3901202624, đăng ký lần đầu ngày 27/03/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 15/06/2020 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

1.2. TÊN CƠ SỞ

“KHAI THÁC MỎ CÁT XÂY DỰNG ĐOẠN SUỐI BỒ HUM”

1.2.1. Địa chỉ cơ sở

1.2.1.1. Vị trí khai trường khai thác

Khu vực khai thác nằm ở đoạn suối Bồ Hum trong lòng hồ Dầu Tiếng, thuộc địa phận xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ theo Giấy phép khai thác khoáng sản 1816/GP-UBND ngày 07/07/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh cấp, diện tích khu vực khai thác là 54,2 ha được giới hạn bởi các điểm góc: 208, 209, 210, 211, 213, 215, 216, 217, 218 có tọa độ các điểm mốc theo hệ VN 2000, kinh tuyến trục 105°30' múi chiếu 3° như sau:

Bảng 1.1: Tọa độ các điểm mốc ranh giới khu vực khai trường khai thác

Mốc ranh	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°30' múi chiếu 3°		Diện tích (ha)
	X(m)	Y(m)	
208	1277861	599228	54,2
209	1277976	599304	
210	1277909	599422	
211	1277451	600148	

Mốc ranh	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X(m)	Y(m)	
212	1277053	600478	
213	1276578	600964	
214	1276303	601091	
215	1276228	600881	
216	1276590	600789	
217	1276892	600306	
218	1276448	599849	

(Nguồn: Giấy phép khai thác khoáng sản số 1816/GP-UBND ngày 07/07/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh)



Hình 1.1: Vị trí khu vực khai thác

Hiện trạng tiếp giáp: Khu vực khai thác nằm trong lòng suối Bò Hum thuộc hồ Dầu Tiếng, có chiều dài khoảng 2,6 km thuộc xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Phần bán ngập dọc theo hai bên bờ suối với độ chênh địa hình không lớn, tương đối rộng và thoải. Địa hình hai bên bờ suối phần phía Đông và phía Tây là đồng bằng bồi tích, được người dân trồng tràm và cao su.

Vị trí khai thác nằm cách cách Tp.Tây Ninh khoảng 35km về phía Tây Nam, cách Tp. Hồ Chí Minh khoảng 90km về phía Đông Nam.

1.2.1.2. Vị trí khu vực bãi tập kết cát

Công ty đã thành lập 01 bãi tập kết cát có diện tích 40.957,5 ha ở ấp Cây Khế, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh để hoạt động tập kết cát khai thác cho Cơ sở. Khu vực bãi tập kết cát được giới hạn bởi các điểm góc theo thứ tự từ 1 đến 12 có tọa độ xác định theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°30’ múi chiều 3° như sau:

Bảng 1.2: Tọa độ các điểm mốc ranh giới khu vực bãi tập kết cát

Ký hiệu mốc	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°30’ múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	1277620	600327	40.957,5
2	1277610	600342	
3	1277518	600360	
4	1277416	600289	
5	1277422	600195	
6	1277654	600188	
7	1277715	600269	
8	1277753	600327	
9	1277702	600338	
10	1277670	600316	
11	1277657	600314	
12	1277630	600326	

(Nguồn: Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng, năm 2025)

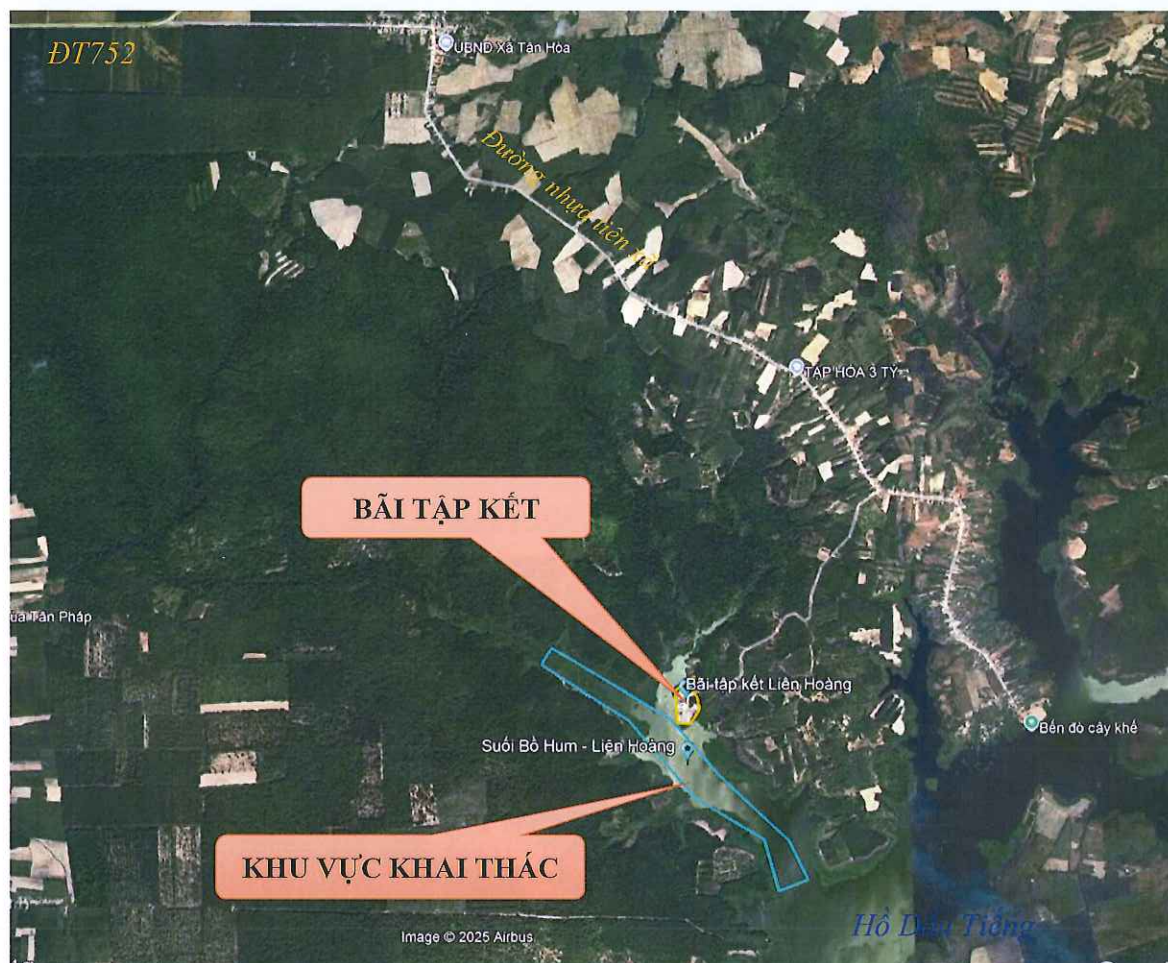


Hình 1.2: Vị trí khu vực bãi tập kết cát

Từ cận khu vực bãi tập kết cát của Cơ sở tiếp giáp các đối tượng sau:

- Phía Đông: Giáp đất bán ngập nước trong lòng hồ Dầu Tiếng và giáp đường đất dẫn ra đường nhựa liên xã.
- Phía Tây: Giáp suối Bò Hum thuộc hồ Dầu Tiếng.
- Phía Nam: Giáp suối Bò Hum thuộc hồ Dầu Tiếng.
- Phía Bắc: Giáp suối Bò Hum thuộc hồ Dầu Tiếng.

❖ **Khoảng cách từ Cơ sở đến các đối tượng tự nhiên, kinh tế xã hội và các đối tượng khác xung quanh:**



Hình 1.3: Vị trí khu vực khai thác và khu vực bãi tập kết cát của Cơ sở

- Khu vực bãi tập kết cát cách các khu vực xung quanh như sau:
 - + Cách đường nhựa liên xã khoảng 2,5 km về phía Đông;
 - + Cách bến đò Cây Khế khoảng 2,5 km về phía Đông Bắc;
 - + Cách Trường trung học cơ sở Tân Hòa khoảng 5km về phía Tây Bắc;
 - + Cách UBND xã Tân Hòa và Trường tiểu học Tân Hòa khoảng 5,1 km về phía Tây Bắc;
 - + Cách tỉnh lộ DT752 khoảng 6,5 km về phía Tây Bắc;
 - + Cách thị trấn Tân Châu khoảng 30 km về phía Tây.

1.2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có)

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 1816/GP-UBND ngày 07/07/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh.
- Công văn số 2298/YKTD-SCT ngày 08/12/2015 của Sở Công thương tỉnh Tây Ninh về việc tham gia ý kiến về báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án khai thác cát xây dựng thuộc lòng suối Bò Hum, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 80/GP-TCTL-PCTTr ngày 23/02/2021 do Tổng cục Thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp.
- Quyết định số 11/QĐ-QĐ-SGTVT ngày 20/01/2022 của Sở Giao thông vận tải về việc công bố lại hoạt động bến thủy nội địa.

1.2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, các loại giấy phép môi trường (nếu có)

- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 5265/STNMT-CCBVMT ngày 24/11/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh.
- Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 24/02/2016 về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác cát xây dựng đoạn suối Bò Hum, thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, công suất 41.000 m³/năm do Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng thực hiện.

1.2.4. Quy mô của cơ sở (nêu rõ quy mô của cơ sở có tiêu chí như dự án quy định tại Điều 25 Nghị định này):

Căn cứ tại Khoản 2, Điều 9 và Khoản 1, Điều 11 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2024, Cơ sở có vốn đầu tư **20.000.000.000 đồng** (bằng chữ: hai mươi tỷ đồng), Dự án thuộc Nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về Đầu tư công.

1.2.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này

Cơ sở hoạt động khai thác cát tại đoạn suối Bò Hum thuộc lòng hồ Dầu Tiếng, nước thải phát sinh từ quá trình bơm hút lên bãi tập kết được thu gom qua các hồ lắng để xử lý, nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định thoát trở lại lòng hồ.

Hồ Dầu Tiếng là nguồn cung cấp nước quan trọng cho sản xuất nông nghiệp và công nghiệp mà còn đóng vai trò quan trọng trong cấp nước sinh hoạt cho một số khu vực thuộc tỉnh Bình Dương, tỉnh Tây Ninh và Tp. Hồ Chí Minh.

Vị trí khu vực khai thác của Cơ sở có yếu tố nhạy cảm về môi trường, căn cứ theo điểm c, khoản 1 Điều 28 Luật bảo vệ môi trường và điểm b, Khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ "Dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước".

Trong quá trình hoạt động của Cơ sở, Công ty đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, quản lý tốt chất thải, đảm bảo nước thải phát sinh được xử lý đạt tiêu chuẩn quy định trước khi xả ra hồ Dầu Tiếng.

1.2.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Cơ sở: Khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường (cát xây dựng).

1.2.7. Phân nhóm dự án đầu tư

Căn cứ theo mục số 8, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ – CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường: "*Dự án khai thác khoáng sản (trừ dự án đầu tư xây dựng công trình có hoạt động thu hồi khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực thực hiện dự án, dự án nạo vét có hoạt động kết hợp thu hồi khoáng sản khu vực thực hiện dự án); dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác, sử dụng tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*" → Dự án được phân loại thuộc **Nhóm II** dựa trên tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư theo quy định tại Điều 28 của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

1.3.1.1. Quy mô công suất

Căn cứ theo Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 5265/STNMT-CCBVMT ngày 24/11/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp thì công suất được phép khai thác của Cơ sở là 41.000 m³ nguyên khối/năm, tương đương 46.125 m³ nguyên khai/năm (*hệ số nở ròi là 1,125*).

Đồng thời, căn cứ theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1816/GP-UBND ngày 07/04/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh cấp, quy mô công suất như sau:

- Công suất khai thác: 41.000 m³ nguyên khối/năm.
- Loại sản phẩm: Cát xây dựng.
- Tổng trữ lượng khai thác: 1.065.080 m³ nguyên khối.
- Thời gian khai thác: 27 năm, kể từ ngày ký giấy phép (*trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 0,5 năm, thời gian đóng cửa mỏ phục hồi môi trường 0,5 năm*).

Căn cứ theo Báo cáo định kỳ kết quả hoạt động khai thác khoáng sản năm 2024 và Báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản năm 2024 của Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng thì sản lượng cát đã khai thác của Công ty từ khi được cấp phép khai thác khoáng sản cho đến nay và sản lượng cát còn lại được trình bày ở bảng sau:

Bảng 1.3: Công suất hoạt động của Cơ sở từ khi bắt đầu khai thác cho đến ngày 31/12/2024

STT	Năm khai thác	Trữ lượng khai thác nguyên khối (m ³)	Trữ lượng khai thác nguyên khai (m ³)	m ³ nguyên khối/ năm
		(1)	(2) = (1)×1,125	
1	2016	0	0	
2	2017	39.374	44.296	
3	2018	12.000	13.500	
4	2019	0	0	
5	2020	0	0	
6	2021	0	0	
7	2022	0	0	
8	2023	0	0	
9	2024	0	0	
Tổng đến 31/12/2024		51.374	57.796	
Trữ lượng cấp phép theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1816/GP-UBND ngày 07/07/2016				1.065.080
Trữ lượng còn lại theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1816/GP-UBND ngày 07/07/2016 tính đến 31/12/2024 = 1.065.080 – 51.374				1.013.706

(Nguồn: Báo cáo định kỳ kết quả hoạt động khai thác khoáng sản năm 2024 và Báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản năm 2024 của Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng)

Vậy trữ lượng khoáng sản cát xây dựng còn lại mà Công ty có thể tiếp tục khai thác tính đến nay là **1.013.706 m³ nguyên khối**.

1.3.1.2. Diện tích đất sử dụng

Diện tích đất sử dụng của Cơ sở được trình bày ở bảng sau:

Bảng 1.4: Diện tích đất sử dụng của Cơ sở

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích
I	Diện tích mỏ	ha	54,2
1	Diện tích khai trường	ha	45,6
2	Vùng hành lang bảo vệ	ha	8,6
II	Khu vực bãi tập kết cát	m²	40.957,5
1	Bãi tập kết cát	m ²	20.000
2	Nhà văn phòng	m ²	38,2
3	Nhà nghỉ công nhân	m ²	93,7
4	Kho phụ tùng, vật tư, thiết bị, nhiên liệu	m ²	81,9
5	Trạm cân	m ²	99
6	Kho CTNH	m ²	26,6

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích
7	Hồ lắng 1	m ²	801
8	Hồ lắng 2	m ²	885
9	Hồ lắng 3	m ²	1.024
10	Đường nội bộ	m ²	6.908,1
11	Đất trống	m ²	11.000

(Nguồn: Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng, năm 2025)

Đối với mỏ khai thác: có tổng diện tích 54,2 ha, đây là phần diện tích nằm trên mặt nước của lòng hồ thủy lợi Dầu Tiếng. Khu vực khai trường đã được UBND tỉnh Tây Ninh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 1816/GP-UBND ngày 07/07/2016.

Đối với khu vực bãi tập kết cát: Có diện tích 40.957,5 m². Diện tích khu vực bãi tập kết cát thuộc diện tích đất hành lang hồ thủy lợi (nằm trong ranh giới cao trình bán ngập hồ Dầu Tiếng cote +24,4m trở xuống).

Theo Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 80/GP-TCTL-PCTTr ngày 23/02/2021 của Tổng cục Thủy lợi cấp (nay là Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường) Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng được hoạt động tập kết cát tại 3 bãi tập kết (bãi số 01 có diện tích 02 ha tại ấp Cây Khế, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bãi số 02 có diện tích 02 ha tại xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; bãi số 03 có diện tích 1.338 m² tại xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước). Tuy nhiên, từ khi bắt đầu đi vào hoạt động đến nay, Công ty chỉ hoạt động tập kết cát tại bãi số 01 thuộc ấp Cây Khế, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Phần diện tích đất bãi tập kết số 01 Công ty đang sử dụng là 40.957,5 m².

Hiện nay, Công ty đang thực hiện các thủ tục để đăng ký sử dụng và hợp đồng thuê đất bán ngập đối với diện tích khu vực bãi tập kết và đất mặt nước đối với khu vực khai thác theo quy định. Tuy nhiên, hiện nay Công ty vẫn chưa thể thực hiện được thủ tục thuê đất. Lý do: bị vướng về chức năng quyền hạn của đơn vị cho thuê đất trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, do hồ Dầu Tiếng là công trình thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý. Công ty cam kết sẽ tiếp tục thực hiện các thủ tục thuê đất theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo đúng theo quy định pháp luật.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở

1.3.2.1. Trình tự khai thác

Trình tự khai thác phù hợp với điều kiện địa hình, sản lượng, số lượng và công suất các thiết bị khai thác sử dụng.

Mỏ cát xây dựng của Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng đi vào khai thác từ năm 2017 đến năm 2018. Từ năm 2019 đến nay Cơ sở không thực hiện khai thác.

Vị trí mỏ vỉa ban đầu được lựa chọn phù hợp với đặc điểm địa chất, diện tích phân bố khoáng sản, đảm bảo thuận tiện nhất cho việc đưa mỏ vào khai thác nhanh và đảm bảo được chất lượng và công suất thiết kế. Sắp xếp bố trí số lượng thiết bị khai thác cho phù hợp.

Trong toàn bộ mỏ, tiến hành khai thác đồng thời cả 2 phân khu: Khu A (khối trữ lượng 1-122) và Khu B (khối trữ lượng 2-122). Tại mỗi khu, khai thác khấu đuôi từ phía Nam lên phía Bắc, khai thác theo kiểu cuốn chiếu, khấu toàn bộ chiều dày thân khoáng theo thiết kế, kết thúc có để lại lớp cát lót đáy dày 0,5m và đảm bảo khoảng cách xa bờ là 10m để tránh sạt lở.

1.3.2.2. Hệ thống khai thác

Hệ thống khai thác là một giải pháp kỹ thuật tổng hợp để thực hiện các khâu công nghệ trong quá trình khai thác nhằm đảm bảo các thiết bị hoạt động có hiệu quả nhất. Đối với mỏ cát vật liệu xây dựng lòng hồ Dầu Tiếng áp dụng hệ thống khai thác bằng sức nước, theo lớp băng, khai thác cuốn chiếu, vận tải trực tiếp về bãi tập kết.

Các khâu công nghệ khai thác bao gồm: Tàu hút có gắn bơm hút cát, vận chuyển về bãi tập kết và đưa đi tiêu thụ.

Các thông số kỹ thuật của hệ thống khai thác được thể hiện qua bảng sau:

Hiện tại Cơ sở hoạt động khai thác cát xây dựng theo quy trình sau:

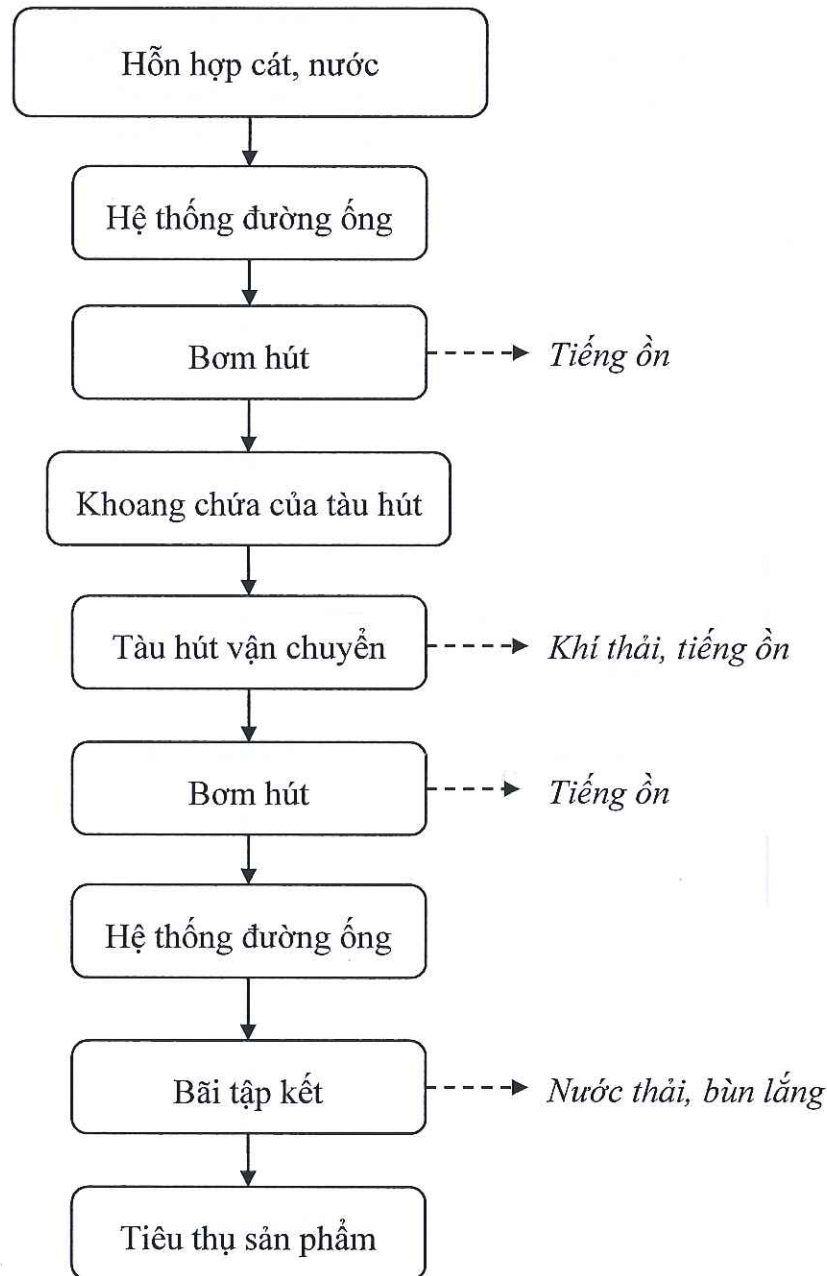
Bảng 1.5: Các thông số cơ bản của hệ thống khai thác

Stt	Thông Số	Ký hiệu	Đơn vị tính	Giá trị
1	Chiều dày lớp khai thác trung bình	H_t	m	3,4 – 3,7
2	Chiều dày lớp cát lót đáy để lại	D	m	0,5
3	Chiều rộng luồng hút	A	m	30
4	Chiều dài luồng hút	L_x	m	50
5	Chiều dài tuyến khai thác	L_t	m	50
6	Khoảng cách an toàn tới biên giới mỏ	R_{kt}	m	10
7	Góc dốc ổn định đường bờ	γ	độ	22

(Nguồn: Báo cáo kinh tế - kỹ thuật mỏ cát xây dựng lòng suối Bò Hum của Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng, năm 2015)

1.3.2.3. Công nghệ khai thác

Hiện tại Cơ sở hoạt động khai thác cát xây dựng theo quy trình sau:



Hình 1.4: Sơ đồ công nghệ khai thác cát xây dựng

Thuyết minh quy trình khai thác cát xây dựng:

a) Đặc điểm công nghệ khai thác:

- Hệ thống khai thác cát tại Cơ sở áp dụng là hệ thống khai thác theo lớp bằng, khai thác cuốn chiếu dọc theo bãi cát.
- Tại Cơ sở sử dụng phương tiện khai thác bằng tàu bơm và vận chuyển cát. Tàu bơm và vận chuyển cát là một ghe vận chuyển hàng hóa thông thường được gia cố hầm chứa và gắn máy bơm trên mặt ghe. Máy bơm sử dụng động cơ dầu diesel, ống hút bằng nhựa, đầu ống hút được buộc chặt vào ống cứng có thể chìm xuống tầng cát đáy sông để hút cát. Ưu điểm của tàu bơm hút cát là tính cơ động cao, vừa là thiết bị khai thác vừa là thiết bị vận tải, điều hành sản xuất dễ dàng. Thời gian chiếm dụng mặt nước không nhiều, chỉ trong thời gian hút cát, sau đó tự di chuyển ra khỏi khu

vực mỏ về bãi tập kết. Tàu bơm hút cát có khả năng khai thác chọn lọc cao, có khả năng khai thác tại những nơi có chiều dày lớp cát nhỏ, không phù hợp cho việc khai thác bằng các phương tiện khác.

- Tàu bơm hút cát được định kỳ di chuyển trong khu vực khai thác. Đây là công nghệ được sử dụng rộng rãi trong khai thác các mỏ cát, sỏi lòng sông quy mô vừa và nhỏ, chiều sâu ngập nước thân khoáng không lớn (là khoảng cách từ bề mặt nước đến điểm sâu nhất của khối lượng khoáng sản có thể khai thác được bị nước bao phủ). Đặc điểm của công nghệ là sử dụng đầu nạo khuấy tán dung dịch cát nước sau đó bơm hút bằng máy bơm cao áp hút trực tiếp khoáng sản có lẫn nước dẫn qua đường ống lên khoan chứa.

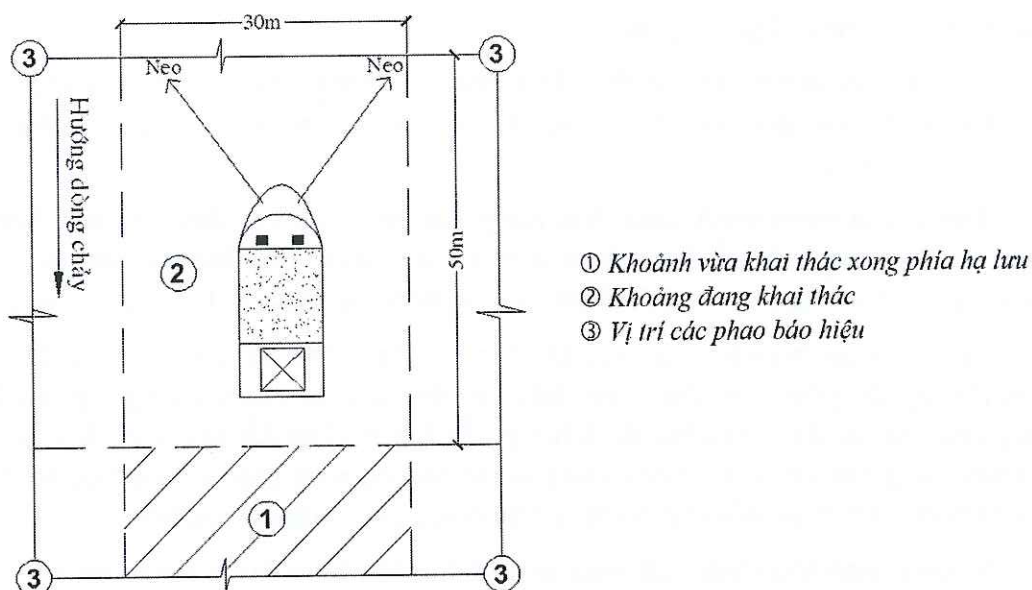
b) Ưu điểm công nghệ khai thác:

- Tổ chức vận hành khai thác đơn giản do ít thiết bị phụ trợ.
- Khả năng điều khiển linh hoạt, triển khai công việc nhanh chóng.
- Có thể khai thác được thân khoáng ngập nước, ít phụ thuộc vào chế độ thủy văn của sông.
- Cát sau khi bơm hút lên bãi tập kết, tách nước và bán trực tiếp cho khách hàng không cần qua khâu chế biến.

c) Quy trình khai thác:

Các khâu của dây chuyền công nghệ khai thác như sau: bơm hút cát tại khai trường bằng tàu hút; vận chuyển bằng tàu hút từ khai trường về bãi chứa cát; bơm cát từ tàu lên bãi chứa cát; xúc lên xe mang đi tiêu thụ.

Di chuyển tàu hút đến vị trí khu vực cần khai thác, dùng tổ hợp máy bơm hút được đặt trên tàu để thực hiện quá trình bơm hút, ống dẫn đưa cát, đất và nước lên khoang chứa của tàu (thông thường tỷ lệ hỗn hợp cát : nước khi hút là 8:2). Đất, cát nặng sẽ lắng xuống khoang chứa và một phần nước từ quá trình bơm hút sẽ tràn qua các khoang chứa của tàu sau đó thoát trở lại hồ Dầu Tiếng thông qua cửa xả tràn.



Hình 1.5: Sơ đồ công nghệ khai thác

- **Cấu tạo tàu hút:**

- + Công dụng: Hút cát và chở cát;
- + Phương pháp hút: sử dụng đầu ống hút;
- + Động cơ bơm: bơm cát và bơm nước;
- + Đường ống hút cát: làm bằng vật liệu nhựa.

- Để tàu bơm hút cát làm việc ổn định cần hệ thống neo chắc chắn. Tàu hút ổn định thì năng suất làm việc cao. Mỗi tàu bơm hút cát được trang bị neo phía đầu tàu. Khi đến vị trí khai thác, tài công ra hiệu cho công nhân phía đầu tàu quăng neo để neo đầu tàu chắc chắn trong thời gian hút cát.

- Hệ thống đường ống dẫn cát làm bằng vật liệu nhựa có thể uốn cong để thuận tiện cho việc dẫn dòng hỗn hợp cát và nước trong quá trình bơm hút lên khoang chứa và bãi tập kết. Ống hút được thả xuống nước, trong trường hợp chiều sâu mực nước nhỏ có thể tự chìm xuống đáy thân cát nhưng trong đa số trường hợp phải dùng sào tầm vòng buộc chặt với đầu ống hút cắm xuống thân cát. Công nhân điều khiển hòng xả trên thân tàu đảm bảo cho cát trải đều trong khoang chứa.

Khi khoang chứa đầy sẽ di chuyển tàu về vị trí khu vực tập kết để bơm hút cát lên bãi tập kết, khối lượng cát sau tách nước sẽ được bán trực tiếp cho khách hàng, còn nước thải sẽ qua hồ lắng để lắng lọc, nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định được xả trở lại hồ Dầu Tiếng. Lượng bùn đất nạo vét được Công ty sử dụng để gia cố bờ, đắp xung quanh khu vực bãi tập kết và gia cố nền toàn bộ khu vực, duy tu tuyến đường vận chuyển trong khu vực.

- Công tác xúc bốc cát lên xe vận chuyển: Công ty đã bố trí máy đào bánh xích tại bãi chứa để phục vụ cho công tác xúc cát lên xe tải ben vận chuyển và điều động phục vụ công tác nạo vét định kỳ các hồ lắng.

- Vận tải ngoài dự án: Xe tải do Công ty đầu tư hoặc do khách hàng đảm nhận, quy định cân đúng tải trọng của xe để hạn chế ảnh hưởng đến tuyến đường giao thông. Xe vận tải trước khi ra khỏi khu vực bãi tập kết được cân đúng tải trọng và có bạt che trước khi vận chuyển đi tiêu thụ.

d) Công tác xử lý lớp đất phủ:

Mỏ cát xây dựng là hình thức khai thác cát lòng sông, sử dụng công nghệ tàu hút và vận chuyển (ghe bơm hút). Lớp đất phủ phía trên rất mỏng có thành phần chủ yếu là bùn nhão lẫn mùn hữu cơ.

Trong quá trình khai thác bằng tàu bơm hút với đầu ống hút được buộc chặt vào ống cứng nên dễ dàng được chìm xuống xuyên qua lớp đất phủ đến tầng cát đáy sông và đầu ống hút có tính chọn lọc cao nên chỉ hút hỗn hợp cát + nước.

Tại vị trí tàu bơm hút cát, sau khi lớp cát được hút hết còn chừa lại lớp cát đáy 0,5m thì lớp đất phủ bùn nhão mùn hữu cơ phía trên sẽ chìm xuống lấp đầy khoảng trống của lớp cát đã bị tàu hút đi. Không cần hút bỏ lớp đất phủ này đi vì lượng đất phủ này cùng với lớp cát đáy chừa lại sẽ bảo đảm an toàn không bục lở đáy lòng hồ và không làm thay đổi chế độ thủy văn dòng chảy trong lòng hồ.

Vì quá trình khai thác cát lòng sông bằng tàu bơm hút không cần bóc lớp bùn phủ nên không cần phải bố trí bãi thải riêng để đổ thải lớp phủ.

1.3.2.4. Tuổi thọ mỏ

Chi tiết tính toán tuổi thọ mỏ dựa vào hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật của Cơ sở năm 2015 như sau:

Tuổi thọ mỏ được xác định dựa vào trữ lượng và công suất cấp phép khai thác và tính toán theo công thức sau: $T (\text{năm}) = T_1 + T_2 + T_3$

Trong đó:

+ $T_1 = 0,5 \text{ năm}$ – thời gian xây dựng cơ bản mỏ;

+ T_2 : Thời gian khai thác với công suất thiết kế, được xác định theo công thức:

$$T_2 = (1.065.080/41.000) = 26 \text{ năm (làm tròn)}$$

+ $T_3 = 0,5 \text{ năm}$ – Thời gian đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường.

Như vậy, tuổi thọ mỏ là:

$$T = 0,5 + 26 + 0,5 = 27 \text{ năm}$$

Theo điều 54 Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 17/11/2010 và có hiệu lực từ ngày 01/04/2011 quy định về giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn không quá 30 năm và có thể được gia hạn nhiều lần, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá 20 năm. Vậy tuổi thọ mỏ phù hợp với quy định của pháp luật.

➤ Thời gian khai thác còn lại:

Bảng 1.6: Thời gian khai thác còn lại của Cơ sở

Stt	Giấy phép	Thời gian được phép khai thác	Thời gian đã khai thác	Thời gian khai thác còn lại
1	Giấy phép khai thác khoáng sản số 1816/GP-UBND ngày 07/07/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh	27 năm (kể từ ngày ký giấy phép)	9 năm	18 năm

(Nguồn: Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng, năm 2025)

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Cơ sở khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường là cát xây dựng. Cát xây dựng từ lòng sông được bơm hút trực tiếp và vận chuyển về bãi tập kết cát bằng tàu hút, cát được bán trực tiếp cho khách hàng không qua các công tác chế biến.

Bảng 1.7: Sản phẩm của Cơ sở

TT	Tên sản phẩm	Công suất khai thác (nguyên khối)		Công suất khai thác (nguyên khai) (hệ số nở rời 1,125)	
		Công suất từng năm (m ³ /năm)	Tổng công suất (m ³)	Công suất từng năm (m ³ /năm)	Tổng công suất (m ³)
1	Cát xây dựng	41.000	1.065.080	46.125	1.198.215
Thị trường tiêu thụ: Khu vực tỉnh Tây Ninh và các tỉnh lân cận					

Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đạt ISO 9001:2015 trong lĩnh vực khai thác và cung ứng cát tự nhiên dành cho bê tông và vữa và Giấy chứng nhận hợp quy số 3345877730 chứng nhận sản phẩm cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa, ban hành ngày 28/9/2023 có hiệu lực đến ngày 27/9/2026 kèm theo Quyết định số 58777/QĐ-VC ngày 28/9/2023 của Trung tâm giám định và chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert cấp (được đính kèm ở Phụ lục 1 báo cáo).

Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh đã tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của Công ty TNHH Hiệp Thuận Tây Ninh theo thông báo số 2032/TB-SXD ngày 26/7/2024.

Sản phẩm cát xây dựng của Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng phù hợp với quy chuẩn quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, mã số QCVN 16:2019/BXD của Bộ Xây dựng.

1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu

Cơ sở khai thác cát xây dựng có nguồn nguyên liệu là cát lòng Dầu Tiếng, do quá trình bào mòn tự nhiên gây bồi tụ tại những nhánh, đoạn sông, có địa hình bằng phẳng.

Dự án không chế biến khoáng sản tại mỏ, vì vậy không sử dụng nguyên liệu trong quá trình hoạt động.

1.4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Nhu cầu nhiên liệu cho hoạt động của dự án chủ yếu là dầu diesel và dầu mỡ bôi trơn cho các phương tiện khai thác.

Nguồn cung cấp: Nhiên liệu được mua từ các cây xăng dầu gần nhất.

Căn cứ theo Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác nhận các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, tổng khối lượng nhiên liệu sử dụng của Cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.8: Nhu cầu sử dụng nhiên liệu của Cơ sở

T T	Tên thiết bị	Công suất	Số lượng	Định mức (lít/ca)	Ca máy (ca/năm)	Số lượng (lít/năm)	Ghi chú
I	Dầu diesel					180.360	<i>Căn cứ theo thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021</i>
1	Máy đào bánh xích	28.800 kg	02	83	280	46.480	
2	Tàu hút và chở cát	40CV	01	17	200	3.400	
3	Tàu hút và chở cát	140CV	01	60	200	12.000	
4	Tàu hút và chở cát	235CV	01	100	200	20.000	
5	Tàu hút và chở cát	143CV	01	61	200	12.200	
6	Tàu hút và chở cát	250 CV	04	107	200	85.600	
7	Máy phát điện	5kVA	01	4	170	680	

*Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở
“Khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bô Hum”*

T T	Tên thiết bị	Công suất	Số lượng	Định mức (lít/ca)	Ca máy (ca/năm)	Số lượng (lít/năm)	Ghi chú
II	Dầu mỡ bôi trơn					17.968	<i>Tính bằng 10% lượng dầu diesel sử dụng</i>
1	Máy đào bánh xích	-	-	-	-	4.648	
2	Tàu hút và chở cát	-	-	-	-	13.320	
Tổng cộng (I+II)						198.328	-

(Nguồn: Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng, năm 2025)

1.4.3. Nhu cầu sử dụng điện

❖ **Nguồn cung cấp điện:** Lưới điện quốc gia.

Mục đích sử dụng: Phục vụ chủ yếu cho hoạt động tại bãi tập kết như chiếu sáng, thiết bị điện của khu văn phòng, vận hành trạm cân và hệ thống camera giám sát.

❖ **Nhu cầu sử dụng**

Tổng nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở khoảng 4.500 Kwh/tháng tương đương khoảng 54.000 Kwh/năm.

Ngoài ra, Cơ sở còn trang bị 01 máy phát điện dự phòng với công suất 5 KVA, phòng trường hợp bị mất điện.

1.4.4. Nhu cầu sử dụng nước

❖ **Nguồn cung cấp**

- Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt:

Nước phục vụ cho hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại mỏ được lấy từ 02 giếng khoan trong khuôn viên khu vực bãi tập kết. Nước từ giếng khoan được bơm lên lưu chứa trong bể chứa nước có thể tích 5m³.

Ngoài ra nguồn nước giếng khoan còn phục vụ cho hoạt động tưới đường vận chuyển nội bộ của khu vực bãi tập kết nhằm giảm thiểu bụi.

Thông số kỹ thuật của giếng khoan như sau:

- + Số lượng: 02 giếng.
- + Đường kính mỗi giếng: Ø60mm.
- + Độ sâu mỗi giếng: khoảng 30 mét.
- + Công suất giếng: 1m³/giờ/giếng.
- + Bệ giếng bằng bê tông M200 kích thước dài 0,3m, rộng 0,3m và cao 0,3m.
- + Số lượng bơm nước: 02 bơm nước công suất 0,75kw/cái.

Do tổng lưu lượng khai thác nước dùng cho mục đích sinh hoạt tại Cơ sở có lưu lượng nhỏ (không vượt quá 10m³/ngày) nên Cơ sở không thuộc đối tượng phải kê khai, cấp phép khai thác tài nguyên nước. (Căn cứ theo điểm a, khoản 3, Điều 52, Luật tài nguyên nước 2023 và điểm c, khoản 2, Điều 8, Nghị định số 54/2024/NĐ-CP

ngày 26/5/2024 về quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước).

- Nước cấp cho hoạt động bơm hút cát:

Nước cấp cho hoạt động bơm hút cát: hồ Dầu Tiếng.

Do đặc thù của hoạt động khai thác cát xây dựng ở dưới đáy hồ, nên khi tiến hành bơm hút sẽ bơm hỗn hợp cát và nước lên khoang chứa của tàu hút sau đó vận chuyển vào bãi tập kết. Tỷ lệ cát và nước khi bơm hút là 8:2.

❖ Nhu cầu sử dụng nước

Bảng 1.9: Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở

TT	Mục đích sử dụng	Định mức sử dụng	Lưu lượng (m ³ /ngày)	Nguồn cung cấp
I	Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt	-	2,1	<i>Giếng khoan trong khu vực bãi tập kết</i>
1	Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân viên làm việc trên tàu khai thác cát (16 người)	50 lít/ngày.người	0,8	
2	Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân viên làm việc trên bãi tập kết đi về trong ngày (10 người)	100 lít/ngày.người	1,0	
3	Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân viên làm việc trên bãi tập kết ở lại mỏ (2 người)	150 lít/ngày.người	0,3	
II	Nhu cầu nước tưới đường nội bộ để giảm thiểu bụi	0,5 lít/m ² /lần tưới	6,91	
III	Nhu cầu sử dụng nước cho quá trình bơm hút cát	Tỷ lệ Cát:nước = 8:2	34,17	<i>Hồ Dầu Tiếng</i>
Tổng cộng (I+II+III)		-	43,18	-

(Nguồn: Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng, năm 2025)

Cơ sở tính toán nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở như sau:

➤ Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt:

Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động sinh hoạt của Cơ sở chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên trên bãi tập kết và công nhân làm việc trên các tàu hút cát. Tổng công nhân viên làm việc tại Cơ sở là 28 người, trong đó có 16 người làm việc trên tàu khai thác cát (2 người/tàu, Cơ sở có 8 tàu khai thác cát) và 12 người làm việc tại khu vực bãi tập kết (số người ở lại mỏ là 2 người).

Lưu lượng nước sử dụng của 28 công nhân viên làm việc tại Cơ sở được tính như sau:

- Lưu lượng nước sử dụng của công nhân viên làm việc trên tàu: Căn cứ theo QCVN 17:2011/BGTVT thì lượng nước thải tính cho 1 công nhân làm việc trên tàu thuyền trong 1 ngày là 50 lít/ngày.người. Nước thải tính bằng 100% lượng nước cấp, nên nhu cầu sử dụng nước cho 16 công nhân làm việc trên tàu là:

$$Q_{SH1} = 16 \text{ người} \times 50 \text{ lít/ngày.người} = 0,8 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

- Lưu lượng nước sử dụng của công nhân viên làm việc tại bãi tập kết:
- + Công nhân viên làm việc đi về trong ngày là 10 người: Căn cứ theo bảng 3.1 trong tiêu chuẩn TCXDVN 33-2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế của Bộ Xây dựng, tiêu chuẩn cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt tại nông thôn là 100 lít/ngày.người. Lượng nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt của 10 công nhân viên làm việc trên bãi tập kết về trong ngày là:

$$Q_{SH2} = 10 \text{ người} \times 100 \text{ lít/ngày.người} = 1,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- + Công nhân viên ở lại mỏ là 2 người: Nhu cầu cấp nước cho các đối tượng này sẽ bao gồm nước vệ sinh chân tay và tắm giặt với định mức cấp nước trung bình khoảng 150 lít/ngày.người. Lượng nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt của 2 công nhân viên làm việc trên bãi tập kết ở lại là:

$$Q_{SH3} = 2 \text{ người} \times 150 \text{ lít/ngày.người} = 0,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- Công ty không thực hiện nấu ăn tại Cơ sở. Công nhân viên tự mang cơm hoặc mua suất cơm từ bên ngoài.

Vậy tổng lưu lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của Cơ sở là:

$$Q_{SH1} + Q_{SH2} + Q_{SH3} = 0,8 + 1,0 + 0,3 = 2,1 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

➤ *Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động bơm hút cát:*

Tổng khối lượng cát khai thác của Cơ sở là 41.000 m³ nguyên khối/năm, thời gian khai thác trong năm của Cơ sở là 300 ngày, vậy khối lượng cát khai thác trung bình trong 1 ngày là 136,67 m³ nguyên khối/ngày.

Căn cứ theo tình hình khai thác thực tế của Cơ sở, tỷ lệ hỗn hợp cát : nước khi bơm hút là 8:2. Vậy tổng lưu lượng nước thải sử dụng cho hoạt động bơm hút cát là **34,17 m³/ngày**.

➤ *Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động giảm thiểu bụi đường nội bộ:*

Công ty thực hiện tưới nước đường nội bộ để giảm thiểu bụi cho khu vực bãi tập kết cát. Công ty lắp đặt hệ thống đường ống lấy nước từ hồ Dầu Tiếng để tưới đường nội bộ.

Diện tích đường nội bộ: 6.908,1 m².

Căn cứ theo tiêu chuẩn TCXDVN 33:2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế của Bộ Xây dựng, định mức cấp nước tưới đường, sân bãi là 0,5 lít/m²/lần tưới. Số lần tưới trong một ngày tùy vào điều kiện thời tiết và tốc độ gió, tối thiểu một ngày nắng nóng cần 2 lần tưới (thời gian tưới 8 giờ, 13 giờ), mùa mưa sẽ không thực hiện tưới. Như vậy, lượng nước dùng để giảm bụi cho tuyến đường đất nội bộ trong khu vực bãi tập kết vào những ngày nắng nóng là:

$$0,5 \text{ lít/m}^2/\text{lần tưới} \times 6.908,1 \text{ m}^2 \times 2 \text{ lần tưới/ngày} = 6,91 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

❖ **Cân bằng nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở**

Bảng 1.10: Bảng cân bằng nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở

STT	Hoạt động sử dụng nước	Lưu lượng sử dụng (m ³ /ngày)	Tỷ lệ thải (%)	Lưu lượng nước thải (m ³ /ngày)	Ghi chú
I	Sinh hoạt	2,1	100%	2,1	
1	Sinh hoạt của công nhân viên làm việc trên tàu khai thác cát (8 người)	0,8	100%	0,8	Thu gom bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định
2	Sinh hoạt của công nhân viên làm việc trên bãi tập kết đi về trong ngày (7 người)	1,0	100%	1,0	
3	Sinh hoạt của công nhân viên làm việc trên bãi tập kết ở lại mỏ (2 người)	0,3	100%	0,3	
II	Tưới đường nội bộ để giảm thiểu bụi	6,91	0%	0	Bốc hơi
III	Quá trình bơm hút cát	34,17	100%	34,17	Xả thải ra hồ Dầu Tiếng
Tổng cộng (I+II+III)		43,18	84%	36,27	-

(Nguồn: Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng, năm 2025)

1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.5.1. Khả năng lưu chứa cát tại khu vực bãi tập kết

Cơ sở bố trí 01 bãi tập kết cát trên bờ có diện tích 20.000 m², chiều cao chứa cát trung bình khoảng 3m, khối lượng cát tập kết tối đa tại bãi 60.000 m³. Tổng công suất khai thác của Cơ sở là 41.000 m³ nguyên khối/năm tương đương 46.125 m³ nguyên khai/năm, với sức chứa tối đa của bãi tập kết là 60.000 m³ thì bãi tập kết có thể lưu chứa cát tồn kho trong vòng khoảng 1,3 năm.

1.5.2. Danh sách máy móc thiết bị

Bảng 1.11: Bảng tổng hợp thiết bị chính phục vụ khai thác tại Cơ sở

Stt	Tên thiết bị	Biển số đăng ký	Công suất hoặc tải trọng	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng hoạt động
I	Phương tiện cơ giới					
1	Máy đào bánh xích	70XA-0525	28.800 kg	Chiếc	01	Hoạt động tốt
2	Máy đào bánh xích	70XA-0526	28.800 kg	Chiếc	01	Hoạt động tốt
II	Phương tiện thủy nội địa					
1	Tàu hút và chở cát	TN-0534	40CV	Chiếc	01	Hoạt động tốt
2	Tàu hút và chở cát	TN-0556	140CV	Chiếc	01	Hoạt động tốt
3	Tàu hút và chở cát	TN-0542	235CV	Chiếc	01	Hoạt động tốt
4	Tàu hút và chở cát	TN-0463	143CV	Chiếc	01	Hoạt động tốt

*Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở
“Khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bô Hum”*

Stt	Tên thiết bị	Biển số đăng ký	Công suất hoặc tải trọng	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng hoạt động
5	Tàu hút và chở cát	-	250CV	Chiếc	04	Bổ sung thêm sau khi cấp phép
III Máy móc thiết bị khác						
1	Máy phát điện	-	5 KVA	Máy	01	Hoạt động tốt
2	Cân ô tô điện tử	-	80 tấn	Cái	01	Hoạt động tốt
3	Hệ thống camera giám sát	-	-	Hệ thống	01	Hoạt động tốt
4	Máy bơm nước sinh hoạt	-	0,75 kw	Cái	02	Hoạt động tốt

(Nguồn: Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng, năm 2025)

1.5.3. Nhu cầu sử dụng lao động

Nguồn lao động phục vụ cho Cơ sở tổng cộng là **17 người**, bao gồm:

- Đội ngũ cán bộ quản lý: cán bộ, lãnh đạo của doanh nghiệp trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất của mỏ vừa phụ trách công việc chính vừa kiêm nhiệm.
- Công nhân lao động phổ thông: được tuyển dụng tại chỗ.
- Nguồn công nhân kỹ thuật: được tuyển dụng từ nguồn đào tạo của các trường công nhân kỹ thuật.

Bảng 1.12: Biên chế lao động tại Cơ sở

Stt	Biên chế lao động	Đơn vị	Số lượng
I	Bộ phận gián tiếp	Người	05
1	Ban giám đốc	Người	02
2	Bộ phận kế hoạch, vật tư	Người	01
3	Bộ phận tổ chức hành chính – Kế toán	Người	02
II	Bộ phận trực tiếp	Người	23
4	Đội ghe khai thác – vận chuyển	Người	16
5	Công nhân trên bãi	Người	04
6	Công nhân cơ điện	Người	01
7	Công nhân khác	Người	02
Tổng cộng (I + II)		Người	28

(Nguồn: Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng, năm 2025)

- Chế độ làm việc:
 - + Số ca làm việc trong ngày : 1 ca/ngày.
 - + Số giờ làm việc trong ca : 8 giờ/ca.

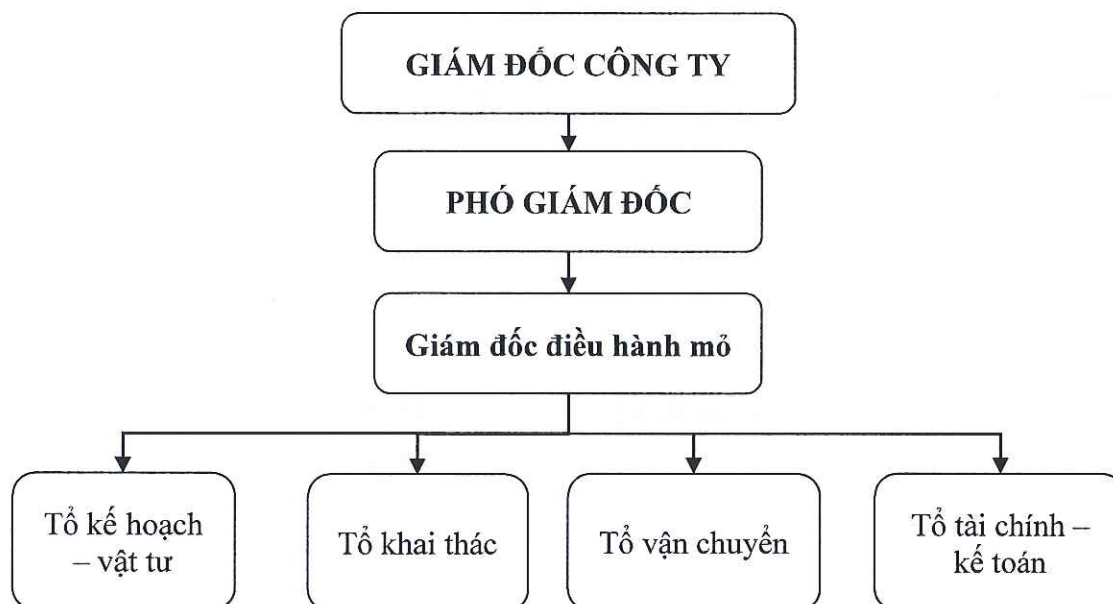
- + Số ngày làm việc trong năm : 300 ngày/năm.
- + Thời gian được phép hoạt động đối với phương tiện khai thác: từ 7 giờ sáng đến 17 giờ. Khi mực nước hồ sau thấp hơn mực nước trung bình nhiều năm +20m, thời gian được phép hoạt động khai thác từ 07 giờ sáng đến 12 giờ (theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 80/GP-TCTL-PCTTr ngày 23/02/2021 do Tổng cục Thủy lợi cấp).

1.5.4. Tổ chức quản lý và vận hành Cơ sở

Tổ chức mở khai thác cát xây dựng của Công ty hoạt động như một xí nghiệp mở hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng bao gồm bộ phận trực tiếp tham gia khai thác và bộ phận gián tiếp:

- Bộ phận trực tiếp (tham gia các công đoạn khai thác): Khai thác, vận chuyển.
- Bộ phận gián tiếp: Gồm bộ phận kế hoạch, vật tư và bộ phận tài chính – kế toán.

Sơ đồ tổ chức của Cơ sở được thể hiện ở hình sau:



Hình 1.6: Sơ đồ tổ chức của Cơ sở

1.5.5. Tổng vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư của Cơ sở là 20.000.000.000 đồng (bằng chữ: hai mươi tỷ đồng).

Chi phí đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường: chủ yếu là các chi phí giám sát môi trường, chi phí bảo vệ môi trường và chi phí cải tạo phục hồi môi trường.

- Chi phí giám sát môi trường: Thực hiện theo Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Cục Thủy Lợi cấp.

- Phí bảo vệ môi trường: Đối với loại khoáng sản cát xây dựng (cát vàng): mức thu phí bảo vệ môi trường tối thiểu là 4.500 đồng/m³, mức thu tối đa là 7.500 đồng/m³ (Theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản).

- Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường: Thực hiện theo Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 24/02/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh.

1.5.6. Đặc điểm tự nhiên

❖ Địa hình

Khu khai thác nằm tại lòng hồ Dầu Tiếng thuộc địa phận xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trong vùng hồ Dầu Tiếng phân bố đa dạng địa hình: địa hình đồi, đồng bằng cao và địa hình hồ.

- Địa hình đồi núi sót: địa hình này phân bố ở phía Nam khu vực khai thác. Đáng chú ý nhất của địa hình này là khối núi sót Bà Đen cao 900m;
- Địa hình đồng bằng: địa hình này chiếm ưu thế trên toàn bộ lưu vực của hồ, độ phân cắt sâu tương đối. Độ cao dao động trong khoảng 10÷30m;
- Địa hình hồ: lòng hồ Dầu Tiếng được xây dựng và đưa vào sử dụng từ năm 1983, với diện tích mặt nước 215km², dung tích hồ chứa 1,5 tỷ m³ nước, lưu vực rộng 2.700km².

- Thực vật bán ngập chủ yếu là cây thân thảo mọc và cỏ các loại, chỉ phát triển vào mùa nước kiệt, còn mùa trữ nước hầu hết bị ngập. Phần địa hình đồng bằng được nhân dân khai thác trong cây công nghiệp và nông nghiệp như: cao su, trà, điều, củ mì, lúa và các loại cây ăn quả như xoài, nhãn, chôm chôm,.. độ che phủ khoảng 80%.

❖ Đặc điểm khí hậu

Mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 4): Trong thời gian này, Tây Ninh trải qua thời tiết nắng nóng với ít mưa, nhiệt độ thường xuyên đạt mức cao. Các tháng cao điểm của mùa khô là từ tháng 2 đến tháng 4, với nhiệt độ có thể lên tới 37°C.

Mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 10): Đặc trưng bởi lượng mưa dồi dào và độ ẩm cao, thường gây ra những cơn mưa lớn vào chiều và tối. Lượng mưa trung bình hàng năm vào khoảng 1.200 mm, tập trung chủ yếu trong các tháng từ tháng 6 đến tháng 9.

Khí hậu tương đối ôn hòa và ổn định, hầu như không có bão gió lốc hay ngập lụt. Nhiệt độ trung bình năm là 27,1°C. Lượng ánh sáng quanh năm dồi dào mỗi ngày trung bình có 6 giờ nắng nhiều nhất lên đến 12 giờ. Biên độ dao động nhiệt giữa các tháng trong năm không lớn (khoảng 3°C) nhưng sự chênh lệch nhiệt độ giữa ban ngày và ban đêm tương đối lớn, khoảng từ 10 đến 13°C vào mùa nắng và khoảng 7°C vào mùa mưa.

Tây Ninh chịu ảnh hưởng của 2 loại gió chủ yếu, gió Tây – Tây Nam vào mùa mưa và gió Bắc – Đông Bắc vào mùa khô.

1.5.7. Đặc điểm địa chất mỏ

Căn cứ theo hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án khai thác mỏ cát xây dựng lòng suối Bò Hum, năm 2015 của Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng thì đặc điểm địa chất mỏ như sau:

❖ Địa tầng

- Hệ Triat - thống hạ, hệ tầng Sông Sài Gòn (*T_{1ssg}*)

Các thành tạo của hệ tầng lộ ra thành các dải hẹp bám dọc theo các nhánh sông, suối đổ vào lòng hồ Dầu Tiếng. Thành phần gồm: sét vôi, sét bột kết vôi, bột kết, cát bột kết, cát kết. Bề dày >150m.

- *Hệ Neogen, thống Pleistocen, Hệ tầng Bà Miêu (N₂bm)*

Các trầm tích hệ tầng Bà Miêu phân bố ở phía Đông Bắc vùng hồ với diện tích khoảng 30km². Thành phần thạch học gồm cuội, sỏi sạn, cát, bột, gắn kết yếu, phân lớp dày, chọn lọc kém. Bề dày của hệ tầng thay đổi từ 30 ÷ 70m.

- *Hệ Đệ Tứ, thống Pleistocen (Q₁)*

- *Hệ Đệ tứ, thống Pleistocen, phụ thống hạ. Trầm tích sông, hệ tầng Đất Cuốc (aQ₁¹đc).*

Các trầm tích nguồn gốc sông xếp vào hệ tầng Đất Cuốc phân bố ở phía Bắc và phía Đông vùng hồ với diện tích khoảng 4km². Thành phần thạch học bao gồm: cuội, sạn, cát, sét, kaolin nhìn chung mức độ gắn kết của các thành tạo này vào loại yếu. Bề dày >30m.

- *Hệ Đệ tứ, thống Holocen (Q₂). Hệ Đệ tứ, thống Holocen, phụ thống thượng. Trầm tích sông (aQ₂³).*

Phân bố dọc theo sông suối, phần lớn bị ngập dưới lòng hồ. Thành phần là cát, cuội, sỏi, bột, sét bờ rời. Bề dày 1÷5m. Đây là đối tượng thăm dò chính để làm vật liệu xây dựng.

Tóm lại trên diện tích hồ Dầu Tiếng phân bố chủ yếu là các thành tạo trầm tích Đệ Tứ với thành phần chủ yếu là cát, sạn, sỏi, bột, sét bờ rời hoặc gắn kết yếu. Đây là tiền đề thuận lợi để tạo thành cát trong lòng hồ.

❖ *Đặc điểm cấu tạo thân khoáng*

Đặc điểm thân khoáng cát suối Bồ Hum được thành tạo chủ yếu dưới dạng tích tụ lòng suối và bãi bồi ven lòng nay đã chìm dưới lòng hồ, một phần là lớp bồi tích từ khi đắp đập cho đến nay. Với đặc điểm trên nên trong lòng hồ nói chung và trong diện tích thăm dò nói riêng là một thân khoáng lớn, nó bị phủ dưới lớp phủ vật liệu mịn sau này, chiều dày tầng phủ trung bình khoảng 0,5m. Chiều dày thân khoáng cát qua kết quả thăm dò cho thấy cát có chiều dày trung bình khoảng 4m.

❖ *Trữ lượng địa chất*

Trữ lượng địa chất là trữ lượng bao gồm toàn bộ thân cát phân bố trong lòng sông, thân cát này đạt chỉ tiêu tính trữ lượng địa chất gồm chỉ tiêu về chất lượng cát và chỉ tiêu về điều kiện khai thác.

Trữ lượng địa chất của thân cát lòng suối Bồ Hum của Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng trước khi khai thác như sau:

Bảng 1.13: Trữ lượng địa chất trước khi khai thác

Tên khối và cấp trữ lượng	Chiều dày trung bình (m)		Diện tích khối trữ lượng (m ²)	Hệ số an toàn	Trữ lượng (m ³)	
	Lớp phủ	Lớp cát			Lớp phủ	Lớp cát
1.122	0,5	3,9	232.117	0,7	116.058	633.679

*Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở
"Khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum"*

Tên khối và cấp trữ lượng	Chiều dày trung bình (m)		Diện tích khối trữ lượng (m ²)	Hệ số an toàn	Trữ lượng (m ³)	
	Lớp phủ	Lớp cát			Lớp phủ	Lớp cát
2.122	0,6	4,2	224.369	0,7	134.621	659.644
Tổng trữ lượng địa chất cấp 122			456.486	0,7	250.679	1.293.323

(Nguồn: Báo cáo kinh tế - kỹ thuật mỏ cát xây dựng lòng suối Bò Hum của Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng, năm 2015)

Như vậy, tổng trữ lượng địa chất cát xây dựng cấp 122 lòng suối Bò Hum (thuộc hồ Dầu Tiếng) của Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng là: 1.293.323 m³.

❖ **Trữ lượng khai thác**

Trữ lượng có thể huy động vào khai thác là trữ lượng được tính toán trên cơ sở:

Nhằm bình ổn đáy suối, không khai thác cạn kiệt tài nguyên và tránh gây nguy cơ sạt lở sau này trong quá trình khai thác sẽ để lại chiều dày cát lớp cát lót đáy tối thiểu là 0,5m theo quy định. Khoảng cách an toàn cách ranh mỏ trung bình là 10m.

Như vậy trữ lượng huy động vào khai thác mỏ cát suối Bò Hum bằng trữ lượng địa chất (đã tính toán cách xa bờ 10m) trừ đi phần trữ lượng bình ổn đáy suối.

$$Q_{kt} = Q_{đc} - Q_{tt}, m^3$$

Trong đó:

- $Q_{đc}$: trữ lượng địa chất thăm dò, $Q_{đc} = 1.293.323 m^3$.
- Q_{tt} : trữ lượng tổn thất do để lại lớp cát lót đáy 0,5m

$$Q_{tt} = S \times m = 456.486 m^2 \times 0,5 = 228.243 m^3$$

Như vậy, tổng trữ lượng khai thác cát xây dựng cấp 122 có thể huy động vào khai thác tại lòng suối Bò Hum (thuộc hồ Dầu Tiếng) của Công ty TNHH khai thác cát xây dựng Liên Hoàng là: $Q_{kt} = 1.293.323 m^3 - 228.243 m^3 = 1.065.080 m^3$.

Bảng 1.14: Tổng hợp các chỉ tiêu chủ yếu về biên giới khai trường mỏ

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
1	Diện tích mỏ	ha	54,2
	Diện tích khai trường	ha	45,6
	Vùng hành lang bảo vệ	ha	8,6
2	Trữ lượng địa chất	m ³	1.293.323
3	Trữ lượng huy động vào khai thác	m ³	1.065.080

(Nguồn: Báo cáo kinh tế - kỹ thuật mỏ cát xây dựng lòng suối Bò Hum của Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng, năm 2015)

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

Trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì nhu cầu về vật liệu xây dựng rất cao, đặc biệt là các nguồn vật liệu từ tài nguyên khoáng sản như: cát xây dựng, đất,... Các nguồn vật liệu này phục vụ cho các công trình xây dựng, đường giao thông. Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh hiện nay có nhiều mỏ đi vào hoạt động sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế huyện Tân Châu nói riêng và tỉnh Tây Ninh nói chung.

Đối với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Ngày 08/07/2024 Thủ tướng chính phủ đã ban hành quyết định số 611/QĐ-TTg về việc phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với quan điểm phát triển: Quy hoạch bảo vệ môi trường là định hướng bảo vệ môi trường cho các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh, bảo đảm nguyên tắc xuyên suốt, không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế, yếu tố môi trường phải được tính đến trong từng hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, hài hòa với tự nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, phát triển kinh tế với tư duy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp nhằm giảm thiểu chất thải phát sinh, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Nhằm tăng cường kết nối hài hòa trong hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường giữa các vùng kinh tế - xã hội, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; chủ động phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ các khu vực có yếu tố nhạy cảm môi trường; tập trung xử lý các vấn đề môi trường xuyên biên giới, liên vùng, liên tỉnh; kết hợp với bảo tồn giá trị tự nhiên và đa dạng sinh học, thúc đẩy sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên. Với mục tiêu:

- Chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học; phát triển kinh tế - xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh.
- Định hướng phân vùng môi trường thống nhất trên phạm vi toàn quốc theo tiêu chí yếu tố nhạy cảm về môi trường để bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến sự sống và phát triển bình thường của con người và sinh vật.

Cơ sở “Khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum” tại xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh của Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng nằm trong quy hoạch về khai thác khoáng sản của tỉnh Tây Ninh như sau:

- Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt khu vực cấp hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch và Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 745/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh hàng năm đến năm 2025.

Hiện tại tỉnh Tây Ninh chưa có quy hoạch về bảo vệ môi trường và phân vùng môi trường.

2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.2.1. Đối với nguồn tiếp nhận nước thải của Cơ sở

a) Sơ lược về nguồn tiếp nhận nước thải (hồ Dầu Tiếng)

(Nguồn: thuyloimiennam.vn)

Hồ Dầu Tiếng là hồ nước nhân tạo, nằm trải dài trên địa phận 3 tỉnh: Bình Dương, Bình Phước và Tây Ninh. Hồ trải dài trên địa phận các huyện: huyện Dương Minh Châu và Tân Châu (tỉnh Tây Ninh), huyện Dầu Tiếng (tỉnh Bình Dương) và huyện Hớn Quản (tỉnh Bình Phước).

Hồ được xây dựng từ năm 1981 và hoàn thành vào năm 1985. Mục đích chính của hồ là cung cấp nước cho tưới tiêu nông nghiệp, sinh hoạt và công nghiệp cho khu vực. Ngoài ra, hồ còn có vai trò quan trọng trong việc điều tiết lũ và cải thiện môi trường.

Diện tích hồ Dầu Tiếng Tây Ninh rộng lớn với diện tích mặt nước 27km², diện tích lưu vực 270km². Dung tích chứa đạt đến 1,58 tỷ m³ nước.

Hồ Dầu Tiếng vừa là khu vực khai thác vừa là nơi tiếp nhận nước thải từ quá trình bơm hút cát của nhiều đơn vị khai thác cát, trong đó có Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng.

b) Đánh giá khả năng chịu tải của hồ Dầu Tiếng

- Chế độ thủy văn:

+ Với diện tích mặt nước 270 km², dung tích hồ chứa 1,58 tỷ m³ nước chứa quanh năm, mùa mưa mực nước dâng cao ở mức báo động 3 (24,5m) mực nước lớn nhất đây là mực nước dâng bình thường của hồ, mùa khô lúc cạn kiệt nhất ở cao trình (14,5m). Nhìn chung, mực nước hồ dao động từ mực nước chết (17,0m) đến mực nước dâng bình thường 24,4m.

- + Tổng lưu lượng xả nước thải lớn nhất của Cơ sở là $310 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, tương đương $0,004 \text{ m}^3/\text{s}$. Lưu lượng xả nước thải của Cơ sở là rất nhỏ so với thể tích của hồ Dầu Tiếng, vì vậy không gây tác động đáng kể nào đến chế độ thủy văn dòng chảy và gây biến động dòng chảy của Hồ Dầu Tiếng.
- Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải xả vào hồ Dầu Tiếng:

Trong thời gian khai thác, Cơ sở sẽ thực hiện quan trắc lấy mẫu nước thải đầu ra từ bể lắng vào hồ Dầu Tiếng và nước mặt tại khu vực khai thác với tần suất 01 tháng/lần. Kết quả phân tích mẫu chất lượng nước thải tại vị trí xả nước thải vào hồ Dầu Tiếng đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (hệ số $k_q=1$; $k_f=1,1$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp. (Tuân thủ việc quan trắc định kỳ chất lượng nước theo Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 80/GP-TCTL-PCTTr ngày 23/02/2021 của Tổng cục thủy lợi cấp (nay là nay là Cục Quản lý và Xây dựng công trình Thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

2.2.2. Đối với môi trường không khí

Bụi, khí thải phát sinh tại Cơ sở chủ yếu từ bụi phát tán trong quá trình xúc bốc và vận chuyển cát đi tiêu thụ. Bên cạnh đó còn có khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của các phương tiện cơ giới (máy đào bánh xích, cần trục bánh xích, xe tải) và các phương tiện thủy nội địa (tàu hút và chở cát). Thành phần khí thải phát sinh như: CO , SO_2 , NO_x , VOC ,...

Tuy nhiên, bụi và khí thải phát sinh không tập trung mà phân tán trên diện tích lớn, ít ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Công ty đã thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để giảm thiểu phát tán bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án.

Ngoài ra trong các năm trở lại đây không ghi nhận các trường hợp gây tác động, ảnh hưởng môi trường nghiêm trọng tại khu vực hoạt động của Cơ sở.

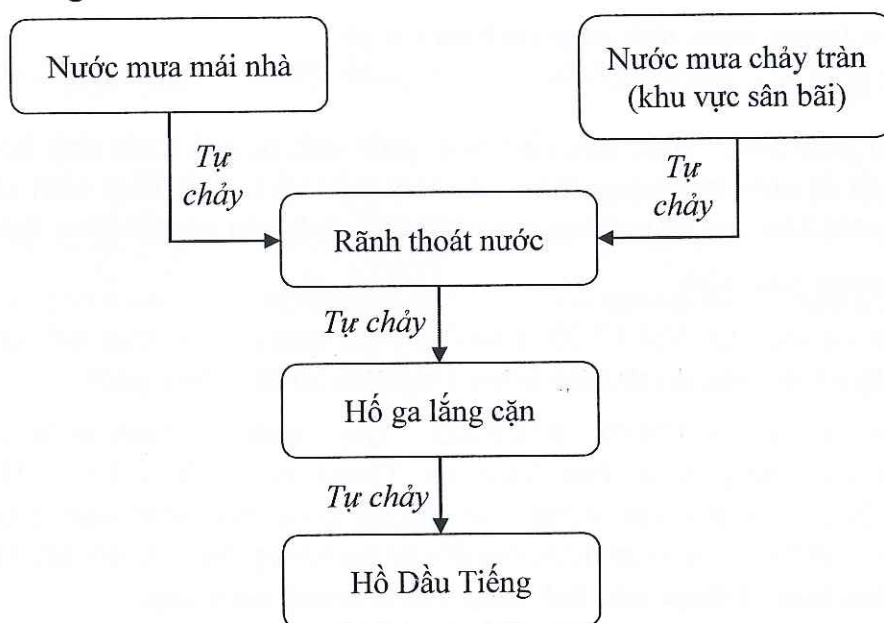
CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Cơ sở được thể hiện ở hình sau:



Hình 3.1: Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của Cơ sở

Để không chế ô nhiễm do nước mưa, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Không chế các nguồn gây ô nhiễm môi trường (nước thải, chất thải rắn) theo đúng quy định. Khu vực sân bãi thường xuyên được làm vệ sinh sạch sẽ, không để rơi vãi chất thải trong quá trình hoạt động.
- Hệ thống thu gom thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thu gom thoát nước thải.
- Mái nhà được thiết kế với độ dốc $i=1,5\%$, và sân bãi, đường nội bộ được thiết kế có độ dốc $i=1-5\%$ để nước mưa dễ dàng tiêu thoát.
- Hệ thống thu gom thoát nước mưa được xây dựng với độ dốc khoảng $i=1\%-2\%$. Hướng dốc từ các khu nhà văn phòng, nhà nghỉ công nhân viên, các công trình phụ trợ ra xung quanh và đổ ra hệ thống thu gom thoát nước mưa của Cơ sở.
- Rãnh thu gom thoát nước mưa được bố trí đi qua các khu vực văn phòng và các công trình phụ trợ và dọc theo tuyến đường nội bộ.
- Toàn bộ nước mưa chảy tràn trên mặt bằng khu vực bãi tập kết được thu gom theo các rãnh thoát nước mưa có kích thước $R \times C = 200\text{mm} \times 200\text{mm}$, tổng chiều dài khoảng 100 mét và bố trí hố ga lắng cặn có kích thước $D \times R \times C = 1\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$ để

lắng cặn trước khi thoát vào hồ Dầu Tiếng.

- Ngoài ra, Công ty thường xuyên vệ sinh, nạo vét hệ thống thoát nước mưa để tránh gây tắc nghẽn do đó khả năng tiêu thoát nước mưa của Cơ sở là khá tốt, không bị úng nước khi mưa to.

- Vị trí thoát nước mưa: Một phần nước mưa tự tiêu thoát vào đất, một phần chảy vào hồ Dầu Tiếng.

- Phương thức thoát nước mưa: tự chảy.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

3.1.2.1. Lưu lượng nước thải phát sinh tại Cơ sở

a) Nước thải sinh hoạt

- *Nguồn phát sinh:* Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt rửa tay chân, vệ sinh cá nhân của công nhân viên làm việc tại Cơ sở. Phát sinh chủ yếu tại nhà vệ sinh của khu vực văn phòng mỏ và nhà vệ sinh trên các tàu khai thác cát.

- *Lưu lượng phát sinh:*

+ Căn cứ theo QCVN 17:2011/BGTVT thì lượng nước thải tính cho 1 công nhân làm việc trên tàu thuyền trong 1 ngày là 50 lít/ngày.người.

+ Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành tại Thông tư 01/2021/TT – BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng: Lưu lượng nước thải phát sinh được dự báo khoảng $\geq 80\%$ chỉ tiêu cấp nước của đối tượng tương ứng. Do đó, lưu lượng nước thải sinh hoạt sẽ được ước tính bằng 100% lượng nước cấp.

Bảng 3.1: Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở

TT	Hoạt động sử dụng nước	Định mức sử dụng	Lưu lượng sử dụng (m ³ /ngày)	Tỷ lệ thải (%)	Lưu lượng nước thải (m ³ /ngày)
1	Sinh hoạt của công nhân viên làm việc trên tàu khai thác cát (16 người)	50 lít/ngày.người	0,8	100%	0,8
2	Sinh hoạt của công nhân viên làm việc trên bãi tập kết đi về trong ngày (10 người)	100 lít/ngày.người	1,0	100%	1,0
3	Sinh hoạt của công nhân viên làm việc trên bãi tập kết ở lại mỏ (2 người)	150 lít/ngày.người	0,3	100%	0,3
Tổng cộng (1+2+3)		-	2,1	-	2,1

b) Nước thải từ quá trình khai thác cát

- *Nguồn phát sinh:* Nước thải phát sinh từ quá trình khai thác cát chủ yếu phát sinh từ quá trình bơm hút cát từ tàu hút lên bãi tập kết.

- *Lưu lượng phát sinh:* Tính bằng 100% lưu lượng nước sử dụng khi bơm hút cát.

Tổng khối lượng cát khai thác của Cơ sở là 41.000 m³ nguyên khối/năm, thời

gian khai thác trong năm của Cơ sở là 300 ngày, vậy khối lượng cát khai thác trung bình trong 1 ngày là 136,67 m³ nguyên khối/ngày.

Căn cứ theo tình hình khai thác thực tế của Cơ sở, tỷ lệ hỗn hợp cát : nước khi bơm hút từ khoan chứa của tàu hút lên bãi tập kết là 8:2. Vậy tổng lưu lượng nước thải phát sinh từ quá khai thác cát là **34,17 m³/ngày**.

c) Nước mưa chảy vào hồ lắng

Cơ sở không hoạt động vào những ngày mưa lớn. Tuy nhiên, vào những ngày này sẽ có một phần nước mưa sẽ rơi trực tiếp vào bãi tập kết cát và chảy vào hồ lắng.

Diện tích bãi tập kết cát của Cơ sở là 20.000 m².

Lưu lượng nước mưa chảy vào hồ lắng tại bãi tập kết cát diện tích 20.000 m² được tính toán như sau: Lưu lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất theo ngày chảy tràn qua khu vực tập kết có thể ước tính dựa vào công thức: (Theo TCVN 7957:2023 - "Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế"):

$$Q_{\max} = q \times F \times \beta \times \psi$$

Trong đó:

- + $Q_{\max}$: Lưu lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất (l/s);
- + q : Cường độ mưa tính toán (lít/s.ha). Được tính toán theo biểu đồ quan hệ cường độ mưa (I), thời gian mưa (D), tần suất mưa (F) được lập cho từng vùng lãnh thổ. Cường độ mưa tại tỉnh Tây Ninh tính toán được là $q=115,7$ lít/s.ha;
- + F : Diện tích bãi tập kết cát: $F = 20.000 \text{ m}^2 \sim 2 \text{ ha}$;
- + β : Hệ số phân bố mưa. Căn cứ theo Bảng 4 – Hệ số phân bố mưa trong TCVN 7957:2023, với diện tích lưu vực nhỏ hơn 500ha thì hệ số $\beta = 1,0$;
- + ψ : Hệ số dòng chảy, phụ thuộc vào loại mặt phủ và chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán P, xác định theo Bảng 3 – Hệ số dòng chảy phụ thuộc vào chu kỳ lặp lại P trong TCVN 7957:2023, $\psi = 0,37$;

$$Q_{\max} = q \times F \times \beta \times \psi = 115,7 \text{ lít/s.ha} \times 2 \text{ ha} \times 1,0 \times 0,37 = 86 \text{ lít/s.}$$

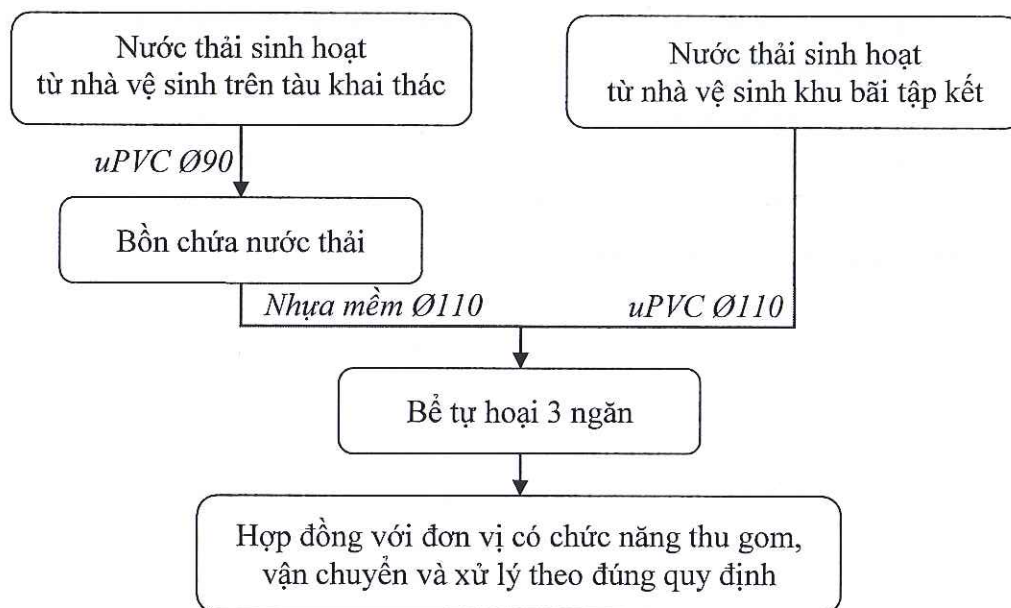
Vậy vào thời gian cao điểm của mùa mưa trong năm, tổng lưu lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất trong 1 giờ tại bãi tập kết cát của Cơ sở là **310 m³/giờ**.

Toàn bộ nước mưa chảy tràn tại bãi tập kết cát theo đường thu gom thoát nước thải chảy về hệ thống hồ lắng để lắng cặn trước khi xả thải ra hồ Dầu Tiếng.

3.1.2.2. Công trình thu gom, thoát nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt tại Cơ sở như sau:

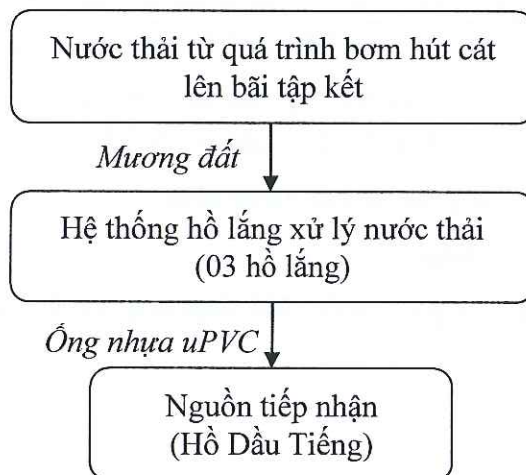


Hình 3.2: Sơ đồ thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh ở khu vực bãi tập kết: được thu gom theo đường ống nhựa uPVC Ø110mm, dài 5m dẫn về bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 37,5 m³ bằng BTCT để xử lý.
- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh trên tàu khai thác cát: Trên mỗi tàu khai thác cát đều có trang bị 01 nhà vệ sinh, nước thải sinh hoạt được thu gom theo đường ống nhựa uPVC Ø90mm, dài 1m dẫn về bồn chứa có thể tích 0,2 m³ bằng nhựa để lưu chứa. Định kỳ, công nhân sẽ nối đường ống nhựa mềm Ø110mm, dài 100m để bơm nước thải từ bồn chứa nước thải trên tàu về bể tự hoại tại khu vực bãi tập kết để xử lý chung với nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh trên bãi tập kết.
- Định kỳ Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Cơ sở không xả nước thải sinh hoạt ra môi trường.

b) Nước thải sản xuất

Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải từ quá trình bơm hút cát lên bãi tập kết được thể hiện ở hình sau:



Hình 3.3: Sơ đồ thu gom, thoát nước thải từ quá trình bơm hút cát lên bãi tập kết

Nước thải từ quá trình bơm hút cát lên bãi tập kết là **34,17 m³/ngày** theo bề mặt địa hình chảy vào mương thu gom nước thải dẫn về hệ thống hồ lắng của Cơ sở để xử lý. Tại đây nước được lưu chứa trong hồ lắng và lắng các chất rắn lơ lửng nhằm đảm bảo đạt chất lượng nước theo quy định trước khi xả nước thải ra môi trường.

Hệ thống thu gom thoát nước thải tại khu vực bãi tập kết cát của Cơ sở như sau:

- Nước thải phát sinh từ bãi tập kết cát được thu gom theo mương đất có kích thước $R \times C = 5\text{m} \times 1\text{m}$, tổng chiều dài khoảng 150m chảy vào hệ thống hồ lắng để xử lý.
- Nước thải sau hồ lắng 3 đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A (hệ số $k_q=1,0$; $k_f=1,1$) theo 03 đường ống nhựa uPVC Ø300mm, mỗi ống dài 6m, đặt âm dưới mặt đất 1m, tự chảy ra hồ Dầu Tiếng.

Cơ sở không hoạt động vào những ngày mưa lớn. Tuy nhiên, vào những ngày này sẽ có một phần nước mưa sẽ rơi trực tiếp vào bãi tập kết cát và chảy vào hồ lắng. Theo tính toán ở mục 3.1.2.1 vào thời gian cao điểm của mùa mưa trong năm, tổng lưu lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất trong 1 giờ tại bãi tập kết cát của Cơ sở là **310 m³/giờ**. Toàn bộ nước mưa chảy tràn tại bãi tập kết cát theo đường thu gom thoát nước thải chảy về hệ thống hồ lắng để lắng cặn trước khi xả thải ra hồ Dầu Tiếng.

Công ty thường xuyên vệ sinh, nạo vét hệ thống thoát nước thải để tránh gây tắc nghẽn và tăng khả năng tiêu thoát nước thải.

❖ **Điểm xả nước thải sau xử lý:**

Cơ sở có 01 vị trí xả thải thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận:

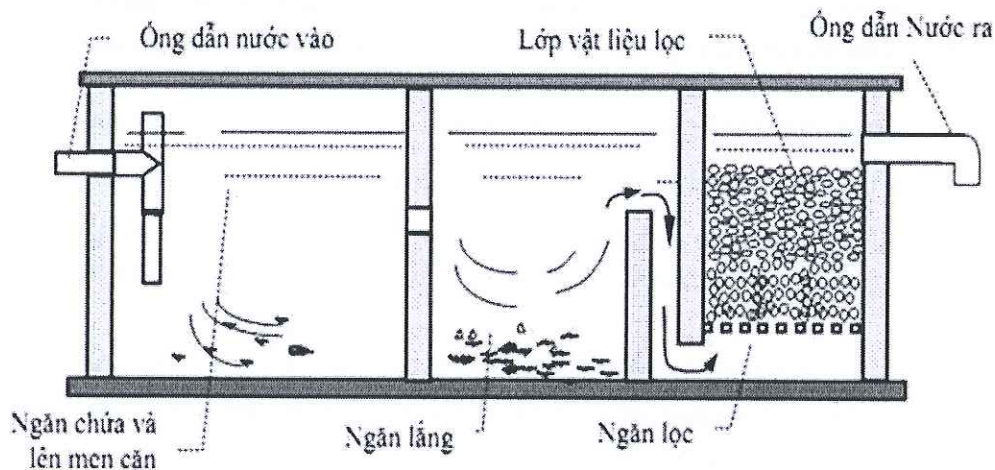
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hồ Dầu Tiếng thuộc xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°):
 $X = 1277578$; $Y = 600.205$.
- Điểm xả nước thải ra Hồ Dầu Tiếng có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.
- Lưu lượng xả thải lớn nhất: **310 m³/ngày.đêm** (tương đương 12,92 m³/giờ). (Lưu lượng xả thải lớn nhất được lấy vào thời gian cao điểm của mùa mưa trong năm).
- Phương thức xả thải: tự chảy.
- Chế độ xả thải: 24 giờ/ngày.đêm.

3.1.3. Xử lý nước thải

3.1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Hiện nay, Cơ sở đã được xây dựng 01 bể tự hoại ba ngăn có thể tích 37,5m³, kích thước $D \times R \times C = 5\text{m} \times 3\text{m} \times 2,5\text{m}$, bằng vật liệu BTCT để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh trên các tàu khai thác cát và nhà vệ sinh của khu văn phòng của khu vực bãi tập kết.

Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn của Cơ sở được thể hiện ở hình sau:



Hình 3.4: Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

✚ *Thuyết minh công nghệ bể tự hoại:*

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh trên các tàu khai thác cát và nhà vệ sinh khu văn phòng tại bãi tập kết được thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ, mỗi bể được chia làm 3 ngăn.

Nước thải sinh hoạt chảy vào ngăn 1 (ngăn này chiếm 50% dung tích toàn bể), dùng để lắng các hợp chất lơ lửng có kích thước lớn, đồng thời ngăn này còn có chức năng lên men kỵ khí, điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong nước thải. Thành phần các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí được hình thành trong lớp bùn ở đáy và được các vi sinh vật này hấp thụ, chuyển hóa các hợp chất hữu cơ phức tạp thành các chất hữu cơ dễ phân hủy.

Sau khi nước thải đi ra ngăn lắng 1, sẽ tự động chảy sang ngăn 2 (ngăn này chỉ chiếm 25% dung tích bể). Cuối cùng nước thải chảy qua ngăn số 3 (ngăn này chiếm 25% dung tích toàn bể, ngăn này có chức năng tách bùn sinh học và các chất lơ lửng ra khỏi dòng nước thải nhờ lớp vật liệu lọc).

Quá trình lên men kỵ khí sẽ sinh ra các khí như: CH_4 , CO_2 ... nhằm không gây mùi khó chịu, các khí này được thoát ra bằng các ống thông hơi uPVC có đường kính D60 nối từ bể tự hoại theo tường phía sau nhà vệ sinh và nối tới nhà vệ sinh.

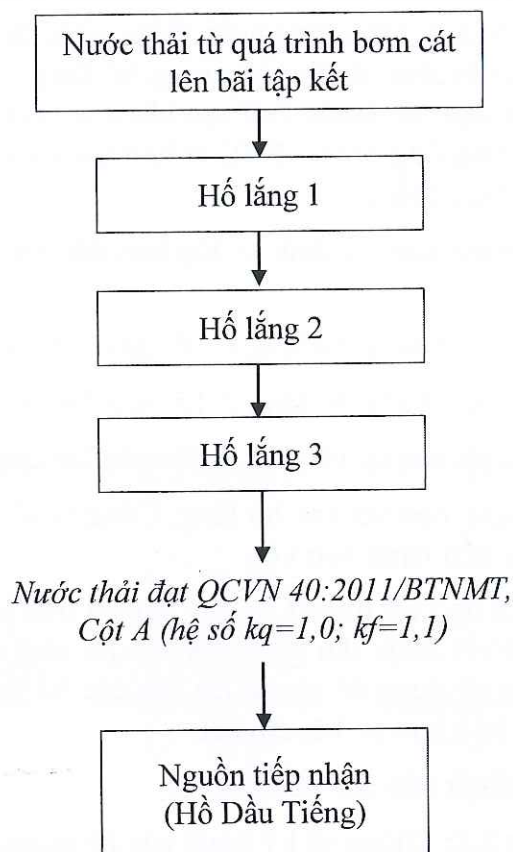
Bể tự hoại 3 ngăn sẽ thực hiện đồng thời 2 chức năng: lắng cặn và xử lý sinh học chất hữu cơ. Trong khoảng thời gian chứa từ 3 - 6 tháng, cặn tươi sẽ bị phân hủy sinh học trong điều kiện kỵ khí sinh gas và các chất vô cơ hòa tan.

Ưu điểm chủ yếu của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và có hiệu quả xử lý tương đối cao.

Định kỳ, Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Cơ sở không xả nước thải sinh hoạt ra ngoài môi trường.

3.1.3.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất

Nước thải trong quá trình bơm hút cát lên bãi tập kết chủ yếu có chứa hàm lượng chất rắn lơ lửng. Do đó Cơ sở lựa chọn công nghệ xử lý đơn giản là lắng lọc trước khi thải ra ngoài môi trường. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải từ quá trình bơm hút cát từ tàu lên bãi tập kết như sau:



Hình 3.5: Quy trình xử lý nước thải từ quá trình bơm hút cát lên bãi tập kết

✦ *Thuyết minh quy trình:*

Chức năng của các hồ lắng: Nước thải từ quá trình bơm hút cát lên bãi tập kết chứa nhiều chất rắn lơ lửng, bao gồm cát mịn, bùn, đất sét, và các tạp chất khác. Khi nước thải được đưa vào hồ lắng, vận tốc dòng chảy giảm đáng kể. Do trọng lực, các hạt chất rắn nặng hơn sẽ từ từ chìm xuống đáy hồ, tạo thành lớp bùn cặn. Quá trình này diễn ra liên tục, giúp tách dần các chất rắn ra khỏi nước, giúp giảm độ đục và hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải. Hồ lắng góp phần làm sạch nước thải trước khi xả ra môi trường.

Hiệu quả xử lý của hồ lắng phụ thuộc vào kích thước hồ và thời gian lưu nước trong hồ. Công ty xây dựng các hồ lắng được thiết kế với kích thước và hình dạng phù hợp để tăng hiệu quả xử lý.

- Hồ lắng 1: Có chức năng lắng sơ bộ nước thải. Nước thải từ quá trình bơm hút cát lên bãi tập kết theo đường thu gom nước thải chảy vào hồ lắng 1. Tại đây, các hạt cát lớn và các chất rắn nặng hơn sẽ lắng xuống đáy. Hồ lắng 1 giúp giảm tải lượng chất rắn cho các hồ lắng tiếp theo. Nước thải sau hồ lắng 1 tự chảy sang hồ lắng 2 bằng 03 đường ống nhựa uPVC Ø300mm, mỗi ống dài 6m, đặt âm dưới mặt đất 1m.

- Hồ lắng 2: Có chức năng lắng trung gian nước thải. Nước thải sau khi lắng cặn ở hồ lắng 1 sẽ tự chảy theo đường ống sang hồ lắng 2. Ở hồ lắng 2, các hạt cát mịn hơn và các chất rắn lơ lửng nhỏ hơn sẽ được lắng đọng. Nước thải sau hồ lắng 2 tự chảy sang hồ lắng 3 bằng 03 đường ống nhựa uPVC Ø300mm, dài 6m, đặt âm dưới mặt đất 1m.

- Hồ lắng 3: Có chức năng lắng hoàn thiện nước thải. Nước thải sau khi lắng cặn ở hồ lắng 2, sẽ tự chảy theo đường ống sang hồ lắng 3. Tại đây, các chất rắn lơ lửng còn sót lại sẽ được loại bỏ. Nước thải sau khi qua hồ lắng 3 đạt tiêu chuẩn quy định tự chảy theo 03 đường ống nhựa uPVC Ø300mm, mỗi ống dài 6m, đặt âm dưới mặt đất 1m chảy ra hồ Dầu Tiếng.

Công ty tiến hành nạo vét định kỳ lớp bùn đất trong các hồ lắng để tăng hiệu quả xử lý:

- Thời gian nạo vét bùn tại hồ lắng 1: 10 ngày/lần tương đương khoảng 30 lần/năm;
- Thời gian nạo vét bùn tại hồ lắng 2: 15 ngày/lần tương đương khoảng 20 lần/năm;
- Thời gian nạo vét bùn tại hồ lắng 3: 30 ngày/lần tương đương khoảng 10 lần/năm.

Vào những ngày nạo vét các hồ lắng, Công ty sẽ tiến hành khóa đường ống xả nước thải trước khi tiến hành nạo vét.

Lượng bùn cát nạo vét được Công ty tập kết trên bờ của các hồ lắng. Phần nước thải từ bùn cát nạo vét được thu gom chảy về hồ lắng để xử lý. Bùn cát sau khi ráo nước được Công ty sử dụng để gia cố bờ bao các hồ lắng, đường vận chuyển nội bộ và gia cố nền toàn bộ khu vực bãi tập kết.

✚ *Thông số kỹ thuật của các hồ lắng:*

Bảng 3.2: Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải từ quá trình bơm hút cát lên bãi tập kết

TT	Tên hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Hồ lắng 1	01 hồ	- Diện tích: 801 m ² - Độ sâu: 2 m - Thể tích hồ: 1.602 m ³ - Thể tích chứa nước hữu ích: 1.201,5 m ³ - Vật liệu: Hồ đất - Thời gian lưu nước vào mùa khô: 35 ngày. - Thời gian lưu nước vào mùa mưa: 4 ngày.
2	Hồ lắng 2	01 hồ	- Diện tích: 885 m ² - Độ sâu: 2 m - Thể tích hồ: 1.770 m ³ - Thể tích chứa nước hữu ích: 1.327,5 m ³ - Vật liệu: Hồ đất - Thời gian lưu nước vào mùa khô: 39 ngày. - Thời gian lưu nước vào mùa mưa: 4 ngày.
3	Hồ lắng 3	01 hồ	- Diện tích: 1.024 m ² - Độ sâu: 2 m - Thể tích hồ: 2.048 m ³ - Thể tích chứa nước hữu ích: 1.536 m ³ - Vật liệu: Hồ đất - Thời gian lưu nước vào mùa khô: 45 ngày. - Thời gian lưu nước vào mùa mưa: 5 ngày.

(Nguồn: Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng, năm 2025)

Ngoài ra, Công ty còn tiến hành các biện pháp sau để giảm thiểu độ đục của nước khi tiến hành khai thác bằng tàu hút:

- Công ty thực hiện quan trắc chất lượng nước mặt định kỳ trong thời gian khai thác cát để đánh giá diễn biến ô nhiễm nước hồ do hoạt động khai thác cát.
- Vào những ngày mưa, độ đục của dòng nước trong hồ tăng, do đó Công ty không khai thác cát vào những ngày có mưa lớn.
- Hạn chế các phương tiện khai thác cát đồng thời.

3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

Bụi, khí thải phát sinh tại khai trường khai thác và khu vực bãi tập kết cát chủ yếu từ các nguồn sau:

- Khí thải từ phương tiện khai thác cát (tàu hút và vận chuyển cát);
- Bụi từ quá trình xúc bốc cát tại bãi tập kết lên phương tiện vận tải;
- Bụi, khí thải từ các phương tiện cơ giới vận chuyển cát đi tiêu thụ.

Để giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn trên, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

3.2.1. Biện pháp xử lý bụi, khí thải tại khu vực khai thác

Nhằm ngăn bụi, khí thải phát tán ra môi trường xung quanh, Công ty triển khai một số biện pháp như sau:

- Tàu hút và vận chuyển cát được điều chỉnh chế độ đốt nhiên liệu phù hợp và không làm việc quá công suất quy định.
- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.
- Hướng dẫn và yêu cầu công nhân vận hành thiết bị đúng quy tắc.
- Bố trí thời gian làm việc thích hợp, không gây quá tải.
- Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân viên vận hành khai thác.
- Thường xuyên kiểm tra và tu sửa, bảo dưỡng định kỳ hệ thống máy móc, để các thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt, làm giảm thiểu ảnh hưởng của chúng trong quá trình hoạt động đến môi trường. Định kỳ duy tu tàu hút và các thiết bị cơ khí đi kèm.
- Công ty đã tiến hành đăng kiểm cho các tàu hút và vận chuyển cát định kỳ. Các tàu hút và vận chuyển cát của Cơ sở đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa.

3.2.2. Biện pháp xử lý bụi, khí thải khu vực bãi tập kết cát

Nhằm ngăn bụi, khí thải phát tán ra môi trường xung quanh do gió cuốn từ bãi tập kết trong thời gian chưa vận chuyển đi tiêu thụ, Công ty đã áp dụng các công trình, biện pháp kỹ thuật để giảm thiểu tác động tại khu vực bãi tập kết bằng các biện pháp như sau:

- Công ty thực hiện tưới nước dập bụi tại khu vực sân bãi đường nội bộ bãi tập kết trước khi xúc bốc để giảm thiểu bụi.

- Khi tiến hành xúc bốc cát, công nhân điều khiển hạ thấp gầu mức xuống sát thùng xe để hạn chế ảnh hưởng của gió.
- Công nhân được trang bị khẩu trang để hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân.
- Các thùng xe vận tải được phủ bạt kín tránh rơi vãi.
- Bố trí thời gian làm việc hợp lý.
- San gạt sản phẩm theo đúng kế hoạch thi công, tránh tập trung thi công cùng lúc.
- Phân bố luồng xe tải ra vào công trường hợp lý, tránh ùn tắc, gây ô nhiễm khói bụi cho khu vực.
- Khi chuyên chở vật liệu xây dựng, các thùng xe vận tải sẽ được phủ bạt kín tránh rơi vãi.

3.2.3. Biện pháp xử lý bụi, khí thải tại tuyến đường vận chuyển

Để giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến môi trường trong quá trình vận chuyển cát, Công ty chủ động thực hiện các biện pháp sau:

- Quy định xe vận chuyển cát thành phẩm phải có thùng kín, có bạt che nhằm tránh tình trạng đất cát rơi vãi, bụi theo gió thổi lên và tạt ra xung quanh. Xe không đảm bảo theo điều kiện sẽ không được ra khỏi dự án.
- Đã bố trí trạm cân, camera để giám sát khối lượng mua bán cát tại bến bãi, khối lượng vận chuyển.
- Tuân thủ quy định xe vận chuyển không chở quá tải, chạy theo tốc độ quy định (10km/h) trong toàn tuyến nội từ mỏ khai thác đến tuyến đường tỉnh.
- Xe hoạt động từ 7h đến 17h để tránh ảnh hưởng đến cuộc sống dân cư dọc tuyến đường vận chuyển. Hạn chế việc vận chuyển cát vào các ngày cuối tuần để tránh ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của các khu dân cư khu vực xung quanh dọc tuyến đường vận chuyển, xe vận chuyển lần lượt từng chuyến, tránh tập trung vào một nơi tại cùng một thời điểm gây tắc nghẽn đường giao thông khu vực.
- Các xe chở cát vận chuyển cách nhau một khoảng thời gian khoảng 10 phút để đảm bảo an toàn, giảm thiểu bụi, giảm ồn.
- Công ty thực hiện cải tạo, sửa chữa tuyến đường đất từ khu vực bãi tập kết đến đường giao thông chính khu vực (đường nhựa liên xã), cụ thể như sau: Định kỳ 1 năm/lần Công ty cải tạo, sửa chữa đường hỏng, vá ổ gà bằng vật liệu có sẵn trong mỏ (đất cát,...). Công ty thuê đơn vị có chuyên môn để thực hiện thi công và duy tu đường mỏ, công tác cải tạo và sửa chữa đường được thực hiện bằng thủ công kết hợp cơ giới.

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Trong quá trình khai thác, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở từ quá trình sinh hoạt, ăn uống của công nhân viên.

- Thành phần: Rác thải sinh hoạt vô cơ như chai lọ, hộp, muống nhựa hoặc xốp, bao bì đựng thức ăn, khăn giấy, túi giấy, giấy vệ sinh, đũa tre dùng 1 lần...; và rác thải hữu cơ chủ yếu là thức ăn thừa,...

- Khối lượng: Căn cứ Mục 2.12.1 Khối lượng chất thải phát sinh của QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành tại Thông tư 01/2021/TT – BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng: Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được áp dụng là 0,8 kg/người/ngày. Số lượng công nhân viên làm việc tại Cơ sở là 28 người, vậy tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 22 kg/ngày, tương đương khoảng 6,6 tấn/năm.

Bảng 3.3: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	6,6

- Để giảm thiểu tác động do CTRSH, Công ty đã thực hiện biện pháp sau:

+ Công ty thu gom, phân loại và chứa trong các thùng chứa chất thải rắn chuyên dụng bằng nhựa, có nắp đậy dung tích chứa từ 20 – 120 lít và được bố trí tại khu nhà văn phòng, trên các ghe khai thác sau đó chuyển về khu tập kết rác thải sinh hoạt tại Cơ sở.

+ Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở theo quy định.

3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Nguồn phát sinh: Do đặc thù loại hình của Cơ sở là khai thác cát tại lòng hồ và không thực hiện bóc lớp phủ nên chất thải rắn thông thường phát sinh tại Cơ sở chủ yếu là bùn đất từ quá trình nạo vét hồ lắng định kỳ, cành lá rế cây chưa kịp phân hủy lẫn trong quá trình bơm hút cát. Ngoài ra, còn phát sinh sắt thép phế liệu không nhiễm chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thay thế linh kiện của các máy móc thiết bị hư hỏng trong quá trình hoạt động khai thác cát.

- Khối lượng phát sinh:

+ Tính toán khối lượng bùn đất từ quá trình nạo vét 03 hồ lắng:

Bảng 3.4: Khối lượng bùn đất nạo vét hằng năm tại 3 hồ lắng

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Độ sâu nạo vét (m)	Thể tích vét (m ³)	Tần suất nạo vét	Khối lượng nạo vét (m ³ /năm)
1	Hồ lắng 1	801	0,2	160,2	30 lần/năm	4.806
2	Hồ lắng 2	885	0,2	177	20 lần/năm	3.540
3	Hồ lắng 3	1.024	0,2	204,8	10 lần/năm	2.048
Tổng cộng						10.394

(Nguồn: Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng, năm 2025)

Căn cứ theo Phụ lục VII kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng, thì trọng lượng đất mùn là 180 kg/m^3 . Vậy khối lượng bùn đất nạo vét từ 3 hồ lắng định kỳ hằng năm tại Cơ sở là $10.394 \text{ m}^3/\text{năm} \times 180 \text{ kg/m}^3 = 1.870.920 \text{ kg/năm}$.

+ Cành lá rế cây: Căn cứ theo tình hình hoạt động thực tế của Cơ sở, khối lượng cành lá rế cây phát sinh khoảng 100 kg/năm .

+ Sắt thép phế liệu không nhiễm chất thải nguy hại từ quá trình thay thế linh kiện của các máy móc thiết bị hư hỏng: Căn cứ theo tình hình hoạt động thực tế của Cơ sở, sắt thép phế liệu phát sinh khoảng 200 kg/năm .

Bảng 3.5: Danh mục CTRCNTT phát sinh thực tế tại Cơ sở

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại
1	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải khác với các loại trên (Bùn thải từ quá trình nạo vét hồ lắng)	12 06 12	1.870.920	Rắn/Bùn	TT-R
2	Chất thải từ vỏ cây, gỗ loại bỏ (Cành lá, rế cây chưa kịp phân hủy lẫn trong quá trình bơm hút cát)	09 03 01	100	Rắn	TT-R
3	Các bộ phận, thiết bị, linh kiện khác với các loại nêu trên (Sắt thép phế liệu không nhiễm chất thải nguy hại từ quá trình thay thế linh kiện của máy móc thiết bị hư hỏng)	15 02 15	200	Rắn	TT-R
Tổng cộng		-	1.871.220	-	-

(Nguồn: Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng, năm 2025)

- Biện pháp thu gom, xử lý:

+ Bùn đất từ quá trình nạo vét hồ lắng: được tận dụng để đắp bờ, gia cố nền, duy tu sửa chữa tuyến đường giao thông trong khu vực bãi tập kết của Cơ sở.

+ Cành lá rế cây: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

+ Sắt thép phế liệu không nhiễm chất thải nguy hại từ quá trình thay thế linh kiện của các máy móc thiết bị hư hỏng: Được thu gom và bán phế liệu.

3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở chủ yếu từ quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị, tuy nhiên khối lượng phát sinh không nhiều.

Thành phần, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở như sau:

Bảng 3.6: Danh mục CTNH phát sinh thực tế tại Cơ sở

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	6	Rắn	NH
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	6	Rắn	NH
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	180	Lỏng	NH
4	Bao bì mềm thải (dính thành phần nguy hại)	18 01 01	3	Rắn	KS
5	Bao bì kim loại cứng (dính thành phần nguy hại)	18 01 02	60	Rắn	KS
6	Bao bì nhựa cứng (dính thành phần nguy hại)	18 01 03	12	Rắn	KS
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả các vật liệu lọc chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	12	Rắn	KS
Tổng cộng		-	279	-	-

(Nguồn: Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng, năm 2025)

Ghi chú: (KS) là chất thải công nghiệp phải kiểm soát, cần áp dụng ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại để phân định là chất thải nguy hại hay chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT – BNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

➤ **Công tác thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Bố trí kho chứa chất thải nguy hại: Công ty thực hiện phân khu riêng biệt từng loại CTNH và có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- + Tên CTNH, mã CTNH theo danh mục CTNH.
- + Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra.
- + Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009.
- + Ngày bắt đầu được đóng gói, bảo quản.

- Kết cấu công trình kho chứa chất thải nguy hại: Diện tích 26,6 m², được bố trí tách riêng với các khu vực khác và xây dựng đúng theo yêu cầu kỹ thuật như mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu, bố trí gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che bằng tôn, tường bao quanh.

- Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại: Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

- Phương án thu gom chất thải nguy hại trong trường hợp bị tràn đổ:
 - + Lập tức sử dụng các phương tiện ứng phó phù hợp như cát, giẻ lau,... để cô lập nguồn ô nhiễm tránh sự cố tràn đổ lan ra diện rộng.
 - + Sau khi đã khoanh vùng, cô lập nguồn ô nhiễm thì sử dụng cát phủ lên bề mặt khu vực đã khoanh vùng để cát hấp thụ chất thải dạng lỏng.
 - + Sử dụng xẻng chuyên dụng để tiến hành thu gom lượng cát đã hấp thụ chất thải nguy hại dạng lỏng và cho vào thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng.
 - + Đậy kín và niêm phong thùng chứa chất thải rồi bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.
 - + Tiến hành làm sạch lại khu vực nền kho bị tràn đổ chất thải nguy hại bằng hóa chất làm sạch chuyên dụng.

➤ **Công tác quản lý chất thải nguy hại:**

- Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ khối lượng CTNH phát sinh tại Cơ sở theo đúng quy định.
- Sử dụng chứng từ bàn giao chất thải nguy hại trong mỗi lần thực hiện chuyển giao chất thải nguy hại theo phụ lục hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.
- Lưu trữ với thời hạn 05 năm tất cả các chứng từ chuyển giao chất thải nguy hại đã sử dụng và báo cáo tình hình quản lý chất thải nguy hại định kỳ hằng năm kèm theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm của Công ty.
- Công ty cam kết thực hiện các biện pháp thu gom, lưu chứa, phân loại chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

➤ **Đánh giá khả năng lưu chứa:**

Căn cứ khối lượng các loại chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở là 275 kg/năm, với diện tích kho lưu chứa CTNH 26,6 m² kết hợp với tần suất thu gom chất thải nguy hại thường xuyên, Công ty đảm bảo được khả năng lưu chứa CTNH tại kho chứa.

3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Nhằm giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Cơ sở, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

3.5.1. Tại khai trường khai thác

- Thực hiện hoạt động khai thác từ 7 giờ tới 17h giờ, không thực hiện khai thác vào ban đêm.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của tàu hút để đảm bảo hoạt động trơn tru, giảm thiểu tiếng ồn do ma sát, rung động.
- Bôi trơn các bộ phận chuyển động định kỳ.
- Hạn chế tập trung các tàu hút cùng một chỗ, gây cộng hưởng tiếng ồn.

- Lắp đặt đệm cao su, cơ cấu giảm chấn và lò xo chống rung đối với các máy bơm hút.

- Tổ chức giờ giấc lao động hợp lý, sắp xếp luân phiên các nhóm công nhân phải làm việc thường xuyên ở nơi có độ ồn cao.

3.5.2. Tại bãi tập kết

- Quy định tốc độ xe tải vận chuyển cát ra vào dự án không vượt quá 20 km/h.
- Các phương tiện vận chuyển thường xuyên được bảo dưỡng, kiểm tra độ mòn chi tiết thường kỳ, cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng để giảm thiểu tiếng ồn.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy móc, thiết bị trước khi vận hành, vận hành đúng công suất thiết kế, đúng tải trọng quy định.
- Điều chỉnh số lượng máy móc sử dụng một cách luân phiên cho hợp lý để hạn chế sự cộng hưởng tiếng ồn.
- Đảm bảo khoảng cách máy móc thiết bị, không tập trung máy móc trong một khu vực để hạn chế tiếng ồn.
- Thực hiện các quy định trong lưu chứa và kinh doanh cát xây dựng, không thực hiện kinh doanh cát ngoài thời gian từ 7 giờ tới 17h giờ.

➤ Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn và độ rung của Cơ sở

Tiếng ồn, độ rung tại Cơ sở bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 3.7: Quy chuẩn về tiếng ồn áp dụng tại Cơ sở

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Bảng 3.8: Quy chuẩn về độ rung áp dụng tại Cơ sở

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Trong công tác phòng chống cháy nổ, phòng cháy chữa cháy, Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy định phòng cháy, chữa cháy trong khu vực. Xây dựng quy định PCCC để CBCNV áp dụng và học tập.
- Nhiên liệu dễ cháy đã được quy hoạch riêng và khu vực này được bố trí thùng chứa cát, bình cứu hỏa.

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức phòng cháy chữa cháy cho công nhân viên làm việc trong mỏ.
- Bố trí trang thiết bị thi công gọn gàng, khoa học.
- Các đường dây điện cần thiết kế an toàn, tránh chập mạch gây cháy, kiểm tra định kỳ đường dây điện và các mối nối, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các thiết bị điện trên tàu.
- Không hút thuốc lá và các hoạt động phát sinh tia lửa điện trong các khu vực cấm như khu vực đặt nhiên liệu.
- Tránh để các vật liệu dễ cháy tiếp xúc với nguồn nhiệt.
- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị điện.
- Các máy móc thiết bị làm việc ở nhiệt độ, công suất cao sẽ được quản lý thông qua các hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng.

❖ **Phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ, tràn đổ nhiên liệu tại kho chứa nhiên liệu**

Để đảm bảo cho quá trình hoạt động thuận tiện, tại bãi tập kết Công ty đã bố trí 01 nhà kho chứa nhiên liệu với diện tích 81,9 m² để lưu chứa dầu nhớt phục vụ cho các máy móc, thiết bị của Cơ sở. Để phòng ngừa sự cố cháy nổ, Công ty trang bị các thiết bị PCCC để kịp thời ứng cứu trong các trường hợp khẩn cấp xảy ra.

- Cấu tạo kho chứa nhiên liệu:
 - + Xây dựng tường bao quanh, nền sàn bằng bê tông.
 - + Có rãnh và hố thu gom để thu gom dầu tràn.
 - + Có mái che và lỗ thông gió.
 - + Trang bị các thiết bị PCCC như: bình chữa cháy, cát chữa cháy,...
- Hoạt động ứng phó khi xảy ra rủi ro, sự cố rò rỉ dầu tại kho chứa nhiên liệu:
 - + Bằng mọi biện pháp không cho dầu, nhớt từ nguồn gây ô nhiễm do sự cố tiếp tục tràn ra môi trường xung quanh.
 - + Áp dụng các biện pháp ngăn, vây không cho chất ô nhiễm đã tràn ra tiếp tục loang rộng thêm, nhất là không cho loan ra vùng có nước.
 - + Di chuyển các phương tiện, máy móc ra khỏi vùng xảy ra sự cố.
 - + Tuyệt đối không dùng chất hoặc các biện pháp làm phân tán dầu, nhớt ra môi trường xung quanh, nhất là trong môi trường nước.
 - + Dùng các dụng cụ thu gom vớt dầu, đất đá nhiễm dầu vào dụng cụ lưu chứa và chuyển về kho chứa CTNH để bàn giao cho đơn vị dịch vụ đến tiếp nhận, xử lý.

❖ **Xây dựng kịch bản ứng phó sự cố cháy nổ**

- Khi xảy ra sự cố cháy tại bất kỳ khu vực nào trong mỏ, tất cả nhân viên phải tuân thủ theo các bước sau đây:
 - + Người phát hiện ra đám cháy đầu tiên phải báo động cho người cùng biết bằng cách hô to khẩu lệnh "Cháy, cháy, cháy". Sau đó điện thoại trực tiếp cho thường trực bảo vệ tại mỏ cùng các lãnh đạo có mặt tại mỏ được biết vị trí xảy ra cháy.

+ Những khu vực xảy ra cháy phải nhanh chóng cúp ngay cầu dao điện đồng thời sử dụng cát, bình xịt CO₂, bình bột, nước để chữa cháy ngay ban đầu.

+ Sơ tán công nhân viên ra khỏi khu vực cháy ngay lập tức.

+ Trục lãnh đạo tại mỏ chỉ huy PCCC tổ chức điều động việc chữa cháy và cứu nạn; đồng thời chỉ đạo các bộ phận hướng dẫn, di chuyển người, tài sản ra các khu vực tập kết an toàn.

- Trong quá trình tham gia tổ chức chữa cháy theo các vị trí đã phân công nêu trên thì tất cả các nhân viên trong mỏ luôn đặt nhiệm vụ cứu người là ưu tiên hàng đầu.

- Sau khi đám cháy được dập tắt hoàn toàn, đội PCCC phải bảo vệ tốt hiện trường xảy ra đám cháy, giao lại đầy đủ hiện vật tại chỗ cho chỉ huy và tổ giám định của công an PCCC để xác định nguyên nhân vụ cháy; đồng thời cử người túc trực tại khu vực cháy để theo dõi những tàn lửa có thể còn sót lại cho đến khi có lệnh của lãnh đạo thì triển khai khắc phục hậu quả.

- Tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm sau khi xảy ra sự cố

3.6.2. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động

Công tác đảm bảo an toàn lao động luôn được Công ty đặt lên hàng đầu nhằm bảo vệ tốt nhất sức khỏe của công nhân tham gia sản xuất. Để thực hiện được nhiệm vụ này, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

❖ Công tác an toàn lao động

- Thực hiện đăng ký số hiệu tàu khi hoạt động và phải được cấp phép hoạt động phục vụ cho hoạt động khai thác cát theo Phụ lục phương tiện cơ giới đường bộ, phương tiện thủy nội địa kèm theo Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh Tây Ninh.

- Công nhân điều khiển phương tiện đường thủy nội địa và phương tiện xe cơ giới đều phải học qua các lớp chuyên môn và có chứng chỉ (bằng cấp) về các loại phương tiện bị đó.

- Máy móc, thiết bị và xe phải có đầy đủ các bộ phận bảo hiểm như che chắn, tín hiệu âm thanh.

- Khi làm việc phải có hiệu lệnh rõ ràng, như nạp xe, xúc đầy cát, di chuyển,... Hiệu lệnh không rõ ràng coi như hiệu lệnh ngừng (không có hiệu lực).

- Mọi công nhân phải am hiểu tín hiệu.

- Khi sửa chữa máy móc, thiết bị phải di chuyển đến nơi an toàn; phải quan tâm đến lựa chọn mặt bằng và lối đi để máy xúc không bị lún hay bị sa lầy.

- Tuân thủ các quy định về kỹ thuật và an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên sau:

+ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5326: 2008 - Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên;

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04: 2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

❖ An toàn trong công tác vận hành máy đào bánh xích

- Trước khi làm việc thợ lái máy phải kiểm tra bảo dưỡng máy theo quy định.

- Kiểm tra thu xếp các loại thiết bị ra ngoài khu vực máy hoạt động, yêu cầu mọi người không có nhiệm vụ ra ngoài khu vực an toàn, khi khu vực hoạt động đảm bảo an toàn mới tiến hành vận hành máy công tác.

- Công nhân điều khiển máy phải thường xuyên chú ý tăng mô đang công tác để phòng có hiện tượng lở gây mất an toàn.

- Không đưa gàu qua ca bin ô tô.
- Không quay máy khi máy đang xúc.
- Không dừng máy đột ngột khi máy đang quay gàu.
- Không đập gàu xúc vào xích.
- Không chạm gàu vào thùng xe.
- Không đi chuyển dưới đường dây tải điện, điểm gần nhất của máy không được nhỏ hơn 6 mét.

- Khi máy xúc đang làm việc không để người khác ở trên máy xúc.

❖ **An toàn trong công tác vận tải bằng xe tải**

- Người lái xe vận tải mỏ phải có bằng đúng quy định và có sức khỏe tốt.
- Nghiêm chỉnh chấp hành Luật giao thông đường bộ
- Trước khi đưa xe ra hoạt động, tài xế phải kiểm tra thật kỹ các hệ thống xe, hệ thống phanh, còi, đèn, nước làm mát,... luôn đầy đủ và hoạt động tốt. Nếu không an toàn không hoạt động.
- Khi xe vào nhận tải, dỡ tải phải chú ý thực hiện đúng tín hiệu của người báo hiệu.

3.6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở, sụt lún bờ hồ

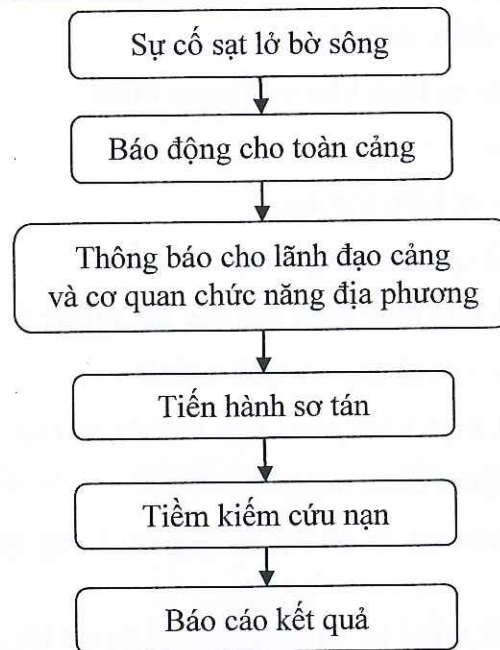
Để phòng tránh sạt lở và sụt lún bờ hồ, sự cố môi trường trong hoạt động khai thác cát thì Công ty sẽ luôn đảm bảo tuân thủ đúng phương án khai thác đã được phê duyệt.

- Khi có sự cố xảy ra, lập tức dừng mọi hoạt động khai thác, lập phương án và tiến hành xử lý sự cố sạt lở đảm bảo an toàn;

- Trong quá trình mỏ hoạt động cần định kỳ giám sát sạt lở, sụt lún để kịp thời gia cố, sửa chữa đảm bảo an toàn cho người và thiết bị khi làm việc tại mỏ cũng như an toàn cho môi trường, tránh xảy ra các sự cố môi trường do vấn đề trượt lở, sụt lún gây nên.

❖ **Kịch bản ứng phó khi xảy ra sự cố sạt lở, sụt lún bờ hồ**

Nhằm hạn chế các tác động do sự cố sạt lở, sụt lún bờ hồ trong quá trình hoạt động khai thác gây nên, chủ đầu tư xây dựng kịch bản nhằm đáp ứng cho việc xử lý sự cố sạt lở bờ hồ như sau:



Hình 3.6: Quy trình ứng phó sự cố sạt lở, sụt lún bờ hồ

- Phát hiện sự cố: Công nhân viên phát hiện sự cố xác định nhanh vị trí, mức độ.
- Báo động cho toàn khu vực khai thác và bãi tập kết:
- Thông báo cho Giám đốc điều hành mỏ, Giám đốc Công ty và cơ quan chức năng của địa phương:
 - + Dừng ngay hoạt động khai thác.
 - + Chỉ huy hiện trường xác định, đánh giá sự cố, triển khai lực lượng ứng phó sự cố.
 - + Nhận định tình hình huy động lực lượng bên ngoài.
 - + Gọi thông báo đến cơ quan chức năng địa phương để được hỗ trợ ứng cứu:
 - ✓ Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Tân Châu;
 - ✓ Lực lượng Công an xã đến hỗ trợ an ninh trật tự, an toàn khu vực;
 - ✓ Điện lực ngắt điện toàn bộ khu vực xảy ra sạt lở;
 - ✓ Trung tâm y tế huyện Tân Châu điều động xe cứu thương và y, bác sĩ sơ cấp cứu, chuyển thương.
 - ✓ Lực lượng Cảnh sát giao thông đường thủy nội địa chốt tại các nút giao thông đảm bảo trật tự giao thông đảm bảo thuận tiện cho tàu thuyền qua lại khu vực xảy ra sạt lở.
- Tiến hành sơ tán:
 - + Tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến sạt lở, di tản mọi người ra khỏi khu vực sạt lở, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản khi cần thiết;
 - + Cắm biển cảnh báo, khoanh vùng khu vực đang có diễn biến sạt lở;
- Tiến hành tìm kiếm cứu nạn:

- + Sơ cứu nạn nhân, nếu có:
- + Đưa nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm.
- Báo cáo kết quả:
 - + Tổ chức bảo vệ hiện trường;
 - + Tổng hợp kết quả sau ứng cứu;
 - + Đánh giá kết quả thực hiện của các lực lượng tham gia ứng cứu sự cố.
 - + Xác định nguyên nhân, rút kinh nghiệm.
 - + Đề xuất thực hiện khôi phục môi trường sau sự cố.
 - + Báo cáo cơ quan chức năng.

Nếu nguyên nhân sạt lở do dự án gây ra, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp khắc phục sự cố:

- Không khai thác tại vị trí và đoạn gần vị trí sạt lở.
- Xây kè bằng cừ tràm, tre để ngăn chặn sạt lở.
- Gia cố bờ, đắp đất, đầm chặt ổn định bờ.
- Thả lục bình để giảm sóng tác động lên bờ, giảm sạt lở.
- Trong trường hợp cần thiết, Công ty sẽ nắn luồng khai thác ra xa phía bờ bị sạt lở để giảm trực động lực dòng chủ lưu lên bờ, giảm nguy cơ sạt lở.
- Thực hiện đo vẽ địa hình hiện trạng khu vực sạt lở để có phương án xử lý và giám sát.
- Phối hợp chính quyền địa phương, người dân kiểm kê các thiệt hại, tổn thất để lên phương án thỏa thuận đền bù thích hợp. Công ty cam kết sẽ thực hiện, chịu trách nhiệm đền bù các thiệt hại do sự cố dự án gây ra.
- Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước khi hoàn thành các biện pháp khắc phục.

3.6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu tại khu vực khai thác và bãi tập kết cát

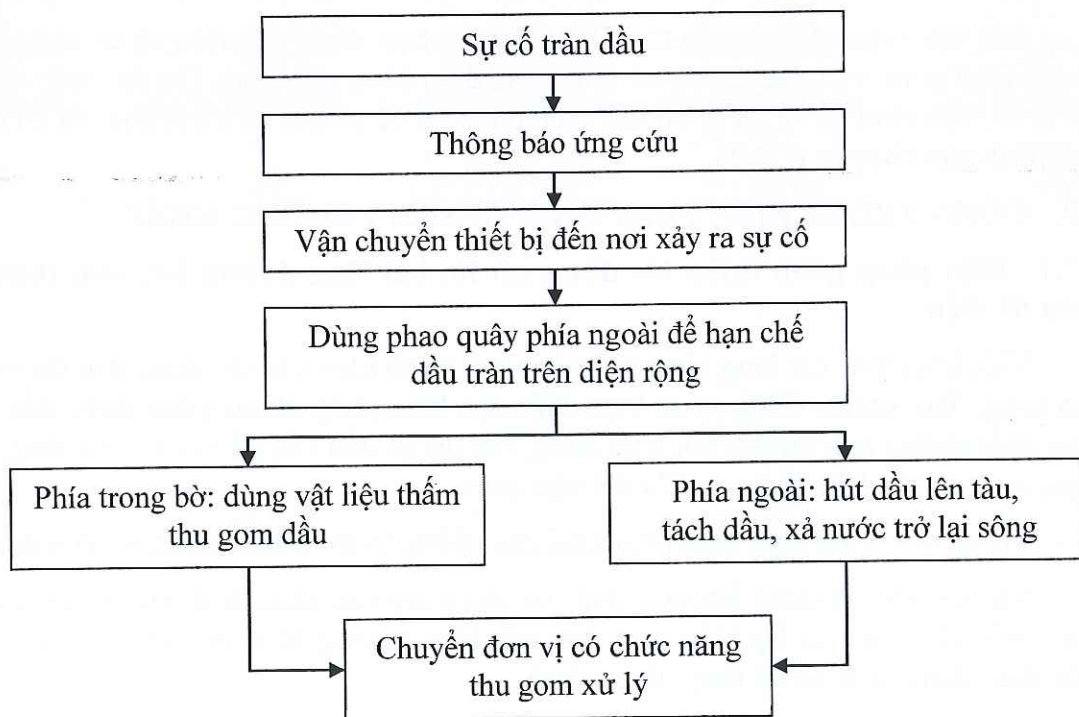
Để ứng phó sự cố tràn dầu, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- Ứng cứu sự cố tràn dầu theo quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.
- Đảm bảo độ dẫn cách cần thiết giữa các tàu hút để tránh gây ra các tai nạn sự cố.
- Thường xuyên nắm bắt các chỉ đạo của các cơ quan chức năng trong công tác phòng chống và ứng cứu dầu tràn, đồng thời điều chỉnh các cấp độ tràn dầu: cấp cơ sở, cấp khu vực và cấp quốc gia phù hợp với Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.
- Xây dựng kế hoạch, các phương án ứng cứu sự cố tràn dầu trong phạm vi hoạt động đối với những nơi có khả năng xảy ra sự cố nhất, nhằm chủ động đối phó với tình huống xảy ra.

- Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật phục vụ hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu xảy ra trong phạm vi khai thác của Cơ sở.
- Tổ chức các khóa huấn luyện đào tạo cho đội ngũ cán bộ bảo vệ ứng phó sự cố tràn dầu.
- Khi xảy ra sự cố tràn dầu, lãnh đạo Công ty có trách nhiệm báo cho một trong các cơ quan như: cơ quan thường trực tìm kiếm cứu nạn của các Bộ, ngành và địa phương liên quan, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam, Sở Nông nghiệp và Môi trường, trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh,... để có biện pháp chỉ đạo ứng phó kịp thời.

❖ **Kịch bản ứng phó sự cố tràn dầu**

Nhằm hạn chế các tác động do sự cố tràn dầu gây nên, Công ty đã xây dựng nên kịch bản nhằm đáp ứng cho việc xử lý sự cố tràn dầu, kịch bản được xây dựng như sau:



Hình 3.7: Quy trình ứng phó sự cố tràn dầu

- Khi có thông báo thực hiện công tác ứng phó sự cố tràn dầu, thiết bị sẽ được chuyển đến nơi xảy ra sự cố, dùng phao vây phía ngoài để hạn chế dầu tràn trên diện rộng. Sau đó dùng máy hút dầu lên tàu, tại đây dầu sẽ được tách tại chỗ. Phần nước sẽ được bơm trở lại sông. Đối với phía trong bờ không hút được sẽ dùng vật liệu thấm để thu gom dầu, thu gom cát đã ô nhiễm dầu.
- Tất cả phần dầu thu được và phần vật liệu thấm và cát nhiễm dầu được giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý.
- Việc ngăn, vây dầu tràn được tiến hành bằng phao ngăn dầu chuyên dùng, sau đó nhanh chóng thu gom bằng bơm hút và vật liệu thấm.

3.6.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với kho chứa chất thải nguy hại

Chủ đầu tư đã thực hiện các biện pháp sau:

- Nhà kho lưu giữ chất thải có mái che, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước.
- Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ CTNH, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.
- CTNH được dán bằng hiệu có hình minh họa để việc tập kết chất thải được dễ dàng. Khu vực chứa CTNH được xây bờ bao, bên trên có đặt các bệ chứa để thu gom chất thải khi bị rò rỉ, bên dưới có chứa cát và được xây bao lại. Khi có sự cố tràn đổ CTNH, cát sẽ được thu gom và bàn giao cho đơn vị thu gom CTNH.
- Đối với việc vận chuyển CTNH: Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển CTNH.

3.7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC

3.7.1. Biện pháp giảm thiểu tác động xói lở, bồi lắng đường bờ, sâm thực, an toàn đề điều

Việc khai thác cát lòng sông sẽ không thể tránh khỏi các tác động đến đường bờ của sông. Tuy nhiên, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất những ảnh hưởng bởi hoạt động của dự án đến vấn đề xói lở, bồi lắng, sâm thực, an toàn đề điều khu vực. Cụ thể như sau:

- Trong quá trình khai thác phải khai thác đúng trình tự khai thác, vị trí mở mỏ.
- Mỏ sau khi đã được khoanh định và cấp phép cần phải định giới rõ ràng như: Cắm mốc phao tiêu và lắp biển cảnh báo trên khai trường để khống chế phạm vi khai thác theo đúng thiết kế đã được thẩm định.
- Trước khi tiến hành khai thác phải khoanh vùng ranh giới trữ lượng khai thác, đảm bảo trong quá trình khai thác không làm biến đổi dòng chảy, không gây sạt lở bờ sông, không ảnh hưởng tới các công trình trong phạm vi dự án.
- Tuyệt đối tuân thủ thiết kế khai thác, biên giới khai trường đã được phê duyệt.
- Khống chế độ sâu khai thác và khoảng cách xa bờ:
 - + Quản lý giám sát một cách chặt chẽ phạm vi khai thác của từng khai trường, khống chế độ sâu khai thác một cách hợp lý cũng như khoảng cách từ khu vực khai thác đến bờ hồ;
 - + Tổ chức khai thác theo hướng từ hạ nguồn lên thượng nguồn và dàn đều theo hai bên trong phạm vi biên giới khai trường. Ngăn cấm việc khai thác tập trung lâu ngày tại một chỗ với nhiều phương tiện, tránh khoét sâu đáy hồ tại một chỗ vì sẽ tạo hàm ếch hoặc vực xoáy cục bộ trong tầng cát;

- + Khai thác đúng công suất đã được cấp phép trong khu vực khai thác;
- + Hoạt động đúng số lượng phương tiện cơ giới và phương tiện thủy nội địa đã UBND tỉnh cấp phép;
- + Hoạt động khai thác đúng thời gian quy định từ 07 giờ đến 17 giờ và ngưng khai thác khi có thời tiết xấu.
- Theo dõi mọi hiện tượng diễn biến về thời tiết trên các phương tiện thông tin đại chúng để có biện pháp di chuyển toàn bộ máy móc ra khỏi khu vực khai thác khi xảy ra mưa lũ, gió bão;
- Công ty sẽ thường xuyên kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến thời tiết và sự cố sạt lở, sụt lún bờ sông để kịp thời phát hiện và xử lý. Khi xảy ra sự cố sẽ ngừng mọi hoạt động khai thác, tập trung khắc phục sự cố đảm bảo an toàn mới tiếp tục đưa thiết bị vào hoạt động tiếp.
- Công ty sẽ tiến hành khảo sát định kỳ hàng năm để đánh giá lại phạm vi phân bố, trữ lượng để làm cơ sở khai thác đúng phạm vi khai trường đã thiết kế, đảm bảo phạm vi khai thác an toàn đối với bờ sông. Trong quá trình khai thác có biện pháp khống chế độ sâu và phạm vi khai thác theo đúng thiết kế cơ sở đã được thẩm định, tuyệt đối không tiến hành khai thác lâu ngày tại một vị trí.
- Phối hợp với đơn vị có chức năng thực hiện đo vẽ địa hình hiện trạng và nộp kèm báo cáo khai thác khoáng sản về Sở tài nguyên và môi trường theo quy định. Công ty đã thực hiện đo vẽ địa hình với tần suất 1 năm/lần.
- Công ty cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm các sự cố sạt lở do dự án gây ra, Công ty sẽ phối hợp địa phương thỏa thuận, đền bù phần diện tích bị sạt lở.

3.7.2. Biện pháp giảm thiểu đến hệ sinh thái, cảnh quan

Để giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái trong quá trình khai thác, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Khai thác theo hình thức cuốn chiếu, tránh tập trung cao điểm thiết bị khai thác.
- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực trong hoạt động sản xuất của Cơ sở, đặc biệt từ công đoạn bơm hút cát.
- Bố trí thùng đựng thu gom rác thải phát sinh trên tàu, không xả thải rác xuống hồ Dầu Tiếng.
- Công ty sẽ thường xuyên kiểm tra, giám sát, theo dõi diễn biến thời tiết và sự cố sạt lở, sụt lún bờ sông để kịp thời phát hiện và xử lý. Khi xảy ra sự cố sẽ ngừng mọi hoạt động khai thác, tập trung khắc phục sự cố đảm bảo an toàn mới tiếp tục đưa thiết bị vào hoạt động tiếp.
- Mỏ sau khi đã được khoanh định và cấp phép cần phải định giới rõ ràng như: Cắm mốc phao tiêu và lắp biển cảnh báo trên khai trường để khống chế phạm vi khai thác theo đúng thiết kế đã được thẩm định.
- Công ty tiến hành khảo sát định kỳ hàng năm để đánh giá lại phạm vi phân bố, trữ lượng để làm cơ sở khai thác đúng phạm vi khai trường đã thiết kế, đảm bảo phạm vi khai thác an toàn đối với bờ sông. Trong quá trình khai thác có biện pháp khống chế độ sâu và phạm vi khai thác theo đúng thiết kế cơ sở đã được thẩm định, tuyệt đối

không tiến hành khai thác lâu ngày tại một vị trí.

3.7.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm đục trong khai thác

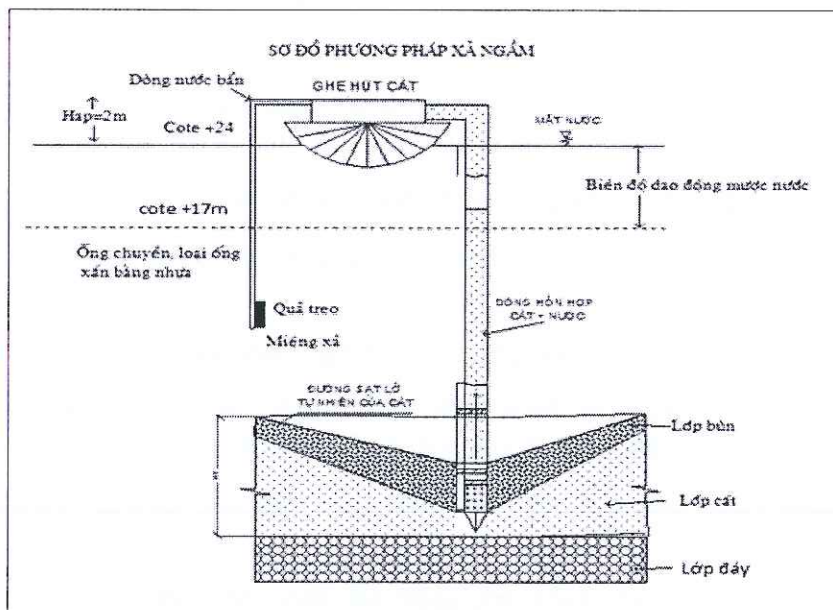
Để giảm thiểu ô nhiễm đục nguồn nước trong quá trình khai thác cát tại khai trường, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Áp dụng phương pháp xả ngầm, nước phát sinh tại hầm chứa khi bơm được gom triệt để về ống xả D200, loại ống xoắn mềm để dễ dàng cuộn lại trên tàu. Ống xả được gắn quả treo (bằng bê tông, thép) để kéo ống xuống tầng nước sâu. Miệng ống xả được duy trì cách đáy tàu khoảng 1m để chuyển nước từ tàu xuống tầng nước sâu bên dưới. Nhờ áp lực của lớp nước bên trên sẽ hạn chế đáng kể sự khuếch tán của bùn cát lơ lửng, nhanh chóng sa lắng xuống đáy.

- + Độ chênh cao cột áp duy trì để tạo áp lực đẩy nước xuống là Háp = 2m tương đương với sàn tàu và miệng hầm chứa. Khi hút xong và nước trong hầm xả hết thì kéo ống lên, cuộn lại trên sàn tàu để di chuyển về bãi.

- + Bố trí thiết bị khai thác theo đúng thiết kế và phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy. Tránh tập trung nhiều thiết bị tại 1 khu vực gây nguy cơ gia tăng độ đục cao.

- + Đảm bảo lượng cát được hút từ đáy hồ lên hầm chứa của tàu không vượt khả năng tiếp nhận của hầm chứa, tránh chảy tràn ra khu vực khai thác.



Hình 3.8: Sơ đồ phương pháp xả ngầm

- Thi công đúng phạm vi khai thác, đảm bảo khoảng cách an toàn đến các công trình lân cận.

- Bố trí thiết bị khai thác theo đúng thiết kế và phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy.

- Đảm bảo lượng cát được hút từ đáy hồ lên hầm chứa của tàu không vượt khả năng tiếp nhận của hầm chứa, tránh chảy tràn ra khu vực khai thác.

- Công ty thực hiện thời gian làm việc theo sự chỉ đạo của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam.

3.7.4. Biện pháp giảm thiểu tác động đến tuyến đường giao thông

❖ Đối với giao thông đường thủy:

- Luôn có kế hoạch kiểm tra, giám sát hệ thống phao báo hiệu tuyến luồng quy định;
- Lắp dựng biển cảnh báo khai trường cho người dân đi gần khu vực dự án biết, chủ động quan sát và phòng tránh va chạm tàu thuyền.
- Khi có tai nạn giao thông đường thủy xảy ra, lập tức báo cho công an đường thủy và cơ quan thường trực tìm kiếm cứu nạn của các ngành, địa phương liên quan;
- Cùng các cán bộ của cảng và cơ quan quản lý địa phương bảo vệ hiện trường, đồng thời triển khai các biện pháp ứng phó sự cố tức thời để hạn chế bán kính phát tán ô nhiễm cũng như hạn chế thiệt hại về người;
- Cử cán bộ và nhân viên hỗ trợ cơ quan chuyên ngành các thông tin cần thiết về chủ phương tiện, hàng hóa vận chuyển,... phục vụ cho công tác điều tra, cứu nạn;
- Hỗ trợ phương tiện trực vớt (nếu có điều kiện) hoặc tham gia tìm kiếm cứu nạn.

❖ Đối với giao thông đường bộ:

Trong quá trình vận chuyển vận chuyển cát đi tiêu thụ sẽ gây ra ảnh hưởng xấu tới tuyến đường vận chuyển trong khu vực như gây hư hỏng, xuống cấp nền đường và ùn tắc giao thông. Vì vậy Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Tiến hành lắp đặt biển cảnh báo đầu đường vào khu bãi tập kết để cảnh báo cho người dân chủ động quan sát và hạn chế tốc độ khi đi qua khu vực.
- Lắp đặt trạm cân để kiểm soát trọng tải của xe cũng như đảm bảo chắc chắn các phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng cho phép.
- Xây dựng lịch trình, kế hoạch chuyên chở sản phẩm, vật tư hợp lý.
- Không khai thác và vận chuyển sản phẩm vào ban đêm.
- Việc mua bán sản phẩm cho các phương tiện vận chuyển vào mua hàng được bố trí vào những thời điểm thích hợp, tránh những giờ cao điểm có thể gây ùn tắc giao thông.
- Các xe vận tải chuyên chở phải có thùng xe kín, phía trên phủ bạt nhằm tránh rơi vãi cát ra đường và tránh cát bay làm ảnh hưởng đến người tham gia giao thông.
- Quy định hạn chế tốc độ chạy qua khu đông dân đối với lái xe của mỏ và khuyến cáo các phương tiện tới mua vật liệu tại mỏ cùng thực hiện.
- Cam kết khắc phục hư hỏng tuyến đường qua khu vực mỏ do công tác vận tải của mỏ gây ra. Hàng năm, Công ty có kế hoạch sửa chữa, duy tu những vị trí hư hỏng đảm bảo giao thông và an toàn giao thông trên tuyến đường trả lại hiện trạng gần như ban đầu.

3.7.5. Biện pháp giảm thiểu tác động kinh tế - xã hội

Quan hệ giữa công nhân và người dân địa phương có thể theo chiều hướng tốt, thúc đẩy phát triển kinh tế tại địa phương. Đồng thời cũng dễ phát sinh mâu thuẫn.

Mâu thuẫn là không thể tránh khỏi, tuy nhiên có thể giảm thiểu và chuyển xung đột theo hướng tích cực bằng các kế hoạch thích hợp như sau:

- Sử dụng tối đa nguồn nhân lực lao động từ địa phương.
- Nhằm đảm bảo an ninh trật tự, tránh xung đột với địa phương do việc tập trung lao động, Công ty phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện quản lý tạm trú, tạm vắng cho toàn bộ công nhân.
- Công ty đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về chính sách bảo hộ quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến, tham gia đóng góp vào các chương trình phúc lợi xã hội tại địa phương.
- Phối hợp với địa phương thực hiện các chương trình truyền thông về môi trường, nâng cao nhận thức của cộng đồng, phòng chống ô nhiễm.
- Tu sửa đường thường xuyên, phun nước giảm bụi vào những ngày nắng nóng, gió lớn.
- Thường xuyên bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị nhằm giảm thiểu bụi và tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến đời sống của dân cư.
- Thực hiện công khai thời gian khai thác và kế hoạch khai thác tới địa phương, đơn vị quản lý lòng hồ Dầu Tiếng và thông báo tới các hộ dân gần khu vực dự án;
- Công ty đã thực hiện lắp đặt biển thông báo công khai thông tin giấy phép khai thác của Cơ sở và công khai thông tin bãi tập kết theo đúng quy định.

3.8. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (NẾU CÓ)

Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 5265/STNMT-CCBVMT ngày 24/11/2015 cho dự án khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 171 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, văn bản xác nhận cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành là văn bản tương đương với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường khi xem xét, cấp giấy phép môi trường.

Các nội dung thay đổi so với kế hoạch bảo vệ môi trường của Cơ sở nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường được trình bày như sau:

Bảng 3.9: Các nội dung thay đổi so với hồ sơ môi trường đã được cơ quan chức năng phê duyệt

TT	Hạng mục	Theo hồ sơ đã được cơ quan chức năng phê duyệt	Thực tế	Ghi chú
1	Công nghệ khai thác	- Để khai thác được cát cần khai thác một lượng lớp đất phủ. - Dùng ghe hút lớp đất phủ thải vào phần đã kết thúc khai thác. Quá trình bóc lớp phủ luôn diễn ra trước quá trình khai thác cát.	- Không thực hiện bóc lớp đất phủ trước quá trình khai thác cát. - Trong quá trình khai thác bằng tàu bơm hút với đầu ống hút được buộc chặt vào ống cứng nên dễ dàng được chìm xuống xuyên qua lớp đất phủ đến tầng cát đáy sông và đầu ống hút có tính chọn lọc cao nên chỉ hút hỗn hợp cát + nước.	Tại vị trí tàu bơm hút cát, sau khi lớp cát được hút hết còn chừa lại lớp lót đáy 0,5m thì lớp đất phủ bùn nhão mùn hữu cơ phía trên sẽ chìm xuống lấp đầy khoảng trống của lớp cát đã bị tàu hút đi. Không cần hút bỏ lớp đất phủ này đi vì lượng đất phủ này cùng với lớp cát lót đáy chừa lại sẽ bảo đảm an toàn không bụi lơ lửng trong hồ và không làm thay đổi chế độ thủy văn dòng chảy trong lòng hồ.
2	Bãi thải trong	- Bố trí bãi thải trong ranh khai thác để chứa bùn, đất phủ.	- Không bố trí bãi thải trong ranh khai thác.	Công nghệ khai thác hiện tại không cần bố trí bãi thải.
3	Khu vực bãi tập kết	- Diện tích: 5.020m²	- Diện tích: 40.957,5	
4	Diện tích các hạng mục công trình chính và phụ trợ tại khu vực bãi tập kết cát	- Bãi tập kết: 5.000 m². - Lán trại: 20 m².	- Bãi tập kết: 20.000 m². - Nhà văn phòng: 38,2 m² - Nhà nghỉ công nhân: 93,7 m² - Kho phụ tùng, vật tư, thiết bị, nhiên liệu: 81,9 m². - Trạm cân: 99 m². - Kho CTNH: 26,6 m². - Hồ lắng 1: 801 m². - Hồ lắng 2: 885 m². - Hồ lắng 3: 1.024 m². - Đường nội bộ: 6.908,1 m² - Đất trống: 11.000 m²	Khu vực bãi tập kết được chấp thuận theo Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 80/GP-TCTL-PCTTr ngày 23/02/2021 do Tổng cục Thủy lợi cấp (nay là nay là Cục Quản lý và Xây dựng công trình Thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở
“Khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bô Hưm”

TT	Hạng mục	Theo hồ sơ đã được cơ quan chức năng phê duyệt	Thực tế	Ghi chú
5	Số lượng phương tiện phục vụ khai thác	- Tàu hút và vận chuyển cát: 06 chiếc. - Máy đào bánh xích: 01 chiếc.	- Tàu hút và vận chuyển cát: 08 chiếc. - Máy đào bánh xích: 02 chiếc.	Công ty sẽ tiến hành đăng ký danh sách phương tiện phục vụ khai thác với UBND tỉnh khi tiến hành hoạt động khai thác lại.
6	Công trình xử lý nước thải từ quá trình bơm hút cát lên bãi tập kết	- Không đề xuất.	- Xây dựng 03 hồ lắng để xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra hồ Dầu Tiếng.	Thực hiện theo Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 80/GP-TCTL-PCTTr ngày 23/02/2021 do Tổng cục Thủy lợi cấp (nay là nay là Cục Quản lý và Xây dựng công trình Thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

3.9. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

3.9.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

3.9.1.1. Các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

Công tác cải tạo, phục hồi môi trường của Cơ sở được thực hiện theo Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 24/02/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bồ Hum, thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, công suất 41.000 m³/năm do Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng thực hiện (nay là Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng), bao gồm:

- Giai đoạn 1 (trong quá trình khai thác): Trồng cây xanh xung quanh khu vực lán trại, cấm cờ quan trắc đường bờ, lắp đặt biển báo, duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển.

- Giai đoạn 3 (sau khi kết thúc khai thác): san gạt làm sạch mặt bằng, trồng cây xanh dọc 2 bờ suối, tháo dỡ các công trình phụ trợ, duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển và thực hiện các nội dung khác theo đúng trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

3.9.1.2. Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

Căn cứ theo Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 24/02/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh, tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường mà Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng tiếp tục thực hiện như sau:

Bảng 3.10: Tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường của Cơ sở

TT	Công tác	Kế hoạch thực hiện
I	Khu vực khai trường khai thác	-
1	Quan trắc địa hình đáy khu vực khai thác định kỳ 1 năm/lần	Thực hiện trong quá trình khai thác
2	Giám sát, dò tìm, thu dọn các chướng ngại vật lòng hồ	Sau khi kết thúc khai thác
3	Di dời phương tiện khai thác (ghe bơm hút cát) ra khỏi khu vực khai thác	Sau khi kết thúc khai thác
II	Khu vực bãi tập kết cát	-
1	Trồng cây xanh xung quanh bãi chứa cát, chăm sóc và trồng dặm cây xanh	Thực hiện trong quá trình khai thác
2	Tháo dỡ các hạng mục công trình, thiết bị	Sau khi kết thúc khai thác
3	San gạt làm sạch mặt bằng bãi tập kết	Sau khi kết thúc khai thác
4	San lấp bề lằng và rãnh thoát nước	Sau khi kết thúc khai thác
5	Di chuyển thiết bị đã tháo dỡ, phế thải khác ra khỏi bãi tập kết	Sau khi kết thúc khai thác
III	Các công tác cải tạo phục hồi môi trường khác	-
1	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường vận chuyển	Thực hiện định kỳ hằng năm
2	Duy tu, bảo trì các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường	Sau khi kết thúc khai thác

TT	Công tác	Kế hoạch thực hiện
3	Kiểm tra, giám sát trong quá trình duy tu, sửa chữa các công trình cải tạo phục hồi môi trường.	Sau khi kết thúc khai thác

Công ty cam kết đảm bảo kế hoạch, tiến độ thực hiện các phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng quy định.

3.9.1.3. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường

Theo Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 24/02/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bồ Hum, thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, công suất 41.000 m³/năm do Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng thực hiện (nay là Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng), tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của Cơ sở là **304.805.316 đồng** (ba trăm lẻ bốn triệu, tám trăm lẻ năm nghìn, ba trăm mười sáu đồng) (*số tiền chưa bao gồm yếu tố trượt giá*), cụ thể:

- Số lần ký quỹ: 26,5 lần;
- + Lần ký quỹ thứ 1, số tiền: 45.720.797 đồng (bốn mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, bảy trăm chín mươi bảy đồng);
- + Những lần ký quỹ tiếp theo (từ lần thứ 2 đến lần thứ 26 theo quy định ký quỹ), mỗi lần phải nộp số tiền: 10.160.177 đồng (mười triệu, một trăm sáu mươi nghìn, một trăm bảy mươi bảy đồng).
- + Lần cuối, số tiền phải nộp là: 5.080.094 đồng (năm triệu, không trăm tám mươi nghìn, không trăm chín mươi bốn đồng).
- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh.

Từ khi bắt đầu hoạt động khai thác đến nay Công ty đã thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường như sau:

Bảng 3.11: Số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường

Số lần đóng phí	Đợt đóng phí	Số tiền được phê duyệt (đồng) (chưa bao gồm yếu tố trượt giá)	Số tiền đã nộp (đồng) (chưa bao gồm yếu tố trượt giá)
1	Số tiền ký quỹ lần đầu	45.720.797	45.720.797
2	Khai thác năm thứ 1	10.160.177	-
3	Khai thác năm thứ 2	10.160.177	-
4	Khai thác năm thứ 3	10.160.177	-
5	Khai thác năm thứ 4	10.160.177	-
6	Khai thác năm thứ 5	10.160.177	-
7	Khai thác năm thứ 6	10.160.177	-
8	Khai thác năm thứ 7	10.160.177	-
9	Khai thác năm thứ 8	10.160.177	-
10	Khai thác năm thứ 9	10.160.177	-

*Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở
"Khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum"*

Số lần đóng phí	Đợt đóng phí	Số tiền được phê duyệt (đồng) (chưa bao gồm yếu tố trượt giá)	Số tiền đã nộp (đồng) (chưa bao gồm yếu tố trượt giá)
11	Khai thác năm thứ 10	10.160.177	-
12	Khai thác năm thứ 11	10.160.177	-
13	Khai thác năm thứ 12	10.160.177	-
14	Khai thác năm thứ 13	10.160.177	-
15	Khai thác năm thứ 14	10.160.177	-
16	Khai thác năm thứ 15	10.160.177	-
17	Khai thác năm thứ 16	10.160.177	-
18	Khai thác năm thứ 17	10.160.177	-
19	Khai thác năm thứ 18	10.160.177	-
20	Khai thác năm thứ 19	10.160.177	-
21	Khai thác năm thứ 20	10.160.177	-
22	Khai thác năm thứ 21	10.160.177	-
23	Khai thác năm thứ 22	10.160.177	-
24	Khai thác năm thứ 23	10.160.177	-
25	Khai thác năm thứ 24	10.160.177	-
26	Khai thác năm thứ 25	10.160.177	-
27	Số tiền ký quỹ lần cuối	5.080.094	-
Tổng cộng		304.805.316	

- Tính đến ngày 31/12/2024, Công ty đã thực hiện 01 lần ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh (trong tổng số 26,5 lần) với số tiền đã bao gồm yếu tố trượt giá là: **53.425.000 đồng**; số tiền chưa bao gồm trượt giá là **45.720.797 đồng**. (Căn cứ theo thư xác nhận tiền ký quỹ trong khai thác khoáng sản ngày 02/01/2025 của Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh).

- Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ chưa bao gồm yếu tố trượt giá là **259.084.519 đồng**.

- Số lần ký quỹ còn lại: 25,5 lần.

- Thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh.

3.9.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

4.1.1. Nội dung cấp phép đối với nước thải

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của công nhân viên tại khu vực bãi tập kết, lưu lượng 1,3 m³/ngày (không thuộc đối tượng cấp phép xả nước thải).
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của tàu khai thác cát với lưu lượng khoảng 0,8 m³/ngày (không thuộc đối tượng cấp phép xả nước thải).
- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ hoạt động tập kết cát tại bãi tập kết, lưu lượng 310 m³/ngày (lưu lượng nước thải lớn nhất được lấy vào thời gian cao điểm của mùa mưa trong năm).

4.1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

4.1.2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Có 01 (một) dòng nước thải sau hệ thống xử lý từ nguồn số 3 đạt quy chuẩn quy định xả vào nguồn tiếp nhận.

4.1.2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải

Hồ Dầu Tiếng thuộc ấp Cây Khế, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4.1.2.3. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°): X= 1277578; Y= 600.205.
- Điểm xả nước thải ra Hồ Dầu Tiếng có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

4.1.3. Lưu lượng xả thải

- Lưu lượng xả thải lớn nhất: 310 m³/ngày.đêm (tương đương 12,92 m³/giờ).
- Phương thức xả thải: Nước thải sau hồ lắng 3 đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A (hệ số k_q=1,0; k_f=1,1) theo 03 đường ống nhựa uPVC Ø300mm, mỗi ống dài 6m, đặt âm dưới mặt đất 1m tự chảy ra hồ Dầu Tiếng.
- Hình thức xả: tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: liên tục 24/24 giờ.
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A với hệ số k_q=1,0; k_f=1,1, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	BOD ₅	mg/L	33	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	COD	mg/L	82,5		
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	55		

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

4.1.4.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh tại khu vực bãi tập kết với lưu lượng lớn nhất là 1,3 m³/ngày.đem được thu gom về 01 bể tự hoại có thể tích là 37,5 m³ để xử lý, định kỳ Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả thải ra môi trường.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của tàu khai thác cát được lưu chứa vào bồn chứa nước thải trên tàu, định kỳ nước thải từ bồn chứa được thu gom bằng đường ống nhựa mềm Ø110mm, dài 100m về 01 bể tự hoại có thể tích là 37,5 m³ trên bãi tập kết để xử lý, định kỳ Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, không xả thải ra môi trường.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ bãi tập kết cát được thu gom theo mương hở có kích thước dài 150m, rộng 5m, sâu 1m chảy ra hồ lắng. Nước thải sau khi qua 03 hồ lắng đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A với hệ số k_q = 1,0; k_r = 1,1 trước khi chảy theo đường ống nhựa uPVC Ø300mm, mỗi ống dài 6m, đặt âm dưới mặt đất 1m tự chảy ra hồ Dầu Tiếng thuộc xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4.1.4.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

➤ Tóm tắt quy trình xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu vực bãi tập kết cát và từ nhà vệ sinh trên tàu khai thác cát: nước thải → bể tự hoại → định kỳ Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.
- Nước thải từ hoạt động khai thác phát sinh từ bãi tập kết cát: nước thải → Hồ lắng 1 → Hồ lắng 2 → Hồ lắng 3 → Thải ra nguồn tiếp nhận (hồ Dầu Tiếng).

➤ Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Kích thước bể tự hoại: Số lượng 01 bể, thể tích 37,5 m³; kích thước (dài x rộng x cao) là 5m x 3m x 2,5m; kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.
- Kích thước 03 hồ lắng:
 - + Hồ lắng 1: thể tích chứa nước hữu ích 1.201,5 m³;
 - + Hồ lắng 2: thể tích chứa nước hữu ích 1.327,5 m³;

- + Hồ lắng 3: thể tích chứa nước hữu ích 1.536 m³.
- Hóa chất sử dụng: Không có.

4.1.4.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

4.1.4.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố tắc, bề đường ống thu gom nước thải sinh hoạt: Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; trường hợp xảy ra sự cố bề đường ống thu gom nước thải sinh hoạt, tiến hành ngưng hoạt động sinh hoạt của khu vực nhà vệ sinh để tiến hành thay thế đường ống mới, thông tắc đường ống.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải (cụm hồ lắng) xảy ra sự cố (sạt lở, vỡ hồ): ngưng ngay việc bơm hút cát lên bãi chứa để khắc phục; trong trường hợp vỡ các hồ lắng Công ty phải tạm ngưng hoạt động và tập trung nhân lực, thiết bị để đắp lại cụm hồ lắng để nước không thoát ra môi trường đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát theo dõi hoạt động của mương thoát nước, các hồ lắng để có biện pháp gia cố, khắc phục kịp thời, đồng thời có biện pháp khơi thông dòng chảy tránh tắc nghẽn.

- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng các sự cố để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó của đơn vị.

4.1.5. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

4.1.6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 4.1.3 của báo cáo này trước khi xả thải ra ngoài môi trường (hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý).

- Thực hiện theo Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Tổng cục thủy lợi cấp.

- Nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước của Hồ Dầu Tiếng, Công ty phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Tây Ninh và Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam.

- Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, máy móc, thiết bị để vận hành hệ thống xử lý nước thải hiệu quả, công trình thu gom, xử lý nước thải đạt chuẩn quy định.

- Thực hiện công khai thông tin kết quả quan trắc nước thải của Nhà máy theo quy

định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Cơ sở đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $k_q = 1,0$; $k_f = 1,1$; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do Cơ sở không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

❖ Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.
- Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị hoạt động tại Cơ sở phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm Việt Nam và mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện cơ giới và phương tiện thủy nội địa theo quy định.
- Quy định tốc độ các phương tiện khi chạy trên các đoạn đường nội bộ khu vực bãi tập kết.
- Phun, tưới nước thường xuyên khu vực sân bãi để giảm thiểu bụi.
- Thường xuyên duy tu, nâng cấp, sửa chữa tuyến đường đất dẫn vào mỏ.
- Tất cả các xe chở cát đi tiêu thụ phải có bạt che, phủ kín thùng xe, không để làm rơi cát trong quá trình vận chuyển.

4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

4.3.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: phát sinh từ các tàu hút và vận chuyển cát tại khu vực moong khai thác;
- Nguồn số 02: phát sinh từ các máy đào bánh xích tại khu vực bãi tập kết cát.

4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X= 1277390; Y= 600087.
- Nguồn số 02: Tọa độ X= 1277494; Y= 600258.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', mũi chiếu 3°).

4.3.3. Giá trị, giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4.3.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

4.3.4.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thường xuyên, kiểm tra, thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.
- Trang bị bảo hộ lao động (nút tai chống ồn, bịt tai) cho công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao.

4.3.4.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phớt,...
- Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.
- Sử dụng các thiết bị phòng hộ cá nhân như găng tay đặc biệt có lớp lót dày bằng cao su tại lòng bàn tay khi làm việc với máy móc có độ rung lớn.

4.3.4.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 4.3.3 của báo cáo này.
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4.4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI CHẤT THẢI RẮN VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI

4.4.1. Nguồn phát sinh và khối lượng chất thải sinh hoạt đề nghị cấp phép

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	6,6

4.4.2. Nguồn phát sinh và khối lượng chất thải rắn thông thường đề nghị cấp phép

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại
1	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải khác với các loại trên (Bùn thải từ quá trình nạo vét hồ lắng)	12 06 12	1.870.920	Rắn/Bùn	TT-R
2	Chất thải từ vỏ cây, gỗ loại bỏ (Cành lá, rễ cây chưa kịp phân hủy lẫn trong quá trình bơm hút cát)	09 03 01	100	Rắn	TT-R
3	Các bộ phận, thiết bị, linh kiện khác với các loại nêu trên (Sắt thép phế liệu không nhiễm chất thải nguy hại từ quá trình thay thế linh kiện của máy móc thiết bị hư hỏng)	15 02 15	200	Rắn	TT-R
Tổng cộng		-	1.871.220	-	-

4.4.3. Nguồn phát sinh và khối lượng chất thải nguy hại đề nghị cấp phép

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	6	Rắn	NH
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	6	Rắn	NH
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	180	Lỏng	NH
4	Bao bì mềm thải (dính thành phần nguy hại)	18 01 01	3	Rắn	KS
5	Bao bì kim loại cứng (dính thành phần nguy hại)	18 01 02	60	Rắn	KS
6	Bao bì nhựa cứng (dính thành phần nguy hại)	18 01 03	12	Rắn	KS
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả các vật liệu lọc chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	18 02 01	12	Rắn	KS
Tổng cộng		-	279	-	-

4.4.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

4.4.4.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu giữ: Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 26,6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: kho được xây tường bao quanh, mái che bằng tôn; nền bê tông, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.4.4.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì.

- Kho lưu chứa: Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 5m².

- Thiết kế, cấu tạo: xây dựng kho chứa có kết cấu tường tôn bao quanh, mái tôn, sàn trát xi măng, bố trí gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Biện pháp xử lý:

- + Sắt thép phế liệu không nhiễm chất thải nguy hại từ quá trình thay thế linh kiện của các máy móc thiết bị hư hỏng: Bán phế liệu.

- + Cành lá rế cây: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- + Bùn đất từ quá trình nạo vét hồ lắng: được tận dụng để đắp bờ, gia cố nền, duy tu sửa chữa tuyến đường giao thông trong khu vực bãi tập kết của Cơ sở.

4.4.4.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy dung tích chứa từ 20 – 120 lít.

- Khu vực lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

- Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.4.5. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại: Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Nhà máy đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày

10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.
- Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại đảm bảo theo yêu cầu quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2025.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

5.1.1. Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong quá trình hoạt động khai thác, Cơ sở luôn tuân thủ thực hiện đúng theo các quy định về bảo vệ môi trường. Thực hiện theo các giấy phép đã được cơ quan chức năng cấp:

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 1816/GP-UBND ngày 07/07/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh.
- Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 80/GP-TCTL-PCTTr ngày 23/02/2021 do Tổng cục Thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp.
- Quyết định số 11/QĐ-QĐ-SGTVT ngày 20/01/2022 của Sở Giao thông vận tải về việc công bố lại hoạt động bên thủy nội địa.

Cơ sở đã đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường gồm:

- Bể tự hoại 3 ngăn (xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt);
- 03 hồ lắng nước thải (xử lý nước thải từ quá trình bơm hút cát lên bãi tập kết).
- Kho chứa chất thải nguy hại.

5.1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường của Chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền.

Không có.

5.2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng đã ngừng khai thác cát từ năm 2019 đến nay. Vì vậy, từ năm 2019 đến nay Cơ sở không phát sinh nước thải.

2.2.1. Tình trạng và kết quả hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục của từng năm:

Căn cứ theo Điều 97 và Phụ lục XXVIII kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 thì Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục nước thải.

2.2.2. Các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

Trong năm 2023 và năm 2024, tại Cơ sở không phát sinh sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

2.2.3. Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải:

Trong năm 2023 và năm 2024, Công ty không tiến hành duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải.

2.2.4. Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải:

Công trình xử lý nước thải từ quá trình bơm hút cát lên bãi tập kết của Cơ sở được xây dựng tại vị trí phù hợp, đảm bảo thu gom và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

5.3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải do không có nguồn phát sinh cố định, chỉ có nguồn phát sinh di động trong quá trình hoạt động.

5.4. TÌNH HÌNH PHÁT SINH, XỬ LÝ CHẤT THẢI

Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng đã ngừng khai thác cát từ năm 2019 đến nay. Vì vậy, từ năm 2019 đến nay Cơ sở không phát sinh chất thải.

5.5. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong năm 2023 và 2024, không có đoàn kiểm tra, thanh tra về môi trường tại Cơ sở.

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Căn cứ theo Điểm a và d, Khoản 1, Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 13, Điều 1 của Nghị định 05/2022/NĐ-CP ngày 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ: “Công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm:

- a) Hồ lắng của dự án khai thác khoáng sản;
- c) Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường; bể tự hoại, bể tách mỡ nước thải nhà ăn và các công trình, thiết bị hợp khối đáp ứng yêu cầu quy định của pháp luật; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường”.

Công trình bể lắng nước thải từ quá trình bơm hút cát lên bãi tập kết và bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt của Cơ sở thuộc đối tượng nêu trên. Vì vậy Công ty không đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm cho các công trình này.

6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a) Quan trắc nước thải:

Căn cứ theo Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

b) Quan trắc bụi, khí thải:

Căn cứ theo Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.

c) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Tại các kho lưu trữ chứa chất thải của Dự án.
- Nội dung giám sát (CTR sinh hoạt, CTRCNTT và CTNH):
 - + Các loại chất thải;
 - + Khối lượng phát sinh;
 - + Biện pháp phân loại và lưu trữ;
 - + Tần suất thu gom;
 - + Đơn vị thu gom và vận chuyển đi xử lý.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên, liên tục.

- Tiêu chuẩn giám sát: Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ theo Điều 97, 98 và Phụ lục XXVIII, Phụ lục XXIX kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 thì Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Căn cứ theo Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 80/TCTL-PCTTr ngày 23/02/2021 do Tổng cục Thủy Lợi cấp (nay là nay là Cục Quản lý và Xây dựng công trình Thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường), yêu cầu Cơ sở thực hiện quan trắc chất lượng nước tại cửa xả nước từ bể lắng vào hồ Dầu Tiếng và nước tại khu vực hoạt động khai thác cát với tần suất 01 tháng/lần. Vì vậy, để giám sát, quản lý chất lượng nước thải đầu ra trong suốt thời gian khai thác, Chủ đầu tư cam kết nghiêm túc thực hiện kế hoạch quan trắc nước thải định kỳ như sau:

a) Quan trắc nước thải:

- Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu tại cửa xả nước thải sau xử lý từ bể lắng vào hồ Dầu Tiếng.
- Tần suất: 01 tháng/lần.
- Thông số quan trắc: TSS, DO, BOD5, COD.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A (hệ số $kq=1,0$; $kf=1,1$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

b) Quan trắc nước mặt hồ Dầu Tiếng:

- Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước mặt tại khu vực khai thác cát.
- Tần suất: 01 lần/năm.
- Thông số quan trắc: TSS, DO, BOD5, COD.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT, Mức A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

c) Giám sát sạt lở bờ hồ, bồi lắng lòng hồ

- Trong quá trình hoạt động, Chủ đầu tư thực hiện giám sát, theo dõi các sự cố địa chất có thể xảy ra (sạt lở bờ, bồi lắng lòng hồ...) để có những biện pháp xử lý thích hợp và nhanh chóng.
- Công tác giám sát này căn cứ vào các kết quả kiểm tra thường xuyên của bộ phận kỹ thuật khai thác và kết quả đo địa hình hiện trạng hằng năm.
- Tần suất giám sát: 1 năm/lần (cùng với thời gian đo đạc hiện trạng).
- Biện pháp: Định kỳ phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện công tác đo vẽ, lập bản đồ.

6.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm của Cơ sở được dự toán như sau:

Bảng 6.1: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

STT	Nội dung công việc	Chi phí thực hiện (VNĐ/năm)
1	Đo đạc, phân tích chất lượng nước thải	12.000.000
2	Đo đạc, phân tích chất lượng nước mặt	12.000.000
3	Giám sát sạt lở bờ hồ	10.000.000
4	Giám sát bồi lắng lòng hồ	10.000.000
5	Chi phí nhân công lấy mẫu	6.000.000
6	Chi phí vận chuyển, bảo quản mẫu	24.000.000
7	Tổng hợp số liệu, tính toán và viết báo cáo	26.000.000
Tổng cộng		100.000.000

CHƯƠNG VII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH khai thác cát Liên Hoàng xin cam kết các nội dung sau đây:

- Tính chính xác, trung thực của các số liệu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở "Khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum" tại xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Các nguồn gây ô nhiễm từ dự án sẽ được Công ty phát hiện kịp thời và giám sát thường xuyên. Không để các nguồn ô nhiễm phát sinh từ dự án ảnh hưởng đến con người và môi trường xung quanh.
- Thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng nội dung đã đề xuất trong báo cáo. Chỉ triển khai xây dựng, sản xuất khi được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép.
- Hoạt động khai thác, xử lý chất thải tại Cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn về môi trường như sau:
 - Không khí khu vực khai thác đạt:
 - + QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
 - + QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
 - + QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc;
 - + QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
 - Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A với hệ số $k_q = 1$; $k_f = 1,1$: Quy kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
 - Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
 - Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan có thẩm quyền cho phép, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành và theo QCVN 04:2009/BCT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.
 - Tuân thủ theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định

114/2018/NĐ-CP ngày 04/09/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Thực hiện các giải pháp phòng ngừa các hiện tượng dịch chuyển, sạt lở đường bờ, tổ chức theo dõi, giám sát thường xuyên; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng dịch chuyển, sạt lở đường bờ dừng ngay hoạt động khai thác, báo cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Giám sát, theo dõi diễn biến sạt lở đường bờ để ngăn ngừa xảy ra sự cố sạt lở.

- Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi xảy ra sự cố, đảm bảo an toàn cho người, máy móc, thiết bị, các công trình và môi trường xung quanh, tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn lao động, tài nguyên nước, khoáng sản, đất đai và các quy định khác của pháp luật trong các hoạt động của cơ sở.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình khai thác; thực hiện các công tác hỗ trợ cho người dân sống gần khu vực mỏ, đảm bảo an ninh trật tự.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng, khoáng sản và đất đai.

- Thực hiện công khai thông tin môi trường của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.

✍️

**PHỤ LỤC HỒ SƠ
BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

PHỤ LỤC 1

VĂN BẢN PHÁP LÝ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TÂY NINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3901202624

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 03 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 15 tháng 06 năm 2020

*Chuyển đổi loại hình từ CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG
Được chuyển đổi từ loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên*

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHAI
THÁC CÁT LIÊN HOÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ 4, ấp Cây Khế, Xã Tân Hoà, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0919047047

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGÔ THANH HUNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 13/09/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 023784712

Ngày cấp: 03/11/2014

Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 611/29 Điện Biên Phủ, Phường 01, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 611/29 Điện Biên Phủ, Phường 01, Quận 3, Thành phố Hồ Chí
Minh, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGÔ THANH HƯNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 13/09/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 023784712

Ngày cấp: 03/11/2014

Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 611/29 Điện Biên Phủ, Phường 01, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 611/29 Điện Biên Phủ, Phường 01, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Phạm Hồng Thắm

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Số 25/0 /GP-UBND

Tây Ninh, ngày 02 tháng 12 năm 2009

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân sửa đổi năm 2003;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 20/03/1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản số 46/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008 của Chính phủ về việc quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 894/TL-BPTT ngày 30/10/2009 của Cục Thủy lợi, về việc chấp thuận hoạt động thăm dò cát trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi hồ Dầu Tiếng và ý kiến thẩm định Đề án thăm dò cát xây dựng tại Suối Bồ Hum trong lòng Hồ Dầu Tiếng của Bộ phận Thường trực phía Nam – Cục Thủy lợi ngày 22/10/2009; Biên bản thỏa thuận số 61/BB-CTTLDT ngày 19/10/2009 của Công ty TNHH Một thành viên khai thác thủy lợi Dầu Tiếng về việc thỏa thuận thăm dò cát trong hồ Dầu Tiếng;

Xét hồ sơ và đơn xin thăm dò khoáng sản ngày 01/10/2009 của Công ty TNHH dịch vụ thương mại An Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2355/TTr-STNMT ngày 19 tháng 11 năm 2009;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH dịch vụ thương mại An Bình, trụ sở tại 149H, đường 30/4, khu phố 1, phường 1, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh được thăm dò mỏ cát xây dựng thuộc hồ Dầu Tiếng với các nội dung như sau:



- **Vị trí thăm dò:** đoạn suối Bò Hum thuộc xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Diện tích khu vực thăm dò:** 90 ha được giới hạn bởi các điểm góc 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 218, 219, 220 có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản, tỷ lệ 1/25.000 kèm theo.

- **Độ sâu thăm dò :** Chỉ khoan đến hết tầng cát bồi lắng (không quá 4m), để tránh hiện tượng thấm mất nước do khoan sâu, phải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và nguồn nước, phải tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn cho công trình và trật tự trong lòng hồ.

- **Khối lượng công tác thăm dò dự kiến :**

STT	Loại công việc	Đơn vị	Khối lượng
1	Đo vẽ địa hình đáy sông, tỷ lệ 1:5.000	Km ²	0,9
2	Khảo sát lập bản đồ địa chất, ĐCCT, ĐCTV tỷ lệ 1:5.000	Km ²	1,0
3	Khoan thăm dò	m/lk	175/50
4	Lấy, gia công phân tích mẫu các loại	Mẫu	83
5	Tổng kết, viết báo cáo	Bộ	01

- **Thời gian thăm dò:** 03 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép.

- **Chi phí thăm dò:** 320.000.000 VNĐ (bằng nguồn vốn tự có của Công ty, đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước).

Điều 2. Công ty TNHH dịch vụ thương mại An Bình có trách nhiệm:

1. Tiến hành hoạt động thăm dò mỏ cát xây dựng theo khối lượng quy định tại Điều 1 của giấy phép này; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu lõi khoan theo quy định, thi công công trình theo đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường, môi sinh.

2. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản, nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác, lấy mẫu nhằm mục đích thương mại hóa trong quá trình thăm dò.

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; trong trường hợp phát hiện khoáng sản khác phải kịp thời báo cáo Sở Tài nguyên – Môi trường;

4. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Sở Tài nguyên – Môi trường; nộp báo cáo vào lưu trữ địa chất và mẫu vật địa chất, khoáng sản tại Sở Tài nguyên – Môi trường theo quy định hiện hành.

Điều 3. Mọi hoạt động thăm dò khoáng sản theo giấy phép này chỉ được tiến hành sau khi Công ty TNHH dịch vụ thương mại An Bình thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên – Môi trường, Công ty TNHH Một thành viên khai thác thủy lợi Dầu Tiếng và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới công trình thăm dò tại thực địa.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên – Môi trường, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Chủ tịch UBND huyện Tân Châu, Công ty TNHH Một thành viên khai thác thủy lợi Dầu Tiếng; Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan và Giám đốc Công ty TNHH dịch vụ thương mại An Bình căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Cục Thủy lợi;
- Cục Địa chất và KSMT;
- Chi cục KSMN;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP, CVKTN;
- Cập nhật Website;
- Lưu: VT

(KTN Ha 173 - 2009 GPTD) Hoàng Nam
Cty TNHH DV TM An Bình

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Tân

Dương Kim Hà

Giấy phép thăm dò khoáng sản này đã được đăng ký nhà nước
tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh
Số đăng ký: ĐK/TD

Tây Ninh, ngàytháng.....năm 200...

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 07 tháng 5 năm 2010

Về việc phê duyệt kết quả thăm dò trữ lượng khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 20/03/1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản số 46/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-BTNMT ngày 08/9/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, ban hành quy định về trình tự, thủ tục, trình duyệt, thẩm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 780/TTr-STNMT ngày 20 tháng 4 năm 2010, về việc phê duyệt kết quả thăm dò trữ lượng khoáng sản,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thăm dò trữ lượng khoáng sản mỏ cát xây dựng Suối Bò Hum, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh do Công ty TNHH Thương mại dịch vụ An Bình thực hiện.

- Trữ lượng phê duyệt nằm trên diện tích 90 ha, được giới hạn bởi 13 điểm mốc (từ điểm 208 đến điểm 220) có tọa độ các điểm mốc theo hệ UTM Indial Thái Việt và hệ VN 2000 múi 3⁰ tỉnh Tây Ninh như sau:

Điểm góc	Toạ độ UTM		Toạ độ VN 2000 múi 3 ⁰	
	X(m)	Y(m)	X(m)	Y(m)
208	1277996	652023	1278598	596911
209	1277997	653431	1278596	598229

210	1277312	654534	1277909	599422
211	1276855	655262	1277451	600148
212	1276459	655593	1277053	600478
213	1276164	656079	1276758	600964
214	1275709	656206	1276303	601091
215	1275634	655997	1276228	600881
216	1275996	655903	1276590	600789
217	1276303	655421	1276898	600306
218	1276852	654963	1277448	599849
219	1277857	653248	1278456	598136
220	1277854	651985	1278455	596873

- Trữ lượng địa chất cát xây dựng đến tháng 4 năm 2010, cấp **122** là: **1.293.323** m³ (Một triệu hai trăm chín mươi ba ngàn ba trăm hai mươi ba mét khối).

- Trữ lượng khai thác cát xây dựng (Trữ lượng cát xây dựng có thể huy động vào khai thác) đến tháng 4 năm 2010, cấp **122** là: **1.065.080** m³ (Một triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn không trăm tám mươi mét khối).

(Có Bảng tổng hợp các thông số và kết quả tính trữ lượng kèm theo).

Điều 2. Các tài liệu của Báo cáo kết quả thăm dò trữ lượng khoáng sản mỏ cát xây dựng Suối Bò Hum, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là cơ sở để sử dụng cho việc lập báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất theo quy định của của Luật khoáng sản ngày 20/03/1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản số 46/2005/QH11 ngày 14/6/2005, Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ngành: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Kế Hoạch và Đầu Tư; Chủ tịch UBND huyện Tân Châu; Công ty TNHH Một thành viên khai thác thủy lợi Dầu Tiếng; Thủ trưởng

các Sở, Ngành có liên quan và Giám đốc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ An Bình
căn cứ quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

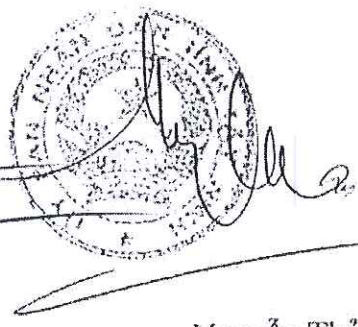
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LDVP, CVKTN;
- Lưu VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

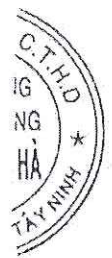
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 1749 Quyển: 01 SCT/BS
(KTN, Hà 05-2010) khoảng sao tháng 4-2010) Ngày: 18-03-2024 năm 20...



Dương Kim Hà



Nguyễn Thảo



94

BẢNG TỔNG HỢP CÁC THÔNG SỐ VÀ KẾT QUẢ TÍNH TRỪ LƯỢNG
(Kèm theo Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2011 của UBND tỉnh
Tây Ninh về việc phê duyệt kết quả thăm dò trữ lượng khoáng sản)

Trữ lượng địa chất của thân cát lỏng suối Bồ Hum trong khu vực thăm dò như sau:

Bảng 18: Tổng hợp các thông số và kết quả dự tính trữ lượng

STT	Khối và cấp TL	Lỗ khoan	Độ sâu lỗ khoan (m)	Chiều dày các lớp (m)		Diện tích khối tính trữ lượng (m ²)	Hệ số an toàn	Trữ lượng (m ³)	
				Lớp phủ	Lớp cát			Lớp phủ	Lớp cát
28	1-122	LK.28	4,5	1,2	2,8				
29		LK.29	4,8	0,9	3,4				
30		LK.30	4,7	0,4	3,8				
31		LK.31	4,5	0,6	3,4				
32		LK.32	5,2	0,4	4,3				
33		LK.33	5,0	0,3	4,2				
34		LK.34	5,0	0,3	4,2				
35		LK.35	4,3	0,4	3,4				
36		LK.36	5,2	0,3	4,4				
37		LK.37	5,0	0,5	4,0				
38		LK.38	5,0	0,5	4,0				
39		LK.39	5,2	0,3	4,4				
40		LK.40	5,4	0,5	4,4				
Trung bình				0,5	3,9	232.117	0,7	116.058	633.679
41	2-122	LK.41	5,5	0,3	4,7				
42		LK.42	5,2	0,3	4,4				
43		LK.43	5,4	0,5	4,4				
44		LK.44	4,5	0,3	3,7				
45		LK.45	5,0	1,0	3,5				
46		LK.46	5,0	0,5	3,9				
47		LK.47	5,7	0,3	4,8				
48		LK.48	5,5	1,0	4,0				
49		LK.49	5,7	0,3	4,8				
50		LK.50	5,5	1,0	4,0				
Trung bình				0,6	4,2	224.369	0,7	134.621	659.644
Tổng trữ lượng cấp 122								458.092	1.293.323

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 680 /GP-UBND

Tây Ninh, ngày 29 tháng 3 năm 2011

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20/03/1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản số 46/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số: 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số: 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008 của Chính phủ về việc quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số: 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số: 01/2006/TT-BTNMT ngày 23/01/2006 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số: 160/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ quyết định số: 538/QĐ-CT ngày 30/6/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc công nhận kết quả nghiệm thu đề tài: "Quy hoạch khai thác tài nguyên khoáng sản tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2005-2010";

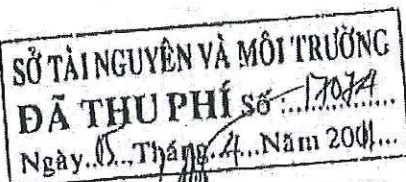
Căn cứ Quyết định số: 824/QĐ-UBND ngày 07/5/2010 của UBND tỉnh Tây Ninh, về việc phê duyệt kết quả thẩm dò trữ lượng khoáng sản mỏ cát xây dựng Suối Bỏ Hum xã Tân Hòa, huyện Tân Châu tỉnh Tây Ninh;

Xét đơn xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản số 07/2010/ĐKTKS-AB ngày 15/7/2010 của Công ty TNHH thương mại - dịch vụ An Bình và hồ sơ kèm theo;

Căn cứ Công văn số: 123/TLPPH-QLN ngày 12/11/2010 của Công ty TNHH Một thành viên khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa, về việc chấp thuận cho Công ty TNHH thương mại - dịch vụ An Bình vào khai thác cát xây dựng trong hồ Dầu Tiếng;

Căn cứ Công văn số: 89/TCTL-QLCT ngày 29/01/2011 của Tổng Cục thủy lợi, về việc cấp phép khai thác cát xây dựng trong phạm vi bảo vệ hồ Dầu Tiếng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 2684/TTr-STNMT ngày 09 tháng 12 năm 2010 về việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường; Công văn số: 320/STNMT ngày 17/02/2011 về việc bổ sung văn bản thỏa thuận cấp giấy phép khai thác cát xây dựng của Tổng Cục thủy lợi; Công văn số: 567/STNMT-PTN ngày 22/3/2011 của Sở Tài nguyên - Môi trường được UBND đồng ý tại văn bản số: 575/UBND-KTN ngày 28/3/2011,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH thương mại - dịch vụ An Bình, địa chỉ tại: 149H, đường 30/4 KP 1, phường 1, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường, với nội dung như sau:

- Vị trí khai thác: Mỏ cát xây dựng suối Bồ Hum xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, có chiều dài trung bình 2.600m được giới hạn bởi các điểm góc theo thứ tự từ 208, 209...218 trên nền bản đồ khu vực khai thác khoáng sản tỷ lệ 1/25.000 kèm theo.

Điểm góc	Hệ UTM Indian-1960		VN 2000 múi 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)
208	12 77 380	6 54 140	12 77 861	5 99 228
209	12 77 480	6 54 220	12 77 976	5 99 304
210	12 77 312	6 54 534	12 77 909	5 99 422
211	12 76 855	6 55 262	12 77 451	6 00 148
212	12 76 459	6 55 593	12 77 053	6 00 478
213	12 76 164	6 56 079	12 76 758	6 00 964
214	12 75 709	6 56 206	12 76 303	6 01 091
215	12 75 634	6 55 997	12 76 228	6 00 881
216	12 75 996	6 55 903	12 76 590	6 00 789
217	12 76 303	6 55 421	12 76 898	6 00 306
218	12 76 852	6 54 963	12 77 448	5 99 849

- Diện tích khu vực khai thác: 54,2 ha
- Trữ lượng: 1.065.080 m³
- Công suất khai thác: 41.000 m³/năm
- Loại sản phẩm: Cát xây dựng
- Thời gian xin khai thác: 05 năm kể từ ngày được cấp giấy phép.

Điều 2. Công ty TNHH thương mại - dịch vụ An Bình có trách nhiệm:

1. Tiến hành hoạt động khai thác cát theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của giấy phép này.
2. Trước khi tiến hành khai thác phải báo cáo kế hoạch khai thác cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và Công ty TNHH Một thành viên khai thác thủy lợi Dầu Tiếng – Phước Hòa kiểm tra tại thực địa xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực cho phép khai thác.
3. Phải thực hiện đầy đủ nội dung của Dự án khai thác, thiết kế cơ sở và Bản cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.
4. Thực hiện việc ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản theo quy định; nộp lệ phí, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường theo quy định.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ kết quả khai thác, khi có phát hiện mới về khoáng sản hoặc có sự cố bất thường xảy ra phải tạm ngưng mọi hoạt động khai thác và kịp thời báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Thực hiện việc khai thác, đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai sau khai thác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mọi hoạt động khai thác khoáng sản theo giấy phép này chỉ được tiến hành sau khi Công ty TNHH thương mại - dịch vụ An Bình nộp thiết kế mỏ, thông báo về Giám đốc điều hành mỏ, thông báo kế hoạch khai thác cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Công ty TNHH Một thành viên khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa, thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, nộp phí, lệ phí và đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Kế Hoạch và Đầu Tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Chủ tịch UBND huyện Tân Châu; Công ty TNHH Một thành viên khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa; Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan và Công ty TNHH thương mại - dịch vụ An Bình căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
 - Cục ĐC&KS VN;
 - Như điều 4;
 - CT, các PCT.UBND tỉnh;
 - LĐVP, CVKTN;
 - Lưu: VT
- (KTN Hà 3 Khoang sản tháng 3/2011
- Cty TNHH DV TM An Bình)

22.6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thảo

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký nhà nước
tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh
Số đăng ký: 35 ĐK/KT

Tây Ninh, ngày ...04...tháng...4...năm 2001. *Sn*

KT GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng

Số: 1319 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 17 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2191/TTr-STNMT ngày 08 tháng 6 năm 2015, về việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản cát xây dựng của Công ty TNHH TM DV An Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản số 680/GP-UBND ngày 29/3/2011 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH TM DV An Bình để khai thác cát xây dựng tại Suối Bồ Hum, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Lý do thu hồi: Công ty TNHH TM DV An Bình đã vi phạm Khoản 1, Điều 58 Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty TNHH TM DV An Bình có trách nhiệm:

- Chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản cát xây dựng tại Suối Bồ Hum, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản bị thu hồi, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải di chuyển tài sản còn lại của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực khai thác khoáng sản; sau thời hạn này, tài sản còn lại thuộc sở hữu nhà nước.

- Tiến hành bảo vệ khoáng sản, không được tự ý khai thác khoáng sản cát xây dựng tại Suối Bồ Hum, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường; Công Thương; Kế hoạch – Đầu tư; Giao thông vận tải;

Xây dựng; Chủ tịch UBND huyện Tân Châu; Chủ tịch UBND xã Tân Hòa; Thủ trưởng các sở, ngành liên quan và Giám đốc Công ty TNHH TM DV An Bình căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *Q*

- CT; PCT Huỳnh Văn Quang;
- Như Điều 4;
- LĐVP; CV KTN;
- Lưu VT.VP.UBND tỉnh.

(Hä, QÜ 16 mún 2011 K3)

S 12



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Quang
Huỳnh Văn Quang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
CHUYỂN NHƯỢNG THÔNG TIN KẾT QUẢ
THẨM DÒ KHOÁNG SẢN

Mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum, thuộc Hồ Dầu Tiếng,
xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
SỐ:09/2015/HĐKT

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/6/2005 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2006.

- Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 17/11/2010 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2011; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ "*Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản*".

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 8 năm 2015 tại văn phòng Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại An Bình, địa chỉ: Tổ 09, ấp Cây Khế, xã Tân Hoà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, chúng tôi gồm có:

BÊN A: Bên chuyển nhượng

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI AN BÌNH

Địa chỉ: Tổ 09, ấp Cây Khế, xã Tân Hoà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 0949782540

Mã số thuế: 3900514500

Do ông: **LÊ BÁ HẬU** - Chức vụ: Phó Giám đốc làm đại diện

BÊN B: Bên nhận chuyển nhượng

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG

Trụ sở: Số 174, đường 785, tổ 9, ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 0946113848

MST: 3901202624

Đại diện: Ông **Lê Đỗ Anh Thuận** - Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng chuyển nhượng thông tin kết quả thăm dò khoáng sản tại mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum, thuộc Hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng:

Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng thông tin kết quả thăm dò khoáng sản tại mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum, thuộc Hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010, theo quy định tại Chương I, "Điều 7: Sử dụng thông tin về khoáng sản" của Luật Khoáng sản số: 60/2010/QH12 năm 2010, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Giấy phép thăm dò khoáng sản số 2510/GP-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh Tây Ninh cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại An Bình.
2. Báo cáo kết quả thăm dò và các bản vẽ, tài liệu kèm theo: 01 bộ.
3. Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 824/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh Tây Ninh.
4. Các văn bản và giấy tờ liên quan khác.

Điều 2: Giá trị chuyển nhượng:

Tổng giá trị chuyển nhượng là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 3: Phương thức thanh toán:

Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo 03 đợt như sau:

- Đợt 1: Ngay sau khi ký hợp đồng Bên B thanh toán cho Bên A 30% giá trị hợp đồng.
- Đợt 2: Sau khi Bên A bàn giao đầy đủ hồ sơ, tài liệu nêu trên cho Bên B, thì Bên B thanh toán tiếp 20% giá trị hợp đồng cho Bên A.
- Đợt 3: Bên B thanh toán nốt 50% giá trị hợp đồng cho Bên A ngay sau khi được UBND tỉnh Tây Ninh cấp Giấy phép khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum, thuộc Hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cho Bên B và hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng.

Điều 4: Trách nhiệm mỗi bên:

4.1. Bên A :

- Bàn giao đầy đủ các hồ sơ, tài liệu liên quan đến mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum, thuộc Hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh được ghi tại Điều 1 để Bên B đứng tên lập hồ sơ xin cấp phép khai thác theo quy định.
- Chấm dứt các nghĩa vụ, quyền lợi, quyền sử dụng tài liệu liên quan đến mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum và tài sản liên quan kể từ ngày Bên B ký Hợp đồng và thanh toán tiền đợt 1 cho Bên A. Có trách nhiệm phối hợp với Bên B để xin giấy phép khai thác cho Bên B (kinh phí do Bên B chịu).

4.2. Bên B:

- Nhận bàn giao và sử dụng toàn bộ hồ sơ, tài liệu do Bên A giao (như nêu tại Điều 1) các tài liệu nêu trên để làm các thủ tục xin giấy phép khai thác mỏ theo qui định hiện hành.

- Có quyền, nghĩa vụ liên quan đến việc sử dụng các tài liệu trên, để xin giấy phép khai thác mỏ theo luật định kể từ khi ký hợp đồng này và được các cơ quan chức năng chấp nhận bằng văn bản.

- Thanh toán đầy đủ và kịp thời kinh phí nêu trên cho Bên A.

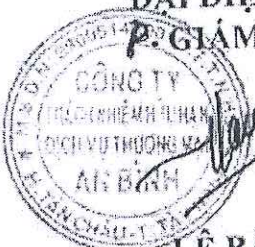
Điều 5: Điều khoản chung:

- Sau khi ký Hợp đồng tạm ứng tiền đợt 1 cho Bên A thì Bên B được quyền triển khai Dự án.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản nêu trên, nếu có gì khác, vướng mắc thì cùng nhau bàn bạc giải quyết. Trường hợp không giải quyết được thì đưa ra Tòa án kinh tế giải quyết. Mọi phán quyết của Tòa án là điều bắt buộc thi hành đối với cả hai bên.

- Vì lý do bất khả kháng như chính sách, pháp luật thay đổi không thực hiện được hợp đồng thì Bên B hoàn trả lại các tài liệu trên cho Bên A sử dụng.

- Hợp đồng này gồm 3(ba) trang, được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 4 bản và 2 bản nộp cho cơ quan thẩm định hồ sơ xin phép khai thác. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
P. GIÁM ĐỐC

LÊ BÁ HẠU

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

LÊ ĐO ANH THƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

(Căn cứ theo hợp đồng Số: 09/2015/HĐKT đã ký ngày 07 tháng 08 năm 2015)
Số: 10/2015/BBLV

Hôm nay, ngày 19 tháng 08 năm 2015 tại văn phòng Công ty TNHH
Dịch vụ Thương mại An Bình, địa chỉ: Tổ 09, ấp Cây Khế, xã Tân Hoà, huyện
Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, chúng tôi gồm có:

BÊN A: Bên chuyển nhượng

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI AN BÌNH

Địa chỉ: Tổ 09, ấp Cây Khế, xã Tân Hoà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 0949782540

Mã số thuế: 3900514500

Do ông: **LÊ BÁ HẬU** - Chức vụ: Phó Giám đốc làm đại diện

BÊN B: Bên nhận chuyển nhượng

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG

Trụ sở: Số 174, đường 785, tổ 9, ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Đông, huyện Tân
Châu, tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 0946113848

MST: 3901202624

Đại diện: Ông **Lê Đỗ Anh Thượng** - Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

NỘI DUNG BÀN GIAO CỦA HAI BÊN

I. PHÂN HỒ SƠ TÀI LIỆU:

1. Giấy phép thăm dò khoáng sản số 2510/GP-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh Tây Ninh cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại An Bình.
2. Báo cáo kết quả thăm dò và các bản vẽ, tài liệu kèm theo: 01 bộ.

3. Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản số 824/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2010 của UBND tỉnh Tây Ninh.
4. Giấy phép khai thác khoáng sản số 680/GP-UBND cấp ngày 29 tháng 03 năm 2011.
5. Hai biên lai đóng tiền ký quỹ phục hồi môi trường của công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Thương mại An Bình.
6. Dự án đầu tư và thiết kế cơ sở khai thác mỏ cát này (kèm theo văn bản thẩm định, quyết định phê duyệt dự án đầu tư). Bản cam kết bảo vệ môi trường, dự án cải tạo, phục hồi môi trường (kèm theo văn bản xác nhận và quyết định phê duyệt).
7. Các văn bản và giấy tờ liên quan khác.

II. PHÂN HIỆN TRẠNG MỎ:

1. Bản đồ hiện trạng khu vực mỏ khai thác khoáng sản tháng 03 năm 2014.
2. Đất đai sử dụng làm bến bãi tập kết trên bờ.
3. Các văn bản và giấy tờ có liên quan khác.

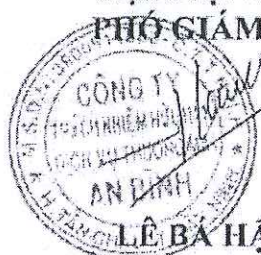
Kết luận:

Hai bên đánh giá cùng nhau buổi làm việc thành công tốt đẹp.

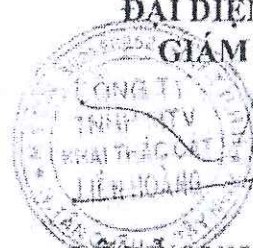
Hai bên thống nhất và đồng ý buổi làm việc thuận lợi và đoàn kết.

Biên bản làm việc lập 02 trang và 04 bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC


LÊ BÁ HẬU

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC


LÊ ĐỖ ANH THƯỢNG

BẢN SAO

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3475 /UBND-KTN

Tây Ninh, ngày 20 tháng 11 năm 2015

V/v: chủ trương thực hiện các bước
để lập hồ sơ khai thác khoáng sản

Kính gửi: Sở Tài nguyên – Môi trường

UBND tỉnh nhận được Tờ trình số: 4596/TTr-STNMT ngày 26/10/2015 và Tờ trình số: 4809/TTr-STNMT ngày 03/11/2015 của Sở Tài nguyên – Môi trường, về việc giải trình xin chủ trương thực hiện các bước để lập hồ sơ khai thác khoáng sản (gửi kèm theo).

Qua xem xét nội dung, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Thống nhất theo ý kiến đề xuất của Sở Tài nguyên – Môi trường, về việc cho phép Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng được sử dụng kết quả phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ cát xây dựng đoạn suối Bồ Hum thuộc Hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh của Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ An Bình để tiếp tục thực hiện các thủ tục hồ sơ khai thác khoáng sản.

- Giao Sở Tài nguyên – Môi trường hướng dẫn Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng thực hiện đầy đủ các thủ tục hồ sơ khai thác khoáng sản đồng thời tham mưu UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo đúng quy định pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- UBND huyện Tân Châu;
- Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Dầu Tiếng Phước Hòa;
- Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng;
- LBVP, CVKTN;
- Lưu VT;

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh

N

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Hằng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 157 / ngày 11/11/2015

Ngày 20 tháng 11 năm 2015

CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Gia Thôn

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác cát Liên Hoàng đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án Khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum thuộc Hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tại Sở Tài nguyên và Môi trường vào ngày 23 tháng 11 năm 2015.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác cát Liên Hoàng có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.
3. Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý, các quy định về khai thác khoáng sản trước khi đưa Dự án vào khai thác.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án Khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum thuộc Hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác cát Liên Hoàng để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát. /

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng;
- PTN&MT huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân Hòa;
- Lưu: VT Sở, CCBVMT.

UBND PTN

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Xuân

Số: 419 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 24 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác mỏ cát xây dựng đoạn suối Bò Hum, thuộc Hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, công suất 41.000 m³/năm do Công ty TNHH một thành viên khai thác cát Liên Hoàng thực hiện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác mỏ cát xây dựng, công suất 41.000 m³/năm hợp vào ngày 18 tháng 12 năm 2015 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác mỏ cát xây dựng đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 01/2016/LH ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 603/TTr-STNMT ngày 04 tháng 02 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác mỏ cát xây dựng, công suất 41.000 m³/năm thuộc lòng suối Bò Hum, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh do Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng thực hiện (sau đây gọi là Công ty) với các nội dung cụ thể sau đây:

1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

- Giai đoạn 1: Trồng cây xanh xung quanh khu vực lán trại, cấm cọc quan trắc đường bờ, lắp đặt biển báo, duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển.

- Giai đoạn 2: San gạt làm sạch mặt bằng, trồng cây xanh dọc 02 bờ suối, tháo dỡ các công trình phụ trợ, duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển và thực hiện các nội dung khác theo đúng trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 304.805.316 đồng (Ba trăm lẻ bốn triệu, tám trăm lẻ năm nghìn, ba trăm mười sáu đồng).

- Số lần ký quỹ: 26,5 lần.

- Lần 1: Số tiền phải nộp là: 45.720.797 đồng (Bốn mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, bảy trăm chín mươi bảy đồng).

- Những lần tiếp theo (từ lần 2 đến lần 26 theo quy định ký quỹ) mỗi lần ký quỹ phải nộp là: 10.160.177 đồng (Mười triệu, một trăm sáu mươi nghìn, một trăm bảy mươi bảy đồng).

- Lần cuối: Số tiền phải nộp là: 5.080.094 đồng (Năm triệu, không trăm tám mươi nghìn, không trăm chín mươi bốn đồng).

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh, địa chỉ: đường 30/4, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, điện thoại liên hệ: 066.3811364.

(Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2016)

Điều 2. Công ty có trách nhiệm thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, những nội dung trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Thông báo nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt cho UBND huyện Tân Châu, UBND xã Tân Hòa, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Tân Hòa để kiểm tra, giám sát.

2. Ký quỹ lần đầu tiên phải thực hiện xong trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được giấy phép khai thác và từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

3. Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt và các biện pháp bảo vệ môi trường đã được nêu trong Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh xác nhận.

4. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do sạt lở bờ bao, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

5. Trong thời hạn 5 năm kể từ khi hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường Công ty phải chịu trách nhiệm về chất lượng của phương án cải tạo, phục hồi môi trường mà Công ty thực hiện; trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường tại nơi đã tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường, Công ty phải có trách nhiệm đầu tư để khắc phục sự cố.

Điều 3. Công ty phải tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

Điều 4. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án khai thác mỏ cát xây dựng, công suất 41.000 m³/năm thuộc lòng suối Bò Hum, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để

các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Công ty.

Điều 5. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những thay đổi về nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt, Công ty phải có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi được sự chấp thuận của UBND tỉnh Tây Ninh.

Điều 6. Ủy nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát thực hiện các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và yêu cầu tại Điều 2 của Quyết định này.

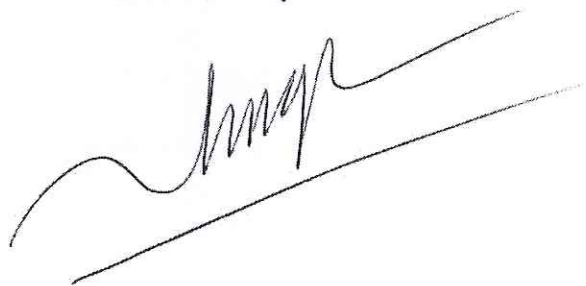
Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

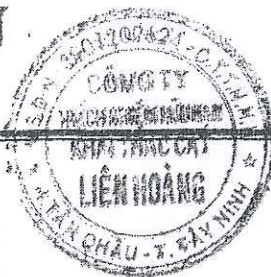
- Chủ dự án;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TNMT;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh;
- UBND huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân Hòa;
- LĐVP-CVK;
- Lưu: VT

12

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

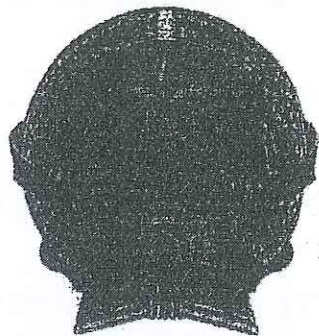


Nguyễn Thanh Ngọc



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Bản sao



GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Số.....1816 / GP - UBND.....
Ngày cấp.....07.17.2016.....

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/10/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh, về việc phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2013-2015 tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2628/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 07/5/2010 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kết quả thăm dò trữ lượng khoáng sản mỏ cát xây dựng Suối Bò Hum, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh”;

Căn cứ văn bản số 1745/UBND ngày 09/10/2015 của UBND huyện Tân Châu, về việc lấy ý kiến cấp giấy phép khai thác khoáng sản cát xây dựng tại Suối Bò Hum, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ văn bản số 143/TLĐTPH-QLN ngày 05/10/2015 của Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Dầu Tiếng – Phước Hòa, về việc thống nhất chủ trương cho Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng làm thủ tục cấp phép khai thác cát xây dựng tại suối Bò Hum;

Căn cứ văn bản số 5265/STNMT-CCBVMT ngày 24/11/2015 của Sở Tài nguyên – Môi trường, về việc xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự

án đầu tư khai thác mỏ cát xây dựng đoạn Suối Bò Hum, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số: 419/QĐ-UBND ngày 24/02/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh, về việc phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án đầu tư khai thác mỏ cát xây dựng đoạn Suối Bò Hum thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, công suất 41.000m³/năm do Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng thực hiện;

Căn cứ Quyết định số: 667/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cát xây dựng khu vực đoạn suối Bò Hum thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ văn bản số: 72/TLPPH-QLN ngày 06/7/2016 của Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Dầu Tiếng – Phước Hòa, về việc chấp thuận cho vào hoạt động khai thác mỏ cát xây dựng trong hồ Dầu Tiếng;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 3246/TTr-STNMT ngày 01 tháng 7 năm 2016 về việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát xây dựng đoạn Suối Bò Hum thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, với các nội dung như sau:

- Diện tích khu vực khai thác: 54,2 ha được giới hạn bởi các điểm góc 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 218 có toạ độ xác định theo Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 Giấy phép này.

- Trữ lượng:

+ Trữ lượng địa chất của mỏ: 1.293.323 m³.

+ Trữ lượng khai thác của mỏ: 1.065.080 m³.

- Công suất khai thác: 41.000 m³/năm (nguyên khối).

- Loại sản phẩm: cát xây dựng.

- Thời gian khai thác : 27 năm, kể từ ngày ký giấy phép (trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 0,5 năm, thời gian khai thác là 26 năm, thời gian đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường là 0,5 năm)

Điều 2. Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Phụ lục số 3 Giấy phép này;
3. Tiến hành hoạt động khai thác vật liệu xây dựng thông thường theo đúng toạ độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Tây Ninh kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện đầy đủ nội dung cam kết bảo vệ môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác mỏ cát xây dựng Suối Bò Hum thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh được Sở Tài nguyên – Môi trường và UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.
6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ cát xây dựng xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nếu phát hiện có khoáng sản khác phải kịp thời báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường.
7. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và đúng theo quy định tại Phụ lục số 4 Giấy phép này;
8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.
9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.
10. Thực hiện đầy đủ các nội dung liên quan đến hành lang bảo vệ nguồn nước và hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Sau 05 năm khai thác, Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng phải thỏa thuận lại với Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Dầu Tiếng – Phước Hòa về việc khai thác khoáng sản trong khu vực hồ Dầu Tiếng. Nếu vì lý do khách quan không đạt được sự thỏa thuận với Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Dầu Tiếng – Phước Hòa thì Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng tự chịu rủi ro.

Hoạt động khai thác khoáng sản cát xây dựng theo Giấy phép này, Công ty TNHH MTV khai thác cát Liên Hoàng chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh, Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh hồ sơ thiết kế mỏ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Khai thác cát Liên Hoàng;
- Tổng cục Địa chất & KS;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- Sở Công Thương;
- Phòng CSPCTP về MT (CATN);
- Cục thuế Tây Ninh;
- Quỹ BVMT tỉnh TN;
- Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Dầu Tiếng-Phước Hòa;
- UBND huyện Tân Châu;
- L&VP, phòng KTN;
- Lưu VT, VP.UBND tỉnh.

(04_QĐ 20. Cấp giấy phép khai thác cát, sỏi Liên Hoàng 7/2015_KS)

14.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh

Số đăng ký: 441 ĐK/KT

Tây Ninh, ngày ...07... tháng ...7... năm 2016

GIÁM ĐỐC

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số: 1932 Quyển: 01 SCT/BS

Ngày 05 tháng 9 năm 2020



Nguyễn Đình Xuân



Dương Kim Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC VẬT LIỆU XÂY DỰNG
THÔNG THƯỜNG TẠI MỎ CÁT XÂY DỰNG, XÃ TÂN HÒA
HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

(Kèm theo Giấy phép khai thác số 1816 /GP-UBND
ngày 07 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Mốc ranh	Tọa độ VN2000, múi 3 ⁰ KT 105 ⁰ 30'		Diện tích (ha)
	X(m)	Y(m)	
208	1277861	599228	54,2
209	1277976	599304	
210	1277909	599422	
211	1277451	600148	
212	1277053	600478	
213	1276578	600964	
214	1276303	601091	
215	1276228	600881	
216	1276590	600789	
217	1276898	600306	
218	1276448	599849	

H.D. * HNIN

CHỈ DẪN

209
Mốc ranh mố

ਪ੍ਰਭੂ ਦੇ ਪ੍ਰੀਤ ਨੂੰ



75 is 1:10.000

1cm trên bản đồ bằng 100m ngoài thực tế

Hỗ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Kèm theo Giấy phép khai thác số 1816 /GP-(UBND
ngày 07 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tổng số tiền phải nộp: 4.609.403.172 VNĐ

Lần nộp	Năm	Mức thu (đồng)	Ghi chú
1	2016	341.437.272	Đã nộp
2	2017	341.437.272	
3	2018	341.437.272	
4	2019	341.437.272	
5	2020	341.437.272	
6	2021	341.437.272	
7	2022	341.437.272	
8	2023	341.437.272	
9	2024	341.437.272	
10	2025	341.437.272	
11	2026	341.437.272	
12	2027	341.437.272	
13	2028	341.437.272	
14	2029	170.718.636	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**SẢN LƯỢNG KHAI THÁC HÀNG NĂM VÀ ĐỊA CHỈ
TIÊU THỤ SẢN PHẨM SẴN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC**

(Kèm theo Giấy ~~phép khai thác~~ khai thác số 1816 /GP-UBND
ngày 07 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Số 11	Năm	Công suất khai thác 3)	Sản phẩm sau chế biến	Địa chỉ chế biến, tiêu thụ sản phẩm	Ghi chú
1	7/2016	3.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
2	2017	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
3	2018	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
4	2019	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
5	2020	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
6	2021	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
7	2022	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
8	2023	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
9	2024	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
10	2025	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
11	2026	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
12	2027	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
13	2028	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
14	2029	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
15	2030	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
16	2031	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
17	2032	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
18	2033	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
19	2034	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
20	2035	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
21	2036	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	



22	2037	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
23	2038	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
24	2039	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
25	2040	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
26	2041	41.000	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
27	2042	37.080	không	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	
				Đóng cửa mỏ	
28	7/2043			Đóng cửa mỏ	

Số: 80 /GP-TCTL-PCTT

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2021

**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TRONG PHẠM VI
BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỦY LỢI

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ về việc xử lý vướng mắc về quản lý, khai thác và bảo vệ hồ chứa thủy lợi quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 25/2017/QĐ-TTg ngày 03/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy lợi thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 24/2019/QĐ-TTg ngày 11/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét Đơn đề nghị và Hồ sơ cấp giấy phép cho hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Công ty TNHH Khai thác cát Liên Hoàng;

Xét văn bản thỏa thuận số 05/BB-TLDTPH-QLN ngày 28/01/2021 của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng – Phước Hòa về việc thỏa thuận cấp giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thanh tra,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Khai thác cát Liên Hoàng (sau đây gọi là Công ty), địa chỉ: số 174, đường 785, tổ 9, ấp Thanh Hiệp, xã Thanh Đông, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tiến hành hoạt động khai thác cát xây dựng tại suối Bò Hum hồ Dầu Tiếng thuộc xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

1. Tên hoạt động: khai thác cát xây dựng; lập bãi tập kết cát.

2. Phạm vi hoạt động:

- Hoạt động khai thác cát trong lòng hồ Dầu Tiếng: tại suối Bò Hum hồ Dầu Tiếng thuộc xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh được giới hạn bởi các điểm góc, theo tọa độ VN2000, chi tiết tại bản đồ khu vực khai thác khoáng sản cát xây dựng kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản (cát xây dựng) số 1816/GP-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh.



- Bãi tập kết cát: vị trí tọa độ các điểm khếp góc của bãi tập kết cát cụ thể tại tờ Bản đồ vị trí bãi tập kết.

3. Phương thức hoạt động:

a) Khai thác cát xây dựng bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật đã được phê duyệt về phạm vi, chiều sâu, chiều rộng, công suất khai thác; thời gian được phép hoạt động khai thác trong ngày từ 07 giờ đến 17 giờ và các yêu cầu tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 1816/GP-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh. Ngoài ra, hoạt động khai thác cát xây dựng phải thực hiện yêu cầu sau:

- Hoạt động khai thác cát bằng phương pháp sử dụng tàu/ghe hút toàn bộ lượng cát và tạp chất (bùn, trầm tích và các loại tạp chất) vào tàu/ghe và vận chuyển về bãi tập kết cát để sàng tuyển, lắng lọc (không được lắp giàn sàng trên tàu/ghe);

- Khi mực nước hồ thấp hơn cao trình +20m, thời gian được phép hoạt động khai thác từ 07 giờ đến 12 giờ; công suất khai thác cát giám theo yêu cầu của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa;

- Lắp đặt camera, thiết bị giám sát hành trình trên tàu/ghe để giám sát quá trình khai thác cát bảo đảm không có hoạt động sàng tuyển cát trong lòng hồ làm đục và ảnh hưởng chất lượng nước trong công trình thủy lợi;

- Không để rò rỉ xăng dầu khi khai thác, vận chuyển cát; không thải chất thải sinh hoạt làm ô nhiễm chất lượng nước trong công trình thủy lợi;

- Quản lý các chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Lập 03 bãi tập kết cát tại lòng hồ Dầu Tiếng. Vị trí như sau: bãi số 01 có diện tích 02ha, tại ấp Cây Khế, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bãi số 02 có diện tích 02ha, tại xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; bãi số 03 có diện tích 1.338m², tại xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

(Vị trí tọa độ các điểm khếp góc của bãi tập kết cát cụ thể tại tờ Bản đồ vị trí bãi tập kết gửi kèm theo Hồ sơ).

- Mặt bằng bãi tập kết cát xây dựng bám theo cao độ địa hình tự nhiên;

- Phải lắp đặt bảng thông báo để công khai thông tin của bến bãi tập kết cát, sỏi theo quy định;

- Bãi tập kết cát phải có hệ thống thu gom toàn bộ nước từ bãi tập kết vào 03 bể lắng. Nước từ hệ thống bể lắng chảy vào hồ phải bảo đảm các thông số TSS, DO, BOD, COD đạt cột A, Quy chuẩn Việt Nam QCVN 40:2011/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường). Việc vận hành hệ thống bể lắng phải đúng Quy trình kèm theo Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;

- Hoạt động tập kết cát phải bảo đảm theo yêu cầu của Quy trình vận hành hồ Dầu Tiếng;

- Lắp đặt camera giám sát tại trạm cân, kho, bãi để phục vụ việc theo dõi, giám sát, quản lý.

4. Thời hạn của Giấy phép: 05 năm, kể từ ngày cấp.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ

Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của tổ chức được cấp giấy phép quy định tại Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

2. Chịu sự kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Giấy phép của Công ty TNHH MTV KTTL Dầu Tiếng - Phước Hòa; sự kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm (nếu có) của cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện giấy phép theo quy định của pháp luật;

3. Trước khi triển khai hoạt động khai thác, Công ty phải phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa xác nhận các mốc chỉ giới phạm vi hoạt động, các hạng mục công trình, thiết bị theo quy định của Giấy phép và Báo cáo đánh giá tác động môi trường và gửi về Tổng cục Thủy lợi;

4. Tổ chức khai thác cát xây dựng theo Giấy phép được cấp; không gây cản trở cho việc vận hành và an toàn công trình thủy lợi; khai thác đúng độ sâu; không làm khuấy động nước, làm ảnh hưởng đến chất lượng nước trong quá trình khai thác; không gây sạt lở. Trường hợp, gây cản trở cho việc vận hành và an toàn công trình hoặc ảnh hưởng chất lượng nước của hồ Dầu Tiếng, Công ty phải dừng ngay hoạt động, tiến hành khắc phục hậu quả. Mọi chi phí khắc phục, đền bù thiệt hại khi làm ảnh hưởng đến công trình, chất lượng nước của hồ chứa nước Dầu Tiếng do Công ty chịu trách nhiệm;

5. Sử dụng bãi tập kết cát, vận chuyển cát bảo đảm an toàn, không gây cản trở việc vận hành công trình thủy lợi; vận hành hệ thống bể lắng theo đúng quy trình;

6. Thực hiện quan trắc chất lượng nước:

- Vị trí quan trắc: Tại cửa xả nước từ bể lắng vào hồ Dầu Tiếng và tại khu vực hoạt động khai thác cát;

- Thông số quan trắc: TSS, DO, BOD, COD;

- Tần suất quan trắc: 01 tháng/lần;

Khi lấy mẫu quan trắc chất lượng nước phải có sự giám sát của Công ty khai thác thủy lợi Dầu Tiếng- Phước Hòa,

7. Ký kết, thực hiện hợp đồng với Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Dầu Tiếng- Phước Hòa về việc cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của pháp luật;

8. Khi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra đột xuất đối với các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, Công ty phải phối hợp trong công tác kiểm tra hiện trường, lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước; đồng thời ký xác nhận vào biên bản kiểm tra hiện trường, biên bản lấy mẫu nước;



9. Chấp hành quyết định của cơ quan cấp giấy phép về việc dừng hoạt động hoặc thay đổi thời hạn của giấy phép đã cấp trong trường hợp công trình có nguy cơ mất an toàn hoặc nước trong hồ bị ô nhiễm;

10. Truyền hình ảnh, các thông tin liên quan thu thập từ camera và các thiết bị giám sát về Tổng cục Thủy lợi và Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Dầu Tiếng- Phước Hòa;

11. Báo cáo tình hình thực hiện Giấy phép; định kỳ xây dựng Báo cáo quý (03 tháng/01 lần, trước ngày 05 tháng đầu tiên của Quý tiếp theo), Báo cáo tổng hợp năm (thay Báo cáo Quý IV) gửi Tổng cục Thủy lợi và Công ty khai thác thủy lợi Dầu Tiếng- Phước Hòa. Báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng- Phước Hòa

1. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung của giấy phép đã cấp cho Công ty TNHH Khai thác cát Liên Hoàng;

2. Ký kết, thực hiện hợp đồng với Công ty về việc cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của pháp luật;

3. Định kỳ ngày 25 hằng tháng, báo cáo về Tổng cục Thủy lợi kết quả giám sát việc thực hiện nội dung của Giấy phép, các nội dung có liên quan và các kiến nghị (nếu có).

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thanh tra, Vụ trưởng Vụ An toàn đập kiểm tra, thanh tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý vi phạm (nếu có) trong việc thực hiện nội dung của Giấy phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TT Nguyễn Hoàng Hiệp (để b/c);
- UBND tỉnh Tây Ninh, Bình Phước;
- Các sở: Nông nghiệp và PTNT,
- Tài nguyên và MT tỉnh Tây Ninh, Bình Phước;
- Vụ An toàn đập; Cục QL công trình thủy lợi;
- Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa;
- CTy TNHH KT cát Liên Hoàng;
- Lưu: VT, Hồ sơ cấp phép, PCTTr.



TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tỉnh

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố lại hoạt động bến thủy nội địa

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải; Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố lại hoạt động bến thủy nội địa của Công ty TNHH Khai thác cát Liên Hoàng;

Theo đề nghị của Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa Tây Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa: **Liên Hoàng.**

- Tại vị trí có tọa độ: A (X:1277582.0; Y:600212.1), B (X:1277436.6; Y:600196.4). Trên bờ Trái suối Bồ Hum, thuộc xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Của Công ty TNHH Khai thác cát Liên Hoàng, Điện thoại: 0919 047 047; Địa chỉ: Ấp Cây Khế, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Loại bến: Bến tập kết, xếp dỡ Cát khai thác; Vùng đất của bến: 5.020m²; Vùng nước của bến theo sơ đồ vùng nước do chủ Bến lập và được Công ty TNHH Tư vấn môi trường và Đo đạc Sài Gòn Xanh thẩm định. Chiều dài: 200m, từ vị trí đặt biển báo BTNĐ dọc theo bờ về hạ lưu; Chiều rộng: 20m, từ mép ngoài bến trở ra phía suối.
- Kết cấu công trình bến: Nền đất tự nhiên, bờ kè gia cố bằng cừ dừa.
- Thiết bị xếp, dỡ: Cần trục bánh xích và xe cuốn bánh xích.
- Được phép tiếp nhận phương tiện theo Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh.

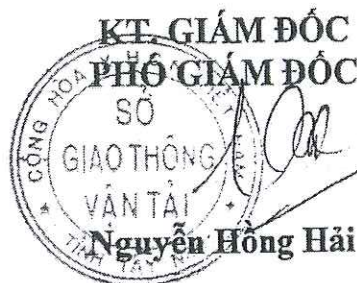
Điều 2. Trong thời gian hoạt động chủ bến thủy nội địa phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20/01/2022 đến ngày 23/02/2026 (theo thời hạn của Giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi số 80/GP-TCTL-PCTTr ngày 23/02/2021 của Tổng cục Thủy lợi).

Điều 4. Giám đốc Cảng vụ Đường thủy nội địa Tây Ninh, Giám đốc Công ty TNHH Khai thác cát Liên Hoàng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- UBND huyện Tân Châu;
- Cty TNHH MTV KTTL TN;
- Lưu: VT, CV.



**CÁC GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM
VÀ KIỂM ĐỊNH MÁY MÓC, THIẾT BỊ**

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ XÂY DỰNG

Số: 2032/TB-SXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 26 tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO
TIẾP NHẬN HỒ SƠ CÔNG BỐ HỢP QUY

Ngày 23/7/2024, Sở Xây dựng Tây Ninh có tiếp nhận Bản công bố hợp quy số 01-2024/HQ ngày 23/7/2024 của Công ty TNHH Khai thác Cát Liên Hoàng.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp Cây Khế, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ khai thác: Mỏ cát xây dựng tại đoạn Suối Bò Hum thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1816/GP-UBND ngày 7/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh).

Công bố sản phẩm:

- Tên sản phẩm: Cốt liệu cho bê tông và vữa.
- Kiểu loại: Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa
- Nhãn hiệu: Cát Liên Hoàng

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, Mã số QCVN 16:2019/BXD của Bộ Xây dựng đến ngày 27/9/2026; Công ty TNHH Khai thác Cát Liên Hoàng chỉ được lưu thông sản phẩm này trên thị trường khi UBND tỉnh cho phép đơn vị được hoạt động khai thác cát trong hồ Dầu Tiếng trở lại.

Phương thức chứng nhận: **Phương thức 5** (theo Giấy chứng nhận hợp quy số 3345877730 ngày 28/9/2023, có giá trị sử dụng từ ngày 28/9/2023 đến ngày 27/9/2026 và Quyết định số 58777/QĐ-VC ngày 28/9/2023 của Trung tâm Giám định và Chứng nhận Hợp chuẩn Hợp quy VIETCERT cấp).

Thông báo này chỉ ghi nhận sự cam kết của đơn vị, không có giá trị chứng nhận cho kiểu, loại sản phẩm cốt liệu cho bê tông và vữa, kiểu loại cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Công ty TNHH Khai thác Cát Liên Hoàng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm Cốt liệu cho bê tông và vữa, kiểu loại cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng và thực hiện trách nhiệm của tổ chức công bố hợp quy theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và khoản 5 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN./.

Nơi nhận:

- Cty TNHH khai thác Cát Liên Hoàng;
- Cục Quản lý thị trường tỉnh;
- UBND huyện Tân Châu;
- Tổ Biên tập Trang TTĐT SXD;
- Lưu: VT, QLN&VLXD.

Mã hồ sơ: 000.00.16.H53-240723-0001

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thủy Nga



VIETCERT

CERTIFICATE

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: 3345877730

Chứng nhận sản phẩm:

CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA

(Chi tiết sản phẩm xem danh mục đính kèm)

Sản xuất tại:

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG

Địa chỉ trụ sở:

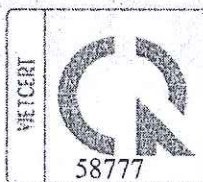
Tổ 4, ấp Cây Khế, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Địa chỉ khai thác:

Mỏ cát xây dựng đoạn suối Hồ Bum thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Được Trung tâm Giám định và chứng nhận Hợp chuẩn Hợp quy VietCert đánh giá chứng nhận phù hợp quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD của Bộ Xây Dựng

Và được phép sử dụng dấu Hợp Quy:



Phương thức chứng nhận: phương thức 5

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 (Sửa đổi: Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017) của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Theo quy định của VietCert, chứng chỉ chỉ có giá trị hiệu lực khi thực hiện ít nhất 02 lần giám sát trong suốt thời hạn hiệu lực của chứng chỉ này. Kể từ ngày 27/09/2024 và 27/09/2025 chứng chỉ sẽ chỉ có hiệu lực nếu đi kèm thông báo kết quả đáp ứng yêu cầu giám sát định kỳ. Vui lòng truy cập tại www.vietcert.org hoặc liên hệ email: info@vietcert.org (hotline: 0903.570.959/0905.527.089) để biết tình trạng hiệu lực của chứng chỉ này.



Ngày hiệu lực: 28/09/2023

Ngày hết hạn: 27/09/2026

GIÁM ĐỐC



PHAN THANH TUẤN



VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE



Website: www.deming.vn

Email: deming.vn@gmail.com

Mã số/ Code

BN 58777-01

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**

Trang/Page: 01/02

Ngày/ Date: 28/09/2023

Tên mẫu thử nghiệm/ Name of Sample: Cốt liệu cho bê tông và vữa-Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa-
Kích thước: (0-5) mm

Ký hiệu mẫu/ Sample of Mark: 58777-1

Số lượng mẫu/ Quantity: 20 kg

Tình trạng mẫu/ Sample description: Mẫu rắn

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 21/09/2023

Thời gian thử nghiệm/ Testing period: 21/09/2023 - 28/09/2023

Đơn vị gửi mẫu/ Client: Trung tâm Giám định và Chứng nhận Hợp chuẩn Hợp quy Vietcert

Địa chỉ/ Address: 28 An Xuân, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng

Kết quả thử nghiệm / Test results: Xem trang 02/02

KT. Trưởng Phòng Kỹ thuật 4
Phó Trưởng phòng Kỹ thuật 4
Deputy of Technical Division 4

NGUYỄN PHƯỚC CẨM

ĐẠI DIỆN VIỆN

On behalf of the Institute



LÊ THỊ MỘNG TRINH

- (*) Phương pháp thử được công nhận ISO 17025 / Test Methods are accredited by ISO 17025.
- (**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Tested by Subcontract.
- (c) Phương pháp thử được chỉ định / Test methods are assigned
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi/ Test results are valid for the namely submitted sample (s) only.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./Name of sample and customer are written as customer's request.
- Không được trích sao một phần Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Deming/ This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Deming.

Địa chỉ: Lô 21-22 B1.6, KDC Quang Thánh 3B, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng Tel: 0236.6562929 Fax: 0236.3617519



VIỆN NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG DEMING
DEMING PRODUCTIVITY QUALITY INSTITUTE



Website: www.deming.vn Email: deming.vn@gmail.com

Mã số/ Code

BN 58777-01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang/Page : 02/02
Ngày/ Date: 28/09/2023

TT/ No.	Chi tiêu thử nghiệm/ Test characteristic			Kết quả thử nghiệm/ Test result
	Tên chỉ tiêu/ Parameters	Phương pháp thử/ Test Method	Đơn vị tính/ Unit	
1	Hàm lượng tạp chất:	TCVN 7572-8:2006	%	-
	-Sét cục và các tạp chất dạng cục			Không phát hiện
	-Hàm lượng bụi, bùn, sét			<1,0
2	Hàm lượng ion clo Cl-	TCVN 7572-15:2006	%	< 0,01
3	Khả năng phản ứng kiềm – silic	TCVN 7572-14:2006	-	Trong vùng cốt liệu vô hại
4	Lượng hạt qua sàng 140 μ m	TCVN 7572-2:2006	%	22.8

**TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH VÀ CHỨNG
NHẬN HỢP CHUẨN HỢP QUY VIETCERT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 58777/QĐ-VC

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp giấy chứng nhận hợp quy
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH VÀ CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN HỢP QUY
VIETCERT

- Căn cứ Luật khoa học công nghệ 2013;
- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 29/6/2006;
- Căn cứ Giấy đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 07/2020 do Sở Khoa học và công nghệ TP Đà Nẵng cấp ngày 26/10/2020;
- Căn cứ Quyết định số 1161/QĐ-BXD ngày 31/08/2020 về việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Giấy đăng ký lĩnh vực hoạt động chứng nhận số 2389/TĐC-HCHQ ngày 26/08/2022 của Tổng Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;
- Căn cứ QĐ.01 do Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy Vietcert;
- Căn cứ báo cáo của đoàn đánh giá và kết quả thẩm tra hồ sơ chứng nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận hợp quy số 3345877730 cho sản phẩm **Cốt liệu cho bê tông và vữa** do **CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG** sản xuất phù hợp QCVN 16:2019/BXD

(Chi tiết sản phẩm xem danh mục đính kèm)

Địa chỉ trụ sở: Tổ 4, ấp Cây Khế, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

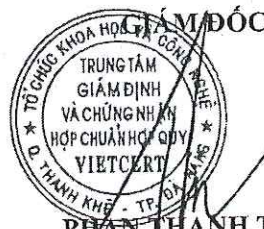
Địa chỉ khai thác: Mỏ cát xây dựng đoạn suối Hồ Bum thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điều 2. Khi thực hiện phân phối sản phẩm trên ra thị trường, **CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG** phải thực hiện đúng các quy định quyền và trách nhiệm theo quy định của Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy Vietcert và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực đến ngày 27/09/2026 và đơn vị sẽ chịu giám sát định kỳ vào các ngày 27/08/2024 và 27/08/2025 hoặc đột xuất khi cần để duy trì hiệu lực của quyết định. Nếu không có văn bản thông báo tiếp tục duy trì hiệu lực giấy chứng nhận định kỳ hằng năm từ VietCert, quyết định này mặc nhiên sẽ hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu VT, PKT.



PHẦN THANH TUÂN

TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH VÀ CHỨNG
NHẬN HỢP CHUẨN HỢP QUY VIETCERT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SẢN PHẨM VẬT LIỆU XÂY DỰNG CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP
QCVN 16:2019/BXD

(Ban hành kèm theo Quyết định số 58777/QĐ-VC ngày 28/09/2023 và giấy chứng nhận số 3345877730)

STT	Tên sản phẩm	Kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật
1	Cốt liệu cho bê tông và vữa	Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa	Kích thước: (0-5) mm

Ngày hiệu lực : 28/09/2023

Ngày hết hạn: 27/09/2026

GIÁM ĐỐC



PHAN THANH TUẤN



VIETCERT

CERTIFICATE

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số/No: 1215877630

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của/
This is to certify that Quality Management System of

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG *LIEN HOANG SAND MINING COMPANY LIMITED*

Địa chỉ trụ sở/ *Office address:*

Tổ 4, ấp Cây Khê, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Group 4, Cay Khe hamlet, Tan Hoa commune, Tan Chau district, Tay Ninh province, Vietnam

Địa chỉ sản xuất/ *Production address:*

Mỏ cát xây dựng đoạn suối Hồ Bùn thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa,
huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

*Sand mine to build Ho Bùn stream section of Dau Tieng lake, Tan Hoa commune,
Tan Chau district, Tay Ninh province, Vietnam*

Được Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert đánh giá chứng nhận phù hợp
tiêu chuẩn.

*Has been assessed by the VietCert Certification and inspection centre and found to be in conformance
with.*

ISO 9001:2015

Cho lĩnh vực/ *for the following activities*

Khai thác và cung ứng cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa

Exploiting and supplying natural sand for concrete and mortar

Theo quy định của VietCert, chứng chỉ chỉ có giá trị hiệu lực khi thực hiện ít nhất 02 lần giám sát trong suốt thời hạn hiệu lực
của chứng chỉ này. Kể từ ngày 28/9/2024 và 28/9/2025 chứng chỉ sẽ chỉ có hiệu lực nếu đi kèm thông báo kết quả đáp ứng yêu
cầu giám sát định kỳ

*According to VietCert requirements, the certificate is only valid by at least twice times of surveillance audit within the period of
validity. Since 28/9/2024 and 28/9/2025, the certificate should have been only valid together with the notice letter of annual
surveillance audit conclusion*



Ngày hiệu lực/ *Authorized:*
Ngày hết hạn/ *Expires:*

28/9/2023
27/9/2026

GIÁM ĐỐC



PHẠM THANH TUÂN

Trung tâm Giám định và Chứng nhận Hợp chuẩn Hợp quy VietCert
28 An Xuân, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng

**TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH VÀ
CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN HỢP
QUY VIETCERT**

Số: 58776/QĐ-VC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy chứng nhận

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH VÀ CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN HỢP QUY VIETCERT

- Căn cứ Luật khoa học công nghệ 2013;
- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 29/6/2006;
- Căn cứ Giấy đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 07/2020 do Sở Khoa học và công nghệ TP Đà Nẵng cấp ngày 26/10/2020;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận số 1868/TĐC-HCHQ ngày 08/7/2022;
- Căn cứ QĐ.06 do Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert;
- Căn cứ báo cáo của đoàn đánh giá và kết quả thẩm tra hồ sơ chứng nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận hệ thống số 1215877630 cho CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015 với lĩnh vực: Khai thác và cung ứng cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa

Địa chỉ trụ sở:

Tổ 4, ấp Cây Khế, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Địa chỉ sản xuất:

Mỏ cát xây dựng đoạn suối Hồ Bum thuộc hồ Dầu Tiếng, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điều 2. CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG phải thực hiện đúng các quy định về quyền và trách nhiệm theo quy định của Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert tại QĐ.06 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực đến ngày 27/9/2026 và đơn vị sẽ chịu giám sát định kỳ vào các ngày 28/8/2024 và 28/8/2025 hoặc đột xuất khi cần để duy trì hiệu lực của quyết định. Nếu không có văn bản thông báo tiếp tục duy trì hiệu lực giấy chứng nhận định kỳ hằng năm từ VietCert, quyết định này mặc nhiên sẽ hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu VT, PK.

GIÁM ĐỐC



PHAN THANH TUẤN



CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN CÔNG NGHIỆP 2
Địa chỉ: 490A Điện Biên Phủ, Phường 21, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
VPĐD: 150 Đường 13, Phường Phước Bình, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 028.62724486 – DD: 0903796786 Fax: 028.36207483
Website: kiemdinhn2.com Email: kiemdinhn2@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG TRONG KHAI THÁC SỬ DỤNG**

(*Inspection certificate of technical safety and environmental protection for used TCM*)
Số/No: 20897/CN2

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Công Ty Cổ Phần Kiểm định Kỹ Thuật An Toàn Công Nghiệp 2
(*Base on functions and tasks of 2 industrial safety technique inspection joint stock company*)
- Căn cứ vào kết quả kiểm tra thiết bị tại hiện trường (*Base on the result of inspection equipment on location*)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN CÔNG NGHIỆP 2

CHỨNG NHẬN

(*2 industrial safety technique inspection joint stock company Certified that:*)

1. Tên phương tiện (Name of Equipment): MÁY ĐÀO BÁNH XÍCH BS: 70XA-0525

- Mã hiệu (Code): **HYUNDAI ROBEX 2900LC-7**
- Số chế tạo (Serial no): **SK: N80210315; SM: D6AZ2066883**
- Nhà chế tạo (Manufacturer): **Hàn Quốc**
- Năm sản xuất (Manufacturing year): **N/A**

2. Đặc trưng kỹ thuật (Basic technological parameters on):

- + Dung tích gầu (Grab capacity): **1,2 m³**
- + Kiểu gầu (Grab type): **Gầu nghịch**
- + Bán kính đào lớn nhất (Digging radius, Max): **10800 mm**
- + Chiều cao đổ lớn nhất (Dumping height, Max): **7110 mm**
- + Công suất/Số vòng quay (Power Engine/rpm): **162/1900 kW/vòng/phút**
- + Vận tốc di chuyển (Travel speed): **5,0 km/h**
- + Kích thước bao (Dimension):
Dài×Rộng×Cao (Length×Width×Height): **10560 × 3200 × 3290 mm**
- + Trọng lượng (Gross weight): **28800 kg**
- + Loại động cơ (Engine type): **4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng**
- + Ký hiệu động cơ (Engine model): **D6AZ**
- + Loại nhiên liệu (Fuel): **Diesel.**

3. Đơn vị sử dụng (Owner):

HUỲNH TÓ LIÊN

Địa chỉ (Add): **Thị trấn Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh**

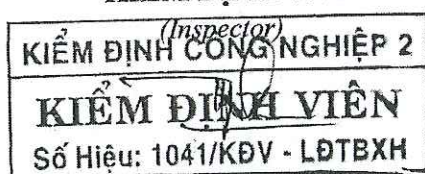
4. Kết quả (Results): Phương tiện đã được kiểm tra kỹ thuật, đạt yêu cầu các thông số kỹ thuật, đủ điều kiện vận hành an toàn. (*The equipment has been technically inspected, meets the technical specifications, and is qualified for safe operation.*)

5. Tem kiểm tra số (Verification label): 20897

6. Ngày kiểm tra (Date test) : 23/07/2024 (*)

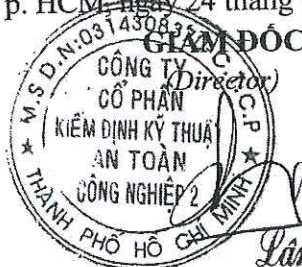
7. Ngày kiểm tra tiếp theo (The next test date): 23/07/2025

KIỂM ĐỊNH VIÊN



Ks. Võ Ngọc Huy

Tp. HCM, ngày 24 tháng 07 năm 2024



Lâm Lê Ngọc Viên

(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các nguyên tắc về sử dụng và bảo quản.



CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN CÔNG NGHIỆP 2
Địa chỉ: 490A Điện Biên Phủ, Phường 21, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
VPĐD: 150 Đường 13, Phường Phước Bình, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: 028.62724486 – DD: 0903796786 Fax: 028.36207483
Website: kiemdinhen2.com Email: kiemdinhen2@gmail.com

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG TRONG KHAI THÁC SỬ DỤNG**

(Inspection certificate of technical safety and environmental protection for used TCM)

Số/No: 20898/CN2

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Công Ty Cổ Phần Kiểm định Kỹ Thuật An Toàn Công Nghiệp 2
(Base on functions and tasks of 2 industrial safety technique inspection joint stock company limit)
- Căn cứ vào kết quả kiểm tra thiết bị tại hiện trường (Base on the result of inspection equipment on location)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN CÔNG NGHIỆP 2

CHỨNG NHẬN

(2 industrial safety technique inspection joint stock company Certified that:)

1. Tên phương tiện (Name of Equipment): MÁY ĐÀO BÁNH XÍCH BS: 70XA-0526

- Mã hiệu (Code): **HYUNDAI ROBEX 3000LC-7**
- Số chế tạo (Serial no): **SK: N80211151; SM: D6AZ4091578**
- Nhà chế tạo (Manufacturer): **Hàn Quốc**
- Năm sản xuất (Manufacturing year): **N/A**

2. Đặc trưng kỹ thuật (Basic technological parameters on):

- + Dung tích gầu (Grab capacity): **1,27 m³**
- + Kiểu gầu (Grab type): **Gầu nghịch**
- + Bán kính đào lớn nhất (Digging radius, Max): **10820 mm**
- + Chiều cao đổ lớn nhất (Dumping height, Max): **7110 mm**
- + Công suất/Số vòng quay (Power Engine/rpm): **147/1900 kW/vòng/phút**
- + Vận tốc di chuyển (Travel speed): **5,4 km/h**
- + Kích thước bao (Dimension):
Dài×Rộng×Cao (Length×Width×Height): **10560 × 3200 × 3290 mm**
- + Trọng lượng (Gross weight): **28800 kg**
- + Loại động cơ (Engine type): **4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng**
- + Ký hiệu động cơ (Engine model): **D6AZ**
- + Loại nhiên liệu (Fuel): **Diesel.**

3. Đơn vị sử dụng (Owner):

HUỖNH TÓ LIÊN

Địa chỉ (Add): **Thị trấn Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh**

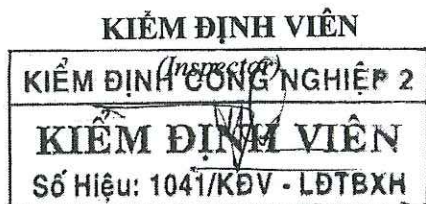
4. Kết quả (Results): Phương tiện đã được kiểm tra kỹ thuật, đạt yêu cầu các thông số kỹ thuật, đủ điều kiện vận hành an toàn. (The equipment has been technically inspected, meets the technical specifications, and is qualified for safe operation).

5. Tem kiểm tra số (Verification label): 20898

6. Ngày kiểm tra (Date test): 23/07/2024 (*)

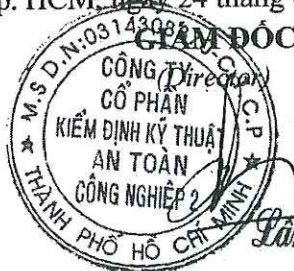
7. Ngày kiểm tra tiếp theo (The next test date): 23/07/2025

Tp. HCM, ngày 24 tháng 07 năm 2024



Ks. Võ Ngọc Huy

(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các nguyên tắc về sử dụng và bảo quản.



Lâm Lê Ngọc Viễn



BV 0101212

Số: 00143/25V50

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THUYỀN NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: Tàu Công Trình Số ĐKHC: TN-0463
Công dụng: Tàu hút (chỉ hút cát và sỏi) Số Đăng kiểm: V70-00210
Chủ phương tiện: Công ty TNHH XD-TM-DV Dương Đại Lực
Địa chỉ: Số 2085, Ấp B2, Xã Phước Minh, Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh
Năm và nơi đóng: 2016, Tây Ninh/2021, Hồ Dầu Tiếng, Tây Ninh
Kích thước cơ bản: L x B x D x d 25,41 x 5,4 x 2,2 x 1,14 m;
L_{max} x B_{max} 27,7 x 5,5 m; Mạn khô F: 1066 mm;
Vật liệu: Thép ; Tổng dung tích (GT): 99 m³;
Số lượng máy chính/phụ: 1/1 ; Tổng công suất: 143/197 sức ngựa;
Căn cứ báo cáo kiểm tra kỹ thuật số 00143/25V50 ngày 23 tháng 1 năm 2025

CHI CỤC ĐĂNG KÝ KIỂM SỐ 6

chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngăn ngừa ô nhiễm ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các yêu cầu của quy chuẩn, quy định hiện hành và được trao cấp:

VR-SI

Vùng hoạt động:

Vùng SI

Khả năng khai thác: Sản lượng: 100 (m³/h); Lượng hàng: 60 (tấn)/ TTTP: 61,5 (tấn)

- Phương tiện chỉ được hoạt động vào ban ngày (từ 7h00 đến 17h00) và chỉ được phép khai thác, vận chuyển cát đúng vị trí mỏ cát và thời hạn khai thác phù hợp với giấy phép khai thác khoáng sản số 256/GP-UBND do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 14/12/2022.

- Xem thông báo tàu hút số 00143/25V50 đính kèm

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 20 tháng 8 năm 2025

Cấp tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2025

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ

(Ký tên, đóng dấu)



Số KS VR16042155

SI-01

Trang bị chạy tàu

Ông nhòm ☒ ; Đồng hồ ☒
Thiết bị đo sâu đơn giản ☒ ; Chuông lệnh ☒
Thiết bị đo nghiêng ☒ ; Thước đo mức nước ☒
GPS hoặc thiết bị tương tự ☒ ; La bàn từ hoặc la bàn chuẩn ☒
Thiết bị truyền thanh chỉ huy ☒ ; Ra đa ☒
Thiết bị VTĐ: MF/HF (chiếc) 0 ; VHF (chiếc) 0
AIS: cấp A ☐ cấp B ☐
S.EPIRB ☐
SART/AIS-SART ☐

Trang bị ngăn ngừa ô nhiễm (do rác, dầu, nước thải sinh hoạt, chất lỏng độc hại của tàu)

Thiết bị phân ly dầu nước: Số lượng (chiếc) ; Tổng sản lượng: 0,02

Kết thu hồi hỗn hợp dầu nước: Số lượng (chiếc) 1 ; Tổng thể tích (m³) 0,02

Kết nước thải: Số lượng (chiếc) ; Tổng thể tích (m³)

Kết lắng: Số lượng (chiếc) ; Tổng thể tích (m³)

Kết dầu bẩn: Số lượng (chiếc) ; Tổng thể tích (m³)

Bích nổi tiêu chuẩn: Số lượng (chiếc) ; Vị trí 1

Thiết bị chứa rác: Số lượng (chiếc) ; Sản lượng (m³)

Thiết bị xử lý nước thải: Số lượng (chiếc)

Thời hạn kiểm tra

Định kỳ: 29/07/2026 ; Trên đài: 29/07/2026

Hàng năm: 20/08/2025 ; Trung gian:

Áp dụng đối với:

- Phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chờ khí hóa lỏng, tàu chở công te nơ, chờ xô hóa chất nguy hiểm, chờ dầu; tàu cao tốc chở khách, tàu đệm khí.
- Các phương tiện của người nước ngoài hoặc của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tham gia giao thông đường thủy nội địa.
- Các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, hồ, đầm và vịnh (trừ các phương tiện nêu ở khoản 1, 2 trên đây), có một trong các đặc trưng sau:
 - Phương tiện có sức chở người từ 50 người trở lên;
 - Phương tiện có trọng tải toàn phần từ 200 tấn trở lên;
 - Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 135 sức ngựa trở lên;
 - Phương tiện chuyên dùng như: tàu công trình và các tàu có công dụng đặc biệt có chiều dài thiết kế từ 10 m trở lên;
 - Phương tiện có lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng lớn hơn 1 tấn.

Trách nhiệm của chủ phương tiện:

Chịu trách nhiệm bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện theo các tiêu chuẩn quy định giữa hai kỳ kiểm tra.

Thiết kế phương tiện			
Ký hiệu thiết kế: NA17-06-21HC	Năm thiết kế: 2021		
Số GCN: 02937/21TS	Số thẩm định: 01366/TS/HC21		
Năm và nơi hoàn cải: 2021, Hồ Dầu Tiếng, Tây Ninh			
Thiết bị neo			
Neo mũi, kiểu Matrosov/Matr	SL(chiếc): 2	Tổng khối lượng neo	100 kg
Neo đuôi, kiểu /	SL(chiếc): 0	Tổng khối lượng neo	/ kg
Chiều dài/ đường kính xích, cáp: Mũi	50/14; 50/14	Đuôi:	
Kiểu tời neo: Mũi	nằm - quay tay	Đuôi	nằm - quay tay
Thiết bị lái			
Bánh lái: Kiểu	số lượng (chiếc):	Tổng diện tích(m ²):	
Máy lái chính: Kiểu		Mô men lái (tm):	
Máy lái dự phòng: Kiểu		Mô men lái (tm):	
Thiết bị chằng buộc			
Dây buộc: số lượng (chiếc)	Tổng chiều dài (m)		
Cột buộc dây: Kiểu	Số lượng (chiếc)		
Thiết bị kéo			
Cột kéo: Kiểu	Đường kính (mm):		
Móc kéo: Kiểu	Lực kéo định mức (kN):		
Tời thu dây: kiểu	Lực kéo định mức (kN):		
Dây kéo loại:	Chiều dài (m)		
Máy chính			
Máy chính số	Mác	Năm chế tạo	Số chế tạo
1	DAEWOO D1146	1997	GE12TI-205960B
		Công suất (sức ngựa/kW) 143	
Máy phụ			
Số lượng, mác, công suất (sức ngựa):		1; HINO ER100; 197	
Thiết bị điện			
Số lượng máy phát (chiếc):		1	
Công suất (KVA):	1,25	Điện áp (V):	
Số bình ắc quy:	4	Điện áp (V):	12
		Tổng dung lượng (Ah):	200x4
Hệ thống không khí nén			
Bình khí nén: Số lượng(chiếc):			
Máy nén khí: Số lượng (chiếc):			

BV101212

Thiết bị nâng	
Số chế tạo hoặc số quản lý:	
Tầm với lớn nhất (m)/sức nâng (tấn):	
Tầm với nhỏ nhất (m)/sức nâng (tấn):	
Trang bị chữa cháy	
Số lượng bơm chữa cháy (chiếc):	1
Loại khí	Tổng lưu lượng (m ³)
Loại bọt	Tổng khối lượng (kg)
Bình bọt đẩy: Số lượng x dung tích (lít):	2x5
Thiết bị tạo bọt xách tay: Số lượng:	3x8
Bình CO ₂ Số bình x khối lượng (kg)	
Bình bột: Số bình x khối lượng (kg)	
Bình bọt: Số bình x dung tích (lít)	
Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công:	Sơ đồ bố trí thiết bị chữa cháy:
Trang bị cứu sinh	
Phao tròn: Không dây (chiếc)	1
Phao áo (chiếc):	Có dây(chiếc):
DC nổi/phao bè/Xuồng (chiếc):	3
	Phao áo trẻ em (chiếc):
	1
	Tổng sức chở (người):
	4
Trang bị cứu đuối	
Số lượng bơm hút khò (chiếc):	1
Bộ dụng cụ cứu đuối:	Tổng lưu lượng (m ³)
Thiết bị tự động báo mức nước đáy khoang:	X
	-
Trang bị tín hiệu	
Đèn hiệu:	
Đèn mạn đỏ	X; Đèn mạn xanh X; Đèn trắng lái X; Đèn neo X;
Đèn cột trắng:	X; Đèn cột xanh -; Đèn cột đỏ X; Đèn neo X;
Đèn lái đỏ	-; Đèn lái xanh -; Đèn vàng -;
Đèn trắng nháy	-; Đèn vàng nháy -; Đèn đỏ nháy -;
Đèn cho các tình huống khác	X Đèn nửa xanh nửa đỏ -; Đèn dự trữ X;
Âm hiệu:	Còi-1
Vật hiệu:	Tam giác đen -; Tam giác trắng -; Vuông đen X;
	Chữ nhật đen -; Tròn đen X; Tròn trắng -;
	Hình thoi góc vuông đen X; X;
	Bộ cờ hiệu X; Pháo hiệu dù -; Súng phóng dây -;



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

THÔNG BÁO

(Kèm theo giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số: 00143/25V50)

Tên phương tiện:

Số kiểm soát: **VR16042155**

Số ĐKHC: **TN-0463**

Số Đăng kiểm: **V70-00210**

1. Công dụng: Tàu hút (chỉ hút và chở cát)
2. Phương pháp hút: Sử dụng đầu ống hút và đồng thời chở luôn sản phẩm hút.
3. Tàu không đảm bảo tận thu toàn bộ sản phẩm đúng mục đích xã hội hóa nạo vét khi tham gia thi công
4. Tổng sản lượng bơm hút cát: 100 m³/h
5. Động cơ lai bơm hút cát:
 - 01 HINO ER100, công suất: 197 CV
6. Đường ống hút cát:
 - Chiều dài: 12 m.
 - Chiều dày: 25 mm.
 - Vật liệu: Cao su lõi thép ø250 mm
7. Đường ống đẩy cát:
 - Chiều dài: 12 m.
 - Chiều dày: 25 mm.
 - Vật liệu: Cao su lõi thép ø250 mm
8. Sản phẩm hút và chở: Cát.
9. Sức chở: 60 tấn

Thông báo có hiệu lực đến ngày 20 tháng 08 năm 2025

Cấp tại Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 23 tháng 01 năm 2025

CƠ QUAN ĐĂNG KIỂM

Nơi nhận:

- Phương tiện
- Chủ phương tiện
- Đơn vị ĐK giám sát



HỒ GIÁM ĐỐC
Lo Hồng Tâm

VR-2017

Lưu ý: Đơn vị đăng kiểm có thể chèn thêm trang (nếu cần)



BV 081102

Số: 02451/23V50

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: Số ĐKHC: TN-0542
Công dụng: Tàu hút (chỉ hút cát và chở cát) Số Đăng kiểm: V70-00295
Chủ phương tiện: Cty TNHH khai thác cát Liên Hoàng
Địa chỉ: 174 đg 785, tổ 9, ấp Thạnh Hiệp, Thạnh Đông, Huyện Tân Châu, Tây Ninh
Năm và nơi đóng: 2015, Tây Ninh
Kích thước cơ bản: L x B x D x d 23,94 x 5,2 x 2,2 x 1,53 m;
L_{max} x B_{max} 26,25 x 5,4 m; Mạn khô F: 678 mm;
Vật liệu: Thép ; Tổng dung tích (GT): 65 m³;
Số lượng máy chính/phụ: 1/2 ; Tổng công suất: 235/470 sức ngựa;
Căn cứ báo cáo kiểm tra kỹ thuật số 02451/23V50 ngày 27 tháng 9 năm 2024

CHI CỤC ĐĂNG KÝ SỐ 6

chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngắn ngủa ô nhiễm ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các yêu cầu của quy chuẩn, quy định hiện hành và được trao cấp:

VR-SI

Vùng SI

Vùng hoạt động: Sản lượng: 225 (m³/h); Lượng hàng: 109,87 (tấn)/ TTTP:
Khả năng khai thác: 115,87 (tấn)

- Phương tiện chỉ hoạt động vào ban ngày và chỉ được phép khai thác, vận chuyển cát đúng vị trí mô tả và thời hạn khai thác phù hợp với giấy phép khai thác khoáng sản số 1816/GP-UBND do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 07/07/2016.
- Xem thông báo tàu hút số 02451/23V50 đính kèm

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 6 tháng 6 năm 2025

Cấp tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2024

CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ CHỮ ĐÓNG DẤU

CHI CỤC ĐĂNG KÝ SỐ 6

Số KS VR15055487

SI-01

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Hồng Tâm

Trang bị chạy tàu

Ống nhôm: ☒ ; Đồng hồ: ☒
Thiết bị đo sâu đơn giản: ☒ ; Chương lệnh: ☒
Thiết bị đo nghiêng: ☒ ; Thước đo mức nước: ☒
GPS hoặc thiết bị tương tự: ☒ ; La bàn từ hoặc la bàn chuẩn: ☒
Thiết bị truyền thanh chỉ huy: ☒ ; Ra đa: ☒
Thiết bị VTD: MF/HF (chiếc) 0 ; VHF (chiếc) 0 ; AIS: cấp A ☒ cấp B ☒
S.EPIRB: ☒
SART/AIS-SART: ☒

Trang bị ngăn ngừa ô nhiễm (đo rác, dầu, nước thải sinh hoạt, chất lỏng độc hại của tàu)

Thiết bị phân ly dầu nước: Số lượng (chiếc) ; Tổng sản lượng:
Két thu hồi hỗn hợp dầu nước: Số lượng (chiếc) ; Tổng thể tích (m³)
Két nước thải: Số lượng (chiếc) 1 ; Tổng thể tích (m³) 0,1
Két lắng: Số lượng (chiếc) ; Tổng thể tích (m³)
Két dầu bẩn: Số lượng (chiếc) 1 ; Tổng thể tích (m³) 0,15
Bích nói tiêu chuẩn: Số lượng (chiếc)
Thiết bị chứa rác: Số lượng (chiếc)
Thiết bị xử lý nước thải: Số lượng (chiếc)

Thời hạn kiểm tra

06/06/2027

Trên đà:

Trung gian:

06/06/2029

06/06/2025

Áp dụng đối với:

- Phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở khí hóa lỏng, tàu chở công te nơ, chở xô hóa chất nguy hiểm, chở dầu; tàu khách cao tốc, tàu đệm khí.
- Các phương tiện của người nước ngoài hoặc của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tham gia giao thông đường thủy nội địa.
- Các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm và vịnh (trừ các phương tiện nêu ở khoản 1, 2 trên đây), có một trong các đặc trưng sau:
a) Phương tiện có sức chở người từ 50 người trở lên;
b) Phương tiện có trọng tải toàn phần từ 200 tấn trở lên;
c) Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 135 sức ngựa trở lên;
d) Phương tiện chuyên dùng như: tàu công trình và các tàu có công dụng đặc biệt có chiều dài thiết kế từ 10 m trở lên;
e) Phương tiện có lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng lớn hơn 1 tấn.

Trách nhiệm của chủ phương tiện:

Chịu trách nhiệm bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện theo các tiêu chuẩn quy định giữa hai kỳ kiểm tra.

Thiết kế phương tiện			
Ký hiệu thiết kế:	NA10-09-20HC	Năm thiết kế:	2020
Số GCN:	04354/20TS	Số thẩm định:	02300/TS/HC20
Năm và nơi hoàn cải:			
Thiết bị neo			
Neo mũi, kiểu	Matrosov/Matr	SL(chiếc):	2 ; Tổng khối lượng neo 120 kg
Neo đuôi, kiểu	/	SL(chiếc):	0 ; Tổng khối lượng neo / kg
Chiều dài/ đường kính xích, cáp: Mũi	57,5/11; 57,5/11	Đuôi:	/
Kiểu tời neo: Mũi	kiểu nằm quay tay	Đuôi	/
Thiết bị lái			
Bánh lái: Kiểu	Tám	số lượng (chiếc):	1 ; Tổng diện tích(m²): 1,31
Máy lái chính: Kiểu	Cơ khí	Mô men lái (tm):	0,5
Máy lái dự phòng: Kiểu	Lái cần	Mô men lái (tm):	
Thiết bị chằng buộc			
Dây buộc: số lượng (chiếc)	2	Tổng chiều dài (m)	30
Cột buộc dây: Kiểu	Bít đơn	Số lượng (chiếc)	8
Thiết bị kéo			
Cột kéo: Kiểu		Đường kính (mm):	
Móc kéo: Kiểu		Lực kéo định mức (kN):	
Tời thu dây: kiểu		Lực kéo định mức (kN):	
Dây kéo loại:		Chiều dài (m)	
Máy chính			
Máy chính số	Mác	Năm chế tạo	Công suất (sức ngựa/kW)
1	N-855-C	1982	11108799 235
Số lượng, mác, công suất (sức ngựa):			
Máy phụ		2; N-855-CN-855-C; 235/235	
Thiết bị điện			
Số lượng máy phát (chiếc):	1		
Công suất (KVA):	0,9375	Điện áp (V):	24V
Số bình ắc quy:	4	Điện áp (V):	12 ; Tổng dung lượng (Ah): 200x4
Hệ thống không khí nén			
Bình khí nén: Số lượng(chiếc):			
Máy nén khí: Số lượng (chiếc):			

BV08 102

Thiết bị nâng	
Số chế tạo hoặc số quản lý:	
Tầm với lớn nhất (m)/sức nâng (tấn):	
Tầm với nhỏ nhất (m)/sức nâng (tấn):	
Trang bị chứa cháy	
Số lượng bơm chứa cháy (chiếc):	1 ; Tổng lưu lượng (m³) 20
Loại khí	; Tổng khối lượng (kg)
Loại bọt	; Tổng thể tích (lit)
Bình bọt đẩy: Số lượng x dung tích (lit):	
Thiết bị tạo bọt xách tay: Số lượng:	2x5
Bình CO₂: Số bình x khối lượng (kg)	
Bình bột: Số bình x khối lượng (kg)	
Bình bọt: Số bình x dung tích (lit)	5x9
Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công:	☒ ; Sơ đồ bố trí thiết bị chữa cháy: ☐
Trang bị cứu sinh	
Phao tròn: Không dây (chiếc)	1 ; Có dây(chiếc): 1
Phao áo (chiếc):	3 ; Phao áo trẻ em (chiếc):
DC nổi/phao bè/Xuồng (chiếc):	1 ; Tổng sức chở (người): 3
Trang bị cứu đuối	
Số lượng bơm hút khô (chiếc):	1 ; Tổng lưu lượng (m³) 20
Bộ dụng cụ cứu đuối:	☐
Thiết bị tự động báo mức nước đáy khoang:	☐
Trang bị tín hiệu	
Đèn hiệu:	
Đèn mạn đỏ	☒ ; Đèn mạn xanh ☒ ; Đèn trắng lái ☒ ; Đèn neo ☒ ;
Đèn cột trắng:	☒ ; Đèn cột xanh ☐ ; Đèn cột đỏ ☒ ;
Đèn lai đỏ	☐ ; Đèn lai xanh ☐ ; Đèn vàng ☐ ;
Đèn trắng nháy	☐ ; Đèn vàng nháy ☐ ; Đèn đỏ nháy ☐ ;
Đèn cho các tình huống khác	☒ Đèn nửa xanh nửa đỏ ☐ ; Đèn dự trữ ☒ ;
Âm hiệu:	
Còi-1/Chuông-1	
Vật hiệu:	Tam giác đen ☐ ; Tam giác trắng ☐ ; Vuông đen ☐ ;
	Chữ nhật đen ☐ ; Tròn đen ☒ ; Tròn trắng ☐ ;
	Hình thoi góc vuông đen ☒ ;
	Bộ cờ hiệu ☒ ; Pháo hiệu dù ☐ ; Súng phóng dây ☐ ;



BV081095

Số: 02452/23V50

**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THUYỀN NỘI ĐỊA**

Tên phương tiện: Số ĐKHC: TN-0556
Công dụng: Tàu hút (chỉ hút cát và chở cát) Số Đăng kiểm: V70-00305
Chủ phương tiện: Công ty TNHH Khai Thác cát Liên Hoàng
Địa chỉ: 174, đg 785, tổ 9, Thanh Hiệp, Thạnh Đông, Huyện Tân Châu, Tây Ninh
Năm và nơi đóng: 2009, Bến Tre
Kích thước cơ bản: L x B x D x d 22,34 x 5 x 2,1 x 1,43 m;
L_{max} x B_{max} 24,54 x 5,15 m; Mạn khô F: 676 mm;
Vật liệu: Thép ; Tổng dung tích (GT): 59 m³;
Số lượng máy chính/phụ: 1/2 ; Tổng công suất: 140/610 sức ngựa;
Căn cứ báo cáo kiểm tra kỹ thuật số 02452/23V50 ngày 27 tháng 9 năm 2024

CHI CỤC ĐĂNG KÝ SỐ 6

chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngăn ngừa ô nhiễm ghi trong giấy chứng nhận này có trang thái kỹ thuật thỏa mãn các yêu cầu của quy chuẩn, quy định hiện hành và được trao cấp:

VR-SI

Vùng hoạt động:

Vùng SI

Khả năng khai thác: Sản lượng: 225 (m³/h); Lượng hàng: 68 (tấn)/ TTTP: 72,44 (tấn)

- Phương tiện chỉ hoạt động vào ban ngày và chỉ được phép khai thác, vận chuyển cát đúng vị trí mỏ cát và thời hạn khai thác phù hợp với giấy phép khai thác khoáng sản số 1816/GP-UBND do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 07/07/2016.

- Xem thông báo tàu hút số 02452/23V50 đính kèm

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 27 tháng 9 năm 2025

Cấp tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2024

LÀM ĐĂNG KÝ KIỂM

CÁC XẾP ĐÓNG DẤU

Số KS VR09061946

SI-01

THỦ GIÁM ĐỐC

Đỗ Hồng Tuấn

Trang bị chạy tàu

Ổng nhòm ☐; Đồng hồ ☒
Thiết bị đo sâu đơn giản ☐; Chuông lệnh ☐
Thiết bị đo nghiêng ☒; Thước đo mức nước ☐
GPS hoặc thiết bị tương tự ☐; La bàn từ hoặc la bàn chuẩn ☐
Thiết bị truyền thanh chỉ huy ☐; Ra đa ☐
Thiết bị VTD: MF/HF (chiếc) 0; VHF (chiếc) 0
AIS: cấp A ☐ cấp B ☐
S.EPIRB ☐
SART/AIS-SART ☐

Trang bị ngăn ngừa ô nhiễm (do rác, dầu, nước thải sinh hoạt, chất lỏng độc hại của tàu)

Thiết bị phân ly dầu nước: Số lượng (chiếc) ; Tổng sản lượng:

Kết thu hồi hỗn hợp dầu nước: Số lượng (chiếc) 1 ; Tổng thể tích (m³) 0,1

Kết nước thải: Số lượng (chiếc) ; Tổng thể tích (m³)

Kết lắng: Số lượng (chiếc) ; Tổng thể tích (m³)

Kết dầu bẩn: Số lượng (chiếc) ; Tổng thể tích (m³)

Bịch nổi tiêu chuẩn: Số lượng (chiếc) ; Tổng thể tích (m³)

Thiết bị chứa rác: Số lượng (chiếc) ; Vị trí

Thiết bị xử lý nước thải: Số lượng (chiếc) 1 ; Sản lượng (m³)

Thời hạn kiểm tra

Định kỳ: 27/09/2029 ; Trên đà: 27/09/2027

Hàng năm: 27/09/2025 ; Trung gian:

Áp dụng đối với:

1. Phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo, phương tiện chở khí hóa lỏng, tàu chở công cụ nơ, chở xô hóa chất nguy hiểm, chở dầu; tàu khách cao tốc, tàu đệm khí.
2. Các phương tiện của người nước ngoài hoặc của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tham gia giao thông đường thủy nội địa.
3. Các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm và vịnh (trừ các phương tiện nêu ở khoản 1, 2 trên đây), có một trong các đặc trưng sau:
 - a) Phương tiện có sức chở người từ 50 người trở lên;
 - b) Phương tiện có trọng tải toàn phần từ 200 tấn trở lên;
 - c) Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 135 sức ngựa trở lên;
 - d) Phương tiện chuyên dùng như: tàu công trình và các tàu có công dụng đặc biệt có chiều dài thiết kế từ 10 m trở lên;
 - e) Phương tiện có lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng lớn hơn 1 tấn.

Trách nhiệm của chủ phương tiện:

Chịu trách nhiệm bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện theo các tiêu chuẩn quy định giữa hai kỳ kiểm tra.

Thiết kế phương tiện			
Ký hiệu thiết kế:	NA22-09-20HC	Năm thiết kế:	2020
Số GCN:	04616/20TS	Số thẩm định:	02451TS/HC20
Năm và nơi hoàn cải:			
Thiết bị neo			
Neo mũi, kiểu	Matrosov	SL(chiếc):	1 ; Tổng khối lượng neo 75 kg
Neo đuôi, kiểu	/	SL(chiếc):	0 ; Tổng khối lượng neo / kg
Chiều dài/ đường kính xích, cáp: Mũi	100/13	Đuôi:	/
Kiểu tời neo: Mũi	Quay Tay	Đuôi	/
Thiết bị lái			
Bánh lái: Kiểu	Tầm	số lượng (chiếc):	1 ; Tổng diện tích(m ²): 1,15
Máy lái chính: Kiểu	Cơ khí	Mô men lái (tm):	/
Máy lái dự phòng: Kiểu	Lái cần	Mô men lái (tm):	/
Thiết bị chằng buộc			
Dây buộc: số lượng (chiếc)	2	Tổng chiều dài (m)	50
Cột buộc dây: Kiểu	Bít đơn	Số lượng (chiếc)	8
Thiết bị kéo			
Cột kéo: Kiểu		Đường kính (mm):	/
Móc kéo: Kiểu		Lực kéo định mức (kN):	/
Tời thu dây: kiểu		Lực kéo định mức (kN):	/
Dây kéo loại:		Chiều dài (m)	/
Máy chính			
Máy chính số	Mác	Năm chế tạo	Số chế tạo
1	MITSUBISHI-6D15	190462	Công suất (sức ngựa/kW) 140
Máy phụ			
Số lượng, mác, công suất (sức ngựa):	2; DEAWOO D2366T/DEAWOO D2366T; 305/305		
Thiết bị điện			
Số lượng máy phát (chiếc):	/		
Công suất (KVA):	/		
Số bình ắc quy:	4	Điện áp (V):	12 ; Tổng dung lượng (Ah): 200x4
Hệ thống không khí nén			
Bình khí nén: Số lượng(chiếc):	/		
Máy nén khí: Số lượng (chiếc):	/		

Thiết bị nâng	
Số chế tạo hoặc số quản lý:	/
Tầm với lớn nhất (m)/sức nâng (tấn):	/
Tầm với nhỏ nhất (m)/sức nâng (tấn):	/
Trang bị chứa cháy	
Số lượng bơm chứa cháy (chiếc):	1 ; Tổng lưu lượng (m ³) 10
Loại khí	/ ; Tổng khối lượng (kg)
Loại bọt	/ ; Tổng thể tích (lit)
Bình bọt đẩy: Số lượng x dung tích (lit):	/
Thiết bị tạo bọt xách tay: Số lượng:	/
Bình CO ₂ Số bình x khối lượng (kg)	2x5
Bình bột: Số bình x khối lượng (kg)	/
Bình bọt: Số bình x dung tích (lit)	5x9
Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công:	☒ ; Sơ đồ bố trí thiết bị chữa cháy: ☐
Trang bị cứu sinh	
Phao tròn: Không dây (chiếc)	2 ; Có dây(chiếc):
Phao áo (chiếc):	3 ; Phao áo trẻ em (chiếc):
DC nổi/phao bè/Xuồng (chiếc):	1 ; Tổng sức chở (người): 4
Trang bị cứu đuối	
Số lượng bơm hút khô (chiếc):	1 ; Tổng lưu lượng (m ³) 10
Bộ dụng cụ cứu đuối:	☒
Thiết bị tự động báo mức nước đáy khoang:	☐
Trang bị tín hiệu	
Đèn hiệu:	/
Đèn mạn đỏ	☒ ; Đèn mạn xanh ☒ ; Đèn trắng lái ☒ ; Đèn neo ☒ ;
Đèn cột trắng:	☒ ; Đèn cột xanh ☒ ; Đèn cột đỏ ☒ ;
Đèn lái đỏ	☐ ; Đèn lái xanh ☐ ; Đèn vàng ☐ ;
Đèn trắng nháy	☐ ; Đèn vàng nháy ☐ ; Đèn đỏ nháy ☐ ;
Đèn cho các tình huống khác	☐ ; Đèn nửa xanh nửa đỏ ☐ ; Đèn dự trữ ☒ ;
Ám hiệu:	Còi-1
Vật hiệu:	Tam giác đen ☐ ; Tam giác trắng ☐ ; Vuông đen ☒ ;
	Chữ nhật đen ☐ ; Tròn đen ☒ ; Tròn trắng ☐ ;
	Hình thoi góc vuông đen ☒ ;
	Bộ cờ hiệu ☒ ; Pháo hiệu đủ ☐ ; Súng phóng dây ☐ ;

BV 034197



Số: 05938/21V50

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THUYỀN NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: Số ĐKHC: TN-0534
Công dụng: Tàu hút (chỉ hút cát và chở cát) Số Đăng kiểm: V70-00279
Chủ phương tiện: Công ty TNHH MTV Khai thác cát Liên Hoàng
Địa chỉ: Tổ 4, ấp Cây Kẽ, xã Tân Hòa, Huyện Tân Châu, Tây Ninh
Năm đóng/hoàn cải: 2004, Tây Ninh/2010, Tây Ninh
Kích thước cơ bản: L x B x D x d 17,5 x 4,9 x 2 x 1,8 m; mm;
L max B max 19,6 x 5 m; Mạo kho F; 205
Vật liệu: Thép; Dung tích: 40/135 CV;
Số lượng máy chính/phụ: 1/1; Tổng công suất: 40/135 CV;
Căn cứ báo cáo kiểm tra kỹ thuật số 05938/21V50 ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHI CỤC ĐĂNG KÝ SỐ 6

Chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngân ngửa ở nhiệm ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các yêu cầu của quy phạm, quy định hiện hành và được trao cấp.

VR-SII

Vùng SII

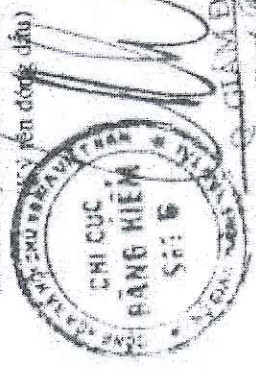
Vùng hoạt động:

Khả năng khai thác: Sản lượng: 12 (m³/h); Lượng hàng: 39,5 (tấn)/ TTTP: 43 (tấn)
+ Tàu được phép khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 1816/GP-LHND do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 07/07/2016.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 13 tháng 7 năm 2022

Cấp tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2021

LÀNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ



Số KS VR04022365

SI-01

Trang bị chạy tàu

Ông nhóm ☐ Đồng hồ ☒
Thiết bị đo sâu đơn giản ☐ Chuông lệnh ☐
Thiết bị đo nghiêng ☒ Thước đo mức nước ☒
GPS hoặc thiết bị tương tự ☐ La bàn từ hoặc la bàn chuẩn ☐
Thiết bị truyền thanh chỉ huy ☐ Ra đa ☐
Thiết bị VTD: MF/HF (chiếc) 0 VHF (chiếc) 0
SEPIRB ☐ AIS: cấp A ☐ cấp B ☐
SART/AIS-SART ☐

Trang bị ngăn ngừa ô nhiễm

Thiết bị phân ly dầu nước: Số lượng (chiếc) : Tổng sản lượng: 0,1
Két thu hồi hỗn hợp dầu nước: Số lượng (chiếc) 1 : Tổng thể tích (m³)
Két nước thải: Số lượng (chiếc) : Tổng thể tích (m³)
Két lắng: Số lượng (chiếc) : Tổng thể tích (m³)
Két dầu bẩn: Số lượng (chiếc) : Tổng thể tích (m³)
Bịch mới tiêu chuẩn: Số lượng (chiếc) : Tổng thể tích (m³)
Thiết bị chứa rác: Số lượng (chiếc) : Tổng thể tích (m³)
Thiết bị xử lý nước thải: Số lượng (chiếc) : Tổng thể tích (m³)
Vị trí 1
Sản lượng (m³)

Thời hạn kiểm tra

Định kỳ: 13/07/2025 Trên tàu: 13/07/2023
Hàng năm: 13/07/2022 Trung gian:

Áp dụng đối với:

- Phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đến giữa các đảo; phương tiện chở khí hóa lỏng, tên chất công tế nơ, chất nổ hóa chất nguy hiểm, chất độc, tàu khách cao tốc, tàu đệm khí.
- Các phương tiện của ngành nước ngoài hoặc của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tham gia giao thông đường thủy nội địa.
- Các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm và vịnh (trừ các phương tiện neo ở khoảng 1, 2 trên đây), có một trong các đặc trưng sau:
a) Phương tiện có sức chở người từ 50 người trở lên;
b) Phương tiện có trọng tải toàn phần từ 200 tấn trở lên;
c) Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 135 sức ngựa trở lên;
d) Phương tiện chuyên dùng như: tàu công trình và các tàu có công dụng đặc biệt có chiều dài thiết kế từ 10 m trở lên;
e) Phương tiện có lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng lớn hơn 1 tấn.

Trách nhiệm của chủ phương tiện:

Chịu trách nhiệm bảo đảm tính trang an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện theo các tiêu chuẩn quy định giữa hai kỳ kiểm tra.

Thiết kế phương tiện			
Ký hiệu thiết kế:	TCT78-12-10HC	Năm thiết kế:	2010
Số GCN:	7288/10V50	Số tham định:	1582/CCC6/HIC10
Năm nơi hoàn tất:	2010, Tây Ninh		
Thiết bị neo			
Neo mũi, kiểu	Hall	SL(chiếc):	1 ; Tổng khối lượng neo
Neo đuôi, kiểu	/	SL(chiếc):	0 ; Tổng khối lượng neo
Chiều dài đường kính xích, cấp: Mũi	508	Đuôi:	/
Kiểu tời neo: Mũi	Quay Tay	Đuôi	/
Thiết bị lái			
Bánh lái, kiểu	Tám	số lượng (chiếc):	1 ; Tổng DT (m ²):
Máy lái chính: Kiểu		Cơ khí	; Mô men lái (tm):
Máy lái dự phòng: Kiểu		Lái cầu	; Mô men lái (tm):
Thiết bị chằng buộc			
Dây buộc: số lượng (chiếc)	2	Tổng chiều dài (m)	100
Cột buộc dây: Kiểu		Số lượng (chiếc)	4
Thiết bị kéo			
Cột kéo: Kiểu		Đường kính (mm):	
Móc kéo: Kiểu		Lực kéo định mức (KN):	
Tời thu dây: Kiểu		Lực kéo định mức (KN):	
Dây kéo loại:		Chiều dài (m)	
Máy chính			
Máy chính	Mác	Năm chế tạo	Số chế tạo
1	MTSUBISHI-4	1999	Không số
Công suất (cv)			
		40	
Số lượng, mác, công suất (cv):			
		1; ISUZU: 135	
Thiết bị điện			
Số lượng máy phát (chiếc):			
Công suất (KVA):			
Số bình ắc quy:	2	Điện áp (V):	12 ; Tổng dung lượng (Ah):
200x2			
Hệ thống không khí nén			
Bình khí nén: Số lượng(chiếc):			
Máy nén khí: Số lượng (chiếc):			

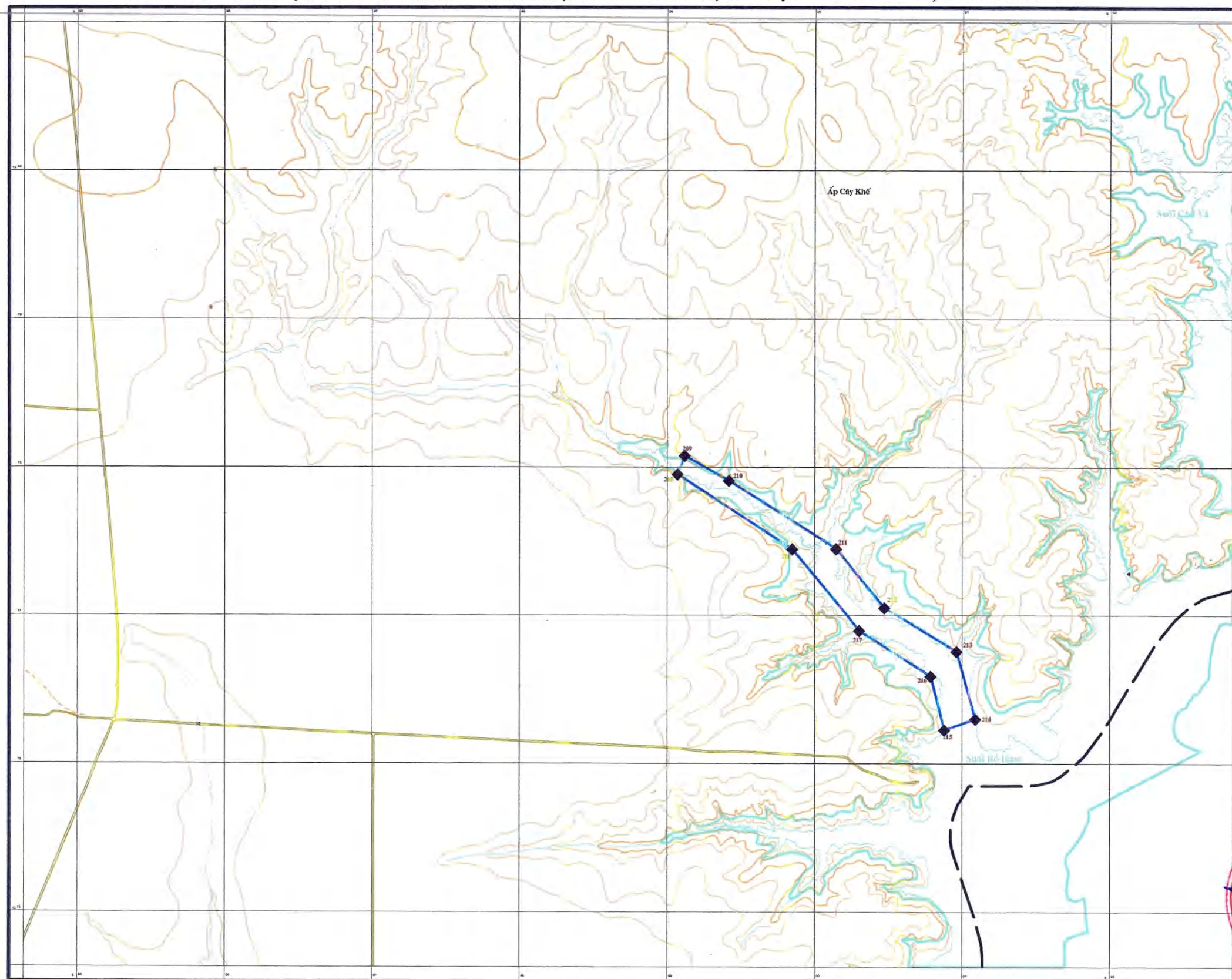
Thiết bị nâng	
Số chế tạo hoặc số quản lý:	
Tầm với lớn nhất (m)/sức nâng (tấn):	
Tầm với nhỏ nhất (m)/sức nâng (tấn):	
Trang bị chữa cháy	
Kiểu bơm:	Ly tâm ; SL(chiếc) 1 ; Lưu lượng (m ³) 15
Loại khí	; Tổng khối lượng (kg)
Loại bọt	; Tổng thể tích (lít)
Bình bọt đẩy: Số lượng x dung tích (lít):	
Thiết bị tạo bọt xách tay: Số lượng:	1x5
Bình CO ₂ Số bình x khối lượng (kg)	1x9
Bình bột: Số bình x dung tích (lít)	
Bình bột: Số bình x dung tích (lít)	
Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công:	☒ ; Số đồ bỏ tại thiết bị chữa cháy: ☐
Trang bị cứu sinh	
Phao tròn: Không dây (chiếc)	2 ; Có dây(chiếc):
Phao áo (chiếc):	2 ; Phao áo trẻ em (chiếc):
DC nổi/phao bè/Xuồng (chiếc):	0 ; Tổng sức chở (người):
0	
Trang bị cứu đắm	
Bơm hút khô: kiểu	Ly tâm
Số lượng (chiếc):	1 ; Lưu lượng (m ³) 15
Bộ dụng cụ cứu đắm:	☒
Thiết bị tự động báo mức nước đáy khoang:	☐
Trang bị tín hiệu	
Đèn hiệu:	
Đèn mạn đỏ	☐ ; Đèn mạn xanh ☐ ; Đèn trắng lái ☐ ; Đèn neo ☒
Đèn cột trắng:	☒ ; Đèn cột xanh ☒ ; Đèn cột đỏ ☒
Đèn lái đỏ	☐ ; Đèn lái xanh ☐ ; Đèn vàng ☐
Đèn trắng nháy	☐ ; Đèn vàng nháy ☐ ; Đèn đỏ nháy ☐
Đèn cho các tình huống khác	☒ ; Đèn nửa xanh nửa đỏ ☒ ; Đèn dự trữ ☒
Ám hiệu:	Còi-1
Vật hiệu:	Tam giác đen ☐ ; Tam giác trắng ☐ ; Vuông đen ☒
Chữ nhật đen	☐ ; Tròn đen ☒
Hình thời góc vuông đen	☒
Bộ cơ hiệu	☒ ; Pháo hiệu dụ ☐ ; Súng phóng dây ☐

PHỤ LỤC 2

BẢN VẼ

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ KHU VỰC MỎ

MỎ CÁT XÂY DỰNG LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH



CHỈ DẪN

- Mốc ranh cấp phép khai thác
- Hướng dòng chảy
- Đường đồng mức và giá trị
- Đường bờ suối
- Đường vận tải

DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG		
TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH		
Bản vẽ số 01	Tỷ lệ 1:5.000	Tháng 1 năm 2016
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ VỊ TRÍ KHU VỰC MỎ		
Chức danh	Họ - Tên	Ký tên
Người thành lập	KS. Địa chất. Lại Thị Nhân	
Chỉ biên	Th.S Phú Trần Liêm	
 CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG		 CÔNG TY TNHH MỎ ĐỊA CHẤT 6 GIẢM ĐỐC Nguyễn Mạnh Hùng
Lê Đỗ Anh Thượng		

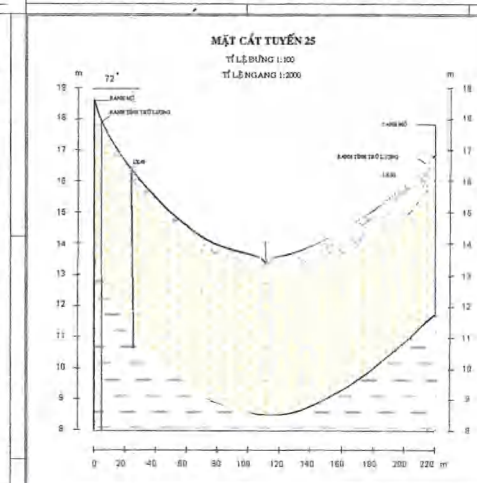
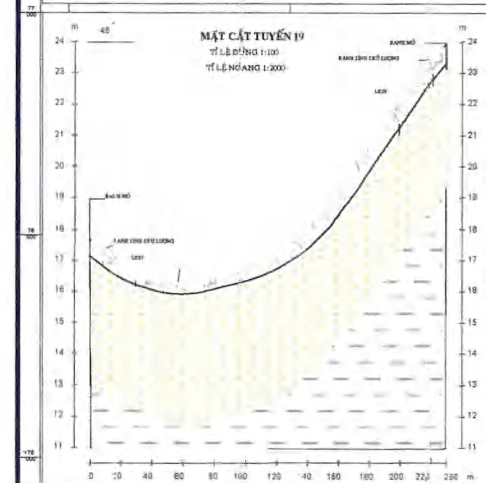
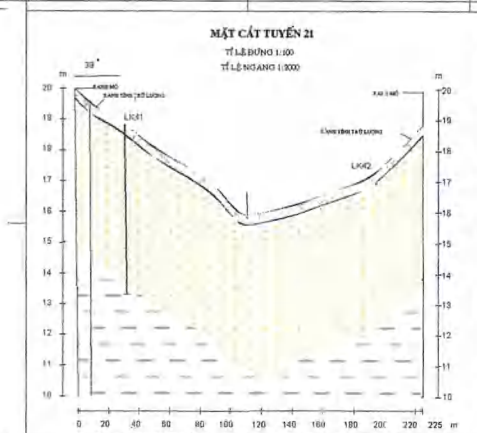
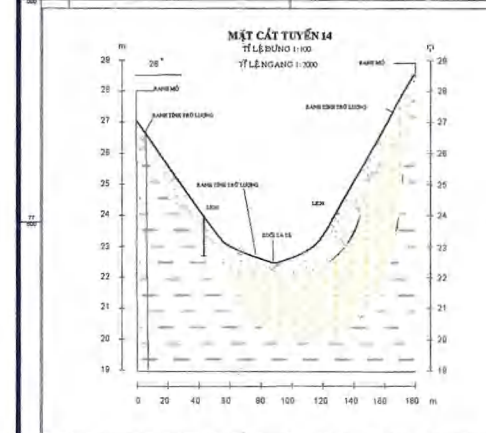
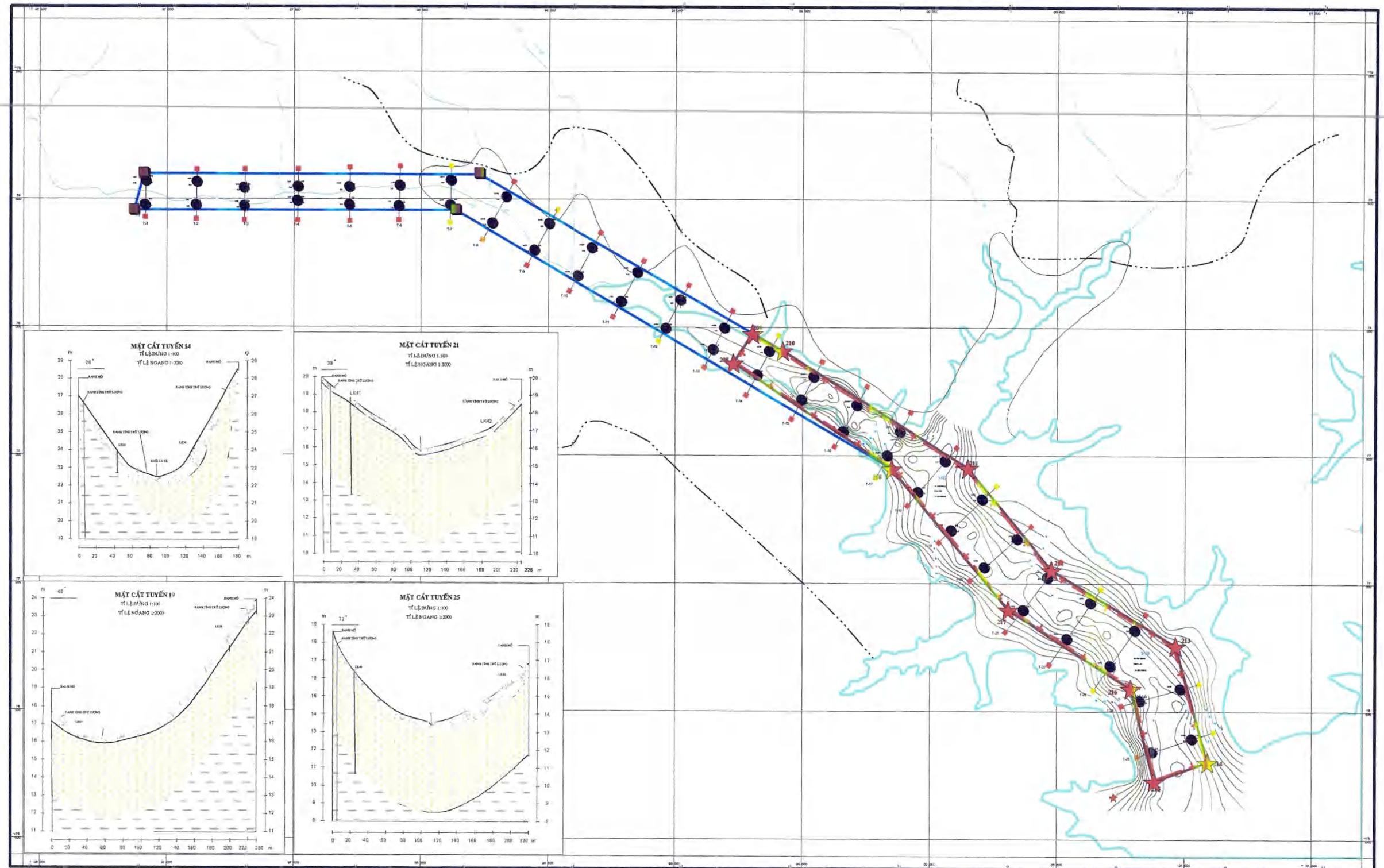
"Được trích lục từ bản đồ quy hoạch khoáng sản tỉnh Tây Ninh
 giai đoạn 2013 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, tỷ lệ 1:50.000
 Kinh tuyến trục 105, múi chiều 3 độ

1cm trên bản đồ bằng 50 m ngoài thực tế

	Mốc ranh thăm dò		Đường vận tải		Hướng dòng chảy
	Đường đồng mức và giá trị		Mốc ranh cấp phép khai thác		Đường bờ suối

DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG		
TẠI LỒNG SƯỜI BỜ HÙM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH		
Bản vẽ số 02	Tỷ lệ 1:5.000	Tháng 1 năm 2016
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH HIỆN TRẠNG		
Chức danh	Họ Tên	Ký tên
Chủ đầu tư	KS. Địa chất Lại Tấn Hoàn	<i>Hoàn</i>
Chủ biện	Th.S Phó Trần Liêm	<i>Liêm</i>
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG GIÁM ĐỐC BON VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH MÔ ĐỊA CHẤT 6 GIÁM ĐỐC MỎ ĐỊA CHẤT 6 TP. BIÊN HÒA - T. B. H. H.		
LĐ Đỗ Anh Thuận		Nguyễn Mạnh Hùng

BẢN ĐỒ TÍNH TRỮ LƯỢNG VÀ CÁC MẶT CẮT
MỎ CÁT XÂY DỰNG LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH



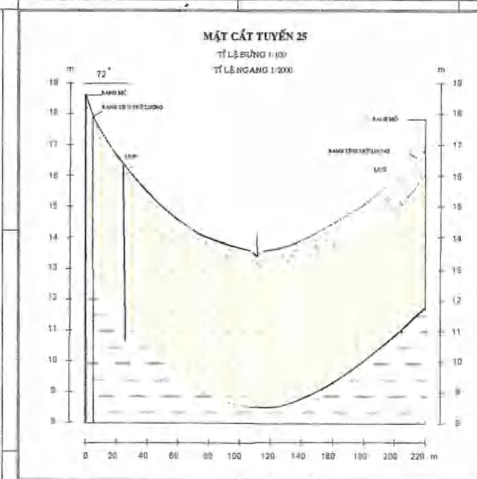
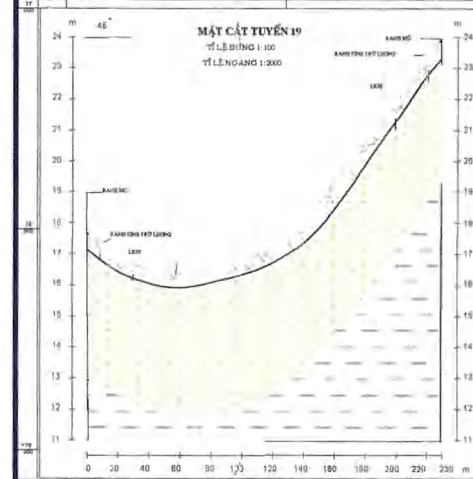
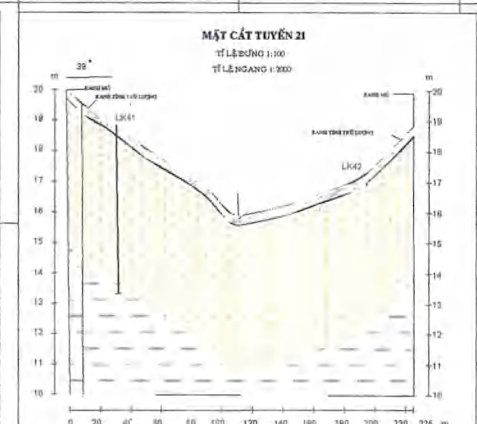
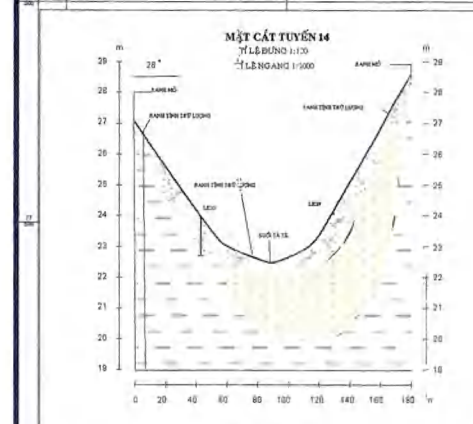
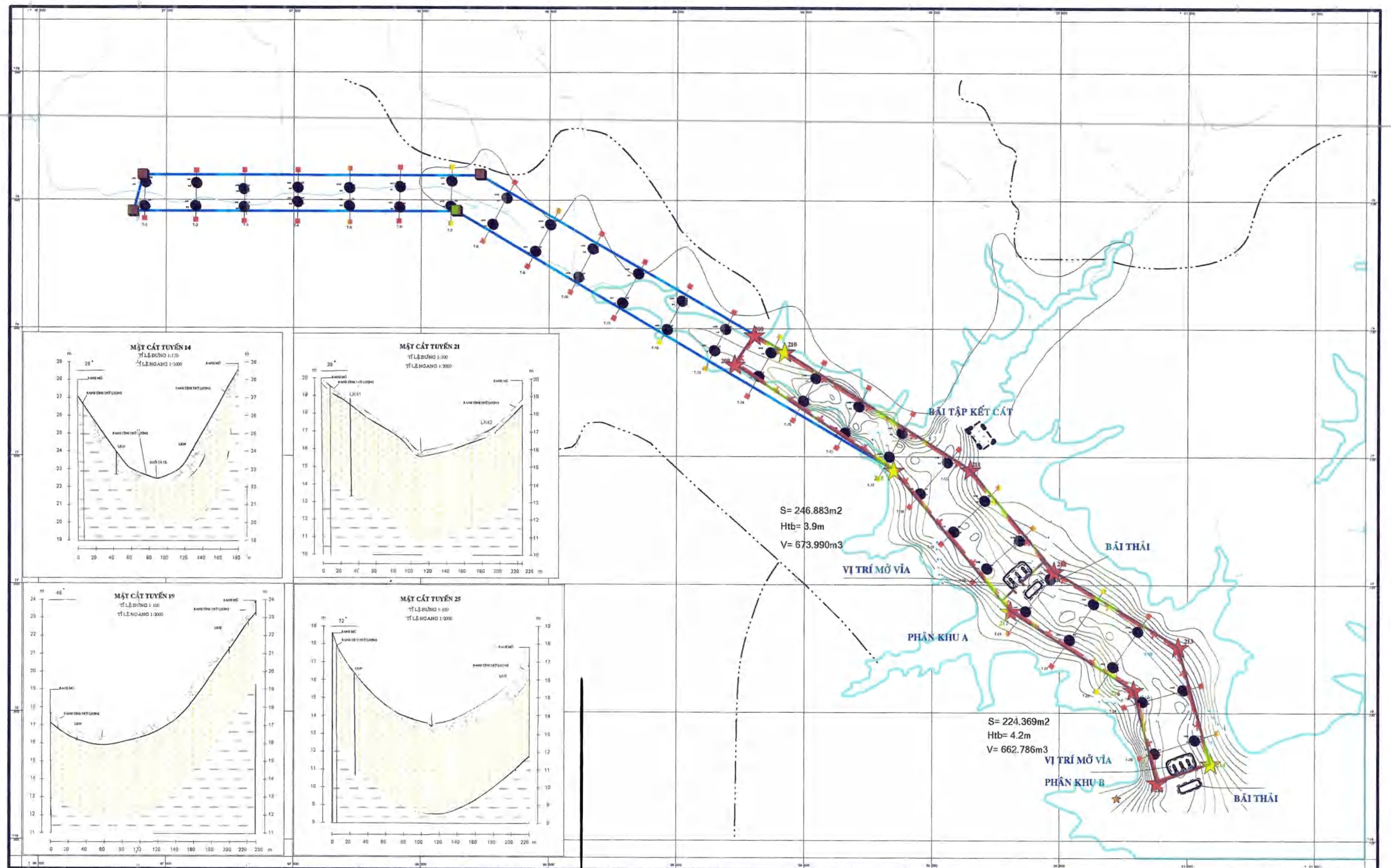
Tỷ lệ 1:5.000
 1cm trên bản đồ bằng 50m ngoài thực tế

CHỈ DẪN

- | | | | | | | | |
|--|---------------------------|--|--------------------------|--|-----------------|--|-----------------------------|
| | Mốc ranh thăm dò | | Đường vận tải | | Hướng dòng chảy | | Mốc ranh cấp phép khai thác |
| | Đường đồng mức và giá trị | | Ranh giới tính trữ lượng | | Đường bờ suối | | |

DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH		
Bản vẽ số 03	Tỷ lệ 1:5.000	Tháng 1 năm 2016
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ TÍNH TRỮ LƯỢNG VÀ CÁC MẶT CẮT		
Chức danh	Họ - Tên	Ký tên
Người thành lập	KS. Địa chất Lai Thị Nhân	
	Th.S. Phan Tuấn Liêm	
CHO DẤU TH CÔNG TY TNHH MỸ KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG LIÊN HOÀNG Le Đức Anh Trưởng ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH MÔ ĐỊA CHẤT 6 GIÁM ĐỐC Nguyễn Mạnh Hùng		

BẢN ĐỒ MỎ VÍA - KẾT THÚC XÂY DỰNG CƠ BẢN
MỎ CÁT XÂY DỰNG LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH



S= 246.883m²
Htb= 3.9m
V= 673.990m³

S= 224.369m²
Htb= 4.2m
V= 662.786m³

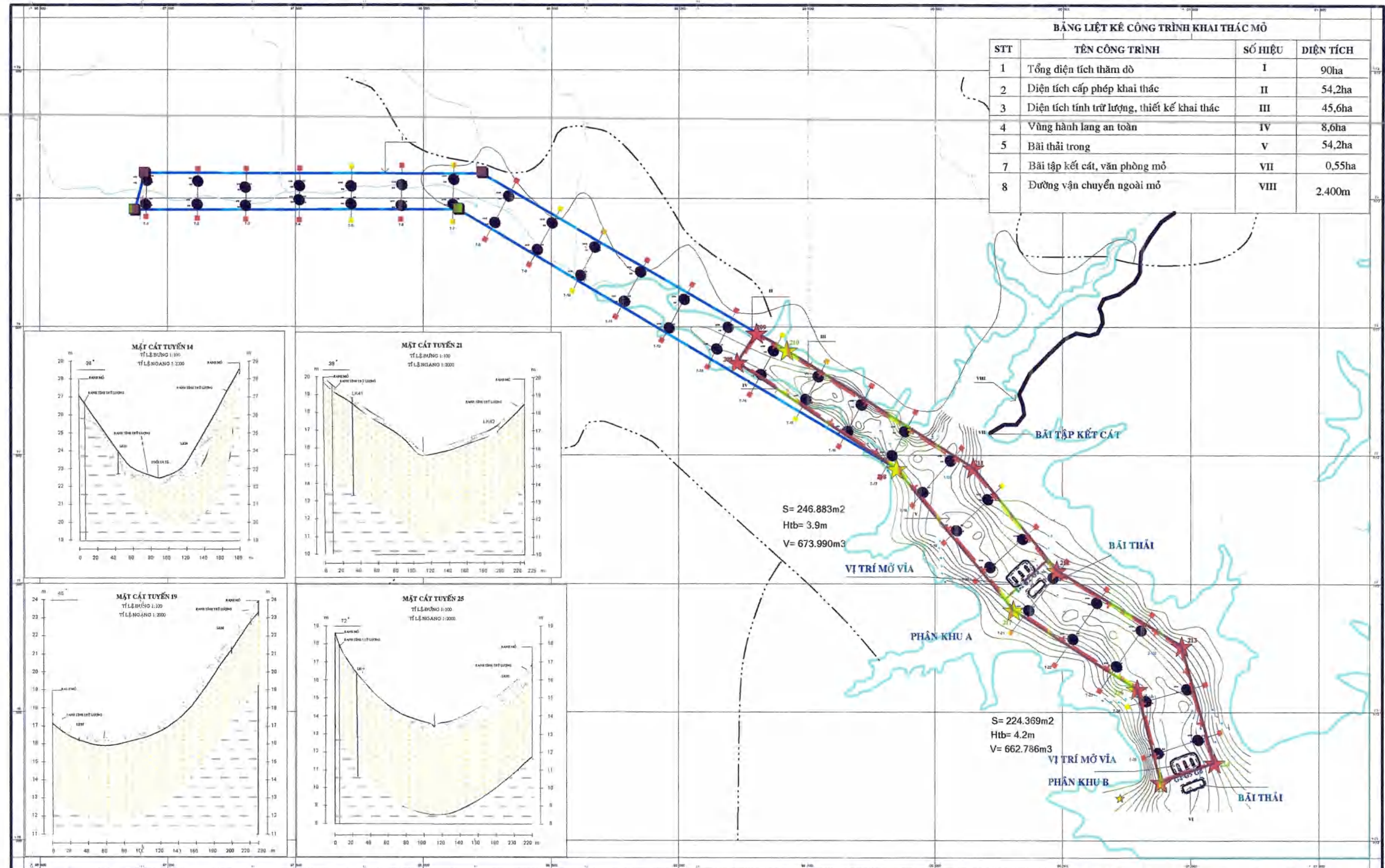
CHỈ DẪN

- Mốc ranh thăm dò
- Đường vận tải
- Hướng dòng chảy
- Mốc ranh cấp phép khai thác
- Đường đồng mức và giá trị
- Ranh giới tính trữ lượng
- Đường bờ suối
- Vị trí lỗ khoan thăm dò

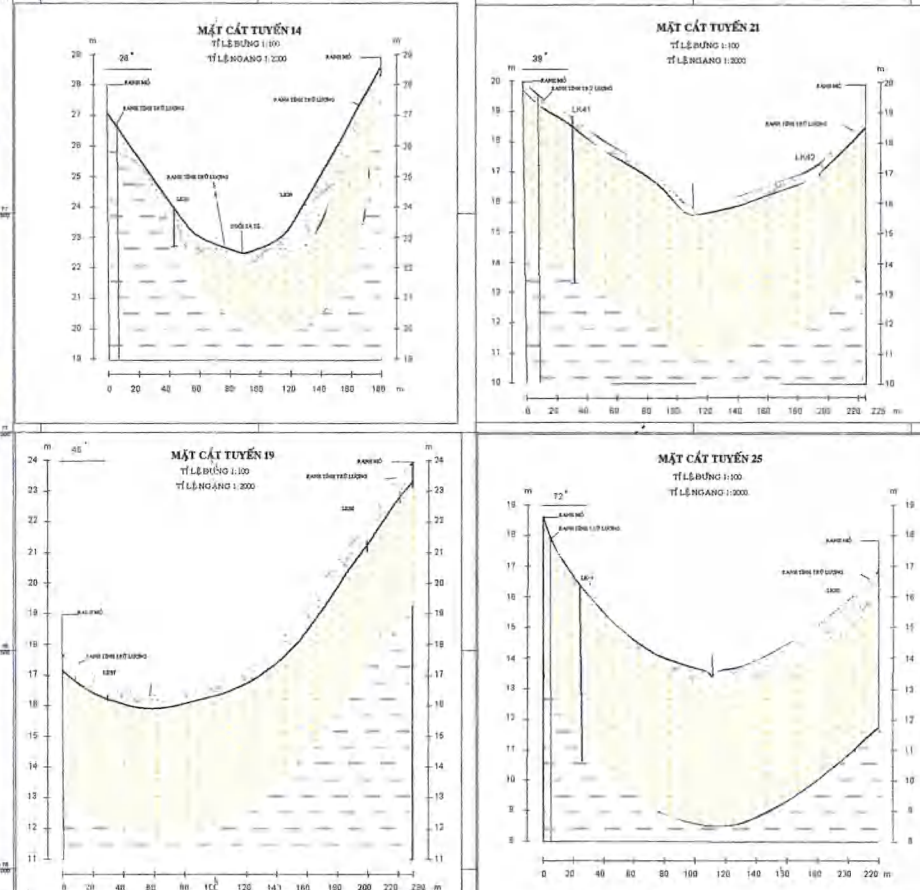
Tỷ lệ 1:5.000
1cm trên bản đồ bằng 50m ngoài thực tế

DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH		
Bản vẽ số 04	Tỷ lệ 1:5.000	Tháng 1 năm 2016
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ MỎ VÍA - KẾT THÚC XÂY DỰNG CƠ BẢN		
Chức danh	Họ - Tên	Ký tên
Người thành lập	KS. Địa chất, Lai Thị Nhân	
Chủ biên	Th.S Phan Trần Liêm	
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG GIÁM ĐỐC		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH MÔ ĐỊA CHẤT 6 GIÁM ĐỐC		
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI		

BẢN ĐỒ TỔNG MẶT BẰNG MỎ
MỎ CÁT XÂY DỰNG LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH



BẢNG LIỆT KẾ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC MỎ			
STT	TÊN CÔNG TRÌNH	SỐ HIỆU	DIỆN TÍCH
1	Tổng diện tích thăm dò	I	90ha
2	Diện tích cấp phép khai thác	II	54,2ha
3	Diện tích tính trữ lượng, thiết kế khai thác	III	45,6ha
4	Vùng hành lang an toàn	IV	8,6ha
5	Bãi thải trong	V	54,2ha
7	Bãi tập kết cát, văn phòng mỏ	VII	0,55ha
8	Đường vận chuyển ngoài mỏ	VIII	2.400m



S= 246.883m²
 Htb= 3.9m
 V= 673.990m³

S= 224.369m²
 Htb= 4.2m
 V= 662.786m³

CHỈ DẪN

- Mốc rapid thăm dò
- Đường vận tải
- Hướng dòng chảy
- Mốc ranh cấp phép khai thác
- Đường đồng mức và giá trị
- Ranh giới tính trữ lượng
- Đường đồng mức và giá trị
- Đường bờ suối
- Vị trí lỗ khoan thăm dò
- Ta luy
- Đường đồng mức và giá trị
- G1 Ghe hút và số hiệu

Tỷ lệ 1:5.000
 1cm trên bản đồ bằng 50m ngoài thực tế

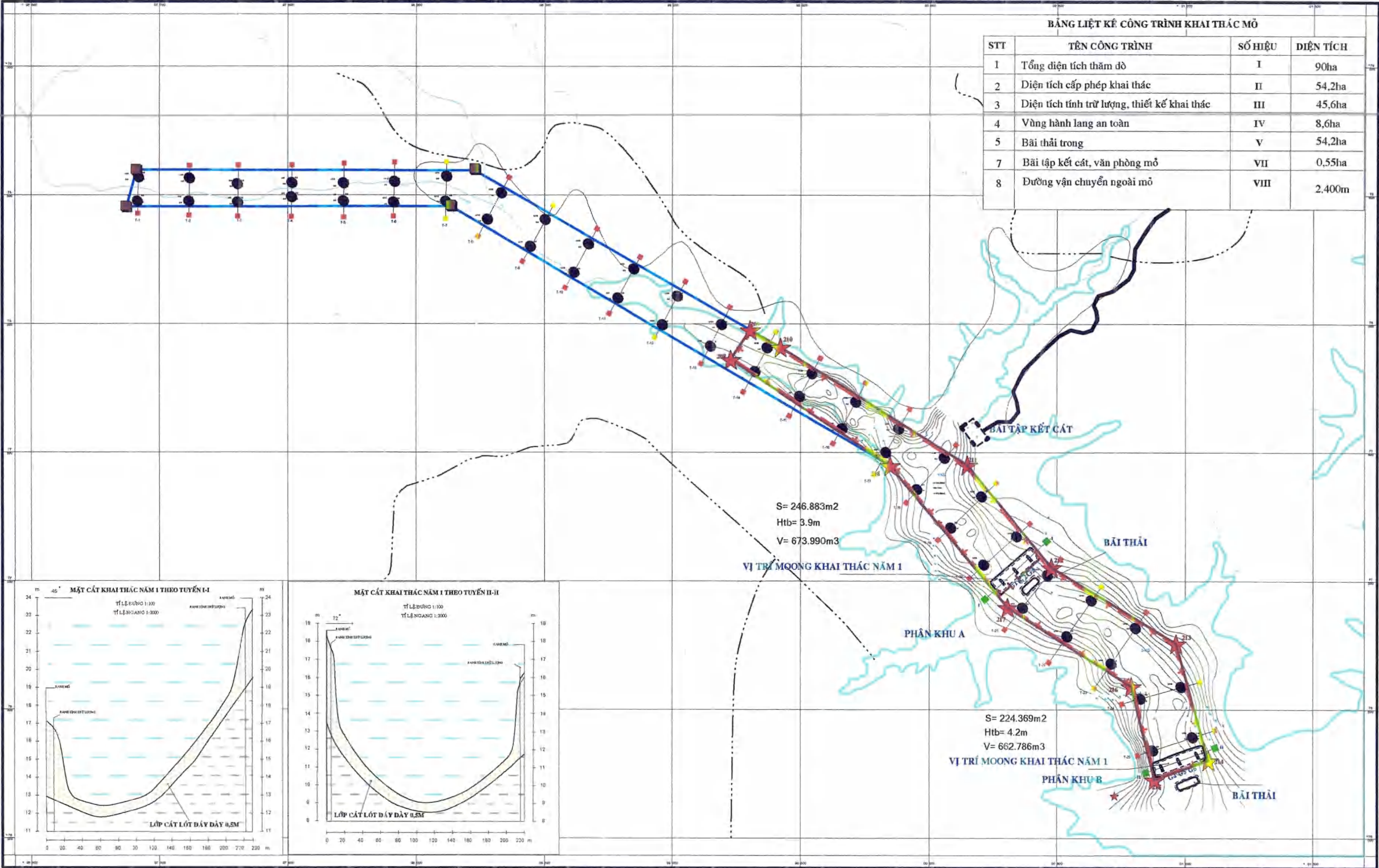
DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG
TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

Bản vẽ số 05 Tỷ lệ 1:5.000 Tháng 1 năm 2016

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ TỔNG MẶT BẰNG

Chức danh	Họ - Tên	Ký tên
Chủ đầu tư	KS. Địa chất Lại Thị Nhàn	
Chủ trì	Th.S. Phạm Trần Liêm	
Đơn vị đầu tư	CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH ĐỊA CHẤT 6
Lê Đỗ Anh Thượng		Nguyễn Mạnh Hùng

BẢN ĐỒ KHAI THÁC NĂM 1
MỎ CÁT XÂY DỰNG LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH



DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG
TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

Bản vẽ số 06 Tỷ lệ 1:5.000 Tháng 1 năm 2016

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ KHAI THÁC NĂM 1

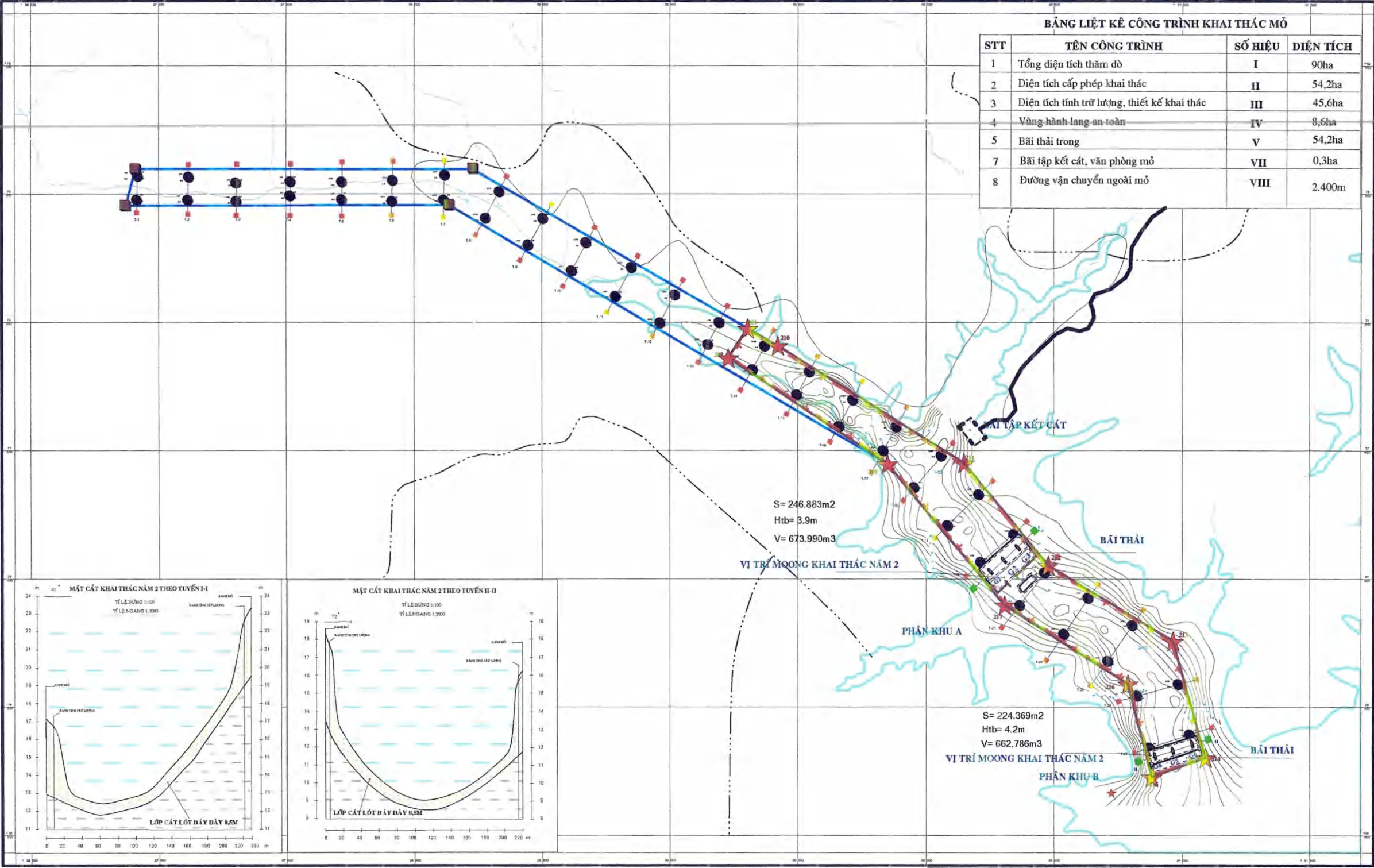
Chức danh	Họ - Tên	Ký tên
Người thành lập	KS. Địa chất. Lại Thị Nhàn	Th.S. Phó Trần Liêm
Chủ đầu tư	CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH MỎ ĐỊA CHẤT 6
Giám đốc		GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG

CÔNG TY TNHH MỎ ĐỊA CHẤT 6

Lê Đỗ Anh Thượng Nguyễn Mạnh Hồng

BẢN ĐỒ KHAI THÁC NĂM 2
MỎ CÁT XÂY DỰNG LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH



CHỈ DẪN



Mốc ranh thăm dò



Đường vận tải



Hướng dòng chảy



Mốc ranh cấp phép khai thác



Đường đồng mức và giá trị



Ranh giới tính trừ lượng



Đường bờ suối



Vị trí lỗ khoan thăm dò



DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG

TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

Bản vẽ số 07

Tỷ lệ 1:5.000

Tháng 1 năm 2016

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ KHAI THÁC NĂM 2

Chức danh

Họ - Tên

Ký tên

Người thành lập

KS. Địa chất. Lại Thị Nhàn

Chủ đầu tư

Th.S Phó Tiến Liêm

Đơn vị tư vấn

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG

Giám đốc

TP. BIÊN HÒA - T. TÂY NINH

TP. BIÊN HÒA - T. TÂY NINH

TP. BIÊN HÒA - T. TÂY NINH

TP. BIÊN HÒA - T. TÂY NINH

TP. BIÊN HÒA - T. TÂY NINH

TP. BIÊN HÒA - T. TÂY NINH

TP. BIÊN HÒA - T. TÂY NINH

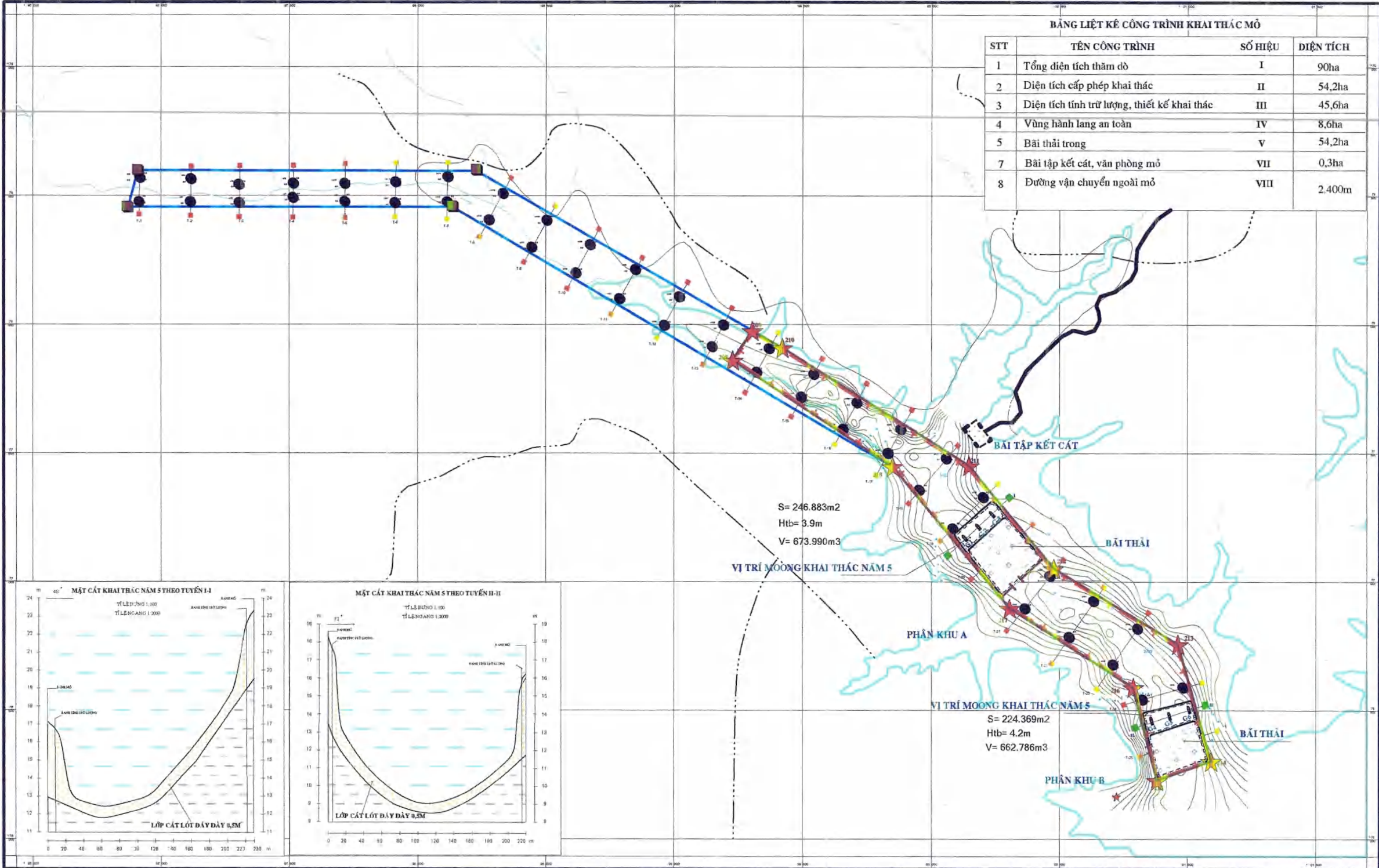
TP. BIÊN HÒA - T. TÂY NINH

TP. BIÊN HÒA - T. TÂY NINH

TP. BIÊN HÒA - T. TÂY NINH

TP. BIÊN HÒA - T. TÂY NINH

BẢN ĐỒ KHAI THÁC NĂM 5
MỎ CÁT XÂY DỰNG LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH



CHỈ DẪN

- Mốc ranh thăm dò
- Đường vận tải
- Hướng dòng chảy
- Mốc ranh cấp phép khai thác
- Đường đồng mức và giá trị
- Ranh giới tính trừ lượng
- Đường bờ suối
- Vị trí lỗ khoan thăm dò

DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG
TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

Bản vẽ số 08

Tỷ lệ 1:5.000

Tháng 1 năm 2016

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ KHAI THÁC NĂM 5

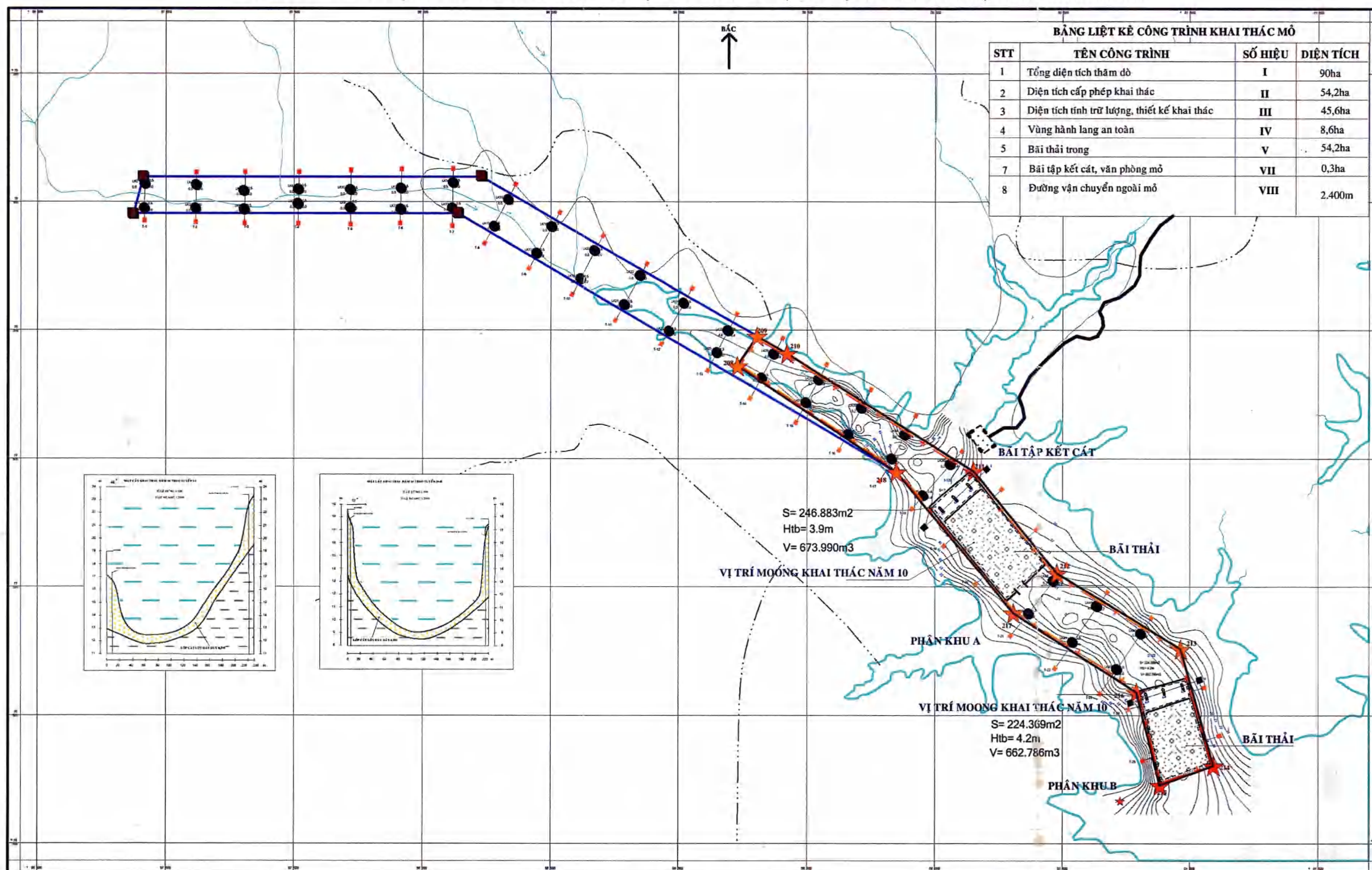
Chức danh	Họ - Tên	Ký tên
Nhà đầu tư	KS. Địa chất. Lại Thị Nhân	
Chủ đầu tư	Th.S Phan Văn Liêm	
Đơn vị tư vấn	CÔNG TY TNHH MÔ ĐỊA CHẤT 6	
Giám đốc		

Le Đỗ Anh Thượng

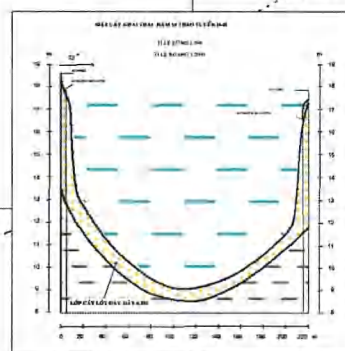
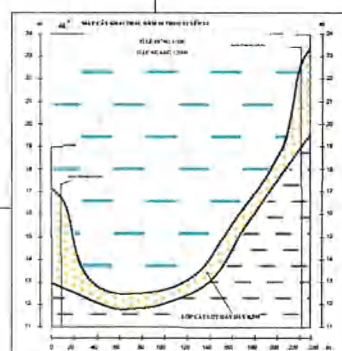
Nguyễn Mạnh Hùng

BẢN ĐỒ KHAI THÁC NĂM 10

MỎ CÁT XÂY DỰNG LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH



BẢNG LIỆT KÊ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC MỎ			
STT	TÊN CÔNG TRÌNH	SỐ HIỆU	DIỆN TÍCH
1	Tổng diện tích thăm dò	I	90ha
2	Diện tích cấp phép khai thác	II	54,2ha
3	Diện tích tính trừ lượng, thiết kế khai thác	III	45,6ha
4	Vùng hành lang an toàn	IV	8,6ha
5	Bãi thải trong	V	54,2ha
7	Bãi tập kết cát, văn phòng mỏ	VII	0,3ha
8	Đường vận chuyển ngoài mỏ	VIII	2.400m



CHỈ DẪN

- Mốc ranh thăm dò
- Đường vận tải
- Hướng dòng chảy
- Mốc ranh cấp phép khai thác
- Đường đồng mức và giá trị
- Ranh giới tính trừ lượng
- Đường bờ suối
- Vị trí lỗ khoan thăm dò

DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG
TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

Bản vẽ số 08-A Tỷ lệ 1:5.000 Tháng 1 năm 2016

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ KHAI THÁC NĂM 10

Chức danh	Họ - Tên	Ký tên
Người thành lập	KS. Địa chất Lại Thị Nhân	
Chủ biên	Th.S Phú Trần Liêm	

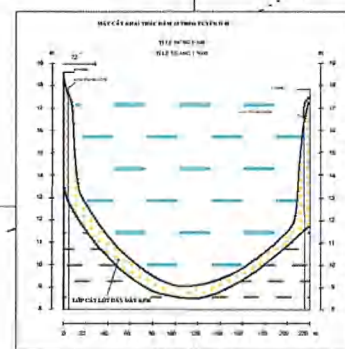
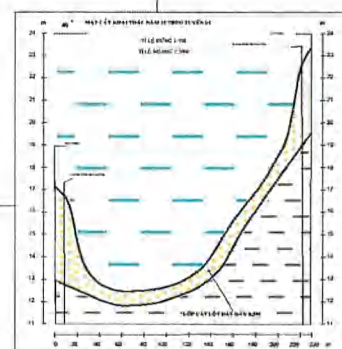
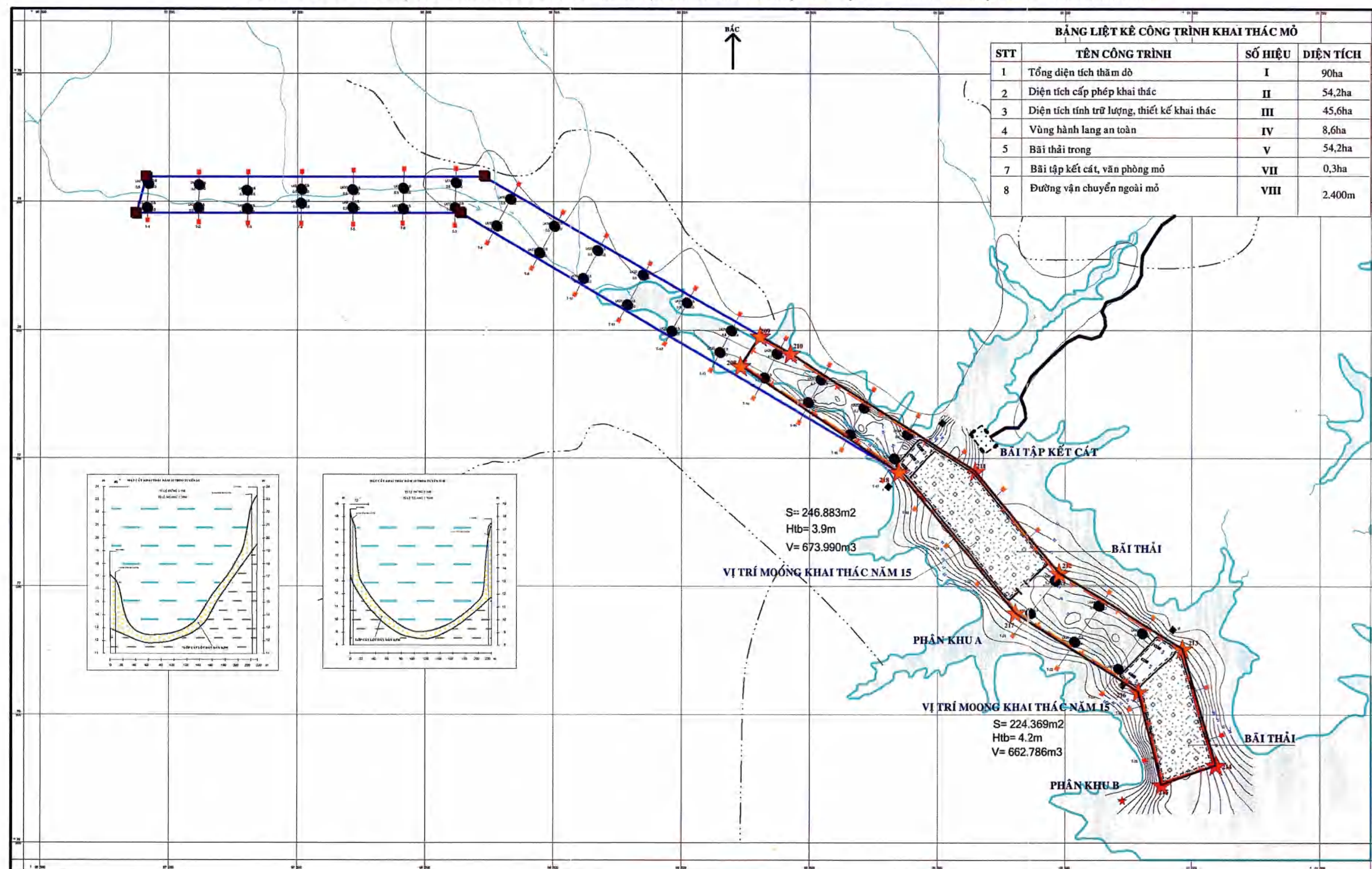
CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH MTV
Khai thác Cát Liên Hoàng
Giam đốc

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH MÔ ĐỊA CHẤT 6
Giam đốc

Nguyễn Mạnh Hùng

BẢN ĐỒ KHAI THÁC NĂM 15

MỎ CÁT XÂY DỰNG LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH



CHỈ DẪN

- Mốc ranh thăm dò
- Đường vận tải
- Hướng dòng chảy
- Mốc ranh cấp phép khai thác
- Đường đồng mức và giá trị
- Ranh giới tính trữ lượng
- Đường bờ suối
- Vị trí lỗ khoan thăm dò

Tỷ lệ 1:5.000
1cm trên bản đồ bằng 50m ngoài thực tế

DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG
TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

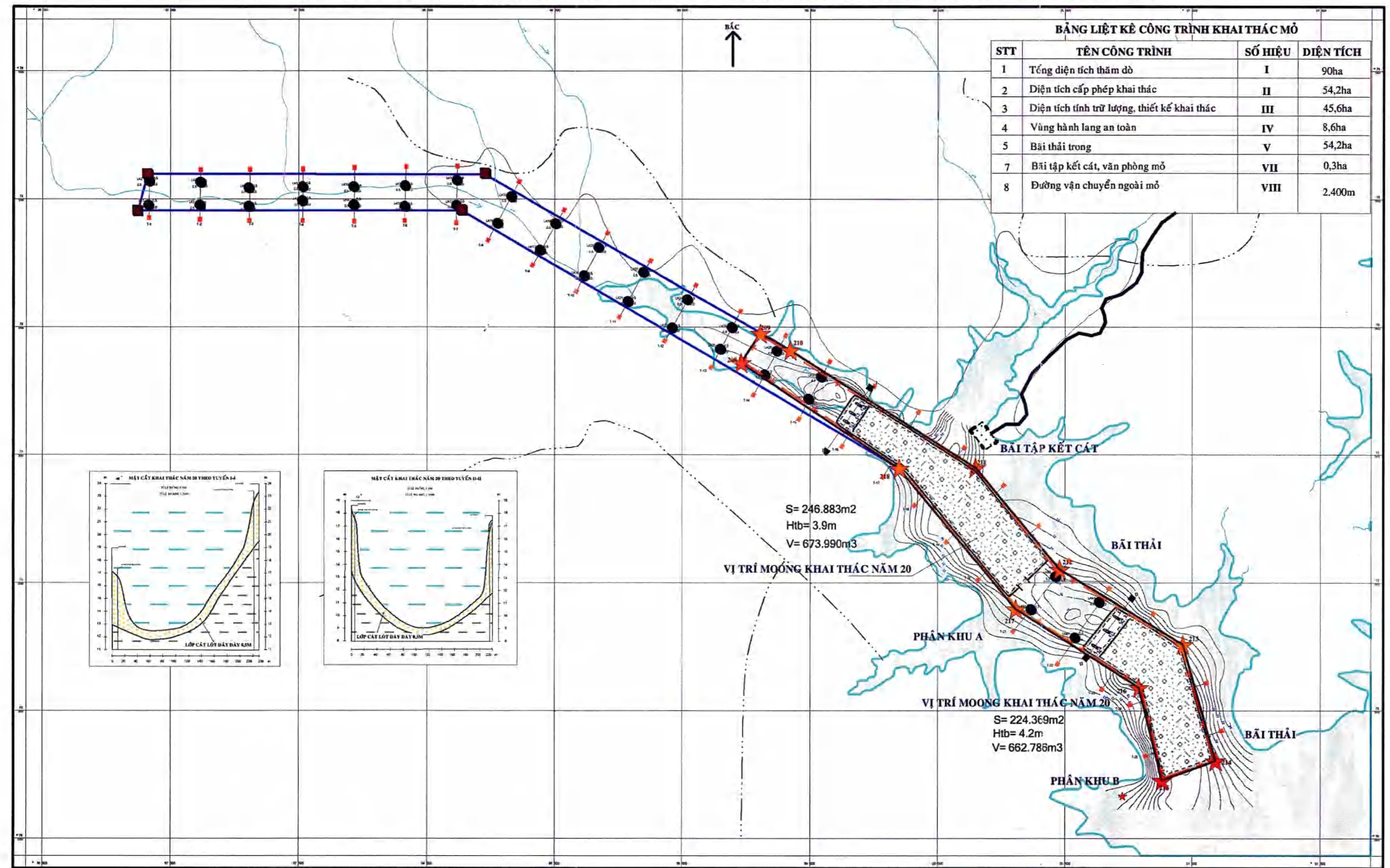
Bản vẽ số 08-B Tỷ lệ 1:5.000 Tháng 1 năm 2016

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ KHAI THÁC NĂM 15

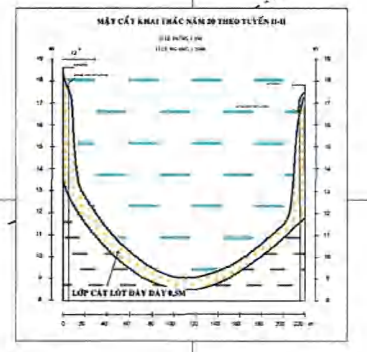
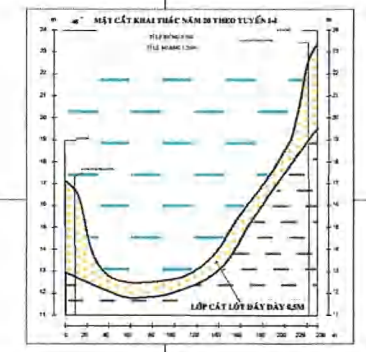
Chức danh	Họ - Tên	Ký tên
Người thành lập	KS. Địa chất. Lại Thị Nhân	<i>Lại Thị Nhân</i>
Chờ biên	Th.S Phú Trần Liêm	<i>Phú Trần Liêm</i>
Chủ đầu tư	CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG	<i>Liên Hoàng</i>
Đơn vị tư vấn	CÔNG TY TNHH MÔ ĐỊA CHẤT 6	<i>Nguyễn Mạnh Hùng</i>

Giám đốc: *Nguyễn Mạnh Hùng*

BẢN ĐỒ KHAI THÁC NĂM 20
MỎ CÁT XÂY DỰNG LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH



BẢNG LIỆT KÊ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC MỎ			
STT	TÊN CÔNG TRÌNH	SỐ HIỆU	DIỆN TÍCH
1	Tổng diện tích thăm dò	I	90ha
2	Diện tích cấp phép khai thác	II	54,2ha
3	Diện tích tính trữ lượng, thiết kế khai thác	III	45,6ha
4	Vùng hành lang an toàn	IV	8,6ha
5	Bãi thải trong	V	54,2ha
7	Bãi tập kết cát, văn phòng mỏ	VII	0,3ha
8	Đường vận chuyển ngoài mỏ	VIII	2.400m



S= 246.883m²
Htb= 3.9m
V= 673.990m³
VỊ TRÍ MỎNG KHAI THÁC NĂM 20

PHẦN KHU A
VỊ TRÍ MỎNG KHAI THÁC NĂM 20
S= 224.369m²
Htb= 4.2m
V= 662.786m³
PHẦN KHU B

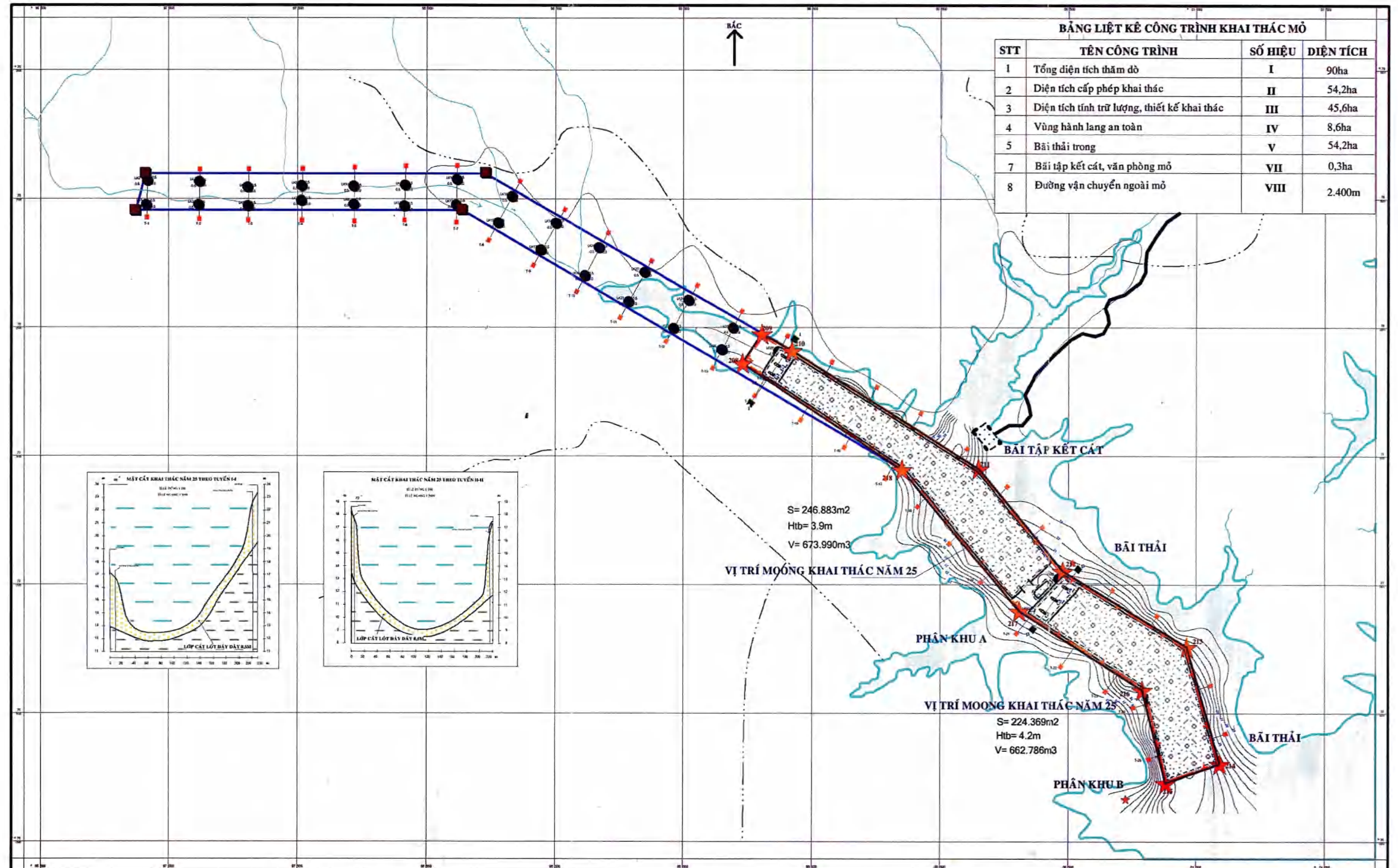
CHỈ DẪN

- Mốc ranh thăm dò
- Đường vận tải
- Hướng dòng chảy
- Mốc ranh cấp phép khai thác
- Đường đồng mức và giá trị
- Ranh giới tính trữ lượng
- Đường bờ suối
- Vị trí lỗ khoan thăm dò

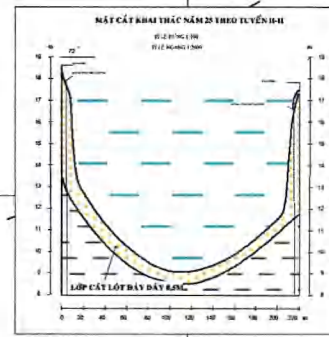
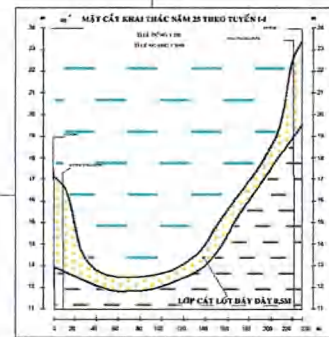
Tỷ lệ 1:5.000
1cm trên bản đồ bằng 50m ngoài thực tế

DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH		
Bản vẽ số 08-C	Tỷ lệ 1:5.000	Tháng 1 năm 2016
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ KHAI THÁC NĂM 20		
Chức danh	Họ - Tên	Ký tên
Người thành lập	KS. Địa chất. Lại Thị Nhân	<i>thor</i>
Chủ biên	Th.S Phê Trần Liêm	<i>hanh</i>
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG CHỦ ĐỐC	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH MÔ ĐỊA CHẤT 6 GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Mạnh Hùng		

BẢN ĐỒ KHAI THÁC NĂM 25
MỎ CÁT XÂY DỰNG LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH



BẢNG LIỆT KÊ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC MỎ			
STT	TÊN CÔNG TRÌNH	SỐ HIỆU	DIỆN TÍCH
1	Tổng diện tích thăm dò	I	90ha
2	Diện tích cấp phép khai thác	II	54,2ha
3	Diện tích tính trữ lượng, thiết kế khai thác	III	45,6ha
4	Vùng hành lang an toàn	IV	8,6ha
5	Bãi thải trong	V	54,2ha
7	Bãi tập kết cát, văn phòng mỏ	VII	0,3ha
8	Đường vận chuyển ngoài mỏ	VIII	2.400m



S= 246.883m²
 Htb= 3.9m
 V= 673.990m³

VỊ TRÍ MỎNG KHAI THÁC NĂM 25

PHÂN KHU A

VỊ TRÍ MỎNG KHAI THÁC NĂM 25

S= 224.369m²
 Htb= 4.2m
 V= 662.786m³

PHÂN KHU B

CHỈ DẪN

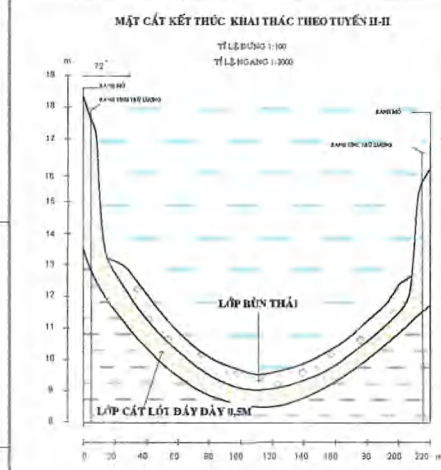
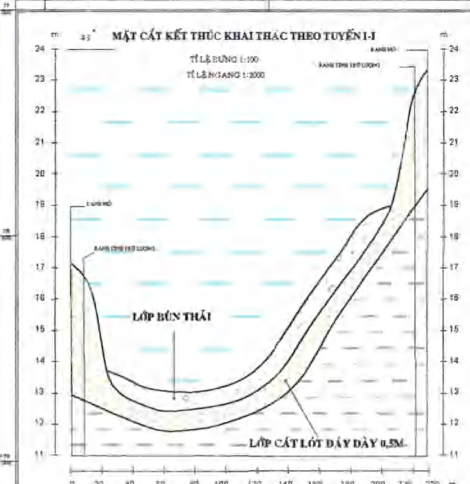
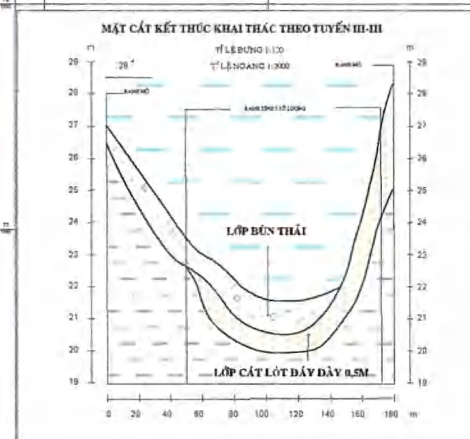
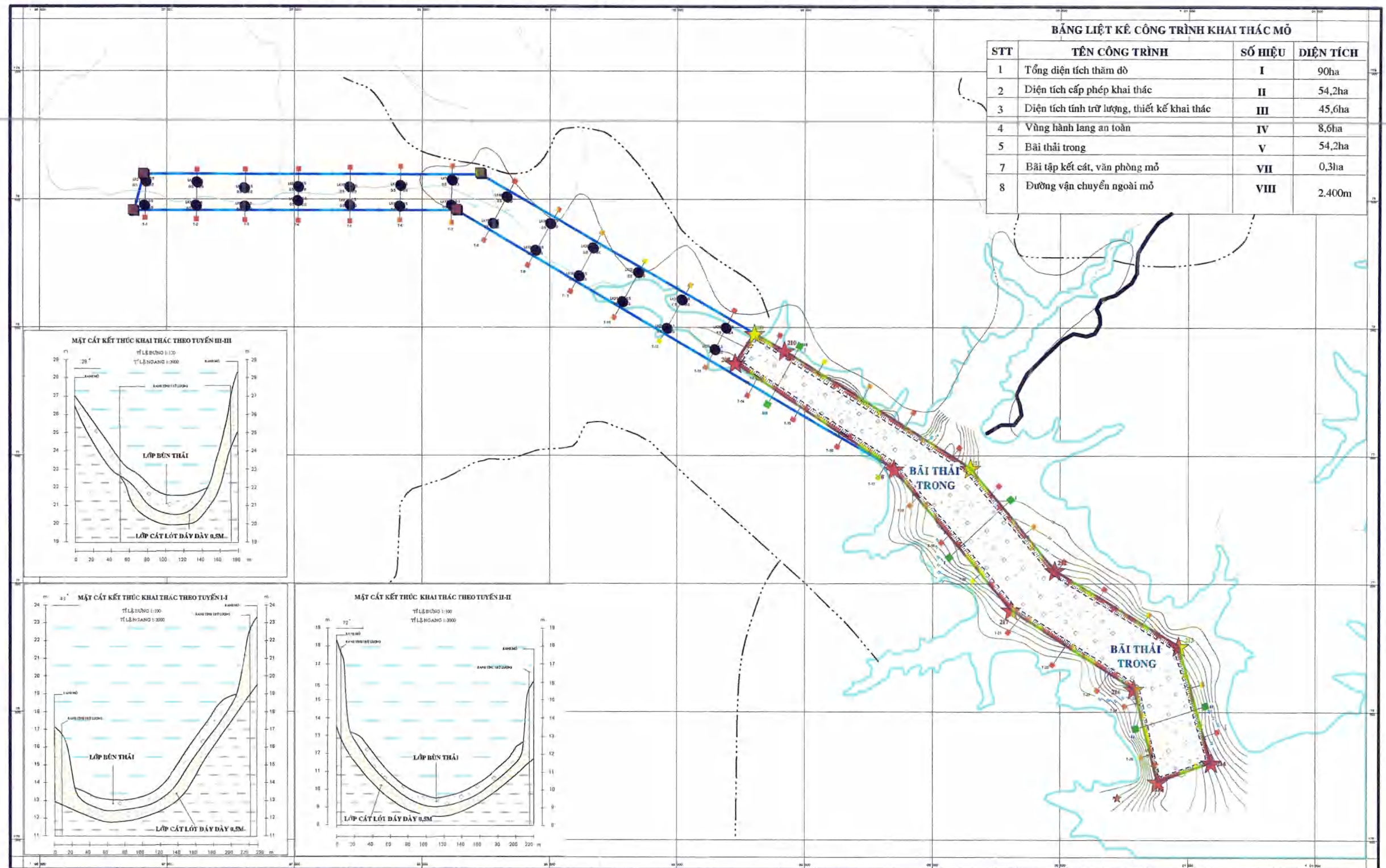
- Mốc ranh thăm dò
- Đường vận tải
- Hướng dòng chảy
- Mốc ranh cấp phép khai thác
- Đường đồng mức và giá trị
- Ranh giới tính trữ lượng
- Đường bờ suối
- Vị trí lỗ khoan thăm dò

Tỷ lệ 1:5.000
 1cm trên bản đồ bằng 50m ngoài thực tế

DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH		
Bản vẽ số 08-D	Tỷ lệ 1:5.000	Tháng 1 năm 2016
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ KHAI THÁC NĂM 25		
Chức danh	Họ - Tên	Ký tên
Người thành lập	KS. Địa chất Lại Thị Nhân	<i>Lại Thị Nhân</i>
Chủ biên	Th.S Phó Trần Liêm	<i>Phó Trần Liêm</i>
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG GIÁM ĐỐC		ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH MÔ ĐỊA CHẤT 6 GIÁM ĐỐC
LÊ ĐỖ ANH THƯỢNG		NGUYỄN MẠNH HÙNG



BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC
MỎ CÁT XÂY DỰNG LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH



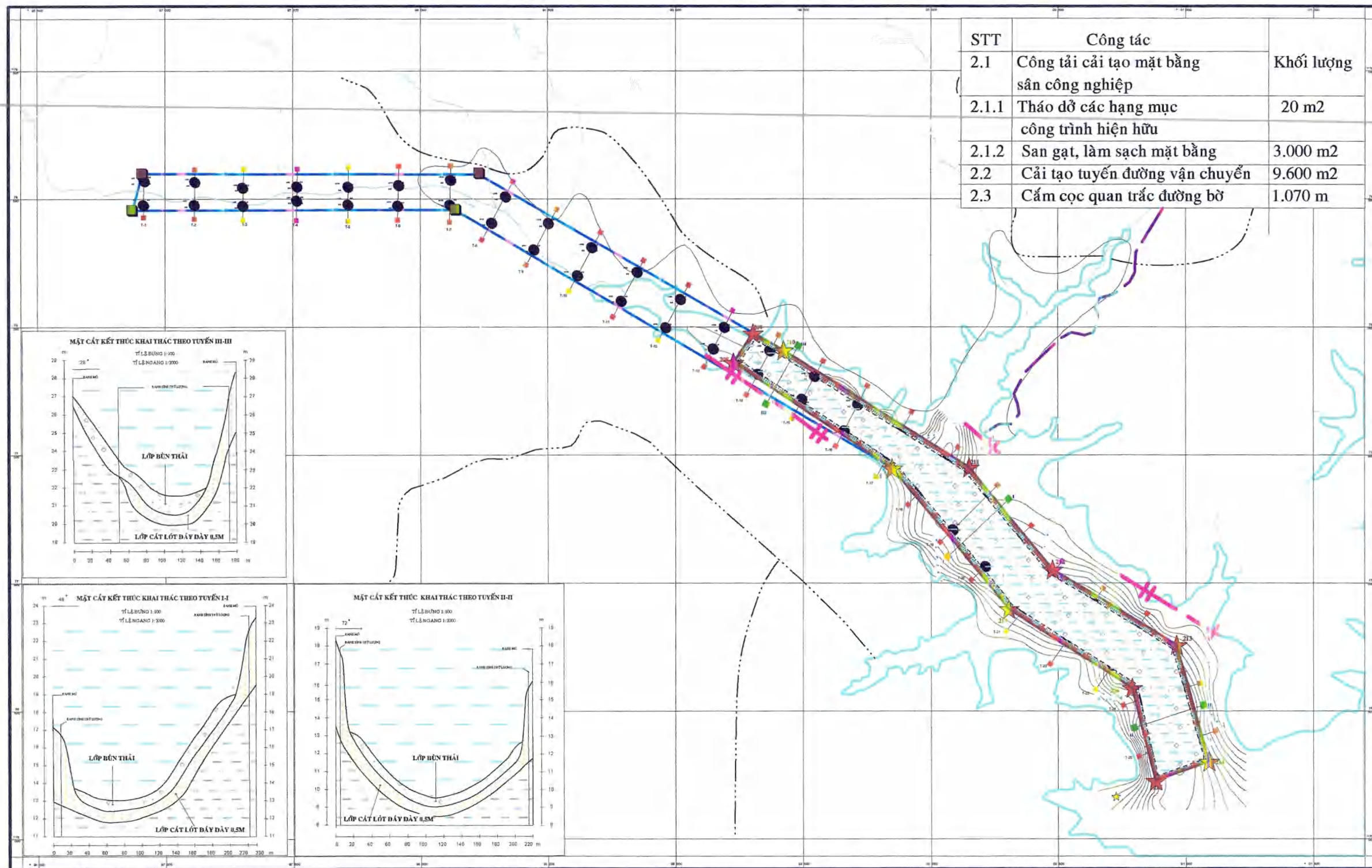
CHỈ DẪN

- Mốc ranh thăm dò
- Đường vận tải
- Hướng dòng chảy
- Mốc ranh cấp phép khai thác
- Đường đồng mức và giá trị
- Ranh giới tính trừ lượng
- Đường bờ suối
- Vị trí lỗ khoan thăm dò

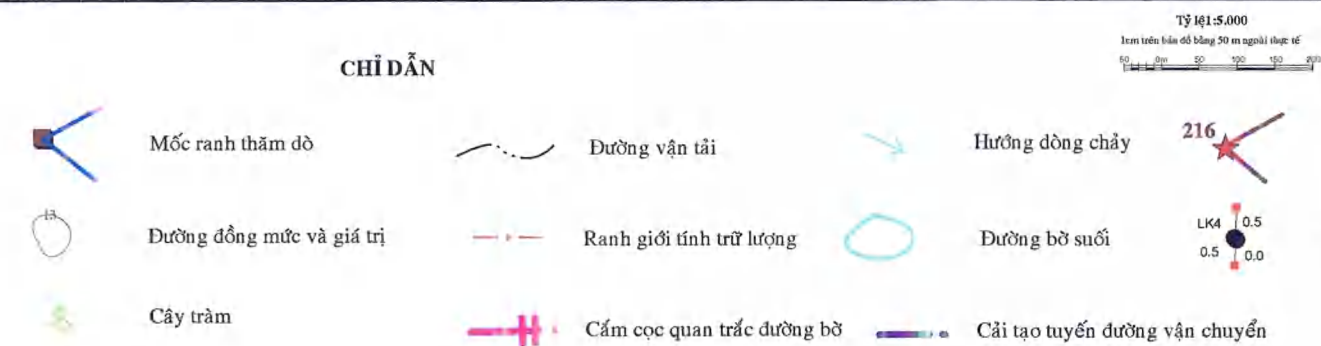
Tỷ lệ 1:5.000
 1cm trên bản đồ bằng 50m ngoài thực tế

DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH		
Bản vẽ số 09	Tỷ lệ 1:5.000	Tháng 1 năm 2016
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC		
Chức danh Người lập Chủ biên CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG	Họ - Tên KS. Địa chất, Lê Thị Nhân Th.S Phó Trần Liêm	Ký tên
Chức danh Người lập Chủ biên CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG	Đơn vị tư vấn CÔNG TY TNHH MÔ ĐỊA CHẤT 6 GIÁM ĐỐC MÔ ĐỊA CHẤT 6	Ký tên
Lê Đỗ Anh Thượng		Nguyễn Mạnh Hùng

BẢN ĐỒ HOÀN THỔ KHÔNG GIAN SAU KHI KẾT THÚC KHAI THÁC - PHƯƠNG ÁN 2
MỎ CÁT XÂY DỰNG LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH



STT	Công tác	Khối lượng
2.1	Công tác cải tạo mặt bằng sân công nghiệp	
2.1.1	Tháo dỡ các hạng mục công trình hiện hữu	20 m2
2.1.2	San gạt, làm sạch mặt bằng	3.000 m2
2.2	Cải tạo tuyến đường vận chuyển	9.600 m2
2.3	Cấm cọc quan trắc đường bờ	1.070 m



Tỷ lệ 1:5.000
 1cm trên bản đồ bằng 50m ngoài thực tế

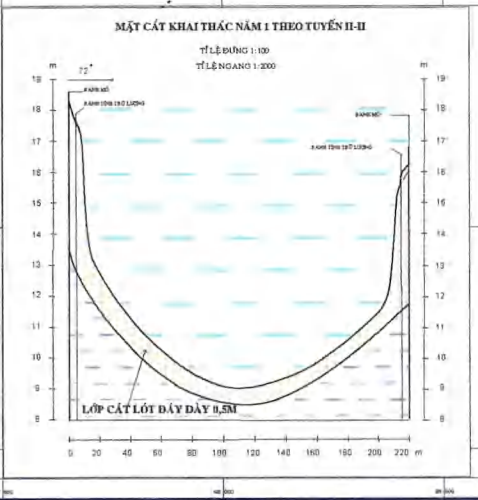
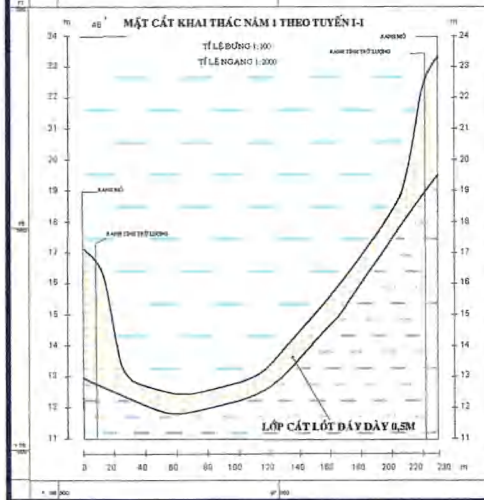
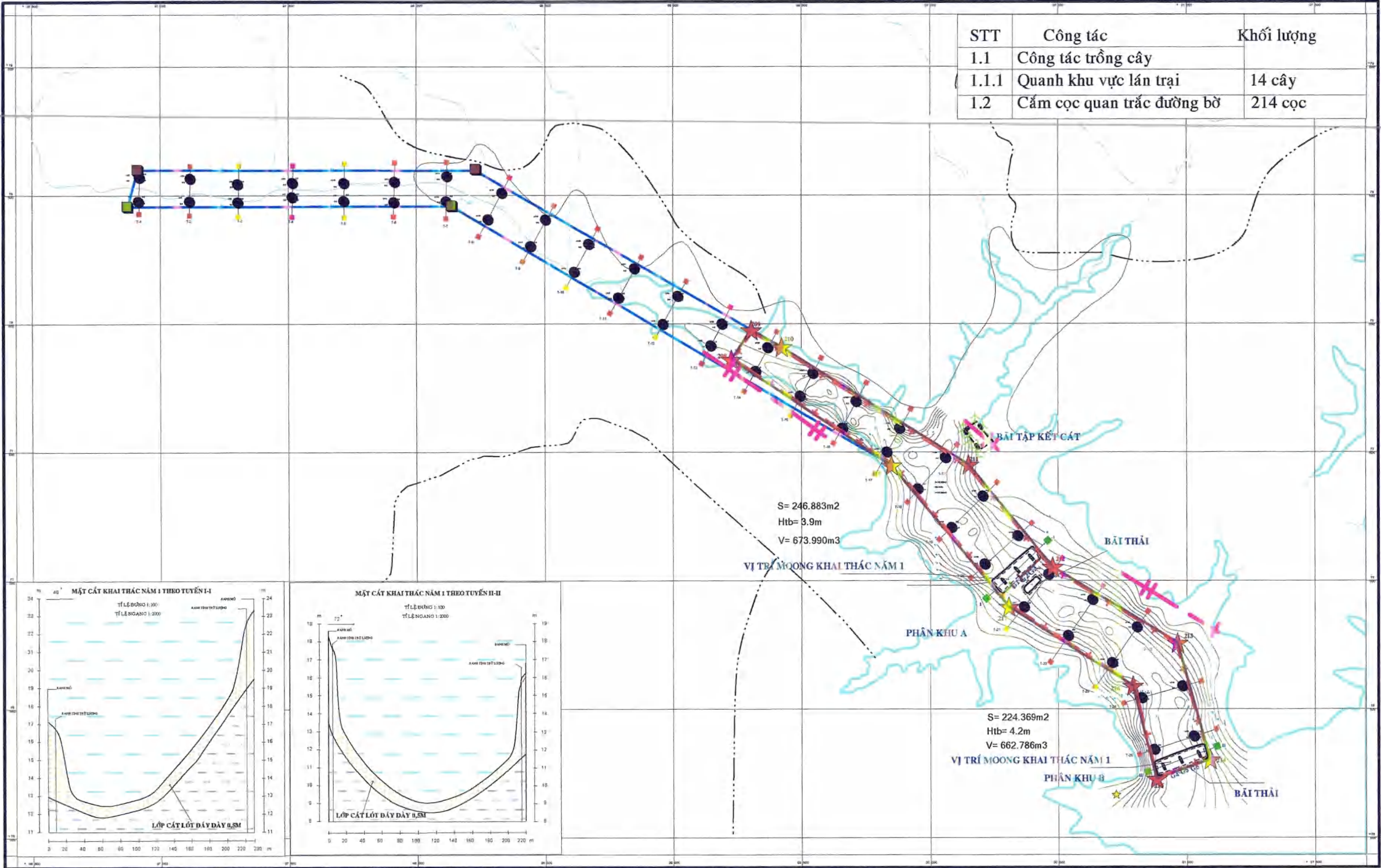
DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG
TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

Bản vẽ số 11 Tỷ lệ 1:5.000 Tháng 1 năm 2016

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ HOÀN THỔ KHÔNG GIAN SAU KHI KẾT THÚC KHAI THÁC - PHƯƠNG ÁN 2

Chức danh	Họ - Tên	Ký tên
Người lập	KS. Địa chất Lê Thị Nhân	<i>Thân</i>
Chủ biên	Th.S Phó Trần Liêm	<i>Thân</i>
CHỈ DẪN ĐẦU TƯ	CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CHỈ DẪN KHAI THÁC	CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG	CÔNG TY TNHH MÔ ĐỊA CHẤT 6
CHỈ DẪN GIÁM ĐỐC	CÔNG TY TNHH MÔ ĐỊA CHẤT 6	GIÁM ĐỐC
	Lê Đỗ Anh Thượng	Nguyễn Mạnh Hùng

BẢN ĐỒ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 1
MỎ CÁT XÂY DỰNG LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH



CHỈ DẪN

Mốc ranh thăm dò

Đường vận tải

Hướng dòng chảy

Mốc ranh cấp phép khai thác

Đường đồng mức và giá trị

Ranh giới tính trữ lượng

Đường bờ suối

Cây tràm

Cắm cọc quan trắc đường bờ

Vị trí lỗ khoan thăm dò

Tỷ lệ 1:5.000

1cm trên bản đồ bằng 50m ngoài thực tế

DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG
TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

Bản vẽ số 12

Tỷ lệ 1:5.000

Tháng 1 năm 2016

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 1

Chức danh

Họ - Tên

Ký tên

Người thành lập

KS. Địa chất, Lai Thị Nhân

Chủ biên

Th.S Phó Trần Liêm

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG

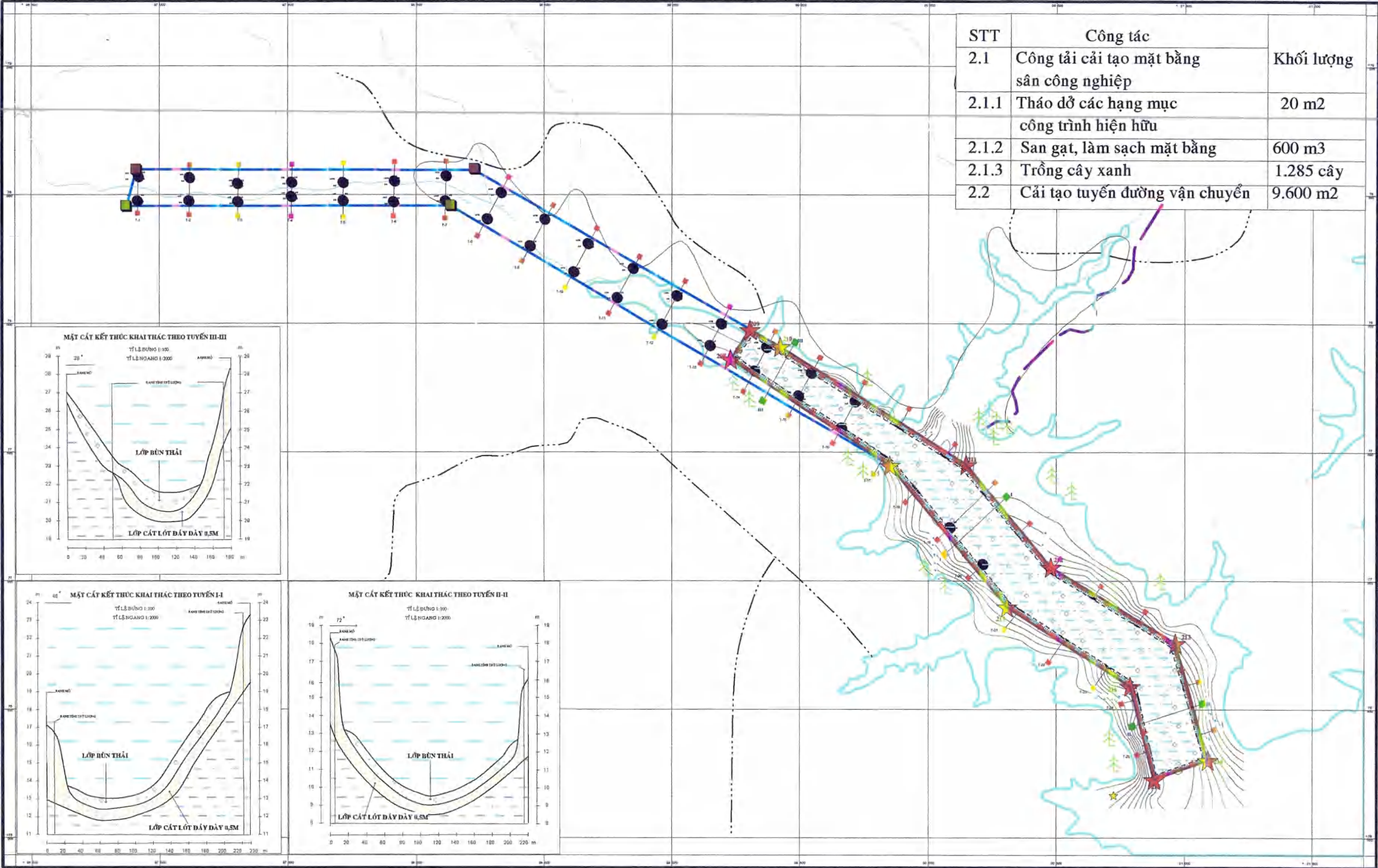
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG

MỎ-ĐỊA CHẤT 6

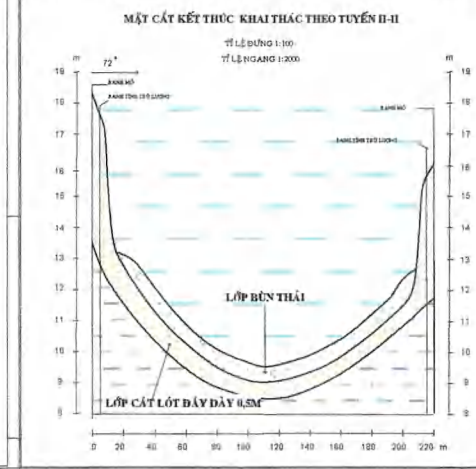
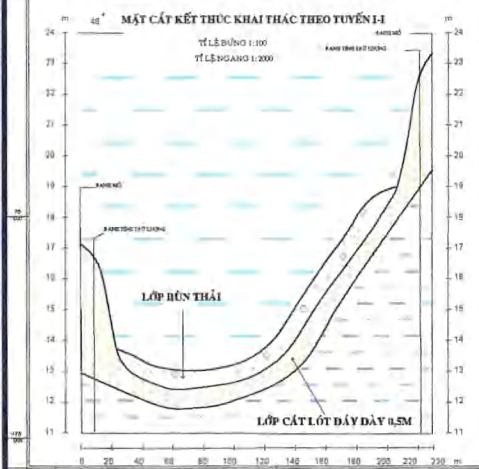
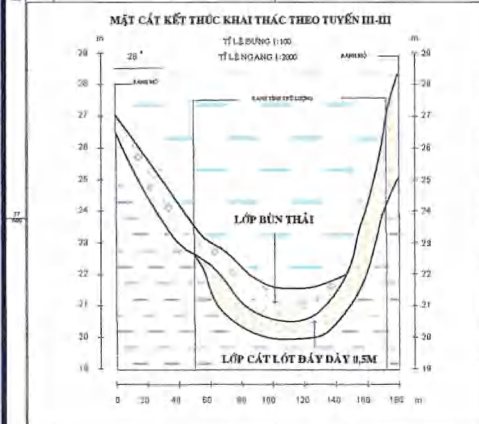
TR. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Mạnh Hùng

BẢN ĐỒ CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2
MỎ CÁT XÂY DỰNG LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH



STT	Công tác	Khối lượng
2.1	Công tác cải tạo mặt bằng sân công nghiệp	
2.1.1	Tháo dỡ các hạng mục công trình hiện hữu	20 m2
2.1.2	San gạt, làm sạch mặt bằng	600 m3
2.1.3	Trồng cây xanh	1.285 cây
2.2	Cải tạo tuyến đường vận chuyển	9.600 m2



CHỈ DẪN

Tỷ lệ 1:5.000
Trên nền bản đồ bằng 50 m ngoài thực tế

Mốc ranh thăm dò
Đường vận tải
Hướng dòng chảy
Mốc ranh cấp phép khai thác
Đường đồng mức và giá trị
Ranh giới tính trữ lượng
Đường bờ suối
Vị trí lỗ khoan thăm dò
Cây tràm nước
Cải tạo tuyến đường vận chuyển

ĐƠN AN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG
TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

Bản vẽ số 13
Tỷ lệ 1:5.000
Tháng 1 năm 2016

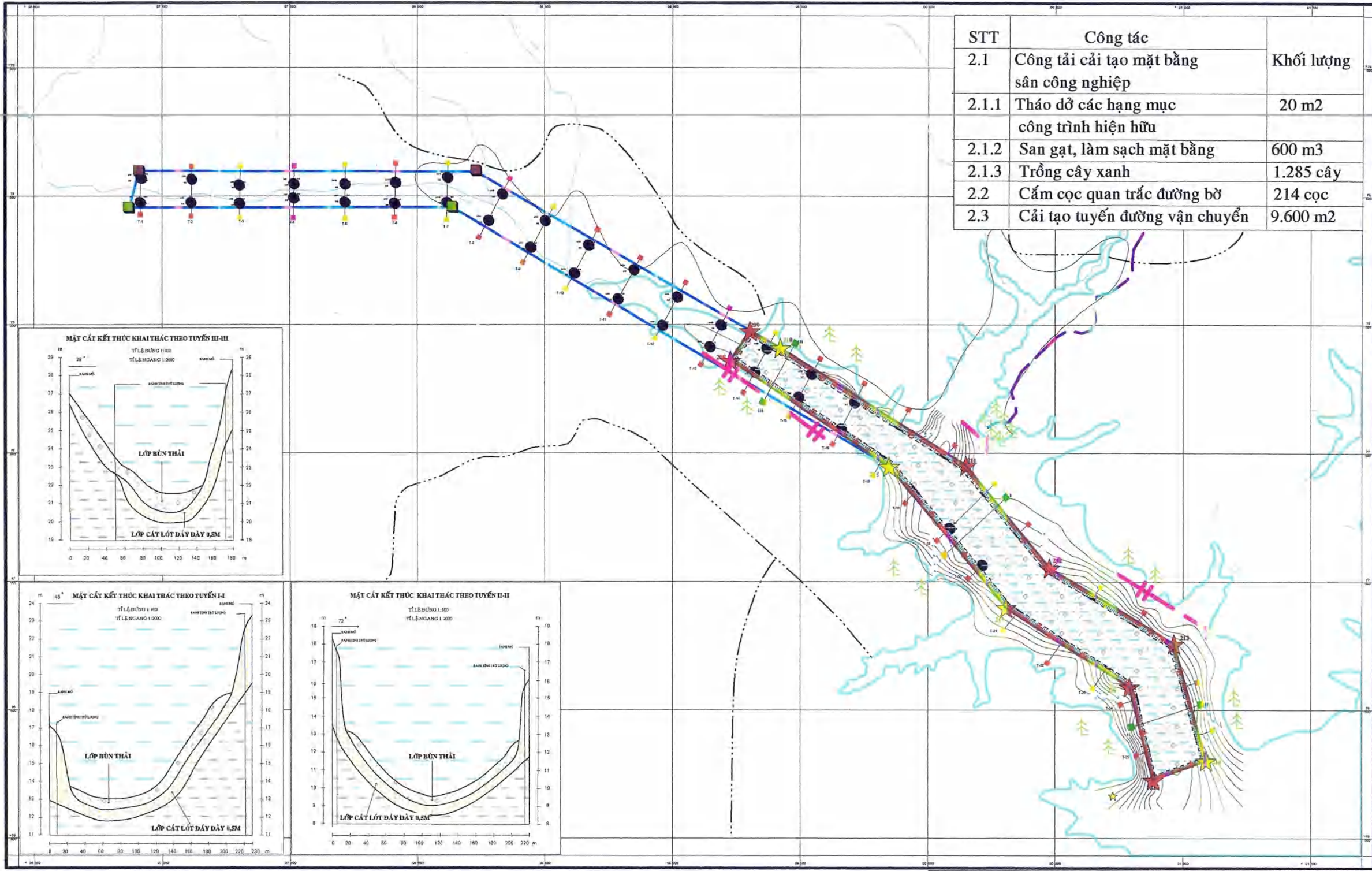
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG - GIAI ĐOẠN 2

Chức danh	Họ - Tên	Ký tên
Người lập	KS. Địa chất Lai Văn Nhân	
Người kiểm tra	ThS Phan Văn Liêm	
Chủ đầu tư	CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG	
Đơn vị tư vấn	CÔNG TY TNHH MÔ ĐỊA CHẤT 6	

Lê Đỗ Anh Thượng
Nguyễn Mạnh Hùng

BẢN ĐỒ HOÀN THỔ KHÔNG GIAN SAU KHI KẾT THÚC KHAI THÁC
MỎ CÁT XÂY DỰNG LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

160



STT	Công tác	Khối lượng
2.1	Công tác cải tạo mặt bằng sân công nghiệp	
2.1.1	Tháo dỡ các hạng mục công trình hiện hữu	20 m2
2.1.2	San gạt, làm sạch mặt bằng	600 m3
2.1.3	Trồng cây xanh	1.285 cây
2.2	Cắm cọc quan trắc đường bờ	214 cọc
2.3	Cải tạo tuyến đường vận chuyển	9.600 m2

CHỈ DẪN

- Mốc ranh thăm dò
- Đường đồng mức và giá trị
- Cây tràm
- Đường vận tải
- Ranh giới tính trữ lượng
- Cắm cọc quan trắc đường bờ
- Hướng dòng chảy
- Đường bờ suối
- Cải tạo tuyến đường vận chuyển
- Mốc ranh cấp phép khai thác
- Vị trí lỗ khoan thăm dò

Tỷ lệ 1:5.000
3cm trên bản đồ bằng 50 m ngoài thực tế

216

LK4 0.5 0.0

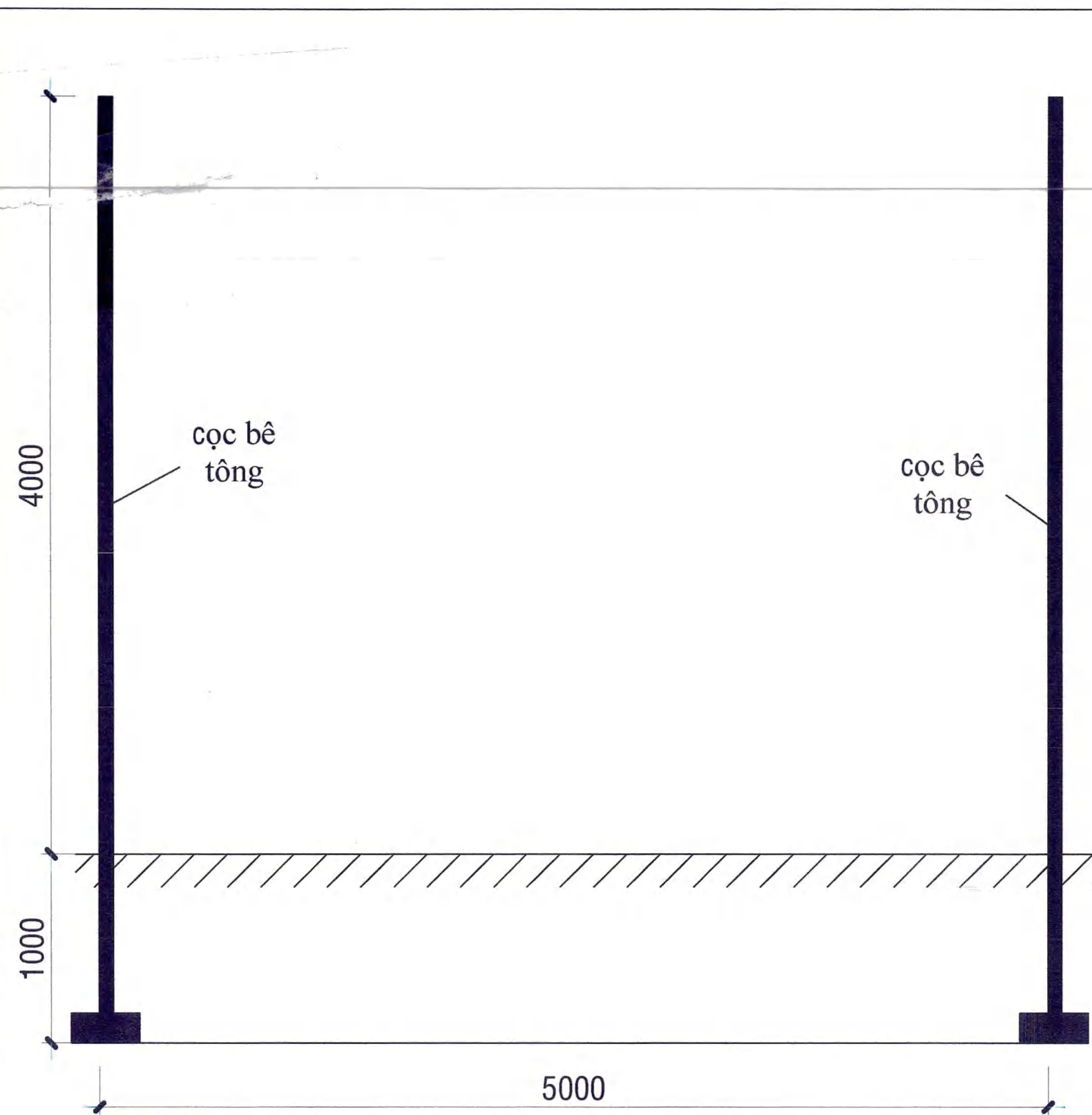
DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG
TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

Bản vẽ số 14 Tỷ lệ 1:5.000 Tháng 1 năm 2016

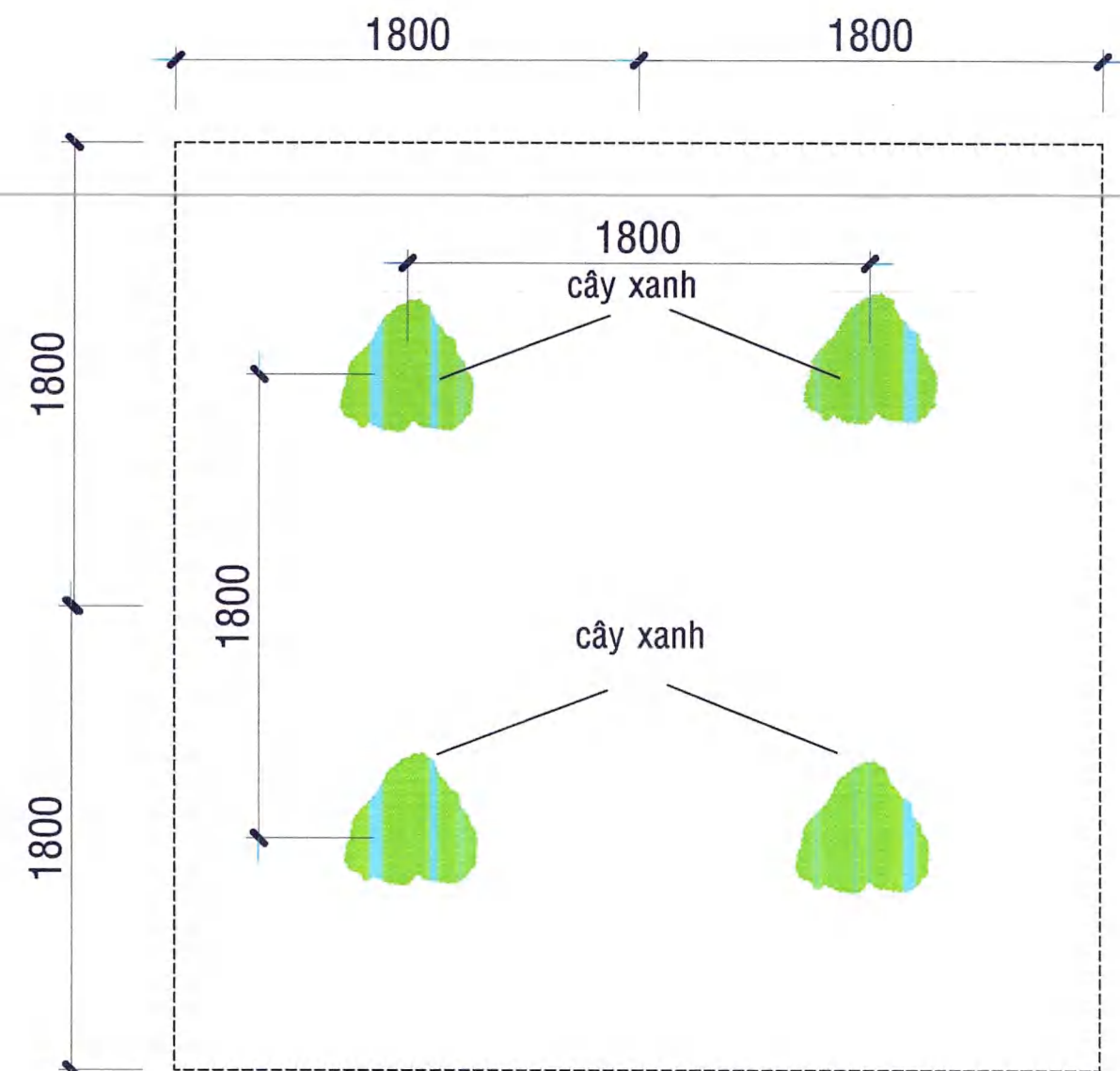
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ HOÀN THỔ KHÔNG GIAN SAU KHI KẾT THÚC KHAI THÁC

Họ - Tên	Ký tên
KS. Địa chất: Lê Thị Nhân	
Th.S Phó T.Đ. Liêm	
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG GIÁM ĐỐC	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY TNHH MÔ ĐỊA CHẤT 6 GIÁM ĐỐC

Lê Đỗ Anh Thượng Nguyễn Mạnh Hùng



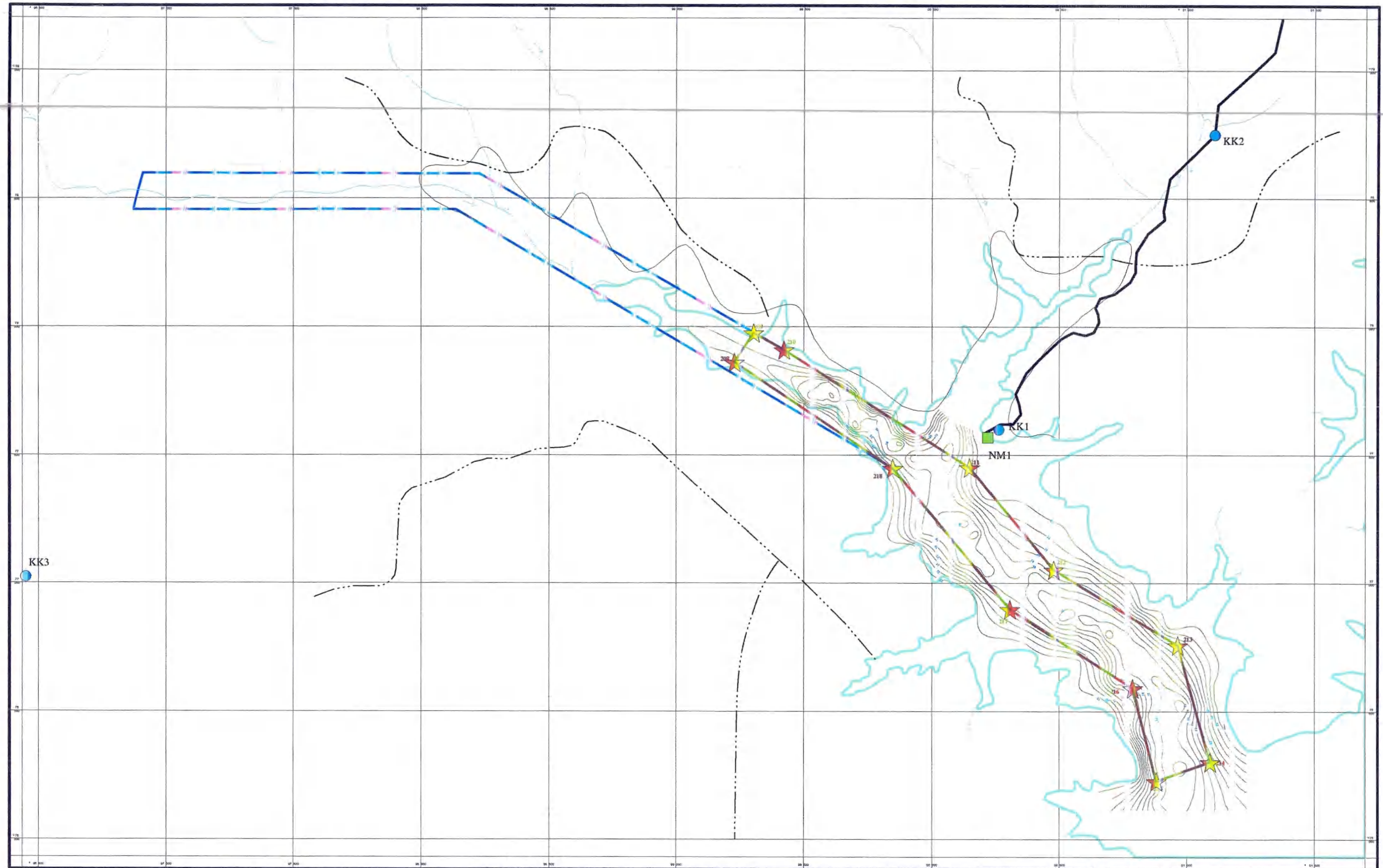
Hình 1: Thiết kế cọc quan trắc đường bờ



Hình 2: Quy cách trồng cây xanh

DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH		
BẢN VẼ SỐ: 15	TỈ LỆ 1:5.000	Tháng 1 năm 2016
THIẾT KẾ CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG		
CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
NGƯỜI THÀNH LẬP	Lại Thị Nhân	<i>nhân</i>
CHỦ BIÊN	Phú Trần Liêm	<i>liêm</i>
CHỦ ĐẦU TƯ GIÁM ĐỐC  Lê Đỗ Anh Thượng		CƠ QUAN TƯ VẤN GIÁM ĐỐC  Nguyễn Mạnh Hùng

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM LẤY MẪU
MỎ CÁT XÂY DỰNG LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH



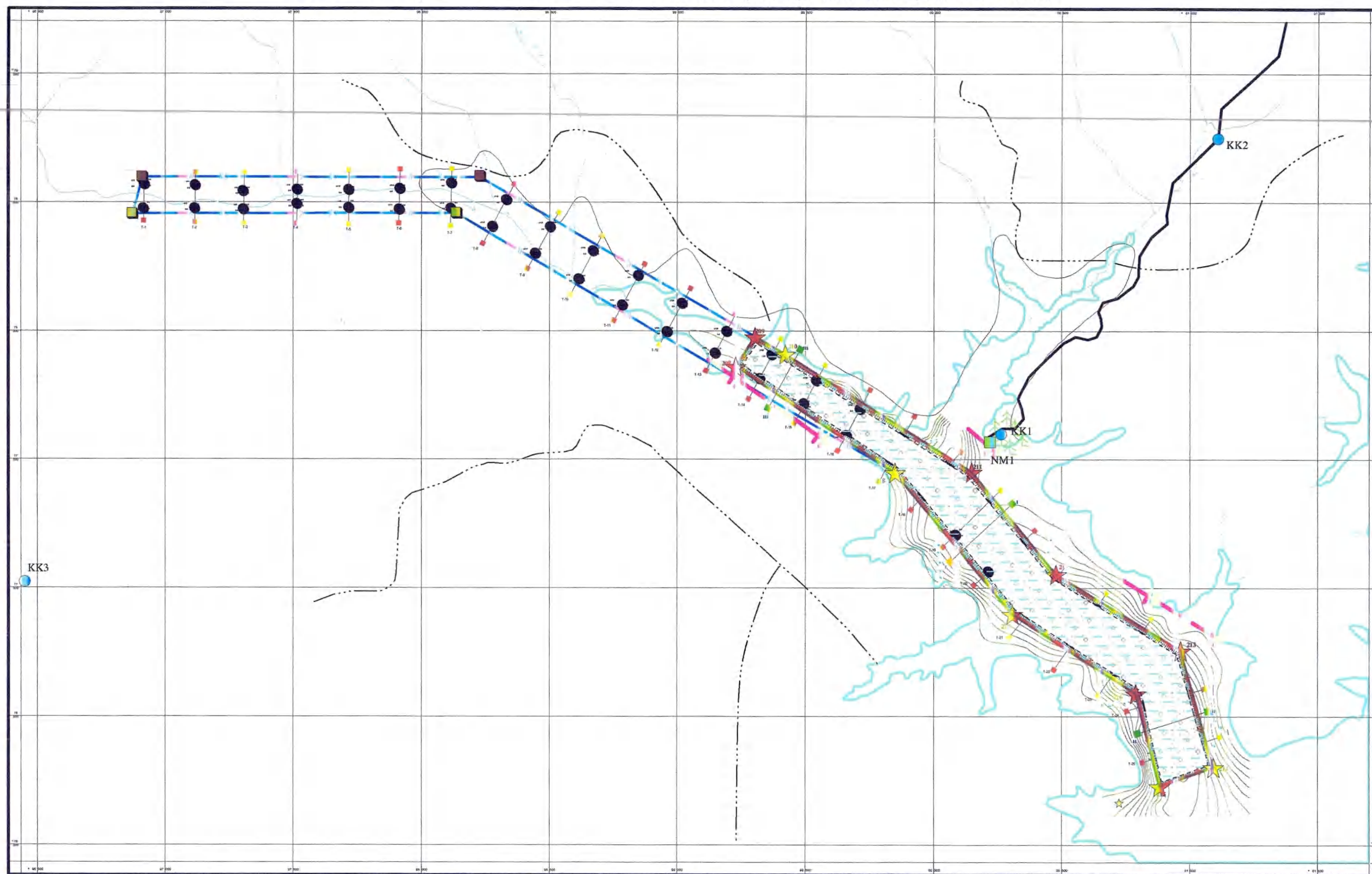
CHỈ DẪN

- | | | | | | |
|--|------------------------------|--|-----------------------------|--|-----------------|
| | Mốc ranh thăm dò | | Đường vận tải | | Hướng dòng chảy |
| | Đường đồng mức và giá trị | | Mốc ranh cấp phép khai thác | | Đường bờ suối |
| | KK: Mẫu chất lượng không khí | | NM: Mẫu chất lượng nước mặt | | |

Tỷ lệ 1:5.000
 1cm trên bản đồ bằng 50 m ngoài thực tế

DỰ ÁN KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH		
Bản vẽ số 16	Tỷ lệ 1:5.000	Tháng 1 năm 2016
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM LẤY MẪU		
Chức danh Người lập bản đồ	Họ - Tên KS. Địa chất Lai Thị Nhân	Ký tên
Chức danh Người duyệt	Th.S Phó Trần Liêm	Ký tên
Đơn vị CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG	Đơn vị CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG	Đơn vị CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG
TP. TÂN CHÂU - T. TÂY NINH	TP. BIÊN HÒA - T. TÂY NINH	TP. BIÊN HÒA - T. TÂY NINH
Lê Đỗ Anh Thượng	Nguyễn Mạnh Hùng	

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG
MỎ CÁT XÂY DỰNG LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH



CHỈ DẪN

- Mốc ranh thăm dò
- Đường vận tải
- Hướng dòng chảy
- Mốc ranh cấp phép khai thác
- Đường đồng mức và giá trị
- KK: Mẫu chất lượng không khí
- Cây tràm
- Ranh giới tính trữ lượng
- NM: Mẫu chất lượng nước mặt
- Cấm cọc quan trắc đường bờ
- Cải tạo tuyến đường vận chuyển
- Vị trí lỗ khoan thăm dò

Dự án khai thác cát xây dựng TẠI LÒNG SUỐI BỒ HUM, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH		
Bản vẽ số: 17	Tỷ lệ 1:5.000	Tháng 1 năm 2016
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ VỊ TRÍ CÁC ĐIỂM GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG		
Chức danh	Họ - Tên	Ký tên
Người lập	KS. Địa chất. Lại Thị Nhân	<i>[Signature]</i>
Chủ biên	Th.S Phan Văn Liêm	<i>[Signature]</i>
Chủ đầu tư	CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÁT LIÊN HOÀNG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
Giám đốc		CÔNG TY TNHH MÔ ĐỊA CHẤT 6
		GIÁM ĐỐC
Lê Đỗ Anh Thượng		Nguyễn Mạnh Hùng